

GIÁO HỘI CÁC THÁNH HỮU NGÀY SAU CỦA CHÚA GIÊ SU KỶ TÔ • THÁNG NĂM NĂM 2011

Liiahona



Những Bài Nói Chuyện trong Đại Hội Trung Ương

**Kỷ Niệm 75 Năm
Thành Lập Chương Trình
An Sinh của Giáo Hội**

**Thông Báo về Ba Đền Thờ
Mới Sẽ Được Xây Cất**



Song Điều Ta Có thì Ta Cho Người, bài của Walt Rane

“Vả, có một người què từ lúc sanh ra, cứ hằng ngày người ta đem đặt tại cửa đền . . . ;

“Người thấy Phi E Rơ và Giăng vào, thì xin hai người bỏ thí. . . .

“Nhưng Phi E Rơ nói với người rằng: Ta chẳng có vàng bạc chi hết, song điều ta có thì ta cho người: nhân danh Đức Chúa Giê Su Kỵ Tô ở Na Xa Rét, hãy bước đi!

“Phi E Rơ nắm tay hữu người [què] đỡ dậy. Tức thì bàn chân và mắt cá người trở nên cứng vững” (Công Vụ Các Sứ Đồ 3:2-3, 6-7).

- 2 Bản Tóm Lược về Đại Hội Trung Ương Thường Niên kỳ thứ 181

PHIÊN HỌP SÁNG THỨ BẢY

- 4 Lại Một Đại Hội Trung Ương Lần Nữa
Chủ Tịch Thomas S. Monson
- 6 Ngày Sa Bát và Tiệc Thánh
Anh Cả L. Tom Perry
- 10 Trở Thành Như Trẻ Nhỏ
Jean A. Stevens
- 13 Những Tín Đồ của Đăng Ký Tô
Anh Cả Walter F. González
- 15 Sự Chuộc Tội Chữa Lành Mọi Nỗi Đau Đớn
Anh Cả Kent F. Richards
- 18 Các Phụ Nữ Thánh Hữu Ngày Sau Thật Là Phi Thường!
Anh Cả Quentin L. Cook
- 22 Cơ Hội Làm Điều Thiện
Chủ Tịch Henry B. Eyring

PHIÊN HỌP TRƯA THỨ BẢY

- 26 Phần Tán Trợ Các Chức Sắc của Giáo Hội
Chủ Tịch Dieter F. Uchtdorf
- 28 Bản Báo Cáo của Sở Kiểm Toán Giáo Hội, Năm 2010
Robert W. Cantwell
- 29 Bản Báo Cáo Thống Kê, Năm 2010
Brook P. Hales
- 30 Được Thánh Linh Hướng Dẫn
Chủ Tịch Boyd K. Packer
- 34 Đối Phó với Tương Lai bằng Đức Tin
Anh Cả Russell M. Nelson
- 37 Thiết Lập một Mái Ấm Gia Đình Đặt Đăng Ký Tô Làm Trọng Tâm
Anh Cả Richard J. Maynes
- 40 Chứng Ngôn
Anh Cả Cecil O. Samuelson Jr.
- 42 Ước Muốn
Anh Cả Dallin H. Oaks
- 46 Tìm Được Niềm Vui bằng Sự Phục Vụ với Tình Thương
Anh Cả M. Russell Ballard

PHIÊN HỌP CHỨC TƯ TẾ

- 49 Chuẩn Bị Thế Gian cho Ngày Tái Lâm
Anh Cả Neil L. Andersen
- 53 Hy Vọng
Anh Cả Steven E. Snow

- 55 Các Chìa Khóa Thiên Liêng của Chức Tư Tế A Rôn
Larry M. Gibson

- 58 Tiềm Năng của Các Anh Em, Đặc Ân của Các Anh Em
Chủ Tịch Dieter F. Uchtdorf

- 62 Học Hỏi trong Chức Tư Tế
Chủ Tịch Henry B. Eyring

- 66 Quyền Năng của Chức Tư Tế
Chủ Tịch Thomas S. Monson

PHIÊN HỌP SÁNG CHÚA NHẬT

- 70 Chờ Đợi trên Con Đường Dẫn đến Thành Đa Mách
Chủ Tịch Dieter F. Uchtdorf
- 78 Chúng Ta Nhờ Đáng Yêu Thương Minh mà Thắng Hơn Bội Phàn
Anh Cả Paul V. Johnson
- 81 Công Việc An Sinh Thiên Liêng
Giám Trợ H. David Burton
- 84 Thực Chất của Vai Trò Môn Đồ
Silvia H. Allred
- 87 Tinh Thần Mặc Khải
Anh Cả David A. Bednar
- 90 Đền Thờ Thánh—Ngọn Hải Đăng cho Thế Gian
Chủ Tịch Thomas S. Monson

PHIÊN HỌP TRƯA CHÚA NHẬT

- 94 Các Phước Lành Vĩnh Cửu của Hôn Nhân
Anh Cả Richard G. Scott
- 97 "Phàm Những Kẻ Ta Yêu thì Ta Quả Trách Sửa Phạt"
Anh Cả D. Todd Christofferson
- 101 Các Phước Lành Quý Báu Nhất của Chúa
Anh Cả Carl B. Pratt
- 103 Các Người Nên Là Những Người Như Thế Nào?
Anh Cả Lynn G. Robbins
- 106 Được Kêu Gọi làm Thánh Hữu
Anh Cả Benjamín De Hoyos
- 108 Phép Lạ của Sự Chuộc Tội
Anh Cả C. Scott Grow
- 111 Một Cờ Hiệu của Các Dân Tộc
Anh Cả Jeffrey R. Holland
- 114 Khi Chúng Ta Chia Tay
Chủ Tịch Thomas S. Monson

BUỔI HỌP HỘI THIẾU NỮ TRUNG ƯƠNG

- 115 Tôi Tin ở Sự Lương Thiện, Chân Thành
Ann M. Dibb
- 118 "Hãy Nhớ Rằng: Lòng Nhân Nên Khởi Từ Tôi"
Mary N. Cook
- 121 Những Người Bảo Vệ Đức Hạnh
Elaine S. Dalton
- 125 Một Chứng Ngôn Sống Động
Chủ Tịch Henry B. Eyring
- 72 Các Vị Thẩm Quyền Trung Ương của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô
- 129 Bảng Chú Dẫn Các Câu Chuyện Kể Tại Đại Hội
- 130 Họ Ngỏ Lời cùng Chúng Ta: Làm Cho Đại Hội Thành Một Phần Cuộc Sống của Chúng Ta
- 132 Chủ Tịch Đoàn Các Tổ Chức Hỗ Trợ Trung Ương
- 132 Sự Giảng Dạy cho Thời Chúng Ta
- 133 Tin Tức của Giáo Hội



Bản Tóm Lược về Đại hội Trung Ương Thường Niên kỳ thứ 181

SÁNG THỨ BẢY, NGÀY 2 THÁNG TƯ NĂM 2011, PHIÊN HỌP CHUNG

Chủ tọa: Chủ Tịch Thomas S. Monson. Điều khiển chương trình: Chủ Tịch Dieter F. Uchtdorf. Cầu nguyện mở đầu: Anh Cả Allan F. Packer. Cầu nguyện kết thúc: Anh Cả Dale G. Renlund. Phần âm nhạc do Đại Ca Đoàn Tabernacle đảm trách; Mack Wilberg và Ryan Murphy, nhạc trưởng; Clay Christiansen đánh đại phong cầm: "Rejoice, the Lord Is King!" *Hymns*, số 66; "Glory to God on High," *Hymns*, số 67; "We Listen to a Prophet's Voice," *Hymns*, số 22, do Murphy, soạn nhạc, chưa xuất bản; "Tôi Biết Rằng Đấng Cứu Chuộc của Tôi Hằng Sống," *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiếu Nhi*, trang 38; "I Know That My Savior Loves Me," Creamer/Bell, do Murphy, soạn nhạc, chưa xuất bản; "Cao trên Đỉnh Núi," *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiếu Nhi*, trang 30, do Wilberg soạn nhạc, chưa xuất bản.

TRƯA THỨ BẢY, NGÀY 2 THÁNG TƯ NĂM 2011, PHIÊN HỌP CHUNG

Chủ tọa: Chủ Tịch Thomas S. Monson. Điều khiển chương trình: Chủ Tịch Dieter F. Uchtdorf. Cầu nguyện mở đầu: Anh Cả Kevin W. Pearson. Cầu nguyện kết thúc: Anh Cả Michael T. Ringwood. Phần âm nhạc do một ca đoàn phối hợp từ trường Brigham Young University–Idaho; Eda Ashby và Randall Kempton, nhạc trưởng; Bonnie Goodliffe, đánh đại phong cầm: "Tim Đâu Cho Thấy một Nền Vững Vàng," *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiếu Nhi*, trang 6, do Ashby soạn nhạc, chưa xuất bản; "Tình Yêu và Sự Khôn Ngoan Lớn Lao," *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiếu Nhi*, trang 19; "Press Forward, Saints," *Hymns*, số 81; "Let Zion in Her Beauty Rise," *Hymns*, số 41, do Kempton soạn nhạc, chưa xuất bản.

TỐI THỨ BẢY, NGÀY 2 THÁNG TƯ NĂM 2011, PHIÊN HỌP CHỨC TƯ TẾ

Chủ tọa: Chủ Tịch Thomas S. Monson. Điều khiển chương trình: Chủ Tịch Henry B. Eyring. Cầu nguyện mở đầu: Anh Cả Rafael E. Pino. Cầu nguyện kết thúc: Anh Cả Joseph W. Sitati. Phần âm nhạc do ca đoàn chức tư tế từ Các Viện Giáo Lý Ogden Utah và Logan Utah; Jerald F. Simon, J. Nyles Salmond, và Alan T. Saunders, nhạc trưởng; Andrew Unsworth đánh đại phong cầm: "See the Mighty Priesthood Gathered," *Hymns*, số 325; "Guide Me to Thee," *Hymns*, số 101, do Unsworth, soạn nhạc, chưa xuất bản; "Đấng Cứu Chuộc Y Sơ Ra Ên," *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiếu Nhi*, trang 5; "For the Strength of the Hills," *Hymns*, số 35, do Durham soạn nhạc, xuất bản. Jackman.

SÁNG CHỨA NHẬT NGÀY 3 THÁNG TƯ NĂM 2011, PHIÊN HỌP CHUNG

Chủ tọa: Chủ Tịch Thomas S. Monson. Điều khiển chương trình: Chủ Tịch Henry B. Eyring. Cầu nguyện mở đầu: Anh Cả Gary E. Stevenson. Cầu nguyện kết thúc: Anh Cả Tad R. Callister. Phần âm nhạc do Đại Ca Đoàn Tabernacle đảm trách; Mack Wilberg, nhạc trưởng; Richard Elliott và Andrew Unsworth đánh đại phong cầm: "O Thou Rock of Our Salvation," *Hymns*, số 258; "Sabbath Day," *Hymns*, số 148; "Hark, All Ye Nations!" *Hymns*, số 264, do Wilberg soạn nhạc, chưa xuất bản; "Nào Cùng Nhau Bước Mạnh," *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiếu Nhi*, số 10; "Tôi Đã Làm Điều Tốt?" *Thánh Ca*, số 10, do Zabriskie soạn nhạc, Plum xuất bản; "Thánh Linh của Thượng Đế," *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiếu Nhi*, trang 28, do Wilberg soạn nhạc, chưa xuất bản.

TRƯA CHỨA NHẬT NGÀY 3 THÁNG TƯ NĂM 2011, PHIÊN HỌP CHUNG

Chủ tọa: Chủ Tịch Thomas S. Monson. Điều khiển chương trình: Chủ Tịch Henry B. Eyring. Cầu nguyện mở đầu: Anh Cả José A. Teixeira. Cầu nguyện kết thúc: Anh Cả Kent D. Watson. Phần âm nhạc do Đại Ca Đoàn Tabernacle đảm trách; Mack Wilberg và Ryan Murphy, nhạc trưởng; Linda Margetts và Bonnie Goodliffe đánh đại phong cầm: "I Saw a Mighty Angel Fly," *Hymns*, số 15, do Wilberg soạn nhạc, chưa xuất bản; "I'm Trying to Be like Jesus," *Children's Songbook*, 78–79, do Bradford soạn nhạc, Nature Sings xuất bản; "Hỡi Các Con Cái của Chúa Trời, Hãy Cùng Đến Đây," *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiếu Nhi*, số 4; "More Holiness Give Me," *Hymns*, số 131, do Staheli soạn nhạc, Jackman xuất bản.

TỐI THỨ BẢY NGÀY 26 THÁNG BA NĂM 2011, BUỔI HỌP HỘI THIẾU NỮ TRUNG ƯƠNG

Chủ tọa: Chủ Tịch Thomas S. Monson. Điều khiển chương trình: Elaine S. Dalton. Cầu nguyện mở đầu: Emily Lewis. Cầu nguyện kết thúc: Bethany Wright. Phần âm nhạc do ca

đoàn Hội Thiếu Nữ từ các giáo khu ở khu vực Salt Lake City; Merrilee Webb, nhạc trưởng; Linda Margetts và Bonnie Goodliffe, đánh đại phong cầm: "Cao trên Đỉnh Núi," *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiếu Nhi*, trang 30; "Guardians of Virtue," *Truyền Thông Sức Mạnh của Giới Trẻ 2011: Chúng Tôi Tin*, chưa xuất bản (Jessica Hunt đánh đàn cello); "Tôi Biết Rằng Đấng Cứu Chuộc của Tôi Hằng Sống," *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiếu Nhi*, trang 38; do Lyon soạn nhạc, Jackman xuất bản (Hannah Cope đánh đàn harp); "Tim Đâu Cho Thấy một Nền Vững Vàng," *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiếu Nhi*, trang 6, do Wilberg soạn nhạc, chưa xuất bản.

CÁC BÀI NÓI CHUYỆN TẠI ĐẠI HỘI HIỆN ĐANG CÓ SẴN

Để truy cập các bài nói chuyện tại đại hội trung ương bằng nhiều ngôn ngữ, xin vào xem conference.lds.org. Rồi chọn ra một ngôn ngữ. Bảng ghi âm thường có sẵn tại các trung tâm phân phối trong vòng hai tháng sau đại hội.

CÁC SỨ ĐIỆP CHO VIỆC GIẢNG DẠY TẠI GIA VÀ THĂM VIẾNG GIẢNG DẠY

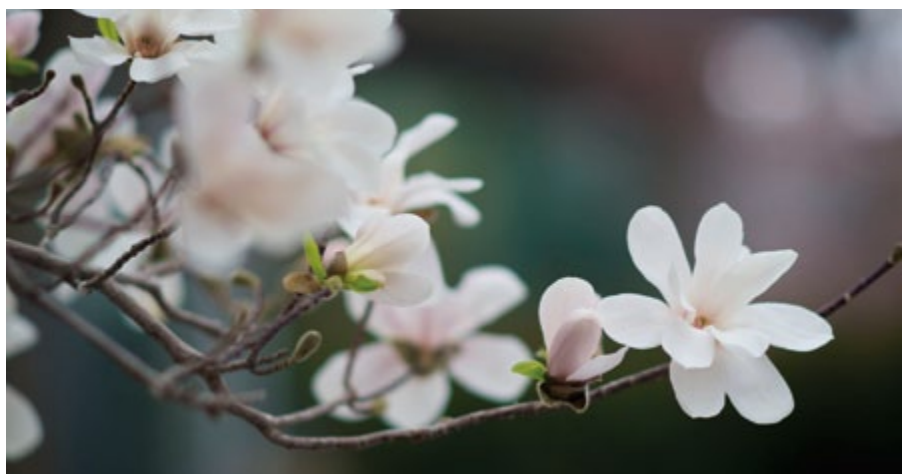
Xin chọn bài thuyết giảng nào đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu của những người mà các anh chị em thăm viếng để làm sứ điệp cho việc giảng dạy tại gia và thăm viếng giảng dạy.

NGOÀI BÌA

Trước: Hình do Weston Colton chụp.
Sau: Hình do Les Nilsson chụp.

HÌNH ẢNH ĐẠI HỘI

Quang cảnh đại hội trung ương ở Salt Lake City do Craig Dimond, Welden C. Andersen, John Luke, Matthew Reier, Christina Smith, Cody Bell, Les Nilsson, Weston Colton, Sarah Jensen và Derek Israelsen chụp; ở Argentina do Marcelino Tossen chụp; ở Brazil do Lauren Fochetto, Ana Claudia Oliveira, và Ana Claudia Souza de Oliveira chụp; ở Ecuador do Alex Romney chụp; ở Đức do Mirko Kube chụp; ở Jamaica do Alexia Pommells chụp; ở Mexico do Astrid G. Alanís và Ericka González Lage chụp; ở Philippine do Wilmore La Torre chụp; ở Bồ Đào Nha do Juliana Oliveira chụp; ở Romania do Matei Florin; ở Slovenia do Ivan Majc chụp; ở Nam Phi do Kevin Cooney chụp; ở Ukraine do Marina Lukach chụp; ở Maryland, Hoa Kỳ, do Sasha Rose chụp; và ở Zambia do Tawanda Maruza chụp.



THÁNG NĂM NĂM 2011 QUYỂN 14 SỐ 2
LIAHONA 09685 435

Tạp chí quốc tế chính thức của Giáo Hội Các Thánh Hữu
Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô

Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn: Thomas S. Monson,
Henry B. Eyring, Dieter F. Uchtdorf

Nhóm Túc Số Mời Hai Vị Sứ Đồ: Boyd K. Packer, L. Tom
Perry, Russell M. Nelson, Dallin H. Oaks, M. Russell Ballard,
Richard G. Scott, Robert D. Hales, Jeffrey R. Holland, David A.
Bednar, Quentin L. Cook, D. Todd Christofferson, Neil L.
Andersen

Chủ Bút: Paul B. Pieper

Cố Vấn: Stanley G. Ellis, Christoffel Golden Jr.,
Yoshihiko Kikuchi

Giám Đốc Điều Hành: David L. Frischknecht

Giám Đốc Biên Tập: Vincent A. Vaughn

Giám Đốc Hình Ảnh: Allan R. Loyborg

Chủ Bút Điều Hành: R. Val Johnson

Phụ Tá Chủ Bút Điều Hành: Jenifer L. Greenwood,
Adam C. Olson

Phó Chủ Bút: Ryan Carr

Phó Chủ Bút: Susan Barrett

Ban Biên Tập: David A. Edwards, Matthew D. Flitton,
LaRene Porter Gaunt, Larry Hiller, Carrie Kasten, Jennifer
Maddy, Melissa Merrill, Michael R. Morris, Sally J. Odekir,
Joshua J. Perkey, Chad E. Phares, Jan Pinborough, Richard M.
Romney, Janet Thomas, Paul VanDenBerghe, Julie Wardell

Trưởng Thư Ký: Laurel Teuscher

Giám Đốc Điều Hành Nghệ Thuật: J. Scott Knudsen

Giám Đốc Nghệ Thuật: Scott Van Kampen

Quản Lý Sản Xuất: Jane Ann Peters

Ban Thiết Kế và Sản Xuất: Collette Nebeker Aune,
Howard G. Brown, Julie Burdett, Thomas S. Child, Reginald J.
Christensen, Kim Fenstermaker, Kathleen Howard, Eric P.
Johnsen, Denise Kirby, Scott M. Mooy, Ginny J. Nilson

Phụ Trách Bản In: Jeff L. Martin

Giám Đốc Ấn Loát: Craig K. Sedgwick

Giám Đốc Phân Phối: Evan Larsen

Công việc phiên dịch: Francisco Pineda

Về việc mua báo dài hạn và giá biểu ngoài Hoa Kỳ và
Canada, xin liên lạc Trung Tâm Phát Hành của Giáo Hội tại
địa phương của các anh chị em. Xin gửi mua báo dài hạn ở
Hoa Kỳ và Canada tại Distribution Center, Church Magazines,
PO Box 26368, Salt Lake City, UT 84126-0368. Số điện thoại
đặt mua báo dài hạn là: 1-800-537-5971.

Xin gửi các bản thảo và mọi thắc mắc đến Liahona,
Room 2420, 50 East North Temple Street, Salt Lake City,
UT 84150-0024, USA; hay gửi e-mail đến:
liahona@ldschurch.org.

Liahona (một từ ngữ trong Sách Mặc Môn có nghĩa là "la
bàn" hay "chỉ hướng") được xuất bản bằng tiếng Albany,
Anh, Armenia (Đông), Ba Lan, Iceland, Bungaria, Bislama,
Bồ Đào Nha, Campuchia, Cebuano, Croatia, Hàn Quốc, Đan
Mach, Đức, Estonia, Fiji, Hà Lan, Hungary, Hy Lạp, Kiribati,
Latvia, Lithuania, Romania, Malagasy, Marshall, Mông Cổ,
Na Uy, Indonesia, Nga, Nhật, Pháp, Phần Lan, Samoa, Séc,
Slovenia, Tây Ban Nha, Tagalog, Tahiti, Thái, Thụy Điển, Tonga,
Trung Hoa, Ukraine, Urdu, Việt Nam và Ý. (Kỳ xuất bản tùy
thuộc vào từng ngôn ngữ.)

© 2011 by Intellectual Reserve, Inc. Giữ bản quyền.
In tại Hoa Kỳ.

Bài vở và tài liệu đọc trong *tạp chí Liahona* có thể được sao
lại để dùng tại nhà thờ hay tại gia mà không có tính cách
thương mại. Tài liệu đọc có thể không được phép sao lại nếu
có những điều luật hạn chế được ghi rõ trong hàng chữ ghi
chú nơi hình ảnh. Xin gửi các thắc mắc về bản quyền đến
Intellectual Property Office, 50 East North Temple Street, Salt
Lake City, UT 84150, USA; e-mail: cor-intellectualproperty@
ldschurch.org.

For Readers in the United States and Canada:

May 2011 Vol. 14 No. 2. LIAHONA (USPS 311-480)
Vietnamese (ISSN 1096-5181) is published four times a year
(April, May, October, and November) by The Church of Jesus
Christ of Latter-day Saints, 50 East North Temple, Salt Lake
City, UT 84150. USA subscription price is \$4.00 per year;
Canada \$4.80 plus applicable taxes. Periodicals Postage Paid
at Salt Lake City, Utah. Sixty days notice required for change
of address. Include address label from a recent issue; old and
new address *must* be included. Send USA and Canadian
subscriptions to Salt Lake Distribution Center at address
below. Subscription help line: 1-800-537-5971. Credit card
orders (Visa, MasterCard, American Express) may be taken by
phone. (Canada Poste Information: Publication Agreement
#40017431)

POSTMASTER: Send address changes to Salt Lake Distribution
Center, Church Magazines, PO Box 26368, Salt Lake City, UT
84126-0368.



**NHỮNG NGƯỜI NÓI CHUYỆN
ĐƯỢC LIỆT KÊ THEO VĂN
THỮ TỰ CHỮ CÁI**

Allred, Silvia H., 84
Andersen, Neil L., 49
Ballard, M. Russell, 46
Bednar, David A., 87
Burton, H. David, 81
Christofferson, D. Todd, 97
Cook, Mary N., 118
Cook, Quentin L., 18
Dalton, Elaine S., 121
De Hoyos, Benjamín, 106
Dibb, Ann M., 115
Eyring, Henry B., 22, 62, 125
Gibson, Larry M., 55
González, Walter F., 13
Grow, C. Scott, 108
Holland, Jeffrey R., 111
Johnson, Paul V., 78
Maynes, Richard J., 37
Monson, Thomas S., 4, 66,
90, 114
Nelson, Russell M., 34
Oaks, Dallin H., 42
Packer, Boyd K., 30
Perry, L. Tom, 6
Pratt, Carl B., 101
Richards, Kent F., 15
Robbins, Lynn G., 103
Samuelson, Cecil O., Jr., 40
Scott, Richard G., 94
Snow, Steven E., 53
Stevens, Jean A., 10
Uchtdorf, Dieter F., 26,
58, 70

BẢN LIỆT KÊ CÁC ĐỀ TÀI

Ánh sáng, 87
Bác ái, lòng, 46, 53, 81
Bốn phần, 55, 62
Cầu nguyện, sự, 125
Chúa Giê Su Ky Tô, 6, 13,
15, 30, 78, 103, 108, 114
Chuẩn bị, sự, 49
Chước Tội, Sự, 15, 40, 53,
106, 108, 114
Chức tư tế, 30, 49, 58, 62, 66
Chức Tư Tế A Rôn, 55
Chứng Ngôn, 40, 66, 125
Chương trình an sinh, 22,
81, 84
Công việc, 84
Công việc truyền giáo, 4,
46, 49
Đại hội trung ương, 111, 114
Đền thờ, 4, 90, 115
Đức hạnh, 115, 121
Đức Thánh Linh, 30, 40, 58,
70, 87, 111
Đức tin, 18, 34, 42, 53, 70,
78, 87, 101, 106, 125
Gia đình, 10, 18, 37, 90, 94
Giảng dạy, 37
Giao ước, 13, 90, 94, 115
Hối cải, sự, 40, 97, 108
Hội đồng, các, 18
Hội Phụ Nữ, 84
Hôn nhân, 42, 66, 94
Hy sinh, sự, 90
Hy Vọng, 53
Khiêm nhường, lòng, 10, 15
Kiên nhẫn, lòng, 15, 78
Kinh Tân Ước, 6
Lãnh đạo, giới/sự, 55, 62

Lẽ thật, 40, 121
Lễ Phục Sinh, 114
Lương thiện, tính, 121
Ly dị, 66
Mặc khải, sự, 30, 87
Ngày Sa Bát, 6
Ngày Tái Lâm, 49
Nghịch cảnh, 15, 34, 78, 106
Người tiền phong, 53
Nhân từ, lòng, 118
Phục vụ, sự, 22, 46, 55, 58,
70, 81, 84, 118
Phụ nữ, 18
Phước lành, 34, 78, 101
Quyền tự quyết, 42
Sửa phạt, sự, 97
Tấm gương, 10, 121, 125
Thánh Hữu, 106
Thánh thư, 30
Thờ phượng, 6
Tiệc Thánh, 6
Tiền thập phân, 10, 34, 101
Tiêu chuẩn đạo đức, các, 111
Tình yêu thương, 13, 22, 46,
62, 84, 94
Trẻ em, 10, 37, 103
Tử tế, lòng, 118
Tự túc, sự, 22, 81, 84
Ước muốn, 42
Ưu tiên, 42
Vai trò làm cha mẹ, 37, 94,
103
Vai trò làm mẹ, 18
Vai trò môn đồ, 13, 84, 111
Vâng lời, sự, 10, 34, 40, 87,
97, 101, 103, 125
Viện trợ nhân đạo, 4
Vị tiên tri, 111



Bài của Chủ Tịch Thomas S. Monson

Lại Một Đại Hội Trung Ương Lần Nữa

Cám ơn các anh chị em về đức tin và lòng tận tụy của các anh chị em đối với phúc âm, về tình yêu thương và mối quan tâm đối với nhau, và về sự phục vụ của các anh chị em.

Khi tòa nhà này được hoạch định xây cất, chúng tôi đã nghĩ rằng sẽ không bao giờ có đông người ngồi đầy kín trong đó đến như vậy. Hãy nhìn tòa nhà bây giờ.

Các anh chị em thân mến, thật là tuyệt vời để một lần nữa chúng ta bắt đầu đại hội trung ương thường niên kỳ thứ 181 của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô.



Sáu tháng dường như đã trôi qua rất nhanh trong khi tôi bận rộn với nhiều trách nhiệm. Một trong các phước lành lớn trong thời gian này là làm lễ tái cung hiến Đền Thờ Laie Hawaii xinh đẹp đã được sửa chữa rất nhiều trong gần hai năm. Chủ Tịch và Chị Henry B. Eyring, Anh Cả và Chị Quentin L. Cook, cũng như Anh Cả và Chị William R. Walker đã cùng đi với tôi. Vào một buổi tối tháng Mười Một trước khi lễ tái cung hiến đền thờ, chúng tôi đến xem 2.000 người trẻ tuổi từ khu vực đền



thờ lữ lượt tiến vào Trung Tâm Sinh Hoạt Cannon ở khuôn viên trường BYU-Hawaii và trình diễn cho chúng tôi. Buổi trình diễn đầy sáng tạo và tài tình của họ có tên là “Chôn Quy Tụ” thuật lại những sự kiện đầy ý nghĩa trong lịch sử Giáo Hội địa phương và lịch sử của đền thờ. Thật là một buổi tối tuyệt vời!

Ngày kế tiếp là một yến tiệc thuộc linh khi đền thờ được làm lễ tái cung hiến trong ba phiên họp. Thánh Linh của Chúa ở với chúng tôi thật dồi dào.

Chúng ta tiếp tục xây cấp đền thờ. Sáng hôm nay, tôi có đặc ân thông báo là sẽ có thêm ba ngôi đền thờ nữa được xây cất trong những năm tháng tới trên các khu đất Giáo Hội kiểm được ở những địa điểm sau đây: Fort Collins, Colorado; Meridian, Idaho; và Winnipeg, Manitoba, Canada. Các đền thờ này chắc chắn sẽ là một phước lành đối với các tín hữu của chúng ta trong những khu vực đó.

Mỗi năm hàng triệu giáo lễ được thực hiện trong các đền thờ. Cầu xin

cho chúng ta tiếp tục trung tín trong việc thực hiện các giáo lễ như vậy, không những cho chúng ta mà còn cho những người thân đã qua đời của mình là những người không thể tự làm được.

Giáo Hội tiếp tục cung cấp đồ viện trợ nhân đạo trong những lúc xảy ra tai họa. Gần đây nhất, chúng ta cảm thông với những người dân Nhật Bản và đang giúp đỡ họ sau trận động đất và sóng thần với sức tàn phá khủng khiếp và những thử thách khó khăn do các nhà máy điện

hạt nhân gây ra. Chúng ta đã phân phối hơn 70 tấn đồ tiếp liệu, kể cả thức ăn, nước uống, chăn mền, khăn trải giường, đồ vệ sinh cá nhân, quần áo và nhiên liệu. Những thành niên trẻ tuổi độc thân của chúng ta đã tình nguyện bỏ ra thời giờ để tìm kiếm các tín hữu mất tích bằng cách sử dụng Internet, kỹ thuật truyền thông giao tiếp và các phương tiện truyền thông hiện đại khác. Các tín hữu giúp đỡ bằng phương tiện xe gắn máy do Giáo Hội cung cấp đến các khu vực khó đi lại bằng xe hơi. Các dự án phục vụ để thu thập đồ vệ sinh cá nhân và đồ chùi rửa đã được tổ chức trong nhiều giáo khu và tiểu giáo khu ở Tokyo, Nagoya và Osaka. Cho đến bây giờ, hơn 4.000 người tình nguyện đã hiến tặng hơn 40.000 giờ phục vụ. Chúng ta sẽ tiếp tục giúp đỡ ở Nhật Bản và trong bất cứ khu vực nào có nhu cầu.

Thưa các anh chị em, tôi cảm ơn các anh chị em về đức tin và lòng tận tụy của các anh chị em đối với phúc âm, về tình yêu thương và chăm sóc đối với nhau và về sự phục vụ các anh chị em dành cho các tiểu giáo khu, chi nhánh, giáo khu và giáo hạt của mình. Tôi cũng xin cảm ơn về lòng trung tín của các anh chị em đã đóng tiền thập phân và các cửa lễ cũng như đã đóng góp rộng lượng cho các quỹ khác của Giáo Hội.

Tính đến cuối năm 2010 đã có 52.225 người truyền giáo phục vụ trong 340 phái bộ truyền giáo trên khắp thế giới. Công việc truyền giáo là thiết yếu cho sự phát triển của Giáo Hội. Tôi xin đề nghị rằng nếu có thể được, các anh chị em có thể cân nhắc việc đóng góp cho Quỹ Truyền Giáo Trung Ương của Giáo Hội.

Thưa các anh chị em, giờ đây, chúng ta mong muốn lắng nghe các sứ điệp sẽ được trình bày cho chúng ta ngày hôm nay và ngày mai. Những người sẽ nói chuyện với chúng ta đã tìm kiếm sự giúp đỡ và hướng dẫn của thiên thượng khi chuẩn bị các sứ điệp của họ. Cầu xin cho chúng ta được tràn đầy Thánh Linh của Chúa và được nâng cao tinh thần cũng như được soi dẫn khi chúng ta lắng nghe và học hỏi, là lời cầu nguyện của tôi. Trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■



Bài của Anh Cả L. Tom Perry

Thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ

Ngày Sa Bát và Tiệc Thánh

Hãy để cho gia đình mình được tràn đầy tình yêu thương khi các anh chị em tôn trọng Ngày Sa Bát suốt cả ngày và kinh nghiệm được các phước lành thuộc linh của Ngày Sa Bát suốt cả tuần.

Thưa các anh chị em trên khắp thế giới, buổi sáng hôm nay chúng ta đến đây để lắng nghe tiếng nói của một vị tiên tri. Tôi làm chứng rằng tiếng nói mà chúng ta vừa nghe chính là tiếng nói của vị tiên tri tại thế của Thượng Đế trên thế gian ngày nay, Chủ Tịch Thomas S. Monson. Chúng ta được phước biết bao nhờ những lời giảng dạy và tấm gương của ông!

Năm nay, tất cả chúng ta đều có cơ hội để nghiên cứu những lời của các vị tiên tri trong Kinh Tân Ước ở lớp Trường Chúa Nhật. Trong khi Kinh Cựu Ước là sách học về các vị tiên tri và về một dân tộc, thì Kinh Tân Ước chú trọng vào cuộc sống và ảnh hưởng của một Người Duy Nhất đến trần thế với hai gốc tích trên trời và dưới thế gian—là Đấng Cứu Rỗi và Đấng Cứu Chuộc của chúng ta, Chúa Giê Su Ky Tô.

Thế gian ngày nay đầy dẫy các học thuyết của loài người đến nỗi người ta rất dễ quên và đánh mất đức tin ở câu chuyện vô cùng quan trọng về cuộc sống và giáo vụ của Đấng Cứu Rỗi—Kinh Tân Ước. Quyển kinh thánh này

là trọng tâm của lịch sử thánh thư, cũng giống như Đấng Cứu Rỗi chính là trọng tâm của cuộc sống chúng ta vậy. Chúng ta cần phải tự mình cam kết để nghiên cứu và trân quý quyển sách ấy!

Việc chúng ta nghiên cứu Kinh Tân Ước sẽ mang lại sự thông sáng vô giá. Tôi luôn luôn thích đọc câu chuyện về Phao Lô khi ông đi tổ chức Giáo Hội của Đấng Cứu Rỗi, nhất là những lời giảng dạy của ông cho Ti Mô Thê. Trong chương bốn của sách Phao Lô viết cho Ti Mô Thê, chúng ta đọc: “Kìa là điều con phải rao truyền và dạy dỗ. . . Phải lấy lời nói, nết làm, sự yêu thương, đức tin và sự tinh sạch mà làm gương cho các tín đồ.”¹ Tôi không thể nghĩ ra một cách nào tốt để chúng ta bắt đầu hoặc tiếp tục làm gương cho các tín đồ hơn việc tuân thủ Ngày Sa Bát.

Bắt đầu với Sự Tạo Dựng thế gian, một ngày được dành ra từ tất cả những ngày khác. “Rồi, Thượng Đế ban phước cho ngày thứ bảy, đặt là ngày thánh.”² Ngay cả Thượng Đế cũng nghỉ ngơi không làm việc vào

ngày này và Ngài kỳ vọng con cái của Ngài cũng làm như vậy. Ngài đã đưa ra giáo lệnh cho con cái Y Sơ Ra Ên:

“Hãy nhớ ngày nghỉ đặng làm nên ngày thánh.

“Người hãy làm hết công việc mình trong sáu ngày;

“Nhưng ngày thứ bảy là ngày nghỉ của Giê Hô Va Đức Chúa Trời người. . . .

“. . . vậy nên Đức Giê Hô Va đã ban phước cho ngày nghỉ và làm nên ngày thánh.”³

Mẫu mực tuân giữ Ngày Sa Bát cần phải gồm có sự thờ phượng. Sau khi A Đam và Ê Va bước vào trần thế, họ được truyền lệnh phải “thờ phượng Chúa, Thượng Đế của họ và phải hiến dâng những con vật đầu lòng trong các đàn gia súc của họ, để làm của lễ dâng cho Chúa. . . việc này là biểu tượng cho sự hy sinh của Con Độc Sinh của Đức Chúa Cha.”⁴ Lễ hy sinh các con vật nhắc con cháu của A Đam nhớ rằng một ngày nào đó, Chiên Con của Thượng Đế, Chúa Giê Su Kỵ Tô, sẽ hy sinh mạng sống của Ngài cho chúng ta.

Trong suốt cuộc sống của Ngài, Đấng Cứu Rỗi đã nói về sự hy sinh đó.⁵ Đêm hôm trước Ngài bị đóng đinh, những lời phán của Ngài đã được ứng nghiệm. Ngài đã quy tụ các môn đồ của Ngài lại trong căn phòng trên lầu, xa khỏi những điều xao lãng của thế gian. Ngài đã lập Tiệc Thánh của Bữa Ăn Tối của Chúa.

“Khi đương ăn, Đức Chúa Giê Su lấy bánh, tạ ơn rồi, bẻ ra đưa cho môn đồ mà rằng: Hãy lấy ăn đi, nầy là thân thể ta.

“Ngài lại lấy chén, tạ ơn rồi, đưa cho môn đồ mà rằng: Hết thấy uống đi;

“Vì nầy là huyết ta, huyết của sự giao ước đã đổ ra cho nhiều người được tha tội.”⁶

Từ lúc đó trở đi, Sự Chuộc Tội của Đấng Cứu Rỗi đã trở thành sự hy sinh vĩ đại và cuối cùng. Khi Ngài hiện đến lục địa Châu Mỹ sau khi phục sinh, Ngài đã truyền ban Chức Tư Tế cho các môn đồ của Ngài và giới thiệu Tiệc Thánh khi phán:

“Và các người phải luôn luôn làm đúng theo điều này, như ta đã làm, nghĩa là ta đã bẻ bánh, ban phước lành



bánh, và phân phát cho các người.

“. . . Và việc làm đó sẽ là một lời chứng với Đức Chúa Cha rằng, các người luôn luôn tưởng nhớ tới ta. Và nếu các người luôn luôn tưởng nhớ tới ta thì các người sẽ được Thánh Linh của ta ở cùng với các người.”⁷

Thật đáng chú ý rằng ngay cả trong thời kỳ đen tối của sự bội giáo, mẫu mực thờ phượng trong Ngày Sa Bát và Tiệc Thánh vẫn tiếp tục được thực hành dưới nhiều hình thức.

Khi phúc âm được phục hồi, ba trong số Các Sứ Đồ là Phi E Rơ, Gia Cơ và Giảng, lần đầu tiên nhận Tiệc

Thánh từ Đấng Cứu Rỗi đã hiện đến cùng Joseph Smith và Oliver Cowdery. Dưới sự hướng dẫn của họ, thẩm quyền chức tư tế cần thiết để thực hiện Tiệc Thánh cho các tín hữu trong giáo hội của Chúa Giê Su Kỵ Tô đã được phục hồi.⁸

Đấng Cứu Rỗi truyền giao thẩm quyền chức tư tế đó cho các vị tiên tri và sứ đồ của Ngài, rồi từ họ được ban cho chúng ta, tiếp tục trên thế gian ngày nay. Những người nắm giữ chức tư tế trẻ tuổi trên khắp thế gian làm cho bản thân mình hội đủ điều kiện để sử dụng quyền năng chức tư tế



Ngài phán về chúng ta: “Họ không thuộc về thế gian, cũng như Con không thuộc về thế gian.”¹⁰ Để giữ lấy mình cho khỏi sự ô uế của thế gian, Ngài kỳ vọng chúng ta phải tránh những điều xao lãng vật chất của các cơ sở kinh doanh và những tiện nghi có tính chất giải trí vào Ngày Sa Bát.

Tôi tin rằng Ngài cũng mong muốn chúng ta ăn mặc thích hợp. Giới trẻ của chúng ta có thể nghĩ rằng câu nói xưa “ăn mặc chỉnh tề trong ngày Chúa Nhật” đã lỗi thời rồi. Chúng ta vẫn biết rằng khi cách ăn mặc vào ngày Chúa Nhật biến thành lối ăn mặc tùy tiện thường ngày thì sẽ kéo theo sau thái độ và hành động. Dĩ nhiên, chúng ta có lẽ không cần cho con cái mình ăn mặc trang trọng suốt ngày Chúa Nhật. Tuy nhiên, qua cách ăn mặc, chúng ta giúp chúng chuẩn bị cho Tiệc Thánh và vui hưởng các phước lành của Tiệc Thánh suốt ngày.

Việc chúng ta dâng lên Chúa Tiệc Thánh của mình có nghĩa là gì? Chúng ta nhìn nhận rằng tất cả chúng ta đều làm điều lầm lỗi. Mỗi chúng ta cần phải thú nhận rồi từ bỏ tội lỗi và điều sai sót của mình cùng Cha Thiên Thượng cũng như những người chúng ta có thể đã làm tổn thương. Ngày Sa Bát mang đến cho chúng ta một cơ hội quý báu để dâng những điều này—Tiệc Thánh của chúng ta—lên Chúa. Ngài phán: “Phải nhớ rằng ngày này, là ngày của Chúa, các người phải dâng của lễ và Tiệc Thánh lên Đấng Tối Cao, phải thú tội với anh em mình, và trước mặt Chúa.”¹¹

Anh Cả Melvin J. Ballard đã đề nghị: “Chúng tôi muốn mỗi Thánh Hữu Ngày Sau phải đến bàn Tiệc Thánh vì đó là nơi để tự tìm hiểu, tự xem xét, là nơi chúng ta có thể học cách sửa đổi hướng đi của mình và làm cho cuộc sống của mình được ngay đúng, tự làm cho mình phù hợp với những lời giảng dạy của Giáo Hội cũng như với các anh chị em của mình.”¹²

Khi dự phần Tiệc Thánh một cách xứng đáng, chúng ta làm chứng rằng chúng ta tình nguyện mang danh Đấng Cứu Rỗi và luôn luôn *thật sự* tưởng nhớ tới Ngài để có thể luôn được Thánh Linh của Ngài ở cùng với mình. Giao ước báp têm của chúng ta

bằng cách nghiêm chỉnh tuân giữ các giáo lệnh và sống theo các tiêu chuẩn của phúc âm. Hiểu theo ý nghĩa thuộc linh, khi những thanh niên này giữ bàn tay được trong sạch và trái tim được thanh khiết, họ chuẩn bị, ban phước và chuyển Tiệc Thánh theo cách của Đấng Cứu Rỗi—là cách được quy định theo như Ngài đã làm cách đây hơn 2.000 năm.

Việc chúng ta dự phần Tiệc Thánh là trọng tâm của việc tuân thủ Ngày Sa Bát. Trong sách Giáo Lý và Giao Ước, Chúa đã truyền lệnh cho tất cả chúng ta:

“Và để các người có thể giữ cho mình khỏi vết của thế gian một cách trọn vẹn hơn, các người phải đến nhà nguyện và dâng Tiệc Thánh

vào ngày thánh của ta;

“Vì thật vậy, đây là ngày đã được định để cho các người nghỉ khỏi phải lao nhọc, và để trả sự ngoan đạo cho Đấng Tối Cao; . . .

“Và vào ngày này, các người không được làm việc gì khác.”⁹

Khi chúng ta xem xét mẫu mực của Ngày Sa Bát và Tiệc Thánh trong cuộc sống của mình, thì dường như có ba điều mà Chúa đòi hỏi chúng ta: trước hết, hãy giữ lấy mình cho khỏi sự ô uế của thế gian; thứ hai, đi đến nhà nguyện và dâng lên Tiệc Thánh của mình; và thứ ba, nghỉ ngơi không làm việc.

Thật là vinh quang để làm một Ky Tô hữu và để sống với tư cách là một môn đồ chân chính của Đấng Ky Tô.

được tái lập theo cách này. Chúa đã cam đoan với các môn đồ của Ngài rằng: “Vì mỗi khi các ngươi làm điều này, các ngươi sẽ nhớ đến giờ phút này ta đã ở với các ngươi.”¹³

Đôi khi chúng ta nghĩ rằng việc nghỉ ngơi không làm việc chỉ là không đi làm để được trả lương và treo bảng “Đóng Cửa” trên cửa tiệm. Tuy nhiên, trong thế giới ngày nay, công việc gồm có việc làm hằng ngày trong cuộc sống của chúng ta. Điều này có thể có nghĩa là các sinh hoạt buôn bán mà chúng ta có thể hoàn tất ở nhà, những cuộc thi đấu thể thao, và những việc làm khác mà làm cho chúng ta tách xa khỏi sự thờ phượng trong Ngày Sa Bát cũng như cơ hội để phục sự người khác.

“Chớ coi thường những gì thiêng liêng,”¹⁴ Chúa đã mặc khải cho Các Thánh Hữu ban đầu thể như nhắc chúng ta nhớ về điều Ngài đã phán bảo các môn đồ của Ngài: “Vì loài người mà lập ngày Sa Bát, chớ chẳng phải vì ngày Sa Bát mà dựng nên loài người.”¹⁵

Thưa các anh chị em, trong những ngày sau này, kể nghịch thù thành công khi chúng ta nói lời cam kết của mình với Đấng Cứu Rỗi, làm ngơ đối với những lời giảng dạy của Ngài trong Kinh Tân Ước cùng các thánh thư khác và ngừng noi theo Ngài. Thưa các bậc cha mẹ, bây giờ là lúc để giảng dạy con cái của mình phải làm gương cho các tín đồ bằng cách tham dự lễ Tiệc Thánh. Khi sáng Chúa Nhật bắt đầu, hãy giúp chúng ngủ đủ, ăn mặc thích hợp và chuẩn bị phần thuộc linh để dự phần vào các biểu tượng của Tiệc Thánh cùng tiếp nhận sự soi sáng, gây dựng cũng như quyền năng cao quý của Đức Thánh Linh. Hãy để cho gia đình mình được tràn đầy tình yêu thương khi các anh chị em tôn trọng Ngày Sa Bát suốt cả ngày và kinh nghiệm được các phước lành thuộc linh của Ngày Sa Bát suốt cả tuần. Hãy mời các con trai và con gái của các anh chị em “đứng dậy và chiếu sáng,” bằng cách giữ Ngày Sa Bát được thánh, để “ánh sáng [của chúng] có thể là một cờ lệnh cho các quốc gia.”¹⁶

Năm tháng trôi qua, tôi tiếp tục suy ngẫm về những ngày Sa Bát của thời thơ ấu và tuổi trưởng thành của

mình. Tôi vẫn còn nhớ ngày đầu tiên tôi thực hiện Tiệc Thánh với tư cách là thầy trợ tế và những cái ly nhỏ đựng nước tôi chuyển cho các tín hữu trong tiểu giáo khu của chúng tôi. Cách đây một vài năm, một nhà thờ ở quê quán của tôi được tu sửa lại. Có một ngăn trong bục giảng đã được niêm kín. Khi mở ngăn đó ra, người ta thấy mấy cái ly nhỏ này được giấu trong đó nhiều năm. Tôi đã được tặng một cái ly để làm kỷ niệm.

Tôi cũng còn nhớ chúng tôi đã mang theo một cái rương màu xanh lá cây, trong đơn vị Lính Thủy Đánh Bộ của Hoa Kỳ. Ở bên trong cái rương đó là một cái khay bằng gỗ và những cái gói có ly Tiệc Thánh, để chúng tôi có thể được ban phước bởi sự bình an và hy vọng của Bữa Ăn Tối của Chúa ngay cả trong cuộc xung đột và nỗi tuyệt vọng của chiến tranh.

Khi nghĩ về những cái ly Tiệc Thánh đó từ thời niên thiếu của tôi, một lễ Tiệc Thánh trong thung lũng được che chở của căn nhà thời niên thiếu của tôi, và lễ Tiệc Thánh kia ở xa hàng ngàn dặm trong vùng Thái Bình Dương, tôi thấy vô cùng biết ơn Đấng Cứu Rỗi của Thế Gian đã sẵn lòng uống “cạn chén đắng”¹⁷ vì tôi. Và vì Ngài đã làm điều đó, nên tôi có thể nói với tác giả sách Thi Thiên: “Chén tôi đầy tràn”¹⁸ với các phước lành của Sự Chuộc Tội vô hạn và vĩnh cửu của Ngài.

Vào ngày hôm nay là trước Ngày Sa Bát, khi chúng ta bắt đầu đại hội này,

Kyiv, Ukraine



chúng ta hãy ghi nhớ các phước lành cũng như cơ hội thuộc về mình khi dự lễ Tiệc Thánh mỗi tuần trong tiểu giáo khu và chi nhánh của mình. Chúng ta hãy chuẩn bị và cư xử tốt vào Ngày Sa Bát theo cách mà sẽ kêu cầu các phước lành đã được hứa đó xuống cho chúng ta và gia đình mình. Tôi chia sẻ chứng ngôn đặc biệt của mình rằng niềm vui lớn nhất chúng ta nhận được trong cuộc sống này là trong việc noi theo Đấng Cứu Rỗi. Cầu xin cho chúng ta tuân giữ các giáo lệnh của Ngài bằng cách tuân thủ ngày thánh của Ngài, là lời cầu nguyện của tôi, trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. 1 Ti Mô Thê 4:12–12.
2. Sáng Thế Ký 2:3.
3. Xuất Ê Díp Tô Ký 20:8–11.
4. Môi Se 5:5, 7.
5. Xin xem ví dụ, Mác 10:32–34; Giảng 2:19; 10:17; 12:32.
6. Ma Thi Ô 26:26–28.
7. 3 Nê Phi 18:6–7.
8. Xin xem Joseph Smith—Lịch Sử 1:68–69, 72; xin xem thêm Giáo Lý và Giao Ước 27:12–13.
9. Giáo Lý và Giao Ước 59:9–10, 13.
10. Giảng 17:16.
11. Giáo Lý và Giao Ước 59:12.
12. Trong Bryant S. Hinckley, *Sermons and Missionary Services of Melvin Joseph Ballard* (1949), 150.
13. Bản dịch Joseph Smith, Mác 14:21, trong phần phụ lục của Kinh Thánh.
14. Giáo Lý và Giao Ước 6:12.
15. Mác 2:27.
16. Giáo Lý và Giao Ước 115:5.
17. 3 Nê Phi 11:11.
18. Thi Thiên 23:5.



Bài của Jean A. Stevens

Đệ Nhất Cố Vấn trong
Chủ Tịch Đoàn Trung Ương Hội Thiếu Nhi

Trở Thành Như Trẻ Nhỏ

Nếu chúng ta thật lòng học hỏi và sẵn lòng noi theo gương của các trẻ em, thì các thuộc tính thiêng liêng của chúng có thể nắm giữ chìa khóa để khai mở sự tăng trưởng thuộc linh của chúng ta.

Trong sự thông sáng lớn lao và tình yêu thương bao la của Ngài, Cha Thiên Thượng gửi các con trai và con gái linh hồn của Ngài đến thế gian này với tư cách là trẻ con. Với một thiên tính và vận số, chúng đến với những gia đình như là những sự ban cho quý báu. Cha Thiên Thượng biết trẻ em là công cụ để giúp chúng ta trở nên giống như Ngài. Chúng ta có thể học hỏi được nhiều điều từ trẻ em.

Lẽ thật quan trọng này được thấy rõ khi một thành viên trong Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mười được chỉ định đến Hồng Kông cách đây vài năm. Ông đến thăm một tiểu giáo khu nghèo đang gặp khó khăn về nhiều phương diện, đã không thể lo liệu cho các nhu cầu riêng của mình. Trong khi vị giám trợ mô tả tình cảnh của họ, Vị Thẩm Quyền Trung Ương này cảm thấy có ấn tượng phải bảo các tín hữu đóng tiền thập phân. Vì biết được hoàn cảnh khốn cùng của họ, vị giám trợ lo lắng không biết ông có thể thực hiện lời dạy đó như thế nào. Ông nghĩ về điều đó và quyết định rằng ông sẽ đi nói chuyện với một số tín hữu trung tín nhất trong tiểu giáo khu của mình và yêu cầu họ đóng tiền thập phân. Ngày Chúa Nhật kế tiếp, ông đi đến

Hội Thiếu Nhi. Ông giảng dạy cho trẻ em về luật thập phân của Chúa và hỏi chúng có sẵn lòng đóng tiền thập phân từ số tiền mà chúng kiếm được không. Các em đó, nói rằng chúng sẽ làm điều đó. Và chúng đã làm.

Sau đó, vị giám trợ đi đến những người lớn trong tiểu giáo khu và chia sẻ cho họ biết rằng con cái trung tín của họ đã đóng tiền thập phân trong sáu tháng qua. Ông hỏi họ có sẵn lòng để noi theo gương của các em này và làm theo như vậy không. Các tín hữu rất xúc động trước việc các trẻ em sẵn lòng hy sinh để làm điều cần thiết là đóng tiền thập phân của chúng. Và các cửa sổ trên trời được mở ra. Với tấm gương của các trẻ em trung tín này, một tiểu giáo khu đã tăng trưởng trong sự vâng lời và chúng ngôn.

Chính Chúa Giê Su Kỵ Tô đã giảng dạy cho chúng ta phải xem trẻ em như là tấm gương. Kinh Tân Ước chép lại câu trả lời của Ngài khi Các Sứ Đồ của Ngài tranh luận người nào sẽ lớn nhất trong vương quốc thượng thiên. Chúa Giê Su trả lời câu hỏi của họ bằng một bài học với đối tượng tuy nhỏ nhưng thật mạnh mẽ. Ngài gọi một trẻ nhỏ đến cùng Ngài và đặt nó ở giữa họ rồi phán:

“Nếu các ngươi không đổi lại và nên như đứa trẻ, thì chẳng được vào nước thiên đàng đâu.

“Hễ ai trở nên khiêm nhường như đứa trẻ này, sẽ là lớn hơn hết trong nước thiên đàng” (Ma Thi Ơ 18:3-4).

Chúng ta nên học điều gì từ trẻ em? Chúng có những đức tính nào và nêu ra những tấm gương nào mà có thể giúp đỡ chúng ta trong việc phát triển phần thuộc linh của mình?

Các trẻ em quý báu này của Thượng Đế đến cùng chúng ta với tấm lòng tin tưởng. Chúng tràn đầy đức tin và tiếp nhận những cảm nghĩ của Thánh Linh. Chúng nêu gương khiêm nhường, vâng lời và yêu thương. Chúng thường là người đầu tiên biết thương yêu và là người đầu tiên biết tha thứ.

Tôi xin chia sẻ một vài kinh nghiệm về việc các trẻ em có thể ban phước cho cuộc sống của chúng ta như thế nào với tấm gương vô tội nhưng mạnh mẽ của chúng về các thuộc tính giống như Đấng Kỵ Tô.

Todd chỉ mới hai tuổi, gần đây đã đi với mẹ nó đến một viện bảo tàng nghệ thuật đang có một cuộc triển lãm đặc biệt về các bức tranh rất đẹp về Đấng Cứu Rỗi. Khi họ đi ngang qua các bức tranh thiêng liêng này, người mẹ nghe đứa bé cung kính nói tên “Chúa Giê Su.” Người mẹ nhìn xuống và thấy đứa bé khoanh tay và cúi đầu trong khi nó xem các bức tranh. Chúng ta có thể học được từ Todd một điều gì về thái độ khiêm nhường, cung kính và yêu thương đối với Chúa không?

Mùa thu vừa qua tôi quan sát tấm gương của một đứa bé trai 10 tuổi ở Armenia. Trong khi chúng tôi chờ cho lễ Tiệc Thánh bắt đầu, thì nó thấy người tín hữu lớn tuổi nhất của chi nhánh đi tới. Nó vội vã đi đến bên bà, đưa tay của nó cho bà vịn để bà bước đi vững vàng. Nó giúp bà đi đến dãy ghế ở phía trước của giáo đường để bà có thể nghe được. Hành động tử tế tầm thường của nó có dạy cho chúng ta biết rằng những người lớn nhất trong vương quốc của Chúa chính là những người tìm kiếm cơ hội để phục vụ những người khác không?

Katie thuộc lứa tuổi các em trong Hội Thiếu Nhi, đã giảng dạy cho



cho chúng ta thấy được rõ ràng hơn điều thật sự quan trọng không?

Gia đình của chúng tôi đang học từ một đứa bé sáu tuổi trong họ hàng thân thiết tên là Liam. Năm ngoái, nó vật lộn với căn bệnh ung thư não ác tính. Sau hai cuộc giải phẫu khó khăn, người ta quyết định là nó cũng cần phải được trị liệu bằng bức xạ. Trong những lần trị liệu bằng bức xạ như vậy, nó bị bắt buộc phải ở một mình và tuyệt đối nằm yên. Liam không muốn bị gây mê vì nó không thích cảm giác đó. Nó quyết định rằng nếu nó chỉ có thể nghe tiếng của cha nó ở trong ống loa của máy intercom, thì nó có thể nằm yên mà không cần thuốc gây mê.

Trong những lúc nguy ngập này, cha của nó nói với nó bằng những lời đầy khuyến khích và yêu thương. “Liam, mặc dù con không thể thấy cha được nhưng cha ở ngay đây này. Cha biết con có thể làm điều đó được. Cha thương con.” Liam hoàn tất 33 lần trị liệu bằng bức xạ cần thiết trong khi vẫn hoàn toàn nằm yên, một kỳ công mà các bác sĩ của nó nghĩ rằng khó có thể thực hiện được nếu không gây mê cho một bệnh nhân nhỏ như vậy. Qua những tháng đau đớn và khó khăn, niềm lạc quan lây lan của Liam là một tấm gương mạnh mẽ để đối phó với nghịch cảnh bằng hy vọng và còn cả niềm vui nữa. Các bác sĩ, y tá của nó và vô số những người khác đã được soi dẫn bởi lòng can đảm của nó.

Chúng ta đều học được các bài học quan trọng từ Liam—các bài học về sự lựa chọn đức tin và tin cậy nơi Chúa. Cũng giống như Liam, chúng ta không thể thấy Đức Chúa Cha, nhưng có thể lắng nghe tiếng Ngài để cho chúng ta sức mạnh cần thiết nhằm chịu đựng những thử thách của cuộc sống.

Tấm gương của Liam có thể giúp chúng ta hiểu rõ hơn những lời của Vua Bên Gia Min để trở thành như một đứa trẻ—phục tùng, nhu mì, khiêm nhường, kiên nhẫn và đầy tình yêu thương không? (xin xem Mô Si A 3:19).

Những em nhỏ này cho chúng ta thấy các ví dụ về một số đức tính giống như trẻ con mà chúng ta cần phải phát triển hoặc tái khám phá nơi bản thân mình để bước vào vương quốc thiên thượng. Chúng là các linh

chúng tôi khi chúng tôi thấy ảnh hưởng của nó đối với gia đình nó. Nó tham dự Hội Thiếu Nhi và bị thu hút bởi những điều giảng dạy của phúc âm. Với đức tin và chứng ngôn đang tăng trưởng, Katie để một lá thư ngắn ở trên cái gối của cha mẹ nó. Nó viết rằng các lễ thật phúc âm đã tìm ra một “chỗ trong tâm hồn nó.” Nó chia sẻ nỗi khát khao của nó để được gần gũi với Cha Thiên Thượng, tuân theo các giáo lệnh của Ngài và có được gia đình làm

lễ gắn bó trong đền thờ. Chứng ngôn giản dị của đứa con gái tuyệt vời này đã làm cho cha mẹ nó vô cùng xúc động. Katie và gia đình nó đã thật sự nhận được các giáo lễ thiêng liêng của đền thờ mà ràng buộc gia đình với nhau vĩnh viễn. Tấm lòng tin tưởng và tấm gương về đức tin của Katie đã giúp mang đến các phước lành vĩnh cửu cho gia đình nó. Chứng ngôn chân thật của nó và ước muốn tuân theo kế hoạch của Chúa có thể làm



hồn trong sáng không có tí vết của thể gian—dễ dạy và đầy đức tin. Tất nhiên, Đấng Cứu Rỗi có một tình yêu thương và lòng cảm kích đặc biệt đối với các trẻ nhỏ.

Trong số các sự kiện phi thường về sự hiện diện của Đấng Cứu Rỗi ở Châu Mỹ, giáo vụ dịu dàng của Ngài dành cho trẻ em thì đặc biệt khác thường. Trong một cách đầy xúc động, Ngài đã tìm đến từng đứa trẻ một.

“Ngài bỗng từng đưa trẻ một và ban phước cho chúng, rồi cầu nguyện cùng Đức Chúa Cha cho chúng.

“Và khi làm như vậy xong, Ngài lại khóc. . . .

“Và Ngài phán cùng đám đông, và bảo họ rằng: Hãy nhìn xem các con trẻ của các người” (3 Nê Phi 17:21-23).

Anh Cả M. Russell Ballard đã dạy chúng ta về tầm quan trọng của lời khuyên bảo của Đấng Cứu rỗi là “hãy

nhìn xem các con trẻ của các người” khi ông nói: “Hãy lưu ý rằng Ngài đã không nói ‘hãy liếc nhìn chúng’ hoặc ‘nhìn chúng một cách thờ ơ’ hay ‘thỉnh thoảng nhìn đến chúng một cách chung chung.’ Mà Ngài phán phải *nhìn xem* chúng. Đối với tôi, điều đó có nghĩa rằng chúng ta nên nhìn chúng với đôi mắt và với tấm lòng của mình; chúng ta nên nhìn và biết ơn chúng về con người thật sự của chúng: con cái linh hồn của Cha Thiên Thượng, với các thuộc tính thiêng liêng” (“Behold Your Little Ones,” *Tambuli*, tháng Mười năm 1994, 40; sự nhấn mạnh được thêm vào).

Không có một chỗ nào hoàn hảo để nhìn xem các con trẻ của chúng ta hơn là trong gia đình mình. Mái ấm gia đình là một nơi mà chúng ta đều có thể học hỏi và cùng phát triển. Một

trong những bài ca tuyệt vời của Hội Thiểu Nhi dạy về lẽ thật này:

*Thượng Đế ban cho chúng ta gia đình
Để giúp chúng ta trở thành con người
Ngài muốn chúng ta trở thành—
Đây là cách Ngài chia sẻ tình yêu
thương của Ngài,
Vì gia đình thuộc về Thượng Đế.
 (“Gia Đình Là Thuộc Về Thượng Đế,”
Liahona, tháng Mười năm 2008,
TBH12–13.)*

Chính là ở nơi đây trong gia đình chúng ta, trong một bầu không khí yêu thương, là nơi chúng ta thấy và biết ơn các thuộc tính thiêng liêng của các con cái linh hồn của Ngài một cách riêng biệt hơn. Chính là ở nơi đây trong gia đình chúng ta mà tấm lòng của chúng ta có thể được xoa dịu và khiêm nhường mong muốn thay đổi để trở thành giống như trẻ nhỏ hơn. Đây là một tiến trình mà qua đó chúng ta có thể trở thành giống như Đấng Ky Tô hơn.

Các anh chị em đã từng có một số kinh nghiệm sống nào mà đã lấy đi tấm lòng tin tưởng và đức tin giống như trẻ nhỏ không? Nếu vậy, thì hãy nhìn xung quanh để thấy trẻ em trong cuộc sống của các anh chị em. Và hãy nhìn chúng một lần nữa. Chúng có thể là trẻ em trong gia đình mình, ở bên kia đường, hoặc ở trong Hội Thiểu Nhi của tiểu giáo khu mình. Nếu chúng ta thật lòng học hỏi và sẵn lòng noi theo gương của các trẻ em, thì các thuộc tính thiêng liêng của chúng có thể nắm giữ chìa khóa để khai mở sự tăng trưởng thuộc linh của chúng ta.

Tôi sẽ luôn luôn biết ơn về phước lành của các con tôi. Tấm gương của mỗi đứa chúng nó đã dạy tôi nhiều bài học cần thiết. Chúng đã giúp tôi thay đổi để sống tốt hơn.

Tôi chia sẻ chứng ngôn khiêm nhường nhưng chắc chắn rằng Chúa Giê Su là Đấng Ky Tô. Ngài là Vị Nam Tử hoàn hảo—phục tùng, nhu mì, khiêm nhường, kiên nhẫn và đầy tình yêu thương. Cầu xin cho mỗi chúng ta thật lòng noi theo gương Ngài, để trở thành như trẻ nhỏ, và bằng cách ấy trở về ngôi nhà thiên thượng của mình, tôi cầu nguyện trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■



Bài của Anh Cả Walter F. González
Thuộc Chủ Tịch Đoàn Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mười

Những Tín Đồ của Đấng Ky Tô

Những tín đồ của Đấng Ky Tô sống cuộc sống giống như Đấng Cứu Rỗi và bước đi trong ánh sáng.

T háng Mười năm ngoái, vợ tôi và tôi cùng đi với Anh Cả và Chị Neil L. Andersen đến dự buổi lễ động thổ của ngôi đền thờ mới ở Córdoba, Argentina. Như thường lệ, có một buổi họp báo tiếp theo sau buổi lễ. Một ký giả, không phải là tín hữu của giáo hội chúng ta, nói rằng người ấy đã quan sát cách những người đàn ông đối xử với vợ của họ như thế nào. Rồi người ấy bất ngờ hỏi: “Đó là điều có thật hay giả vậy?” Tôi chắc chắn rằng người ấy đã cảm thấy một điều gì khác biệt ở giữa các tín hữu của chúng ta. Có lẽ người ấy đã nhận thức được ước muốn của các tín hữu của chúng ta để noi theo Đấng Ky Tô. Các tín hữu trên khắp thế giới đều có ước muốn như vậy. Đồng thời, hàng triệu người không phải là tín hữu của Giáo Hội cũng có ước muốn noi theo Ngài.

Mới gần đây, vợ tôi và tôi đã cảm kích trước những người chúng tôi gặp ở Ghana và Nigeria. Đa số họ không phải là tín hữu của Giáo Hội. Chúng tôi rất vui sướng thấy ước muốn của họ để noi theo Đấng Ky Tô được biểu lộ trong nhiều cuộc chuyện trò của họ, trong nhà, trên xe, trên các bức tường và trên các tấm biển quảng cáo của họ. Chúng tôi chưa bao giờ thấy

có rất nhiều nhà thờ Ky Tô giáo nằm cạnh nhau như vậy.

Là Các Thánh Hữu Ngày Sau, bốn phần của chúng ta là mời hàng triệu người giống như những người này để đến và thấy điều Giáo Hội của chúng ta có thể giúp họ thêm vào những điều tốt lành họ vốn đã có. Bất cứ người nào ở bất cứ lục địa, khí hậu hay văn hóa nào cũng đều có thể tự biết rằng Tiên Tri Joseph Smith đã trông thấy Đức Chúa Cha và Vị Nam Tử trong một khả tượng. Họ đều có thể biết rằng các sứ giả thiên thượng đã phục hồi chức tư tế và rằng Sách Mặc Môn là một chứng thư khác về Chúa Giê Su Ky Tô. Chúa đã phán cùng Ê Nót: “Sự ngay chính đã [được gửi xuống] từ trên trời; và lẽ thật đã được gửi đến thế gian, để [làm chứng cho] Con Độc Sinh của Đức Chúa Cha.”¹

Đấng Cứu Rỗi đã hứa: “Người nào theo ta, chẳng đi trong nơi tối tăm, nhưng có ánh sáng của sự sống.”² Những tín đồ của Đấng Ky Tô sống cuộc sống giống như Đấng Cứu Rỗi và bước đi trong ánh sáng. Có hai đặc tính có thể giúp chúng ta nhận ra mình noi theo Ngài đến mức độ nào. Trước hết, những tín đồ của Đấng Ky Tô là những người nhân từ. Thứ hai,

những tín đồ của Đấng Ky Tô lập và tuân giữ các giao ước.

Đặc tính thứ nhất, lòng nhân từ có lẽ là một điều mà người ký giả ở Córdoba đã thấy ở giữa các tín hữu Giáo Hội. Chúng ta noi theo Đấng Ky Tô vì chúng ta yêu mến Ngài. Khi tuân theo Đấng Cứu Chuộc vì tình yêu mến, chúng ta đang noi theo gương của Ngài. Qua tình yêu thương, Đấng Cứu Rỗi đã vâng phục theo ý muốn của Đức Chúa Cha trong bất cứ hoàn cảnh nào. Đấng Cứu Rỗi vâng lời cho dù điều đó có nghĩa là phải chịu đau đớn về thể xác lẫn tinh thần, cho dù điều đó có nghĩa là bị quất bằng roi và chế nhạo, cho dù điều đó có nghĩa là những kẻ thù của Ngài sẽ tra tấn Ngài trong khi bạn bè của Ngài bỏ rơi Ngài. Sự hy sinh chuộc tội, độc nhất vô nhị đối với sứ mệnh của Đấng Cứu Rỗi, là cách biểu lộ sâu xa nhất về tình yêu thương. “Bởi sự sửa phạt người chịu chúng ta được bình an, bởi lần roi người chúng ta được lành bệnh.”³

Như Đấng Ky Tô đã noi theo Đức Chúa Cha trong mọi hoàn cảnh, chúng ta cũng nên noi theo Vị Nam Tử.⁴ Nếu chúng ta làm như vậy thì cho dù chúng ta đang trải qua bất cứ loại ngược đãi, đau buồn, sầu khổ nào, hay bị một cái “giảm xóc vào thịt” thì chúng ta cũng không đổi phó một mình. Đấng Ky Tô sẽ trợ giúp chúng ta. Tấm lòng thương xót dịu dàng của Ngài sẽ làm cho chúng ta mạnh mẽ trong bất cứ hoàn cảnh nào.⁵

Việc noi theo Đấng Ky Tô có thể có nghĩa là từ bỏ nhiều điều yêu quý như Ru Tơ, người Mô Áp đã làm. Là một người mới cải đạo, và vì yêu mến Thượng Đế và Na Ô Mí, nên bà đã bỏ tất cả để sống theo tôn giáo của mình.⁶

Điều này cũng có thể có nghĩa là chống lại nghịch cảnh và sự căm dỗ. Khi còn trẻ Giô Sép đã bị bán làm nô lệ. Ông bị tước đoạt khỏi mọi điều mà ông yêu mến. Về sau, ông đã bị căm dỗ phạm tội tà dâm. Ông đã chống lại căm dỗ và nói: “Thế nào tôi dám làm điều đại ác dường ấy, mà phạm tội cùng Đức Chúa Trời hay sao?”⁷ Tình yêu mến của ông đối với Thượng Đế mạnh mẽ hơn bất cứ nghịch cảnh hoặc căm dỗ nào.

Ngày nay chúng ta có những người giống như Ru Tơ và Giô Sép ở trên



khắp thế giới. Lúc Anh Jimmy Olvera từ Guayaquil, Ecuador, nhận được sự kêu gọi đi truyền giáo, thì gia đình anh ấy đang gặp nhiều khó khăn. Ngày anh ấy ra đi, anh ấy đã được bảo rằng nếu bước ra khỏi cửa, thì sẽ không có gia đình nữa. Anh ấy đã đau khổ bước ra khỏi cửa. Trong khi phục vụ truyền giáo, mẹ của anh đã bảo anh hãy tiếp tục đi truyền giáo lâu hơn vì gia đình của họ đã nhận được rất nhiều phước lành. Ngày nay Anh Olvera phục vụ với tư cách là một tộc trưởng giáo khu.

Lòng chân thành yêu mến Đấng Ky Tô mang đến sức mạnh cần thiết để noi theo Ngài. Chính Chúa đã cho thấy điều này khi Ngài hỏi Phi E Rơ ba lần: “Người yêu ta chăng?” Sau khi Phi E Rơ lớn tiếng tái khẳng định tình yêu mến của ông dành cho Ngài, Chúa nói cho Phi E Rơ biết về những khó khăn sắp tới. Rồi, lời kêu gọi được đưa ra: “Hãy theo ta.” Câu hỏi được Đấng Cứu Rỗi đặt ra cho Phi E Rơ cũng có thể được đặt ra cho chúng ta: “Người yêu ta chăng?” tiếp theo là lời kêu gọi

hành động: “Hãy theo ta.”⁸

Tình yêu thương là một ảnh hưởng mạnh mẽ trong nỗ lực của chúng ta để vâng lời. Tình yêu mến đối với Đấng Cứu Rỗi soi dẫn chúng ta tuân giữ các lệnh truyền của Ngài. Tình yêu thương dành cho cha mẹ hay người phối ngẫu cũng có thể soi dẫn chúng ta tuân theo các nguyên tắc phúc âm. Cách chúng ta đối xử với những người khác phản ánh mức độ chúng ta noi theo Đấng Cứu Rỗi trong tình yêu thương lẫn nhau.⁹ Chúng ta cho thấy tình yêu mến của mình dành cho Ngài khi chúng ta ngừng lại để phụ giúp những người khác; khi chúng ta sống “hoàn toàn lương thiện và ngay thẳng trong mọi sự việc,”¹⁰ và khi chúng ta lập và tuân giữ các giao ước.

Đặc tính thứ nhì của những tín đồ của Đấng Ky Tô là lập và tuân giữ các giao ước như Ngài đã làm. Mô Rô Ni cho biết rằng “sự đổ máu của Đấng Ky Tô, là trong giao ước của Đức Chúa Cha để xá miễn các tội lỗi của các người, ngõ hầu các người được trở nên thánh thiện và không có tì vết.”¹¹

Tiên tri Joseph Smith đã dạy rằng ngay cả trước khi thế gian này được tạo dựng, các giao ước đã được lập ở trên thiên thượng.¹² Các vị tiên tri và tộc trưởng thời xưa cũng đã lập các giao ước.

Chính Đấng Cứu Rỗi đã nêu gương. Ngài đã chịu phép báp têm bởi một người có thẩm quyền hợp thức để làm cho trọn mọi việc công bình. Qua phép báp têm của Ngài, Đấng Cứu Rỗi đã làm chứng cùng Đức Chúa Cha rằng Ngài sẽ vâng phục trong việc tuân giữ tất cả các giáo lệnh của Đức Chúa Cha.¹³ Như trong thời xưa, chúng ta cũng noi theo Đấng Ky Tô và lập giao ước qua các giáo lễ của chức tư tế.

Việc lập các giao ước là một việc mà hàng triệu người không thuộc Giáo Hội của chúng ta có thể thêm vào những điều tốt đẹp họ vốn đã có. Việc lập các giao ước là một sự bày tỏ của tình yêu thương. Đó là cách để thưa với Ngài: “Vâng, con sẽ đi theo Ngài.”

Các giao ước gồm có những lời hứa, “tức là cuộc sống vĩnh cửu.”¹⁴ Tất cả mọi việc sẽ hiệp lại làm lợi ích cho chúng ta nếu chúng ta nhớ đến các giao ước của mình.¹⁵ Các giao ước này cần phải được lập và tuân giữ để có thể nhận được trọn vẹn những lời hứa được gồm vào trong các giao ước này. Tình yêu mến dành cho Đấng Cứu Rỗi và việc ghi nhớ các giao ước sẽ giúp cho chúng ta tuân giữ các giao ước này. Việc dự phần Tiệc Thánh là một cách để nhớ đến các giao ước của chúng ta.¹⁶ Một cách khác là tham dự đền thờ thường xuyên. Tôi còn nhớ một cặp vợ chồng trẻ ở Nam Mỹ, muốn chia tay vì họ không hòa thuận với nhau. Một vị lãnh đạo chức tư tế đã khuyên họ nên đi đền thờ và lưu ý đến những câu nói cũng như lời hứa của các giao ước được lập ở đó. Họ làm theo và hôn nhân của họ đã được cứu. Quyền năng của các giao ước chúng ta thì lớn lao hơn bất cứ thử thách nào chúng ta đã gặp hoặc có thể gặp.

Đối với các tín hữu không tích cực trong phúc âm, xin hãy trở lại. Hãy cảm nhận phước lành của việc ghi nhớ cùng lập lại các giao ước qua Tiệc Thánh và việc tham dự đền thờ. Việc làm như vậy là một cách biểu lộ về tình

yêu thương và cho thấy sự sẵn lòng để làm một tín đồ chân chính của Đấng Ky Tô. Điều này sẽ làm cho các anh chị em hội đủ điều kiện để tiếp nhận tất cả các phước lành đã được hứa.

Đối với những người không phải là tín hữu của giáo hội chúng tôi, tôi xin mời các anh chị em hãy sử dụng đức tin, hối cải và hội đủ điều kiện để tiếp nhận giao ước baptism vào Giáo Hội Các Thánh Hữu của Chúa Giê Su Ky Tô. Khi làm như vậy, các anh chị em sẽ cho thấy tình yêu mến của mình đối với Cha Thiên Thượng và sự sẵn lòng của mình để noi theo Đấng Ky Tô.

Tôi làm chứng rằng chúng ta sẽ được hạnh phúc hơn khi tuân theo những điều giảng dạy của phúc âm của Chúa Giê Su Ky Tô. Khi chúng ta cố gắng noi theo Ngài, các phước lành của thiên thượng sẽ đến với chúng ta. Tôi biết những lời hứa của Ngài sẽ được làm tròn khi chúng ta lập và tuân giữ các giao ước và trở thành những tín đồ chân chính của Đấng Ky Tô. Tôi làm chứng về tình yêu thương bao la của Ngài dành cho mỗi người chúng ta, và tôi làm như vậy trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Môi Se 7:62.
2. Giảng 8:12.
3. Ê Sai 53:5.
4. 2 Cô Rinh Tô 12:7.
5. Xin xem 1 Nê Phi 1:20.
6. Xin xem Ru Tơ 1:16.
7. Xin xem Sáng Thế Ký 39:7-9.
8. Xin xem Giảng 21:15-19.
9. Xin xem Giảng 13:35.
10. An Ma 27:27.
11. Mô Rô Ni 10:33.
12. Xin xem *Những Lời Giảng Dạy của Các Vị Chủ Tịch Giáo Hội: Joseph Smith* (2007), 42; xin xem thêm Spencer W. Kimball, "Be Ye Therefore Perfect" (bài nói chuyện tại buổi họp đặc biệt devotional, Salt Lake Institute of Religion, ngày 10 tháng Giêng năm 1975): "Chúng ta đã thề nguyện, long trọng thề nguyện, trên thiên thượng trước khi đến trần thế. . . . Chúng ta đã lập các giao ước. Chúng ta lập các giao ước này trước khi chấp nhận vị thế của mình nơi đây trên thế gian."
13. Xin xem 2 Nê Phi 31:5-7.
14. Áp Ra Ham 2:11. Xin xem thêm John A. Widtsoe, "Thờ Phượng trong Đền Thờ" (bài nói chuyện, Assembly Hall, Salt Lake City, ngày 12 tháng Mười năm 1920), 10: "Giao ước mang sự sống đến cho lẽ thật; và làm cho các phước lành có thể được ban thưởng cho tất cả những người sử dụng sự hiểu biết một cách đúng đắn."
15. Xin xem Giáo Lý và Giao Ước 90:24.
16. Xin xem ví dụ, 3 Nê Phi 18:7-11.



Bài của Anh Cả Kent F. Richards
Thuộc Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mười

Sự Chuộc Tội Chữa Lành Mọi Nỗi Đau Đớn

*Thử thách to lớn của cá nhân chúng ta trên trần thế là
"trở nên một thánh hữu nhờ sự chuộc tội của Đấng Ky Tô."*

Khi còn là một bác sĩ phẫu thuật, tôi thấy rằng một phần thời giờ đáng kể trong nghề nghiệp của tôi được dành ra cho những người bị đau đớn. Khi phẫu thuật, tôi đã gây ra đau đớn hầu như mỗi ngày—và nhiều nỗ lực của tôi lúc bấy giờ là cố gắng kiềm chế và làm giảm bớt cơn đau.

Tôi đã suy ngẫm về mục đích của sự đau đớn. Không một ai trong chúng ta được miễn không phải trải qua đau đớn. Tôi đã thấy nhiều người đối phó với cơn đau một cách rất khác nhau. Một số người tức giận xa lánh Thượng Đế, trong khi những người khác để cho nỗi đau đớn của họ mang họ đến gần Thượng Đế hơn.

Giống như các anh chị em, bản thân tôi cũng đã trải qua nỗi đau đớn. Sự đau đớn là thước đo tiến trình chữa lành và thường dạy cho chúng ta tính kiên nhẫn.

Anh Cả Orson F. Whitney viết: "Không có nỗi đau đớn nào mà chúng ta phải chịu đựng, không có thử thách nào mà chúng ta phải trải qua đều vô ích cả. Những điều này rèn luyện

chúng ta và giúp chúng ta phát triển những đức tính như tính kiên nhẫn, đức tin, sức dũng cảm chịu đựng và lòng khiêm nhường. . . . Chính là qua nỗi buồn khổ và đau đớn, nỗi lao nhọc và thống khổ, nên chúng ta được giáo dục về điều mà chúng ta đến nơi đây để nhận được."¹

Tương tự như thế, Anh Cả Robert D. Hales đã nói:

"Nỗi đau đớn mang các anh chị em đến với lòng khiêm nhường làm cho các anh chị em suy ngẫm. Đó là một kinh nghiệm mà tôi rất biết ơn là đã chịu đựng được. . . .

"Tôi biết được rằng nỗi đau đớn và sự chữa lành thể xác sau ca phẫu thuật nghiêm trọng thì rõ ràng tương tự như nỗi đau đớn và sự chữa lành tâm hồn trong tiến trình hối cải."²

Hầu hết nỗi đau đớn của chúng ta không nhất thiết là do lỗi của chúng ta. Những sự kiện bất ngờ, những hoàn cảnh mâu thuẫn hoặc đầy thất vọng, sự đau yếu làm gián đoạn cũng như ngay cả cái chết đều vây quanh chúng ta và ảnh hưởng đến kinh

nghiệm hữu diệt của chúng ta. Ngoài ra, chúng ta có thể chịu khổ sở vì hành động của kẻ khác nữa.³ Lê Hi giải thích rằng Gia Cốp đã “từng chịu nhiều nỗi khổ đau và phiền muộn vì tính tình lỗ mãng của các anh [ông].”⁴ Sự đối nghịch là một phần kế hoạch hạnh phúc của Cha Thiên Thượng. Chúng ta đều chạm trán với đủ mọi điều để mang chúng ta đến việc nhận biết tình yêu thương của Đức Chúa Cha và nhu cầu đối với sự giúp đỡ của Đấng Cứu Rỗi.

Đấng Cứu Rỗi không âm thầm quan sát. Chính Ngài biết rõ ràng và tường tận nỗi đau đớn chúng ta gánh chịu.

“Ngài sẽ hứng lấy những sự đau đớn của mọi người, phải, những sự đau đớn của từng sinh linh một, cả đàn ông lẫn đàn bà và trẻ con.”⁵

“Vậy, chúng ta hãy vững lòng đến gần ngôi ơn phước, hầu cho được thương xót và tìm được ơn để giúp chúng ta trong thì giờ có cần dùng.”⁶

Đôi khi, trong nỗi đau đớn cùng cực, chúng ta muốn hỏi: “Trong Ga La Át há chẳng có nhũ hương sao? há chẳng có thầy thuốc ở đó sao?”⁷ Tôi làm chứng rằng câu trả lời là có, có một thầy thuốc. Sự Chuộc Tội của Chúa Giê Su Kỵ Tô chữa lành tất cả những tình trạng và mục đích hữu diệt này.

Một loại đau đớn khác mà chúng ta *chịu* là trách nhiệm. Nỗi đau đớn thuộc linh nằm sâu trong tâm hồn chúng ta và có thể cảm thấy không nguôi được, ngay cả còn cảm thấy bị “xấu xí một cách ghê sợ khôn tả,” như An Ma đã mô tả.⁸ Nỗi đau đớn này phát sinh từ hành động tội lỗi của chúng ta và thiếu sự hối cải. Vì đối với nỗi đau đớn này cũng có một sự chữa lành phổ biến và chắc chắn. Sự chữa lành này là do Đức Chúa Cha ban cho qua Vị Nam Tử, và dành cho mỗi người chúng ta là những người sẵn lòng làm tất cả những gì cần thiết để hối cải. Đấng Kỵ Tô phán: “Giờ đây các ngươi không muốn trở về cùng ta. . . và được cải đạo để ta có thể chữa lành cho các ngươi chăng?”⁹

Chính Đấng Kỵ Tô đã dạy:

“Và Cha ta sai ta đến để ta bị treo trên thập tự giá; và *sau khi* ta đã bị treo trên thập tự giá, để ta có thể thu hút tất cả mọi người đến cùng ta. . . .

“Vậy nên, nhờ *quyền năng* của Đức Chúa Cha, ta sẽ thu hút tất cả mọi người đến cùng ta.”¹⁰

Có lẽ công việc có ý nghĩa nhất của Ngài là trong công việc lao nhọc liên tục với mỗi chúng ta, riêng từ người, để nâng đỡ, ban phước, củng cố, hỗ trợ, hướng dẫn và tha thứ chúng ta.

Như Nê Phi đã thấy trong Khải tượng, hầu hết giáo vụ trên trần thế của Đấng Kỵ Tô được dành cho việc ban phước và chữa lành người đau yếu với đủ loại bệnh tật—thể xác, tình cảm và thuộc linh. “Và tôi thấy có những đám đông dân chúng bị đau ốm và bị khốn khổ bởi đủ thứ bệnh tật. . . . Thế rồi những người đó được chữa lành bằng quyền năng của Chiên Con của Thượng Đế.”¹¹

An Ma cũng tiên tri rằng “Ngài sẽ đi ra ngoài đời để chịu đựng mọi sự đau đớn, thống khổ, cùng mọi cám dỗ; và . . . Ngài sẽ mang lấy những đau đớn và bệnh tật của dân Ngài. . . .

“Để cho *lòng Ngài* tràn đầy sự thương xót, để *Ngài* có thể theo thể cách xác thịt mà biết được cách giúp đỡ dân Ngài theo những sự yếu đuối của họ.”¹²

Vào một đêm khuya nọ, nằm trên giường bệnh trong bệnh viện, lần này là một bệnh nhân chứ không phải là một bác sĩ, tôi đã đọc đi đọc lại những câu thánh thư đó. Tôi đã suy ngẫm: “Điều này được thực hiện như thế nào? Cho ai? Cần phải làm gì để hội đủ điều kiện? Điều đó có giống như sự tha thứ tội lỗi không? Chúng ta có

cần phải giành được tình yêu thương và sự giúp đỡ của Ngài không?” Trong khi suy ngẫm, tôi dần dần hiểu rằng trong cuộc sống trần thế của Ngài, Đấng Kỵ Tô đã *chọn* trải qua những nỗi đau đớn và thống khổ để hiểu được chúng ta. Có lẽ chúng ta cũng cần phải trải qua những khó khăn của cuộc sống trần thế để hiểu được Ngài và các mục đích vĩnh cửu của mình.¹³

Chủ Tịch Henry B. Eyring dạy: “Chúng ta sẽ được an ủi khi phải chờ đợi trong cảnh khổ sở cho sự giải thoát đã được Đấng Cứu Rỗi hứa, mà với sự giải thoát này Ngài biết cách để chữa lành và giúp đỡ chúng ta từ kinh nghiệm của Ngài. . . . Rồi đức tin nơi quyền năng đó sẽ làm cho chúng ta kiên nhẫn khi cầu nguyện và làm việc cùng chờ đợi sự giúp đỡ. Ngài có lẽ đã biết cách giúp đỡ chúng ta hoàn toàn bằng sự mặc khải, nhưng Ngài *đã chọn để học hỏi bằng kinh nghiệm của chính Ngài*.”¹⁴

Tôi đã cảm nhận được vòng tay thương yêu của Ngài trong đêm đó.¹⁵ Cái gối của tôi ướt đầm nước mắt biết ơn. Về sau, khi tôi đọc trong Ma Thi Ơ về giáo vụ trần thế của Đấng Kỵ Tô, tôi đã nhận biết một điều khác nữa: “Người ta đem cho Đức Chúa Giê Su nhiều kẻ . . . Ngài . . . cũng chữa được *hết thảy* những người bệnh.”¹⁶ Ngài chữa lành *hết thảy* mọi người đến với Ngài. Không một ai bị khước từ cả.

Như Anh Cả Dallin H. Oaks đã dạy: “Các phước lành của sự chữa lành đến bằng nhiều cách, mỗi cách thích

Guayaquil, Ecuador



hợp với nhu cầu cá nhân của chúng ta, dựa theo sự hiểu biết của Ngài là Đấng yêu thương chúng ta nhiều nhất. Đôi khi một ‘sự chữa lành’ có thể làm khỏi bệnh hoặc làm nhẹ gánh chúng ta. Nhưng đôi khi chúng ta ‘được chữa lành’ bằng cách được ban cho sức mạnh hoặc sự hiểu biết, hoặc lòng nhẫn nại để có thể mang những gánh nặng đặt trên vai mình.”¹⁷ Tất cả những ai chịu đến có thể “được ôm chặt trong cánh tay của Chúa Giê Su.”¹⁸ Tất cả những tâm hồn đều có thể được quyền năng của Ngài chữa lành. Tất cả những nỗi đau đớn có thể được xoa dịu. “Linh hồn [chúng ta] có thể được yên nghỉ” nơi Ngài.¹⁹ Hoàn cảnh trên trần thế của chúng ta có thể không thay đổi ngay lập tức, nhưng nỗi đau đớn, lo lắng, khổ sở và sợ hãi của chúng ta có thể biến mất trong sự bình an và hương liệu chữa lành của Ngài.

Tôi nhận thấy rằng trẻ em thường chấp nhận nỗi đau đớn và khổ sở một cách tự nhiên hơn. Chúng âm thầm chịu đựng với lòng khiêm nhường và nhu mì. Tôi đã cảm nhận được tinh thần tuyệt vời và dịu dàng bao quanh các em nhỏ này.

Em Sherrie, mười ba tuổi, trải qua một cuộc phẫu thuật 14 tiếng đồng hồ vì một cái bướu trên tủy sống của em. Khi tỉnh lại trong phòng hồi sức cấp cứu, em nói: “Cha ơi, Cô Cheryl ở đây, . . . và . . . Ông Nội Norman . . . và Bà Ngoại Brown cũng ở đây. Và Cha ơi, ai đang đứng cạnh cha vậy? . . . Ông ấy trông giống cha lắm, chỉ cao hơn thôi. . . Ông ấy nói rằng ông là anh Jimmy của cha.” Bác Jimmy của nó đã qua đời lúc 13 tuổi vì bệnh xơ hóa nang.

“Trong gần một giờ đồng hồ, Sherrie . . . đã mô tả những người đến thăm nó, tất cả đều là những người thân trong gia đình đã qua đời. Vì kiệt sức nên nó ngủ thiếp đi.”

Về sau, nó kể cho cha nó nghe: “Cha ơi, tất cả những đứa trẻ ở đây trong phòng hồi sức cấp cứu đều có các thiên thần đến giúp đỡ đấy.”²⁰

Đấng Cứu Rỗi phán cùng tất cả chúng ta:

“Này, các người là những con trẻ và các người không thể đương nổi tất cả mọi việc bây giờ được; các người



cần phải tấn tới trong ân điển và trong sự hiểu biết lẽ thật.

“Chớ sợ hãi, hỡi các con trẻ, vì các người là của ta. . . .

“Vậy nên, ta đang ở giữa các người, và ta là người chữa lành.”²¹

Thử thách to lớn của cá nhân chúng ta trên trần thế là “trở nên một thánh hữu nhờ sự chuộc tội của Đấng Ky Tô.”²² Nỗi đau đớn các anh chị em và tôi trải qua có thể là lúc tiến trình này được đo lường nhiều nhất. Trong hoàn cảnh khó khăn nhất, chúng ta có thể trở thành như trẻ em trong tâm hồn, hạ mình, và “cầu nguyện, làm việc và chờ đợi”²³ một cách nhẫn nại cho sự chữa lành tâm hồn và thể xác của chúng ta. Như Gióp, sau khi đã được tinh luyện qua những thử thách, chúng ta “sẽ ra như vàng.”²⁴

Tôi làm chứng rằng Ngài là Đấng Cứu Chuộc, Bạn Hữu, Đấng Biện Hộ của chúng ta, Vị Thầy Thuốc Đại Tài, Đấng Chữa Lành Vi Đại của chúng ta. Chúng ta có thể tìm thấy bình an và an ủi nơi Ngài trong khi đau đớn và từ nỗi đau đớn cũng như tội lỗi của chúng ta nếu chúng ta chịu đến với Ngài bằng tấm lòng khiêm nhường. “Ân điển của Ngài là đủ rồi.”²⁵ Trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Orson F. Whitney, trong Spencer W. Kimball, *Faith Precedes the Miracle* (1972), 98.

2. Robert D. Hales, “Healing Soul and Body,” *Ensign*, tháng Mười Một năm 1998, 14.
3. Xin xem An Ma 31:31, 33.
4. 2 Nê Phi 2:1.
5. 2 Nê Phi 9:21.
6. Hê Bơ Rơ 4:16. Phao Lô dạy chúng ta phải tin vào Đấng Cứu Rỗi là một tấm gương để đối phó với “sự đối nghịch của kẻ tội lỗi đường ấy, hầu cho khỏi bị mỗi một sồn lòng” (Hê Bơ Rơ 12:3).
7. Giê Rê Mi 8:22.
8. An Ma 36:14.
9. 3 Nê Phi 9:13.
10. 3 Nê Phi 27:14–15; sự nhấn mạnh được thêm vào.
11. 1 Nê Phi 11:31.
12. An Ma 7:11–12; sự nhấn mạnh được thêm vào.
13. Xin xem John Taylor, *The Mediation and Atonement* (1882), 97. Chủ Tịch Taylor viết về một “giao ước” lập giữa Đức Chúa Cha và Vị Nam Tử trong các đại hội tiền dương thế để thực hiện sự chuộc tội và cứu chuộc loài người. Đấng Ky Tô tình nguyện chịu đau khổ thêm trong cuộc sống ngoài nỗi đau khổ trong Vườn Ghết Sê Ma Nê và trên cây thập tự (xin xem Mô Si A 3:5–8).
14. Henry B. Eyring, “Nghịch Cảnh,” *Liahona*, tháng Năm năm 2009, 24; sự nhấn mạnh được thêm vào.
15. Xin xem Giáo Lý và Giao Ước 6:20.
16. Ma Thi Ơ 8:16; sự nhấn mạnh được thêm vào.
17. Dallin H. Oaks, “Ngài Làm Vơi Gánh Nặng,” *Liahona*, tháng Mười Một năm 2006, 7–8.
18. Mặc Môn 5:11.
19. Ma Thi Ơ 11:29.
20. Xin xem Michael R. Morris, “Sherrie’s Shield of Faith,” *Ensign*, tháng Sáu năm 1995, 46.
21. Giáo Lý và Giao Ước 50:40–41, 44.
22. Mô Si A 3:19.
23. Henry B. Eyring, *Liahona*, tháng Năm năm 2009, 24.
24. Gióp 23:10.
25. 2 Cô Rinh Tô 12:9; xin xem thêm Ê The 12:26–27; Giáo Lý và Giao Ước 18:31.



Bài của Anh Cả Quentin L. Cook
Thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ

Các Phụ Nữ Thánh Hữu Ngày Sau Thật Là Phi Thường!

Phần lớn những thành quả trong Giáo Hội là nhờ vào sự phục vụ vị tha của các phụ nữ.

Nhà văn và sử gia Wallace Stegner viết về cuộc di cư và quy tụ của những người Mặc Môn ở Thung Lũng Salt Lake. Ông không chấp nhận tín ngưỡng của chúng ta và chỉ trích về nhiều phương diện; tuy nhiên, ông cảm kích trước lòng tận tụy và đức tính anh hùng của các tín hữu đầu tiên của Giáo Hội, nhất là các phụ nữ. Ông nói: “Những người phụ nữ của họ thật là phi thường.”¹ Ngày hôm nay, tôi xin lặp lại ý nghĩ đó. Các phụ nữ Thánh Hữu Ngày Sau của chúng ta thật là phi thường!

Thượng Đế đã đặt vào tâm hồn của các phụ nữ những đức tính thiêng liêng về sức mạnh, đức hạnh, tình yêu thương và sự sẵn lòng hy sinh để nuôi dạy những thế hệ tương lai của con cái linh hồn của Ngài.

Một cuộc nghiên cứu mới đây ở Hoa Kỳ khẳng định rằng các phụ nữ của tất cả các tôn giáo “tin tưởng nơi Thượng Đế mãnh liệt hơn,” và tham dự các buổi lễ tôn giáo nhiều hơn những người nam. “Hầu như trong mọi phương diện, họ sùng đạo hơn.”²

Tôi không ngạc nhiên trước kết

quả này, nhất là khi suy nghĩ về vai trò ưu việt của gia đình và của phụ nữ trong tôn giáo của chúng ta. Giáo lý của chúng ta rất rõ ràng: Các phụ nữ là con gái của Cha Thiên Thượng, là Đấng yêu thương họ. Những người vợ bình đẳng với chồng của họ. Hôn nhân đòi hỏi vợ chồng phải hoàn toàn cộng tác để sát cánh bên nhau nhằm đáp ứng những nhu cầu của gia đình.³

Chúng ta biết rằng có nhiều thử thách đối với phụ nữ, kể cả những người cố gắng sống theo phúc âm.

Di Sản của Các Chị Em Phụ Nữ Tiên Phong

Một thuộc tính chính yếu trong cuộc sống của các tổ tiên tiên phong của chúng ta là đức tin của các chị em phụ nữ. Với thiên tính, phụ nữ có ân tứ và trách nhiệm lớn lao hơn đối với gia đình, con cái cũng như việc nuôi dưỡng trong mái gia đình và những nơi khác. Thật là điều đầy cảm ứng khi thấy đức tin của các chị em phụ nữ trong việc sẵn lòng rời bỏ nhà cửa của mình để băng ngang những cánh đồng đến một nơi xa lạ. Nếu phải mô

tả đặc điểm của thuộc tính quan trọng nhất của họ thì đó phải là đức tin vững vàng của họ nơi phúc âm phục hồi của Chúa Giê Su Ky Tô.

Các câu chuyện quả cảm về những người phụ nữ tiên phong này đã hy sinh và hoàn thành khi họ băng ngang các cánh đồng là một di sản vô giá cho Giáo Hội. Tôi xúc động trước câu chuyện về Elizabeth Jackson, chồng của bà là Aaron đã chết sau khi vượt qua Dòng Sông cuối cùng Platte với Đoàn xe kéo Martin. Bà viết:

“Tôi sẽ không cố gắng mô tả cảm nghĩ của mình khi trở thành góa phụ với ba đứa con, trong hoàn cảnh như vậy. . . . Tôi tin. . . rằng những nỗi đau khổ của mình vì Phúc Âm sẽ được xem như là một hành động thiêng liêng vì lợi ích của tôi. . . .

“Tôi [cầu khẩn] lên Chúa, . . . Ngài là Đấng đã hứa sẽ là người chồng cho người góa bụa, người cha cho trẻ mồ côi. Tôi cầu khẩn lên Ngài và Ngài đã đến giúp đỡ tôi.”⁴

Elizabeth nói rằng bà viết lịch sử này thay cho những người đã trải qua hoàn cảnh giống như vậy với hy vọng rằng thế hệ mai sau sẽ sẵn lòng chịu đau khổ và hy sinh mọi điều vì Vương Quốc của Thượng Đế.⁵

Các Phụ Nữ trong Giáo Hội Ngày Nay Rất Vững Mạnh và Quả Cảm

Tôi tin rằng các phụ nữ của Giáo Hội ngày nay cũng chịu đựng thử thách đó cũng như hoàn toàn vững mạnh và trung tín. Các vị lãnh đạo chức tư tế của Giáo Hội này ở mọi cấp đều biết ơn ghi nhận sự phục vụ, hy sinh, cam kết và đóng góp của các chị em phụ nữ.

Phần lớn những thành quả trong Giáo Hội là nhờ vào sự phục vụ vị tha của các phụ nữ. Thật là điều tuyệt vời để thấy chức tư tế và Hội Phụ Nữ hợp tác trong sự hòa thuận trọn vẹn cho dù trong Giáo Hội hay ở nhà. Mỗi quan hệ như vậy giống như một dàn nhạc hòa âm xuất sắc đúng theo điệu của một bản nhạc và do đó bản nhạc này soi dẫn tất cả chúng ta.

Gần đây khi được chỉ định đến một đại hội ở Giáo Khu Mission Viejo California, tôi xúc động trước một câu chuyện về buổi khiêu vũ Tất Niên của

giới trẻ trong bốn giáo khu. Sau buổi khiêu vũ, người ta bắt gặp một cái ví tay, nhưng không biết là của ai nếu không mở ra nhìn vào bên trong. Tôi chia sẻ với các anh chị em một phần bài viết của Chị Monica Sedgwick, chủ tịch Hội Thiếu Nữ ở Giáo Khu Laguna Niguel: “Chúng tôi không muốn soi mói; vì đây là đồ dùng cá nhân của một người nào đó! Vậy nên chúng tôi thận trọng mở cái ví đó ra và lấy ra vật đầu tiên ở bên trên—hy vọng rằng món đồ đó sẽ cho biết chủ của nó là ai. Đúng thế, nhưng lại theo cách khác—đó là quyển sách nhỏ *Cho Sức Mạnh của Giới Trẻ*. Ôi chào! Quyển sách này cho chúng tôi biết một điều gì về em ấy. Rồi, chúng tôi lấy ra món đồ kế tiếp, đó là một quyển sổ tay nhỏ. Chắc chắn quyển sổ này sẽ cho chúng tôi câu trả lời, nhưng lại không phải là loại câu trả lời chúng tôi trông mong. Trang đầu tiên là một bản liệt kê những câu thánh thư ưa thích. Tiếp đó còn có thêm năm trang nữa được thận trọng viết những câu thánh thư và những điều ghi chép riêng.”

Ngay lập tức, các chị phụ nữ muốn gặp người thiếu nữ trung tín này. Họ trở lại với cái ví tay đó để xem ai là chủ của nó. Họ lôi ra một vài cây kẹo bạc hà, xà bông, dầu thoa da và một cái bàn chải. Tôi ưa thích lời nói của họ: “Ôi, những điều tốt lành thốt ra từ cửa miệng của em ấy; em ấy có đôi bàn tay trong sạch, dịu dàng; và em ấy tự chăm sóc cho mình.”

Họ háo hức chờ đợi bảo vật kế tiếp. Họ lấy ra một cái túi nhỏ đựng tiền xu tự làm lấy thật tài tình bằng cái hộp đựng nước trái cây và có một số tiền trong cái túi có khóa kéo. Họ kêu lên: “À há, em này có óc sáng tạo và chuẩn bị tươm tất thật!” Họ giống như mấy đứa trẻ nhỏ vào buổi sáng Giáng Sinh. Họ lôi ra một món đồ càng làm cho họ ngạc nhiên thêm nữa: một công thức làm bánh sô cô la loại Black Forest, và một tờ giấy nhắc nhở làm bánh sinh nhật cho một người bạn. Họ hầu như hét lên: “Em này là một NGƯỜI NỘI TRỢ!! Ân cần và thích phục vụ.” Rồi, vâng, cuối cùng là một vài giấy tờ tùy thân. Những người lãnh đạo giới trẻ nói rằng họ cảm thấy được phước vô cùng “khi thấy



tầm gương âm thầm của một thiếu nữ sống theo phúc âm.”⁶

Câu chuyện này minh họa sự cam kết của các thiếu nữ của chúng ta đối với các tiêu chuẩn của Giáo Hội.⁷ Đó cũng là một tấm gương về sự chăm sóc, quan tâm và tận tụy của những người lãnh đạo Hội Thiếu Nữ trên khắp thế giới. Họ thật là phi thường!

Các chị em phụ nữ có vai trò chính yếu trong Giáo Hội, trong cuộc sống gia đình, và là các cá nhân rất thiết yếu cho kế hoạch của Cha Thiên Thượng. Nhiều trách nhiệm này không mang lại phần thưởng vật chất, nhưng thật sự mang đến cảm giác toại nguyện và có ý nghĩa vĩnh cửu. Mới đây, một phụ nữ dễ mến và tài giỏi ở trong ban biên tập của một nhật báo đã yêu cầu chúng tôi mô tả vai trò của phụ nữ trong Giáo Hội. Chúng tôi giải thích rằng tất cả những người lãnh đạo trong giáo đoàn của chúng ta đều *không được trả lương*. Người ấy ngắt lời và nói rằng mình không còn có mối quan tâm đáng kể đến giáo hội này nữa. Người ấy nói: “Tôi không nghĩ rằng phụ nữ cần thêm bất cứ việc làm nào mà *không được trả lương*.”

Chúng tôi nêu lên rằng tổ chức quan trọng nhất trên thế gian là gia đình nơi mà “những người cha và người mẹ . . . là những người bạn đời bình đẳng.”⁸ Không một ai được trả lương cho công việc của họ cả,

nhưng các phước lành thì không thể tả được. Dĩ nhiên, chúng tôi nói cho người ấy biết về các tổ chức Hội Phụ Nữ, Hội Thiếu Nữ và Hội Thiếu Nhi do các nữ chủ tịch hướng dẫn. Chúng tôi nói rằng từ lịch sử đầu tiên nhất của chúng ta, cả người nam lẫn nữ đều cầu nguyện, chơi nhạc, đưa ra bài thuyết giảng và hát trong ca đoàn, ngay cả trong lễ Tiệc Thánh là buổi lễ thiêng liêng nhất của chúng ta.

Mới đây, quyển sách được nhiều người khen ngợi *American Grace (Ấn Điển Hoa Kỳ)*, đã báo cáo về phụ nữ trong nhiều tôn giáo. Quyển sách ấy nói rằng phụ nữ Thánh Hữu Ngày Sau là độc nhất vô nhị và hoàn toàn mãn nguyện với vai trò lãnh đạo của mình trong Giáo Hội.⁹ Ngoài ra, Các Thánh Hữu Ngày Sau nói chung, những người nam và người nữ, đều gắn bó chặt chẽ nhất với tín ngưỡng của họ so với bất cứ tôn giáo nào đã được nghiên cứu.¹⁰

Các phụ nữ của chúng ta không phi thường vì họ đã xoay sở để tránh những khó khăn của cuộc sống—gần như ngược lại. Họ phi thường vì cách họ đối phó với những thử thách của cuộc sống. Mặc dù những thử thách và gian nan trong cuộc sống—từ hôn nhân hoặc không có hôn nhân, sự lựa chọn của con cái, sức khỏe yếu kém, thiếu cơ hội và nhiều vấn đề khác nữa—nhưng họ vẫn vững vàng, không hề lay chuyển và trung thành

với tôn giáo của họ một cách đáng kể. Các chị em phụ nữ của chúng ta trong khắp Giáo Hội liên tục “giúp đỡ người yếu đuối, nâng đỡ những bàn tay rũ rượi, và làm vững mạnh những đầu gối suy nhược.”¹¹

Một chị chủ tịch Hội Phụ Nữ, là người đã công nhận sự phục vụ phi thường này, nói rằng: “Ngay cả khi các chị em phụ nữ phục vụ, họ cũng đang suy nghĩ: ‘Giá mà tôi có thể làm được thêm nhiều hơn nữa!’” Mặc dù họ không hoàn hảo và đều đối phó với những khó khăn riêng, nhưng đức tin của họ nơi Cha Thiên Thượng nhân từ và sự bảo đảm về sự hy sinh chuộc tội của Đấng Cứu Rỗi đã tràn ngập cuộc sống của họ.

Vai Trò của Các Chị Em Phụ Nữ trong Giáo Hội

Trong ba năm qua, Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn và Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ đã tìm kiếm sự hướng dẫn, cảm ứng và mặc khải khi chúng tôi hội ý với các vị lãnh đạo chức tư tế và tổ chức hỗ trợ cũng như soạn thảo quyển sách hướng dẫn mới của Giáo Hội. Trong tiến trình này, tôi trải qua những cảm nghĩ biết ơn rất nhiều về vai trò thiết yếu mà các chị em phụ nữ, đã lập gia đình lẫn độc thân, đã đóng góp từ thời xưa và hiện nay trong gia đình lẫn trong Giáo Hội.

Tất cả các tín hữu của Giáo Hội của Chúa Giê Su Ky Tô phải “lao nhọc trong vườn nho của Ngài ngõ hầu cứu rỗi linh hồn con người.”¹² “Công việc cứu rỗi gồm có công việc truyền giáo của tín hữu, giữ chân người cải đạo, giúp các tín hữu kém tích cực hoạt động tích cực lại, công việc đền thờ và lịch sử gia đình, . . . giảng dạy phúc âm,”¹³ và chăm sóc người nghèo khó và túng thiếu.¹⁴ Điều này được chủ yếu thực hiện qua hội đồng tiểu giáo khu.¹⁵

Đặc biệt, vì nhận biết gánh nặng vốn có của các vị giám trợ, nên các sách hướng dẫn mới này muốn các vị giám trợ sẽ giao phó thêm trách nhiệm cho những người khác. Các tín hữu cần phải nhận biết rằng vị giám trợ đã được chỉ dẫn để giao phó trách nhiệm cho những người khác. Các tín hữu cần phải tán trợ và hỗ trợ vị giám trợ khi ông tuân theo lời dạy này. Điều

này sẽ cho phép vị giám trợ dành ra thêm thời giờ với giới trẻ, những người thành niên trẻ độc thân và gia đình của vị ấy. Vị ấy sẽ giao phó các trách nhiệm quan trọng khác cho các vị lãnh đạo chức tư tế, các chủ tịch tổ chức hỗ trợ và mỗi người nam nữ. Trong Giáo Hội, vai trò của phụ nữ trong nhà được kính trọng vô cùng.¹⁶ Khi người mẹ nhận được một sự kêu gọi trong Giáo Hội mà đòi hỏi nhiều thời giờ đáng kể thì người cha sẽ thường nhận được một sự kêu gọi đòi hỏi ít thời giờ hơn để duy trì mức độ thăng bằng trong cuộc sống của gia đình.

Cách đây vài năm, tôi tham dự một đại hội giáo khu ở Tonga. Sáng Chúa Nhật, những người đàn ông từ 26 đến 35 tuổi ngồi đầy ba dãy ghế phía trước trong giáo đường. Tôi tưởng rằng họ thuộc vào nam ca đoàn của giáo khu. Nhưng khi công việc của đại hội được thực hiện, thì mỗi người nam này, tất cả là 63 người, đứng lên khi tên họ được đọc lên và được tán trợ để được sắc phong cho Chức Tư Tế Mên Chi Xê Đéc. Tôi vừa hài lòng lẫn ngạc nhiên.

Sau phiên họp đó, tôi hỏi Chủ Tịch Mateaki, vị chủ tịch giáo khu, là phép lạ này đã được thực hiện như thế nào. Ông nói cho tôi biết rằng trong một buổi họp hội đồng giáo khu thì vấn đề giúp các tín hữu kém tích cực hoạt động tích cực lại được đem ra thảo luận. Chủ tịch Hội Phụ Nữ giáo khu của ông, là Chị Leinata Va’enuku đã hỏi xem có thích hợp để chị nói một điều gì đó không. Trong khi chị ấy nói, Thánh Linh đã xác nhận với vị chủ tịch giáo khu rằng điều chị đang đề nghị là đúng. Chị giải thích rằng có một số đông các thanh niên tuyệt diệu độ tuổi từ ngoài 20 đến ngoài 30 trong giáo khu của họ đã không đi truyền giáo.

Chị nói rằng nhiều người trong số họ biết rằng họ đã làm cho các giám trợ và các vị lãnh đạo chức tư tế thất vọng là những người đã hết lòng khuyến khích họ đi phục vụ truyền giáo và bây giờ họ cảm thấy giống như tín hữu hạng nhì của Giáo Hội. Chị nêu lên rằng các thanh niên này đều quá tuổi đi phục vụ truyền giáo toàn thời gian. Chị bày tỏ tình yêu thương và mối quan tâm đối với họ. Chị giải thích rằng tất cả các giáo lễ cứu rỗi vẫn có sẵn cho họ, và cần phải tập trung vào các giáo lễ của chức tư tế và các giáo lễ trong đền thờ. Chị nói rằng mặc dù một số thanh niên này vẫn còn độc thân, nhưng đa số họ đã kết hôn với các phụ nữ tuyệt vời—một số tích cực, một số không tích cực và một số thì không phải là tín hữu.

Sau khi thảo luận xong trong hội đồng giáo khu, những người nam của chức tư tế và các chị em trong Hội Phụ Nữ quyết định sẽ tìm đến giải cứu những người đàn ông này cùng vợ con của họ, trong khi các vị giám trợ dành nhiều thời giờ hơn cho các thanh niên thiếu nữ trong các tiểu giáo khu. Những người tham gia vào việc giải cứu đó tập trung chính yếu vào việc chuẩn bị cho những người đàn ông này nhận chức tư tế, hôn nhân vĩnh cửu và các giáo lễ cứu rỗi của đền thờ. Trong hai năm kế tiếp, hầu như tất cả 63 người đàn ông là những người đã được tán trợ với Chức Tư Tế Mên Chi Xê Đéc tại đại hội tôi tham dự đều được làm lễ thiên ân trong đền thờ và làm lễ gắn bó với vợ họ. Câu chuyện này chỉ là một ví dụ về vai trò thiết yếu của các chị em phụ nữ đối với công việc cứu rỗi trong tiểu giáo khu và giáo khu của chúng ta, cũng như cách họ giúp nhận được mặc khải dễ dàng, nhất là trong các hội đồng của Giáo Hội.¹⁷





Kyiv, Ukraine

Vai Trò của Các Chị Em Phụ Nữ trong Gia Đình

Chúng tôi nhìn nhận rằng có nhiều lực lượng tà ác đang dần trận chống lại các phụ nữ và gia đình. Những cuộc nghiên cứu mới đây thấy rằng lòng tận tụy đối với hôn nhân cũng như con số những người thành niên kết hôn cũng đã giảm bớt.¹⁸ Đối với một số người, hôn nhân và gia đình đang trở thành “một điều lựa chọn tùy thích hơn là nguyên tắc tổ chức chính của xã hội chúng ta.”¹⁹ Các phụ nữ đối diện với nhiều điều phải lựa chọn và cần phải thành tâm cân nhắc những lựa chọn của mình và những lựa chọn đó ảnh hưởng đến gia đình như thế nào.

Năm ngoái, khi ở New Zealand, tôi đã đọc trong một tờ báo ở Auckland viết về các phụ nữ không thuộc vào tín ngưỡng của chúng ta đang vật vã với những vấn đề này. Một người mẹ nói đã nhận thấy rằng trong trường hợp của mình, sự lựa chọn giữa việc nên đi làm hay ở nhà là vì một tấm thảm mới và một chiếc xe thứ nhì mà mình thật sự không cần. Tuy nhiên, một phụ nữ khác cảm thấy “kẻ thù nguy hiểm nhất của cuộc sống gia đình hạnh phúc không phải là đi làm việc để lãnh lương—mà là truyền hình.” Người này nói rằng gia đình có dư thời giờ xem truyền hình nhưng thiếu thời giờ dành cho nhau.²⁰

Đây là những quyết định riêng, rất nhạy cảm, nhưng có hai nguyên tắc mà chúng ta nên luôn luôn ghi nhớ. Trước hết, không có một phụ nữ nào cần thấy phải xin lỗi hoặc thấy phần đóng góp của mình kém quan trọng vì người ấy tận tụy với các nỗ lực chính của mình để dạy dỗ và nuôi dưỡng con cái. Không có một điều gì trong kế hoạch của Cha Thiên Thượng lại quan trọng hơn việc dạy dỗ và nuôi dưỡng con cái. Thứ hai, chúng ta cần phải thận trọng đừng phê phán hoặc cho rằng các chị em phụ nữ thiếu can đảm nếu quyết định đi làm việc ở ngoài đời. Chúng ta không hiểu nhiều hoặc không thấy rõ hoàn cảnh của người khác. Vợ chồng cần phải thành tâm hội ý với nhau và hiểu rằng họ chịu trách nhiệm với Thượng Đế về quyết định của họ.

Hỡi các chị em là những người mẹ tận tâm, đơn chiếc vì bất cứ lý do gì, chúng tôi đều thông cảm với các chị em. Các vị tiên tri đã nói rõ rằng “có nhiều người sẵn sàng giúp đỡ các chị em. Chúa cũng như Giáo Hội của Ngài luôn lưu tâm đến các chị em.”²¹ Tôi hy vọng rằng Các Thánh Hữu Ngày Sau sẽ luôn đi đầu trong việc tạo ra một môi trường ở nơi làm việc để tiếp thu và sẵn lòng giúp đỡ những người nam lẫn người nữ trong các trách nhiệm làm cha mẹ.

Hỡi các chị em phụ nữ độc thân dưng cảm và trung tín, xin hãy biết

rằng chúng tôi yêu thương và biết ơn các chị em cùng cam đoan với các chị em rằng không có phước lành vĩnh cửu nào sẽ bị giữ lại không được ban cho các chị em đâu.

Người phụ nữ tiên phong phi thường, Emily H. Woodmansee, đã viết lời của bài thánh ca “As Sisters in Zion.” Chị đã quả quyết đúng rằng “nhiệm vụ ban cho các phụ nữ là thiêng liêng.”²² Điều này đã được mô tả là “việc làm theo mệnh lệnh trực tiếp của Cha Thiên Thượng là điều cao quý, và ‘đây là ân tứ mà các chị em có quyền thỉnh cầu.’”²³

Các chị em phụ nữ thân mến, chúng tôi yêu thương và khâm phục các chị em. Chúng tôi biết ơn sự phục vụ của các chị em trong vương quốc của Chúa. Các chị em thật là phi thường! Tôi đặc biệt biết ơn các phụ nữ trong cuộc sống của mình. Tôi làm chứng về sự xác thật của Sự Chuộc Tội, thiên tính của Đấng Cứu Rỗi và Sự Phục Hồi của Giáo Hội Ngài. Trong tôn danh của Chúa Giê Su Kỵ Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Wallace Stegner, *The Gathering of Zion: The Story of the Mormon Trail* (1971), 13.
2. Robert D. Putnam và David E. Campbell, *American Grace: How Religion Divides and Unites Us* (2010), 233.
3. Xin xem *Handbook 2: Administering the Church* (2010), 1.3.1; xin xem thêm *Môi Se* 5:1, 4, 12, 27.

4. Trong Andrew D. Olsen, *The Price We Paid: The Extraordinary Story of the Willie and Martin Handcart Pioneers* (2006), 445.
5. Xin xem “Leaves from the Life of Elizabeth Horrocks Jackson Kingsford,” Utah State Historical Society, Bản Thảo A 719; trong “Remembering the Rescue,” *Ensign*, tháng Tám năm 1997, 47.
6. Được phối hợp và thu ngắn lại từ một e-mail của Monica Sedgwick, chủ tịch Hội Thiếu Nữ giáo khu của Giáo Khu Laguna Niguel California, và một bài nói chuyện của Leslie Mortensen, chủ tịch Hội Thiếu Nữ giáo khu của Giáo Khu Mission Viejo California.
7. Trong một bài báo có tựa đề là “Tại Sao Chúng Ta Để cho Chúng Ăn Mặc Như Thế?” *Wall Street Journal*, ngày 19 tháng Ba–20, 2011, C3), một người mẹ Do Thái đầy quan tâm ủng hộ các tiêu chuẩn ăn mặc và sự trang nhã cùng công nhận tấm gương của các phụ nữ Mặc Môn.
8. “Gia Đình: Bản Tuyên Ngôn cùng Thế Giới,” *Liahona*, tháng Mười Một năm 2010, 129.
9. Xin xem Putnam and Campbell, *American Grace*, 244–45.
10. Xin xem Putnam and Campbell, *American Grace*, 244–504.
11. Giáo Lý và Giao Ước 81:5; xin xem thêm Mô Si A 4:26.
12. Giáo Lý và Giao Ước 138:56.
13. *Handbook 2: Administering the Church* (2010), trang 22.
14. Xin xem *Handbook 2*, 6.1.
15. Xin xem *Handbook 2*, 4.5.
16. Xin xem Emily Matchar, “Why I Can’t Stop Reading Mormon Housewife Blogs,” salon.com/life/feature/2011/01/15/feminist_obsessed_with_mormon_blogs. Người tự mô tả là theo thuyết nam nữ bình quyền và vô thần này công nhận mối quan tâm này và nói rằng mình nghiện đọc những blog do người nội trợ Mặc Môn viết.
17. Từ cuộc nói chuyện với chủ tịch Giáo Khu Nuku’alofa Tonga Ha’akame là Lehonitai Mateaki (về sau phục vụ với tư cách là chủ tịch của Phái Bộ Truyền Giáo Papua New Guinea Port Moresby) và chủ tịch Hội Phụ Nữ giáo khu tên là Leinata Va’enuku.
18. Xin xem D’Vera Cohn và Richard Fry, “Women, Men, and the New Economics of Marriage,” Pew Research Center, Social and Demographic Trends, pewsocialtrends.org. Con số trẻ em sinh ra cũng đã giảm một cách đáng kể trong nhiều quốc gia. Điều này đã được gọi là mùa đông theo nhân khẩu học.
19. “A Troubling Marriage Trend,” *Deseret News*, ngày 22 tháng Mười Một năm 2010, A14, trích dẫn một bài tường trình trên msnbc.com.
20. Xin xem Simon Collins, “Put Family before Moneymaking Is Message from Festival,” *New Zealand Herald*, ngày 1 tháng Hai năm 2010, A2.
21. Gordon B. Hinckley, “Women of the Church,” *Ensign*, tháng Mười Một năm 1996, 69; xin xem thêm Spencer W. Kimball, “Our Sisters in the Church,” *Ensign*, tháng Mười Một năm 1979, 48–49.
22. “As Sisters in Zion,” *Hymns*, số 309.
23. Karen Lynn Davidson, *Our Latter-Day Hymns: The Stories and the Messages*, duyệt lại xuất bản (2009), 338–39.



Bài của Chủ Tịch Henry B. Eyring
Đệ Nhất Cố Vấn trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn

Cơ Hội Làm Điều Thiện

Cách Chúa giúp đỡ những người có nhu cầu vật chất là đòi hỏi mọi người vì tình yêu thương phải hy sinh bản thân mình và những gì họ có cho Thượng Đế và cho công việc của Ngài.

Các anh chị em thân mến, mục đích sứ điệp của tôi là ngợi khen cũng như ca tụng điều Chúa đã và đang làm để phục vụ người nghèo túng ở giữa con cái của Ngài trên thế gian. Ngài yêu thương con cái của Ngài đang gặp hoạn nạn cũng như những người muốn giúp đỡ. Ngài cũng đã tạo ra những cách thức để ban phước cho những người cần giúp đỡ lẫn những người sẽ giúp đỡ.

Cha Thiên Thượng nghe những lời cầu nguyện của con cái Ngài trên khắp thế gian là những người khẩn cầu có được thức ăn, quần áo để che thân và đủ tư cách để có thể tự lo liệu cho mình. Ngài đã nghe thấu những lời khẩn cầu đó từ khi Ngài đặt những người nam và người nữ trên thế gian.

Các anh chị em biết về những nhu cầu đó ở nơi mình sinh sống và trên khắp thế giới. Các anh chị em cảm thấy xúc động với mỗi thương cảm. Khi gặp một người nào đó đang vất vả tìm kiếm việc làm, các anh chị em thấy muốn giúp đỡ. Các anh chị em cảm thấy như vậy khi đi vào nhà của một người góa phụ và thấy rằng người ấy không có thức ăn. Các anh chị em cảm thấy như vậy khi thấy những tấm hình chụp các trẻ em đang ngồi khóc bên cạnh những căn nhà đổ nát vì trận động đất hay hỏa hoạn tàn phá.

Vì Chúa nghe thấu tiếng khóc than của những người hoạn nạn và cảm nhận được mỗi thương cảm sâu xa của các anh chị em dành cho họ, nên từ lúc ban đầu, Ngài đã ban cho cách thức để các môn đồ của Ngài có thể giúp đỡ. Ngài đã mời gọi con cái của Ngài hiến dâng thời giờ, phương tiện và hy sinh để cùng với Ngài phục vụ những người khác.

Đôi khi, cách giúp đỡ của Ngài đã được gọi là sống theo luật dâng hiến. Trong một thời kỳ khác, cách của Ngài được gọi là tổ chức hiệp nhất. Trong thời kỳ của chúng ta thì được gọi là chương trình an sinh của Giáo Hội.

Tên và chi tiết của hoạt động này được thay đổi để phù hợp với nhu cầu và điều kiện của con người. Nhưng lúc nào cũng vậy, cách Chúa giúp đỡ những người có nhu cầu vật chất đòi hỏi mọi người vì tình yêu thương phải hy sinh bản thân mình và những gì họ có cho Thượng Đế và cho công việc của Ngài.

Ngài đã mời gọi và truyền lệnh chúng ta phải tham gia vào công việc của Ngài để nâng đỡ những người hoạn nạn. Chúng ta lập giao ước để làm điều đó trong hồ nước báp têm và trong đền thờ thánh của Thượng Đế. Chúng ta tái lập giao ước đó vào ngày Chúa Nhật khi dự phần Tiệc Thánh.

Mục đích của tôi ngày hôm nay là mô tả một số cơ hội Ngài đã ban cho chúng ta để giúp đỡ những người đang gặp hoạn nạn. Tôi không thể nói về tất cả những cơ hội này chỉ trong thời gian ngắn chúng ta có với nhau hôm nay. Hy vọng của tôi là tái lập và củng cố sự cam kết của các anh chị em để hành động.

Khi còn nhỏ, tôi đã hát bài thánh ca nói về lời mời gọi của Chúa để làm công việc này. Trong thời thơ ấu, tôi chú ý đến giai điệu vui vẻ hơn là những lời ca mạnh mẽ của bài thánh ca đó. Tôi cầu nguyện rằng các anh chị em sẽ cảm nhận được trong lòng mình lời ca đó ngày hôm nay. Chúng ta hãy lắng nghe lời ca một lần nữa:

Nhìn lại xem mình làm điều chi tốt trong ngày nay?

Nào ta có giúp cho người kêu xin?

Hoặc an ủi ai đang buồn, hoặc làm cho ai mừng vui?

Không thể thì chính ta sai lầm rồi.

Hôm nay ai vui được sâu, vì ta chung chia sẻ?

Có gánh nặng nào được ta ghé vai?

Người bệnh nào yếu đuối những lúc trông mong ta nâng đỡ,

Chính ta đã làm những chi cho họ?

Vậy hãy thức dậy, hãy chuyên cần hơn

Chớ nằm mộng mơ mãi trên làn mây.

Làm điều tốt cho ta niềm vui sướng không chi sánh được đâu,

Phước cho ai ích cho đời, giúp người.¹

Chúa thường đưa ra những sứ điệp nhằm nhắc nhở tất cả chúng ta làm điều thiện. Đôi khi đó có thể là một mối thương cảm bất ngờ đối với một người nào đó đang hoạn nạn. Một người cha có thể đã cảm thấy điều đó khi thấy một đứa con té và bị trầy đầu gối. Một người mẹ có thể đã cảm thấy điều đó khi nghe tiếng kêu sợ hãi của con mình trong đêm tối. Một người con trai hay con gái có thể đã thấy thương cảm một người nào đó dường như buồn bã hoặc sợ hãi ở trường học.

Tất cả chúng ta đều đã thấy thương cảm đối với những người mà ngay cả chúng ta còn không biết họ là ai. Ví dụ, khi nghe tin tức về những đợt sóng thần cuốn ngang qua Thái Bình



Dương sau trận động đất ở Nhật Bản, thì các anh chị em cảm thấy lo lắng cho người có thể bị thương tích.

Hàng ngàn anh chị em đã có mối thương cảm khi biết về nạn lụt ở Queensland, Úc. Tin tức tường trình chỉ chủ yếu ước lượng con số những người hoạn nạn. Nhưng nhiều anh chị em cảm thấy nỗi đau đớn của những người này. Ở Úc, có lẽ có hơn 1.500 tín hữu Giáo Hội đã đáp ứng sứ điệp nhắc nhở làm điều thiện khi họ tình nguyện đến giúp đỡ và an ủi.

Họ biến những mối thương cảm của mình thành một quyết định để hành động theo các giao ước của họ. Tôi đã thấy các phước lành đến với người đang hoạn nạn khi được giúp đỡ và đến với người nắm lấy cơ hội để ban phát.

Các bậc cha mẹ sáng suốt thấy mỗi nhu cầu của những người khác là một cách để mang các phước lành vào cuộc sống của con trai và con gái của mình. Mới đây, có ba đứa trẻ đã mang những đồ đựng một bữa ăn tối ngon lành đến cửa nhà chúng tôi. Cha mẹ của chúng biết rằng chúng tôi cần được giúp đỡ, và họ để cho con cái của họ tham gia vào cơ hội phục vụ chúng tôi.

Hai người cha mẹ này đã ban phước cho gia đình chúng tôi bằng sự phục vụ rộng lượng của họ. Qua việc chọn để cho con cái họ tham gia vào

việc ban phát, họ đã ban phước cho các cháu tương lai của họ. Nụ cười của mấy đứa trẻ khi chúng rời nhà chúng tôi đã làm cho tôi tin rằng các cháu của họ sẽ được ban phước. Họ sẽ kể cho con cái của họ biết về niềm vui cảm nhận được khi phục vụ Chúa với lòng nhân từ. Tôi còn nhớ cảm giác mãn nguyện lặng lẽ đó từ thời thơ ấu khi tôi nhỏ cõ cho một người hàng xóm theo như cha tôi yêu cầu. Bất cứ lúc nào tôi được yêu cầu ban phát, tôi đều nhớ và tin vào lời của bài thánh ca: “Đẹp thay công việc của Chúa vua tôi.”²

Tôi biết rằng những lời ca đó được viết ra để mô tả niềm vui có được từ việc thờ phượng Chúa vào ngày Sa Bát. Nhưng mấy đứa trẻ đó mang thức ăn đến, đứng ngoài cửa nhà chúng tôi, đã cảm thấy vui khi làm công việc của Chúa vào một ngày trong tuần. Và cha mẹ của chúng thấy được cơ hội làm điều thiện và truyền niềm vui đó qua nhiều thế hệ.

Cách Chúa chăm sóc cho người nghèo túng đem đến một cơ hội khác cho cha mẹ để ban phước cho con cái mình. Tôi đã thấy điều đó trong một giáo đường vào một ngày Chúa Nhật nọ. Một đứa trẻ đưa cho vị giám trợ một bao thư đựng tiền tặng dũ của gia đình nó khi ông bước vào giáo đường trước buổi lễ Tiệc Thánh.



Tôi biết gia đình ấy và đứa trẻ đó. Gia đình ấy mới vừa biết được có một ai đó trong tiểu giáo khu đang gặp hoạn nạn. Khi bỏ vào bao thư của lễ nhịn ăn số tiền nhiều hơn thường lệ, người cha đã nói với đứa con những lời như sau: “Chúng ta nhịn ăn ngày hôm nay và cầu nguyện cho những người gặp hoạn nạn. Con làm ơn đưa bao thư này cho vị giám trợ của chúng ta. Cha biết rằng ông ta sẽ dùng số tiền đó để giúp những người có nhiều nhu cầu hơn chúng ta.”

Thay vì khó chịu vì cái gói vào ngày Chúa Nhật ấy, đứa trẻ sẽ nhớ ngày đó với một cảm giác vui vẻ. Tôi có thể cảm nhận được từ nụ cười của nó và cách nó nắm chặt bao thư đến nỗi nó cảm thấy cha nó tin cậy nó biết bao để đến cho người nghèo. Nó sẽ nhớ ngày hôm ấy khi nó là một thầy trợ tế và có lẽ sẽ mãi mãi nhớ ngày đó.

Cách đây nhiều năm ở Idaho, tôi thấy cũng niềm vui đó trên gương mặt của những người đã giúp đỡ những người khác vì Chúa. Cái Đập Teton bị nổ tung vào thứ Bảy ngày 5 tháng Sáu năm 1976. Mười một người chết. Hàng

ngàn người phải rời bỏ nhà họ trong vòng mấy tiếng đồng hồ. Một số căn nhà bị cuốn trôi. Và hàng trăm căn nhà chỉ có thể ở được nếu có nỗ lực và phương tiện sửa sang vượt quá khả năng của chủ nhà.

Những người nghe về thảm cảnh đó đã có mỗi thương cảm và cảm thấy phải làm điều thiện. Những người hàng xóm, các giám trợ, các chủ tịch Hội Phụ Nữ, những người lãnh đạo chức tư tế, các thầy giảng tại gia và các giảng viên thăm viếng đã rời nhà và công việc làm để dọn dẹp những căn nhà bị ngập lụt của những người khác.

Một cặp vợ chồng đã trở lại Rexburg sau một thời gian nghỉ hè ngay sau khi vừa xảy ra nạn lụt. Họ không đi xem căn nhà của họ ra sao. Thay vì thế, họ đi tìm vị giám trợ để hỏi xem họ có thể giúp đỡ ở đâu. Vị giám trợ gửi họ đi đến một gia đình đang gặp hoạn nạn.

Sau một vài ngày, họ về xem căn nhà của họ như thế nào. Căn nhà của họ đã bị nước lụt cuốn đi mất. Họ trở lại gặp vị giám trợ và hỏi: “Giám trợ muốn chúng tôi phải làm gì bây giờ?”

Dù đang ở đâu, các anh chị em cũng đã thấy phép lạ của mỗi thương cảm đó biến thành hành động vị tha. Điều đó có thể không phải là do một thiên tai lớn đưa đến. Tôi đã thấy điều đó trong một nhóm tức số chức tư tế khi một anh đứng lên mô tả một người nam hay người nữ tìm kiếm việc làm để nuôi sống họ và gia đình. Tôi có thể thấy được mỗi thương cảm trong căn phòng đó, nhưng một số người khác đưa ra tên của những người có thể thuê những người cần việc làm.

Điều xảy ra trong nhóm tức số chức tư tế đó và điều đã xảy ra trong những căn nhà bị ngập lụt ở Idaho đã thể hiện cách của Chúa để giúp đỡ những người đang gặp hoạn nạn trở nên tự túc lại. Chúng ta cảm thấy trách ẩn, và chúng ta biết cách hành động theo cách của Chúa để giúp đỡ.

Chúng ta kỷ niệm 75 năm thành lập chương trình an sinh của Giáo Hội trong năm nay. Chương trình này bắt đầu để đáp ứng những nhu cầu của những người bị mất việc làm, mất nông trại và ngay cả mất nhà cửa sau Tinh Trạng Kinh Tế Trì Trệ.

Con cái của Cha Thiên Thượng đều có nhiều nhu cầu vật chất vào ngày nay cũng giống như trước đây, sau này và bất cứ lúc nào. Các nguyên tắc nằm trong nền tảng của chương trình an sinh của Giáo Hội không phải chỉ cho một thời gian hoặc một chỗ, mà còn cho bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu.

Các nguyên tắc đó đều là thuộc linh và vĩnh cửu. Vì lý do đó, việc hiểu và ghi nhớ kỹ các nguyên tắc đó vào lòng mình sẽ làm cho chúng ta có thể thấy và nắm lấy cơ hội để giúp đỡ bất cứ lúc nào và bất cứ nơi đâu mà Chúa mời gọi chúng ta.

Đây là một số nguyên tắc đã hướng dẫn tôi khi tôi muốn giúp đỡ theo cách của Chúa và khi tôi được những người khác giúp đỡ.

Trước hết, mọi người đều vui vẻ hơn và cảm thấy tự trọng hơn khi họ có thể tự lo liệu cho mình và gia đình mình rồi sau đó tìm đến chăm sóc những người khác. Tôi biết ơn những người đã giúp tôi đáp ứng được các nhu cầu của tôi. Tôi còn biết ơn nhiều hơn nữa đối với những người đã giúp tôi trở nên tự túc trong những năm qua. Và rồi tôi biết ơn

nhieu nhất đối với những người đã cho tôi thấy cách sử dụng một số phương tiện thặng dư của mình để giúp đỡ những người khác.

Tôi đã biết rằng cách để có được phương tiện thặng dư là phải xài ít hơn số tiền tôi kiếm được. Với phương tiện thặng dư đó, tôi đã có thể biết được rằng cho thì thật sự tốt hơn là nhận. Điều đó một phần là vì khi chúng ta giúp đỡ theo cách của Chúa thì Ngài ban phước cho chúng ta.

Chủ Tịch Marion G. Romney nói về công việc an sinh: “Trong công việc này, ta không thể cho quá nhiều đến nỗi chính ta trở thành nghèo.” Và rồi ông trích dẫn lời của vị chủ tịch phái bộ truyền giáo của mình là Melvin J. Ballard, như sau: “Một người không thể dâng lên Chúa ít mà Ngài lại ban cho người ấy nhiều phước lành được.”³

Tôi đã thấy rằng điều đó thật đúng trong cuộc sống của tôi. Khi tôi rộng lượng với con cái đang gặp hoạn nạn của Cha Thiên Thượng thì Ngài sẽ rộng lượng lại với tôi.

Nguyên tắc phúc âm thứ nhì đã từng là một điều hướng dẫn đối với tôi trong công việc an sinh là quyền năng và phước lành của tình đoàn kết. Khi chúng ta cùng nhau phục vụ những người đang hoạn nạn thì Chúa đoàn kết chúng ta. Chủ Tịch J. Reuben Clark, Jr. nói như sau: “Sự ban phát đó . . . đã mang đến . . . một sự thông cảm trong tình anh em khi những người nam thuộc đủ mọi ngành nghề đã sát cánh làm việc với nhau trong một khu vườn An Sinh hoặc dự án khác.”⁴

Tình anh em gia tăng đó đúng thật cho cả người nhận lẫn người ban phát. Cho đến hôm nay, một người mà tôi đã sát cánh cùng xúc bùn trong căn nhà ngập lụt của anh ở Rexburg đã cảm thấy gần gũi với tôi. Và anh cảm thấy tự trọng hơn vì đã làm hết sức cho bản thân và gia đình mình. Nếu làm việc riêng rẽ một mình thì cả hai chúng tôi đã để lỡ mất một phước lành thuộc linh.

Điều đó dẫn đến nguyên tắc thứ ba về hành động trong công việc an sinh đối với tôi: Hãy để gia đình mình tham gia làm việc với mình để họ có thể học được cách chăm sóc cho nhau cũng như chăm sóc người khác. Khi



các con trai và con gái của các anh chị em cùng làm việc với các anh chị em để phục vụ những người đang gặp hoạn nạn thì chúng có thể giúp đỡ lẫn nhau khi gặp hoạn nạn.

Nguyên tắc quý báu thứ tư của chương trình an sinh của Giáo Hội tôi đã học biết được khi là một giám trợ. Nguyên tắc này có được từ việc tuân theo lệnh truyền trong thánh thư để tìm kiếm người nghèo khó. Bốn phần của giám trợ là tìm kiếm và giúp đỡ những người vẫn cần được phụ giúp sau khi họ và gia đình đã cố gắng hết sức. Tôi thấy rằng Chúa gửi Đức Thánh Linh đến để làm cho việc “hãy tìm kiếm rồi . . . sẽ gặp”⁵ có thể thực hiện được trong việc chăm sóc người nghèo khó như Ngài đã làm trong việc tìm kiếm lẽ thật. Nhưng tôi cũng đã học cách mời chủ tịch Hội Phụ Nữ tham gia trong việc tìm kiếm này. Chị ấy có thể nhận được sự mặc khải trước các anh chị em.

Một số các anh chị em sẽ cần sự soi dẫn đó trong những tháng tới. Để kỷ niệm 75 năm thành lập chương trình an sinh của Giáo Hội, các tín hữu trên khắp thế giới sẽ được mời gọi tham gia vào chương trình một ngày phục vụ. Các vị lãnh đạo và tín hữu sẽ tìm kiếm sự mặc khải khi hoạch định bất cứ dự án nào.

Tôi xin đưa ra ba đề nghị khi các anh chị em hoạch định dự án phục vụ của mình.

Thứ nhất, hãy tự chuẩn bị mình và những người mình lãnh đạo về phần thuộc linh. Chỉ khi nào những tâm lòng đã được Sự Chuộc Tội của Đấng Cứu Rỗi xoa dịu thì các anh chị em mới có thể thấy rõ mục tiêu của dự án là ban phước cho cuộc sống thuộc

linh lẫn vật chất của con cái của Cha Thiên Thượng.

Đề nghị thứ nhì của tôi là chọn những người sẽ được các anh chị em phục vụ ở trong vương quốc hoặc trong cộng đồng tức là những người có nhu cầu làm cảm động lòng những người sẽ phục vụ. Những người họ phục vụ sẽ cảm thấy tình yêu thương của họ. Điều đó có thể hữu hiệu để làm cho họ cảm thấy hài lòng, như lời hứa trong bài ca đó, hơn là chỉ đáp ứng những nhu cầu vật chất của họ.

Đề nghị cuối cùng của tôi là hoạch định việc sử dụng quyền năng của mỗi ràng buộc trong gia đình, nhóm túc số, các tổ chức hỗ trợ và những người các anh chị em quen biết trong cộng đồng của mình. Những cảm nghĩ đoàn kết sẽ gia tăng ảnh hưởng tốt lành của sự phục vụ của các anh chị em. Và cảm nghĩ đoàn kết đó sẽ tăng trưởng và trở thành một di sản lâu dài trong gia đình, trong Giáo Hội và trong cộng đồng sau khi dự án kết thúc.

Đây là cơ hội của tôi để nói cho các anh chị em biết rằng tôi biết ơn các anh chị em biết bao. Qua sự phục vụ với tình thương của các anh chị em vì Chúa, nên nhiều người các anh chị em giúp đỡ đã cảm ơn tôi khi tôi gặp họ trên khắp thế giới.

Các anh chị em đã tìm ra cách nâng đỡ họ lên cao hơn khi các anh chị em giúp đỡ theo cách của Chúa. Các anh chị em và các môn đồ khiêm nhường của Đấng Cứu Rỗi giống như các anh chị em đã hết lòng phục vụ những người khác, và đổi lại, những người được các anh chị em giúp đỡ đã cố gắng bày tỏ lòng biết ơn vô cùng đối với tôi.

Tôi cũng được những người đã làm việc với các anh chị em biết ơn như vậy. Tôi còn nhớ một lần khi đang đứng cạnh Chủ Tịch Ezra Taft Benson. Chúng tôi đang nói chuyện về sự phục vụ an sinh trong Giáo Hội của Chúa. Ông đã làm tôi ngạc nhiên trước sức sống trẻ trung của ông khi ông bóp bóp tay mình và nói: “Tôi yêu thích công việc này và đây chính là công việc làm!”

Thay mặt Đức Thầy, tôi xin cảm ơn về việc làm của các anh chị em để phục vụ con cái của Cha Thiên Thượng. Ngài biết các anh chị em và Ngài thấy nỗ lực, sự tận tâm và hy sinh của các anh chị em. Tôi cầu nguyện rằng Ngài sẽ ban cho các anh chị em phước lành để thấy được kết quả việc làm của mình trong hạnh phúc của những người mình đã giúp đỡ vì Chúa.

Tôi biết rằng Thượng Đế Đức Chúa Cha hằng sống và nghe những lời cầu nguyện của chúng ta. Tôi biết rằng Chúa Giê Su là Đấng Ky Tô. Các anh chị em và những người các anh chị em phục vụ có thể được thanh tẩy và củng cố bằng cách phục vụ Ngài cùng tuân giữ các lệnh truyền của Ngài. Nhờ quyền năng của Đức Thánh Linh, các anh chị em có thể biết cũng như tôi biết rằng Joseph Smith là vị tiên tri của Thượng Đế để phục hồi Giáo Hội chân chính và tại thế, chính là Giáo Hội này đây. Tôi làm chứng rằng Chủ Tịch Thomas S. Monson là vị tiên tri tại thế của Thượng Đế. Ông là tấm gương sáng về điều mà Chúa đã làm: đi khắp nơi làm việc thiện. Tôi cầu nguyện rằng chúng ta có thể lấy cơ hội của mình để “nâng đỡ những bàn tay rũ rượi và làm vững mạnh những đầu gối suy nhược.”⁶ Trong thánh danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. “Ta Đã Làm Điều Tốt?” *Thánh Ca*, số 58.
2. “Đẹp Thay Công Việc của Chúa,” *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiếu Nhi*, số 13.
3. Marion G. Romney, “Welfare Services: The Savior’s Program,” *Ensign*, tháng Mười Một năm 1980, 93.
4. J. Reuben Clark Jr., trong Conference Report, tháng Mười năm 1943, 13.
5. Xin xem Ma Thi Ơ 7:7–8; Lu Ca 11:9–10; 3 Nê Phi 14:7–8.
6. Giáo Lý và Giao Ước 81:5.



Do Chủ Tịch Dieter F. Uchtdorf Trình Bày
Đệ Nhị Cố Vấn trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn

Phản Tán Trợ Các Chức Sắc của Giáo Hội

Xin đề nghị rằng chúng ta tán trợ Thomas Spencer Monson là vị tiên tri, tiên kiến, và mặc khải và là Chủ Tịch của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô; Henry Bennion Eyring là Đệ Nhất Cố Vấn trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn; và Dieter Friedrich Uchtdorf là Đệ Nhị Cố Vấn trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn.

Những ai tán trợ, xin giơ tay lên.

Những ai phản đối, cũng xin giơ tay lên.

Xin đề nghị rằng chúng ta tán trợ Boyd Kenneth Packer là Chủ Tịch của Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ và sau đây là các thành viên của nhóm túc số đó: Boyd K. Packer, L. Tom Perry, Russell M. Nelson, Dallin H. Oaks, M. Russell Ballard, Richard G. Scott, Robert D. Hales, Jeffrey R. Holland, David A. Bednar, Quentin L. Cook, D. Todd Christofferson và Neil L. Andersen.

Những ai tán trợ, xin giơ tay lên.

Có ai phản đối không, xin cho biết.

Xin đề nghị rằng chúng ta tán trợ các cố vấn trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn và Mười Hai Vị Sứ Đồ là các vị tiên tri, tiên kiến và mặc khải.

Tất cả những ai tán trợ, xin giơ tay lên.

Ngược lại, nếu có, cũng xin giơ tay lên.

Xin đề nghị rằng chúng ta giải nhiệm những người sau đây với tư cách là thành viên của Các Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi có Thẩm Quyền Giáo Vùng kể từ ngày 1 tháng Năm năm 2011: José L. Alonso, Nelson L. Altamirano, John S. Anderson, Ian S. Ardern, Sergio E. Avila, David R. Brown, D. Fraser Bullock, Donald J. Butler, Vladimiro J. Campero, Daniel M. Cañoles, Carl B. Cook, I. Poloski Cordon, J. Devn Cornish, Federico F. Costales, LeGrand R. Curtis Jr., Heber O. Diaz, Andrew M. Ford, Julio G. Gaviola, Manuel Gonzalez, Daniel M. Jones, Donald J. Keyes, Domingos S. Linhares, B. Renato Maldonado, Raymundo Morales, J. Michel Paya, Stephen D. Posey, Juan M. Rodriguez, Gerardo L. Rubio, Jay L. Sitterud, Dirk Smibert, Eivind Sterri, Ysrael A. Tolentino, W. Christopher Waddell và Gary W. Walker.

Những ai muốn cùng chúng tôi bày tỏ lòng biết ơn đối với sự phục vụ xuất sắc của họ, xin giơ tay lên.

Xin đề nghị rằng chúng ta tán trợ



những người sau đây với tư cách là các thành viên mới trong Hệ Nhất Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mười: Don R. Clarke, José L. Alonso, Ian S. Ardern, Carl B. Cook, LeGrand R. Curtis Jr., W. Christopher Waddell, và Kazuhiko Yamashita; và với tư cách là các thành viên mới trong Hệ Nhị Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mười: Randall K. Bennett, J. Devn Cornish, O. Vincent Haleck và Larry Y. Wilson.

Tất cả những ai tán trợ, xin giơ tay lên.

Nếu có ai phản đối, cũng xin giơ tay lên.

Xin đề nghị rằng chúng ta tán trợ những người sau đây với tư cách là Các Thầy Bảy Mười Có Thẩm Quyền Giáo Vùng mới: Kent J. Allen, Stephen B. Allen, Winsor Balderrama, R. Randall Bluth, Hans T. Boom, Patrick M. Boutoille, Marcelo F. Chappe, Eleazer S. Collado, Jeffrey D. Cummings, Nicolas L. Di Giovanni, Jorge S. Dominguez, Gary B. Doxey, David G. Fernandes, Hernán D. Ferreira, Ricardo P. Giménez, Allen D. Haynie, Douglas F. Higham, Robert W. Hymas, Lester F. Johnson, Matti T. Jouttenus, Chang Ho Kim,

Alfred Kyungu, Remegio E. Meim Jr., Ismael Mendoza, Cesar A. Morales, Rulon D. Munns, Ramon C. Nobleza, Abenir V. Pajaro, Gary B. Porter, José L. Reina, Esteban G. Resek, George F. Rhodes Jr., Lynn L. Summerhays, Craig B. Terry, David J. Thomson, Ernesto R. Toris, Arnulfo Valenzuela, Ricardo Valladares, Fabian I. Vallejo, Emer Villalobos và Terry L. Wade.

Tất cả những ai tán trợ, xin giơ tay lên.

Có ai phản đối không.

Xin đề nghị rằng chúng ta tán trợ Các Vị Thẩm Quyền Trung Ương, Các Thầy Bảy Mười Có Thẩm Quyền Giáo Vùng khác và các chủ tịch đoàn tổ chức hỗ trợ trung ương hiện đang được cấu thành.

Những ai tán trợ, xin giơ tay lên.

Nếu có ai phản đối cũng xin giơ tay lên.

Thưa Chủ Tịch Monson, tới mức mà tôi có thể quan sát được, thì phần biểu quyết trong Trung Tâm Đại Hội đã được nhất trí và đồng ý với lời đề nghị đưa ra.

Xin cảm ơn các anh chị em về sự biểu quyết tán trợ, và đức tin, lòng tận tụy và những lời cầu nguyện liên tục của các anh chị em. ■





Bản Báo Cáo của Sở Kiểm Toán Giáo Hội, Năm 2010

Do Robert W. Cantwell

Giám Đốc Điều Hành, Sở Kiểm Toán Giáo Hội, trình bày

*Kính gửi Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn Giáo Hội Các Thánh
Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Kỵ Tô*

Kính thưa Các Anh Em: Hội Đồng Chi Dụng Tiền Thập Phân cho phép việc chi tiêu các ngân quỹ của Giáo Hội, như đã được quy định bởi điều mặc khải trong tiết 120 của sách Giáo Lý và Giao Ước. Hội đồng này gồm có Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn, Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ và Giám Trợ Đoàn Chủ Tọa. Hội đồng

này chấp thuận các ngân quỹ cho các phòng sở, những việc điều hành và những khoản chi dụng liên hệ với các đơn vị tôn giáo của Giáo Hội. Các phòng sở của Giáo Hội chi dùng ngân quỹ đúng theo các ngân sách đã được chấp thuận và đúng theo các chính sách cũng như thủ tục của Giáo Hội.

Sở Kiểm Toán Giáo Hội được

quyền kiểm soát tất cả các hồ sơ cũng như hệ thống cần thiết để đánh giá công việc kiểm toán thích hợp với những số đóng góp và chi tiêu của ngân quỹ cùng bảo vệ tài sản của Giáo Hội. Sở Kiểm Toán Giáo Hội biệt lập với tất cả các phòng sở cũng như các phần hành khác của Giáo Hội, và các nhân viên kiểm toán gồm có các kế toán viên chuyên nghiệp, kiểm toán viên nội vụ chuyên nghiệp, kiểm toán viên hệ thống tin học chuyên nghiệp và chuyên gia có giấy phép hành nghề khác.

Căn cứ theo các cuộc kiểm toán đã được thực hiện, Sở Kiểm Toán Giáo Hội nghĩ rằng, về tất cả mọi phương diện, những số đóng góp nhận được, ngân quỹ chi tiêu cùng tài sản của Giáo Hội trong năm 2010 đã được ghi chép và quản lý đúng theo những thực hành kế toán thích hợp, theo ngân sách đã được chấp thuận, cũng như theo các chính sách và thủ tục của Giáo Hội.

Xin trân trọng đệ trình,
Sở Kiểm Toán Giáo Hội
Robert W. Cantwell
Giám Đốc Điều Hành ■

Bản Báo Cáo Thống Kê, Năm 2010

do Brook P. Hales,

Thư Ký của Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn, Trình Bày

Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn đã công bố bản báo cáo thống kê sau đây của Giáo Hội cho năm 2010. Tính đến ngày 31 tháng Mười Hai năm 2010, đã có 2.896 giáo khu, 340 phái bộ truyền giáo, 614 giáo hạt, 28.660 tiểu giáo khu và chi nhánh.

Tổng số tín hữu của Giáo Hội vào cuối năm 2010 là 14.131.467.

Có 120.528 trẻ em mới được ghi vào hồ sơ trong Giáo Hội và 272.814 người cải đạo chịu phép báp têm trong năm 2010.

Con số những người phục vụ truyền giáo toàn thời gian vào cuối năm này là 52.225.

Con số những người truyền giáo phục vụ trong Giáo Hội là 20.813, nhiều người trong số họ sống ở nhà và được kêu gọi hỗ trợ một số nhiệm vụ khác nhau trong Giáo Hội.

Bốn đền thờ được làm lễ cung hiến trong năm: Đền Thờ Vancouver British Columbia ở Canada; Đền Thờ Gila Valley Arizona ở Hoa Kỳ; Đền Thờ Cebu City Philippines; và Đền Thờ Kyiv Ukraine.

Đền Thờ Laie Hawaii ở Hoa Kỳ được làm lễ tái cung hiến vào năm 2010.

Tổng số các đền thờ hiện đang hoạt động trên khắp thế giới là 134.

Các Cựu Chức Sắc Có Thấm Quyền Trung Ương của Giáo Hội và Các Tín Hữu Khác đã Qua Đời Kể Từ Đại Hội Tháng Tư Năm Ngoái

Các Anh Cả W Grant Bangerter, Adney Y. Komatsu, Hans B. Ringger, LeGrand R. Curtis, Richard P. Lindsay, Donald L. Staheli, và Richard B. Wirthlin, là các cựu thành viên của Các Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi; Barbara B. Smith, cựu chủ tịch trung ương Hội Phụ Nữ; Ruth H. Funk, cựu chủ tịch trung ương Hội Thiếu Nữ; Norma Jane B. Smith, cựu cố vấn trong chủ tịch đoàn trung ương Hội Thiếu Nữ; Helen Fyans, góa phụ của Anh Cả J. Thomas Fyans, một Vị Thấm Quyền Trung Ương danh dự; Arnold D. Friberg, họa sĩ; J. Elliot Cameron, cựu ủy viên giáo dục của Giáo Hội. ■





Bài của Chủ Tịch Boyd K. Packer
Chủ Tịch Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ

Được Thánh Linh Hướng Dẫn

*Mỗi người chúng ta có thể được tinh thần mặc khải
và ân tứ Đức Thánh Linh hướng dẫn.*

Đã 400 năm trôi qua kể từ khi quyển Kinh Thánh phiên bản King James được ấn hành với đóng góp đáng kể của William Tyndale, một vĩ nhân anh hùng trong mắt tôi.

Giới giáo sĩ không muốn Kinh Thánh được xuất bản bằng tiếng Anh bình dân. Họ săn đuổi Tyndale từ chỗ này đến chỗ nọ. Ông nói với họ: “Nếu Thượng Đế cứu mạng tôi thì không mấy năm nữa tôi sẽ làm cho một triệu niên nông dân cây bừa biết nhiều về Thánh Thư hơn là quý ông.”¹

Tyndale bị phản bội và bị giam giữ hơn một năm trong một ngục tối lạnh lẽo ở Brussels, Bỉ. Quần áo của ông rách tả tơi. Ông nài nỉ xin những người bắt giữ ông cho ông áo choàng ngoài, mũ và đèn cây: “Thật là chán ngắt khi ngồi một mình trong bóng tối.”² Nhưng họ từ chối không cho những thứ ông xin. Cuối cùng, ông bị mang ra khỏi nhà giam và bị thắt cổ rồi bị trói thiêu sống trước một đám đông dân chúng. Nhưng việc làm và sự tuân đạo của William Tyndale không phải là điều vô ích.

Vì các trẻ em Thánh Hữu Ngày Sau được giảng dạy từ nhỏ để biết về thánh thư, nên chúng có phần nào làm ứng nghiệm lời tiên tri của William

Tyndale đưa ra từ bốn thế kỷ trước.

Thánh thư ngày nay của chúng ta gồm có Kinh Thánh, Sách Mặc Môn: Một Chứng Thư Khác về Chúa Giê Su Kỵ Tô, Trần Châu Vô Giá và Giáo Lý và Giao Ước.

Vì Sách Mặc Môn nên chúng ta thường được gọi là Giáo Hội Mặc Môn, một danh xưng làm cho chúng ta không bức bối nhưng thật sự không xác đáng.

Trong Sách Mặc Môn, Chúa trở lại viếng thăm dân Nê Phi vì họ đã cầu nguyện lên Đức Chúa Cha trong danh Ngài. Và Chúa phán:

“Các ngươi muốn được ta ban cho điều chi?

“Và họ thưa với Ngài rằng: Thưa Chúa, chúng con muốn cầu xin Chúa phán bảo cho chúng con biết, chúng con sẽ gọi giáo hội này là tên gì; vì có nhiều sự tranh luận trong dân chúng về vấn đề này.

“Và Chúa phán cùng họ rằng . . . , tại sao dân chúng phải bàn tán và tranh luận về điều này như vậy?”

“Phải chăng họ không đọc thánh thư trong đó có nói rằng các ngươi phải mang lấy danh của Đấng Kỵ Tô . . . ? Vì đây là tên mà các ngươi sẽ được gọi vào ngày cuối cùng. . . .

“Vậy nên, bất cứ điều gì các ngươi sẽ làm, các ngươi phải làm trong danh ta; vậy các ngươi phải gọi giáo hội bằng danh ta; và các ngươi phải cầu xin Đức Chúa Cha trong danh ta để Ngài vì ta mà ban phước cho Giáo Hội.

“Làm sao mà giáo hội thuộc về ta nếu không được gọi bằng danh ta? Vì nếu một giáo hội có tên là Môi Se thì tức đó là giáo hội của Môi Se; hoặc nếu được gọi theo tên một người nào đó, thì giáo hội ấy sẽ thuộc về người đó; vậy nên, nếu giáo hội được gọi bằng danh ta thì đó là giáo hội của ta, nếu họ cũng được xây dựng trên phúc âm của ta.”³

Vì tuân theo điều mặc khải nên chúng ta tự gọi là Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Kỵ Tô thay vì Giáo Hội Mặc Môn. Nếu người khác gọi Giáo Hội chúng ta là Giáo Hội Mặc Môn hoặc gọi chúng ta là người Mặc Môn thì không có vấn đề gì cả, nhưng nếu chúng ta làm như vậy thì là chuyện khác.

Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn nói:

“Việc sử dụng danh xưng đã được mặc khải, là Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Kỵ Tô (GLGƯ 115:4), trách nhiệm của chúng ta càng ngày càng quan trọng để rao truyền tôn danh của Đấng Cứu Rỗi trên khắp thế gian. Vì thế, chúng tôi yêu cầu rằng khi nào nói đến Giáo Hội, chúng ta sử dụng danh xưng đầy đủ của Giáo Hội nếu có thể được. . . .

“Khi nói đến các tín hữu của Giáo Hội, chúng tôi đề nghị là ‘các tín hữu của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Kỵ Tô.’ Để rút gọn, thì nên nói là: ‘Các Thánh Hữu Ngày Sau’ hơn.”⁴

“[Các Thánh Hữu Ngày Sau] nói về Đấng Kỵ Tô, chúng tôi hoan hỷ về Đấng Kỵ Tô, chúng tôi thuyết giảng về Đấng Kỵ Tô, chúng tôi tiên tri về Đấng Kỵ Tô, và chúng tôi viết theo những điều tiên tri của chúng tôi, để cho con cháu chúng ta có thể hiểu được nguồn gốc nào mà chúng có thể tìm kiếm được sự xá miễn các tội lỗi của chúng.”⁵

Thế gian muốn nói tới chúng ta là gì thì nói, nhưng trong lời lẽ của chúng ta thì phải luôn luôn là chúng ta thuộc vào Giáo Hội của *Chúa Giê Su Kỵ Tô*.



Một số người cho rằng chúng ta không phải là Ky Tô hữu. Hoặc là họ không biết gì hết về chúng ta, hoặc là họ hiểu lầm.

Trong Giáo Hội, mỗi giáo lễ đều được thực hiện bởi thẩm quyền và trong danh của Chúa Giê Su Ky Tô.⁶ Chúng ta có cùng một tổ chức mà đã có trong Giáo Hội nguyên thủy với các vị sứ đồ và tiên tri.⁷

Thời xưa Chúa kêu gọi và sắc phong cho Mười Hai Sứ Đồ. Ngài bị phản bội và bị đóng đinh. Sau khi Đấng Cứu Rỗi phục sinh, Ngài đã giảng dạy cho các môn đồ của Ngài trong 40 ngày và rồi thăng lên trời.⁸

Nhưng đã thiếu một điều gì đó. Một vài ngày sau, Mười Hai Vị tụ lại trong một căn nhà, và “thình

lình, có tiếng từ trời đến như tiếng gió thổi ào ào, đầy khắp nhà môn đồ ngồi . . . Lưỡi rời rạc từng cái một . . . như lưỡi bằng lửa, [đậu trên] mỗi người trong bọn mình. Hết thấy đều được đầy đầy Đức Thánh Linh.”⁹ Các Sứ Đồ của Ngài giờ đây đã có được quyền năng. Họ hiểu rằng thẩm quyền được ban cho bởi Đấng Cứu Rỗi và ân tứ Đức Thánh Linh là thiết yếu để thiết lập Giáo Hội của Ngài. Họ được truyền lệnh phải làm phép báp têm và truyền giao ân tứ Đức Thánh Linh.¹⁰

Cuối cùng, Các Sứ Đồ và chức tư tế mà họ mang không còn nữa. Thẩm quyền và quyền năng để phục sự cần phải được phục hồi. Trong nhiều thế kỷ, con người trông chờ sự trở lại của

thẩm quyền và sự thiết lập của Giáo Hội của Chúa.

Vào năm 1829, chức tư tế được Giảng Báp Têm cùng Các Sứ Đồ Phi E Rơ, Gia Cơ và Giảng phục hồi cho Joseph Smith và Oliver Cowdery. Giờ đây, các nam tín hữu của Giáo Hội được sắc phong cho chức tư tế. Thẩm quyền này và ân tứ Đức Thánh Linh kèm theo, là ân tứ được truyền giao cho tất cả các tín hữu của Giáo Hội sau phép báp têm, làm cho chúng ta khác với các Giáo Hội khác.

Một điều mặc khải ban đầu chỉ thị “để cho mọi người đều có thể nói lên trong danh Đức Chúa Trời, là Đấng Cứu Rỗi thế gian.”¹¹ Công việc trong Giáo Hội ngày nay được thực hiện bởi những người nam và người nữ bình thường được kêu gọi và tán trợ để chủ tọa, giảng dạy và phục sự. Chính là bởi quyền năng mặc khải và ân tứ Đức Thánh Linh mà những người được kêu gọi đó được hướng dẫn để biết được ý Chúa. Những người khác có thể không chấp nhận những điều như lời tiên tri, mặc khải và ân tứ Đức Thánh Linh, nhưng nếu họ sẽ có thể hiểu được chúng ta thì họ phải hiểu rằng chúng ta chấp nhận những điều này.

Chúa đã mặc khải cho Joseph Smith một luật pháp về sức khỏe, là Lời Thông Sáng, từ lâu trước khi thế gian biết được những điều nguy hiểm này. Tất cả mọi người đều được dạy phải tránh trà, cà phê, rượu, thuốc lá và dĩ nhiên, nhiều loại ma túy và chất nghiện khác nhau, là những điều luôn luôn ở trước mắt giới trẻ của chúng ta. Những người tuân theo điều mặc khải này thì được hứa rằng họ “sẽ nhận được sức khỏe trong cuống rốn và xương tủy của mình;

“Và sẽ tìm thấy sự khôn ngoan cùng những kho tàng hiểu biết lớn lao, và những kho tàng đã bị giấu kín.

“Và sẽ chạy mà không mệt nhọc, và sẽ bước đi mà không mòn mỏi.”¹²

Trong một điều mặc khải khác, tiêu chuẩn đạo đức của Chúa truyền lệnh rằng các khả năng thiêng liêng của việc sinh con phải được bảo vệ và chỉ được sử dụng giữa người nam và người nữ, giữa vợ chồng mà thôi.¹³ Việc sử dụng sai khả năng này là một tội lỗi nghiêm trọng hơn bất cứ tội lỗi nào khác ngoại

trừ tội làm đổ máu người vô tội hay tội chối bỏ Đức Thánh Linh.¹⁴ Nếu một người vi phạm luật này thì giáo lý về sự hối cải dạy cách xóa bỏ hậu quả của sự phạm giới này.

Tất cả mọi người đều bị thử thách. Có người có thể nghĩ rằng họ gặp một cám dỗ đặc biệt không giống những người khác là không công bằng, nhưng đây là mục đích của cuộc sống trần thế—phải bị thử thách. Và câu trả lời thì đối với ai cũng giống nhau: chúng ta cần phải và chúng ta có thể chống lại bất cứ loại cám dỗ nào.

“Kế hoạch hạnh phúc vĩ đại”¹⁵ được đặt trên nền tảng của cuộc sống gia đình. Trong gia đình, người chồng là cái đầu và người vợ là trái tim. Và hôn nhân là một sự cộng tác bình đẳng. Một người nam Thánh Hữu Ngày Sau có trách nhiệm đối với gia đình của mình và trung tín trong phúc âm. Người ấy là một người chồng và người cha tận tụy, biết quan tâm. Người ấy kính trọng phụ nữ. Người vợ hỗ trợ chồng mình. Cả hai cha mẹ đều nuôi dưỡng sự phát triển thuộc linh của con cái họ.

Các Thánh Hữu Ngày Sau được dạy phải yêu thương nhau và sẵn lòng tha thứ cho nhau những điều sai trái.

Cuộc sống của tôi được thay đổi nhờ vào một vị tộc trưởng ngay chính. Khi còn trẻ, vị ấy kết hôn với người mình yêu. Họ yêu nhau tha thiết và

chẳng bao lâu, vợ của ông mang thai đứa con đầu lòng.

Vào cái đêm sinh đứa bé thì xảy ra biến chứng. Lúc ấy, ông bác sĩ duy nhất trong vùng quê này đang chăm sóc cho người bệnh ở đâu đó. Sau nhiều giờ đồng hồ chuyển dạ, tình trạng của người mẹ trở nên tuyệt vọng. Cuối cùng, người ta kiểm tra được ông bác sĩ. Trong trường hợp khẩn cấp, ông đã hành động nhanh chóng, rồi chẳng bao lâu đứa bé sinh ra và dường như cơn nguy ngập đã được giải quyết xong. Nhưng vài ngày sau đó, người mẹ trẻ qua đời vì bị lây nhiễm từ người bệnh mà ông bác sĩ đã chữa trị tại một nhà khác vào đêm đó.

Cuộc sống của người chồng trẻ góa vợ này bị đảo lộn. Nhiều tuần trôi qua, nỗi phiền muộn của anh ta trở nên day dứt thêm. Anh ta không nghĩ đến một điều gì khác, và với nỗi cay đắng trong lòng, anh ta bắt đầu hăm dọa sẽ làm hại người khác. Nếu sự việc đó xảy ra ngày nay, thì tôi chắc chắn là anh ta sẽ kiện ông bác sĩ đó vì tội hành nghề sơ xuất, như thể tiền bạc sẽ giải quyết được mọi chuyện vậy.

Một đêm nọ, có một tiếng gõ cửa nhà anh ta. Một đứa bé gái đứng trước cửa và chỉ nói: “Cha cháu muốn chú đến nhà. Cha cháu muốn nói chuyện với chú.”

“Người Cha” đây là vị chủ tịch giáo

khhu. Vị lãnh đạo khôn ngoan này đưa ra lời khuyên chỉ là: “Anh John à, hãy bỏ qua đi. Không có điều gì anh làm mà sẽ mang chị ấy trở lại được. Bất cứ điều gì anh làm sẽ làm cho sự việc càng tồi tệ hơn. Anh John à, hãy bỏ qua đi thôi.”

Đây là thử thách đối với người bạn tôi. Làm thế nào anh ấy bỏ qua được chứ? Một điều sai trái khủng khiếp đã xảy ra rồi. Anh ấy cố gắng tự kiểm chế rồi cuối cùng quyết định nên vâng lời và tuân theo lời khuyên dạy của vị chủ tịch giáo khu sáng suốt đó. Anh ấy quyết định sẽ bỏ qua.

Anh nói: “Đến khi lớn tuổi rồi tôi mới hiểu và có thể thấy được một ông bác sĩ nghèo ở miền quê—làm việc quá sức, với đồng lương ít ỏi, chạy khắp nơi khám hết bệnh nhân này đến bệnh nhân khác, thuốc men, dụng cụ y tế thiếu thốn, không có bệnh viện, cố gắng vất vả cứu mạng người, và hầu hết đều thành công. Ông ấy đã đến trong giây phút nguy ngập, khi hai mạng người đang bị tử thần đe dọa và đã hành động không hề chậm trễ. Cuối cùng tôi đã hiểu!” Anh nói: “Tôi đã làm hỏng cuộc đời tôi và cuộc đời của những người khác.”

Anh đã nhiều lần cảm ơn Chúa về vị lãnh đạo chức tư tế khôn ngoan đó đã khuyên anh một cách giản dị: “Anh John à, hãy bỏ qua đi.”

Chúng ta thấy xung quanh mình các tín hữu của Giáo Hội bị xúc phạm. Một số người bị xúc phạm vì những sự kiện thuộc về lịch sử của Giáo Hội hoặc vì các vị lãnh đạo Giáo Hội và họ chịu đau khổ suốt đời, họ không thể tha thứ cho những lỗi lầm của người khác. Họ không chịu bỏ qua. Họ trở nên kém tích cực.

Thái độ đó hơi giống một người bị đánh bằng gậy. Vì bị xúc phạm, nên người ấy lấy gậy và tự đánh lên đầu mình suốt những tháng ngày trong cuộc đời. Thật là điên rồ! Thật là đáng tiếc! Kiểu trả thù đó là tự hại mình. Nếu các anh chị em bị xúc phạm, thì hãy tha thứ, quên đi và bỏ qua.

Sách Mặc Môn cảnh cáo rằng: “Và giờ đây, nếu có lỗi lầm thì đó là lỗi lầm của loài người; vậy nên, đừng có lên án những sự việc của Thượng Đế, để các người có thể được xét thấy là

São Luís, Brazil





không từ vết xước ghé phán xét của Đấng Ky Tô.”¹⁶

Thánh Hữu Ngày Sau là người hoàn toàn bình thường. Chúng ta hiện diện ở khắp nơi trên thế giới. Chúng ta có 14 triệu người. Đây chỉ là khởi đầu mà thôi. Chúng ta được dạy rằng chúng ta ở trong thế gian nhưng không thuộc về thế gian.¹⁷ Do đó, chúng ta sống một cuộc sống bình thường trong các gia đình bình thường ở giữa dân chúng.

Chúng ta được dạy không nói dối, trộm cắp hay lừa đảo.¹⁸ Chúng ta không dùng lời lẽ báng bổ. Chúng ta lạc quan, hạnh phúc và không sợ sệt cuộc đời.

Chúng ta “sẵn sàng than khóc với những ai than khóc . . . và an ủi những ai cần được an ủi và đứng lên làm nhân chứng cho Thượng Đế bất cứ lúc nào, trong bất cứ việc gì, và ở bất cứ nơi đâu.”¹⁹

Nếu một người đang tìm kiếm một giáo hội không đòi hỏi họ nhiều thì đây không phải là giáo hội họ tìm kiếm. Việc làm một Thánh Hữu Ngày Sau không dễ dàng, nhưng cuối cùng đó là con đường duy nhất đúng đắn.

Cho dù có sự chống đối hoặc “những cuộc chiến tranh, những

tiếng đồn về chiến tranh, cùng các trận động đất ở nhiều nơi,”²⁰ nhưng không có một quyền lực hoặc ảnh hưởng nào có thể ngăn chặn công việc này. Mỗi người chúng ta có thể được tinh thần mặc khải và ân tứ Đức Thánh Linh hướng dẫn. “Giống như một người dang ra bàn tay yếu ớt của mình để ngăn dòng sông Missouri đang chảy, hay làm cho dòng sông này chảy ngược về nguồn, thì chẳng khác chi ngăn cản Đấng Toàn Năng đổ sự hiểu biết từ trời lên đầu Các Thánh Hữu Ngày Sau vậy.”²¹

Nếu các anh chị em đang mang một gánh nặng nào đó, thì hãy quên nó đi và bỏ qua. Hãy tha thứ nhiều và hối cải chút ít, để các anh chị em sẽ được Đức Thánh Linh đến thăm viếng và được xác nhận bởi chứng ngôn mà các anh chị em không biết là hiện hữu.—Các anh chị em và những người thân của mình sẽ được trông nom và ban phước. Đây là lời mời gọi hãy đến cùng Ngài. Giáo hội này—Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô, “là giáo hội hằng sống và chân chính duy nhất trên khắp mặt đất này,”²² qua lời phán của Ngài—là nơi mà chúng ta tìm thấy

“kế hoạch hạnh phúc vĩ đại.”²³ Tôi làm chứng điều này trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Trong David Daniell, phần giới thiệu *Tyndale's New Testament* (1989), viii.
2. Trong Daniell, phần giới thiệu *Tyndale's New Testament* ix.
3. 3 Nê Phi 27:2-5, 7-8.
4. Thư của Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn, ngày 23 tháng Hai năm 2001.
5. 2 Nê Phi 25:26.
6. Xin xem Môi Se 5:8; phép báp têm: xin xem 2 Nê Phi 31:12; 3 Nê Phi 11:27; 18:16; ban phước cho người bệnh: xin xem Giáo Lý và Giao Ước 42:44; ban cho Đức Thánh Linh: xin xem Mô Rô Ni 2:2; sự sắc phong cho chức tư tế: xin xem Mô Rô Ni 3:1-3; Tiệc Thánh: xin xem Mô Rô Ni 4:1-3; phép lạ: xin xem Giáo Lý và Giao Ước 84:66-69.
7. Xin xem Những Tín Điều 1:6.
8. Xin xem Công Vụ Các Sứ Đồ 1:3-11.
9. Công Vụ Các Sứ Đồ 2:2-4.
10. Xin xem Công Vụ Các Sứ Đồ 2:38.
11. Giáo Lý và Giao Ước 1:20.
12. Giáo Lý và Giao Ước 89:18-20.
13. Xin xem “Gia Đình: Bản Tuyên Ngôn cùng Thế Giới,” *Liahona*, tháng Mười Một năm 2010, 129.
14. Xin xem An Ma 39:4-6.
15. An Ma 42:8.
16. Trang tựa của Sách Mặc Môn.
17. Xin xem Giảng 17:14-19.
18. Xin xem Xuất Ê Đíp Tô Ký 20:15-16.
19. Mô Si A 18:9.
20. Mặc Môn 8:30.
21. Giáo Lý và Giao Ước 121:33.
22. Giáo Lý và Giao Ước 1:30.
23. An Ma 42:8.



Bài của Anh Cả Russell M. Nelson
Thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ

Đổi Phó với Tương Lai bằng Đức Tin

Lẽ thật, các giao ước và các giáo lễ của Ngài có thể giúp chúng ta khắc phục nỗi sợ hãi và đối diện tương lai với đức tin!

Các anh chị em thân mến, xin cảm ơn về ảnh hưởng tán trợ của các anh chị em, không phải chỉ bằng việc giơ tay mà còn bằng sự phục vụ nâng đỡ ở nhà, trong Giáo Hội và trong cộng đồng của các anh chị em nữa. Chúng tôi rất thích được có mặt với các anh chị em và nhìn thấy các anh chị em ở giữa gia đình và bạn bè của mình. Bất cứ nơi nào các anh chị em đang sống, chúng tôi cũng thấy nỗ lực của các anh chị em để làm cho thế giới này thành một chỗ tốt đẹp hơn. Chúng tôi hỗ trợ các anh chị em! Chúng tôi yêu thương các anh chị em! Như các anh chị em cầu nguyện cho chúng tôi thì chúng tôi cũng cầu nguyện cho các anh chị em!

Chúng tôi tưởng tượng ra gia đình của các anh chị em quy tụ xung quanh máy truyền hình hoặc trên mạng Internet để xem diễn tiến của đại hội trung ương ở nhà. Hai người cha mẹ đã ân cần gửi cho tôi một tấm hình họ chụp trong lúc đại hội. Họ quan sát phản ứng của đứa con trai của họ lúc đó được 18 tháng khi nó nhận ra những đặc điểm và tiếng nói của người nói chuyện. Đứa bé bắt đầu gửi những cái hôn gió hướng về máy truyền hình. Nó muốn được đến gần

hơn. Do đó người chị ân cần của nó nhanh chóng công nó lên vai và mang nó đến gần máy truyền hình hơn. Đây là tấm hình.

Vâng, người trên máy truyền hình là tôi đây và mấy đứa bé đó là cháu ngoại của tôi. Trong một vài năm nữa, thằng bé này sẽ làm một anh cả, được làm lễ thiên ân trong đền thờ và sẵn sàng đi truyền giáo. Về sau, nó sẽ được làm lễ gắn bó với một người bạn đời vĩnh cửu do nó chọn. Các anh chị em có thể tưởng tượng ra một ngày nào đó nó là một người chồng và người cha, với con cái của nó không? Và một ngày nào đó, nó sẽ nói lời tạm biệt với ông nội, ông ngoại của nó, với sự hiểu biết chắc chắn rằng cái chết là một phần của cuộc sống.

Thật là như thế. Chúng ta sống để chết và chúng ta chết để sống lại lần nữa. Từ một viễn cảnh vĩnh cửu, cái chết duy nhất mà thật sự chết non là cái chết của một người chưa sẵn sàng để gặp Thượng Đế.

Là các sứ đồ và các vị tiên tri, chúng tôi không những quan tâm đến con cháu của mình mà còn đến con cháu của các anh chị em nữa—và đến mỗi con cái của Thượng Đế. Tất cả những điều gì xảy ra trong

tương lai đối với mỗi người con thiêng liêng của Thượng Đế đều sẽ được cha mẹ, gia đình, bạn bè và giáo viên của họ tạo ra. Do đó, đức tin của chúng ta *bây giờ* trở thành một phần đức tin của con cháu chúng ta *sau này*.

Mỗi cá nhân sẽ tiến triển trong một thế giới luôn luôn thay đổi—một thế giới đầy dẫy sự tranh chấp ý thức hệ. Các lực lượng tà ác sẽ luôn luôn chống lại các lực lượng tốt lành. Sa Tan cố gắng liên tục ảnh hưởng chúng ta để đi theo con đường của nó và làm cho chúng ta khổ sở, như nó khổ sở vậy.¹ Và những nguy hiểm thông thường của cuộc sống như bệnh tật, thương tích và tai nạn sẽ luôn luôn hiện hữu.

Chúng ta sống trong một thời kỳ hỗn loạn. Các trận động đất và sóng thần đầy sức tàn phá, chính quyền sụp đổ, tình trạng kinh tế căng thẳng trầm trọng, gia đình bị đe dọa, và tỷ lệ ly dị gia tăng. Chúng ta có lý do để lo lắng. Nhưng chúng ta không cần phải để cho nỗi sợ hãi thay thế đức tin của mình. Chúng ta có thể chống lại những nỗi sợ hãi đó bằng cách củng cố đức tin của mình.

Hãy bắt đầu với con cái của mình. Các anh chị em là cha mẹ hãy mang lấy trách nhiệm chính yếu để củng cố đức tin của chúng. Hãy để cho chúng cảm thấy được đức tin của các anh chị em, ngay cả khi những thử thách gay go giáng xuống các anh chị em. Hãy để đức tin của mình tập trung vào Cha Thiên Thượng nhân từ và Con Trai Yêu Dấu của Ngài, Chúa Giê Su Kỵ Tô. Hãy giảng dạy đức tin đó với lòng tin chắc. Hãy dạy cho mỗi đứa con trai hoặc con gái yêu quý biết rằng nó là con của Thượng Đế, được tạo ra theo hình ảnh của Ngài, với một mục đích và tiềm năng thiêng liêng. Mỗi đứa trẻ được sinh ra với những thử thách để khắc phục và đức tin để được phát triển.²

Hãy giảng dạy về đức tin nơi kế hoạch cứu rỗi của Thượng Đế. Hãy giảng dạy rằng cuộc hành trình của chúng ta trên trần thế là một thời kỳ thử thách để xem chúng ta có chịu làm theo bất cứ điều gì mà Chúa truyền lệnh cho chúng ta làm không.³

Hãy giảng dạy về đức tin để tuân giữ *tất cả mọi* giáo lệnh của Thượng Đế, và biết rằng các giáo lệnh này được ban cho để ban phước cho con cái của Ngài cùng mang đến niềm vui cho họ. ⁴Hãy cảnh giác chúng rằng chúng sẽ gặp những người lựa ra các lệnh truyền nào mà họ sẽ giữ và bác bỏ các lệnh truyền khác mà họ chọn để vi phạm. Tôi gọi điều này là vâng lời một cách tùy thích. Lỗi thực hành này của việc tùy ý lựa chọn lệnh truyền nào để tuân theo sẽ không hữu hiệu. Nó sẽ đưa đến cảnh khổ sở. Để chuẩn bị gặp Thượng Đế, một người phải tuân giữ *tất cả mọi* giáo lệnh của Ngài. Để tuân theo các giáo lệnh thì cần phải có đức tin và việc tuân giữ các giáo lệnh của Ngài sẽ củng cố đức tin đó.

Sự vâng lời cho phép các phước lành của Thượng Đế tuôn tràn một cách không hạn chế. Ngài sẽ ban phước cho con cái biết vâng lời của Ngài để được tự do khỏi cảnh nô lệ và khổ sở. Và Ngài cũng sẽ ban phước cho họ với thêm ánh sáng. Ví dụ, một người tuân giữ Lời Thông Sáng biết rằng sự vâng lời không những sẽ giúp cho họ khỏi phải bị nghiện ngập, mà còn sẽ thêm vào các phước lành về sự khôn ngoan và những kho tàng hiểu biết.⁵

Hãy giảng dạy về đức tin để biết rằng việc tuân theo các giáo lệnh của Thượng Đế sẽ mang đến sự bảo vệ về vật chất cũng như tinh thần. Và hãy nhớ rằng các thiên sứ thánh của Thượng Đế sẽ luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ chúng ta. Chúa đã nói về điều đó như sau: “Ta sẽ đi trước mặt các người. Ta sẽ ở bên tay mặt các người và ở bên tay trái các người, và Thánh Linh của ta sẽ ở trong trái tim các người, và các thiên sứ của ta sẽ vây quanh các người để nâng đỡ các người.”⁶ Đây thật là một lời hứa lớn lao! Khi chúng ta sống trung tín, Ngài và các thiên sứ của Ngài sẽ giúp đỡ chúng ta.

Đức tin không nao núng được củng cố qua lời cầu nguyện. Những lời khẩn cầu chân thành của các anh chị em rất quan trọng đối với Ngài. Hãy nghĩ về những lời cầu nguyện mãnh liệt và thiết tha của Tiên Tri Joseph Smith trong những ngày kinh



hiếp bị giam giữ trong Ngục Thất Liberty. Chúa đã trả lời bằng cách thay đổi viễn cảnh của Vị Tiên Tri. Ngài phán: “Người hãy biết rằng, tất cả những điều này sẽ đem lại cho người một kinh nghiệm, và sẽ lợi ích cho người.”⁷

Nếu cầu nguyện với một viễn cảnh vĩnh cửu, chúng ta không cần phải tự hỏi xem những lời khẩn cầu đầy nước mắt và chân thành nhất của mình có được Ngài nghe đến không. Lời hứa này từ Chúa đã được ghi lại trong tiết 98 sách Giáo Lý và Giao Ước:

“Những lời cầu nguyện của các người đã thấu đến tai Chúa . . . , và được ghi khắc bằng dấu đóng ấn và lời tuyên phán này—Chúa đã thề và ban sắc lệnh rằng những lời cầu nguyện đó sẽ được đáp ứng.

“Vậy nên, Ngài ban cho các người lời hứa này, với một giao ước không lay chuyển được, rằng những lời cầu nguyện đó sẽ được thực hiện; và tất cả những gì đã làm cho các người phải đau khổ sẽ hiệp lại làm lợi ích cho các người và cho vinh quang của danh ta, Chúa phán vậy.”⁸

Chúa đã chọn những lời mạnh mẽ nhất của Ngài để trấn an chúng ta! *Dấu đóng ấn! Lời tuyên phán! Đã thề! Ban sắc lệnh! Giao ước không lay chuyển!* Thưa các anh chị em, hãy tin Ngài! Thượng Đế sẽ lưu ý đến những

lời cầu nguyện chân thật và chân thành của các anh chị em, cũng như đức tin của các anh chị em sẽ được củng cố.

Để phát triển đức tin bền bỉ, cần phải cam kết bền bỉ để đóng tiền thập phân đầy đủ. Trước tiên, cần phải có đức tin để đóng tiền thập phân. Rồi người đóng tiền thập phân phát triển thêm đức tin nhiều đến mức mà tiền thập phân trở thành một đặc ân quý báu. Luật thập phân là một luật pháp xưa của Thượng Đế.⁹ Ngài đã hứa với các con cái của Ngài rằng Ngài sẽ mở “các cửa sổ trên trời cho các người, đổ phước xuống . . . đến nỗi không chỗ chứa.”¹⁰ Không những vậy thôi mà thập phân còn sẽ giữ cho tên của các anh chị em được tính vào với dân của Thượng Đế và bảo vệ các anh chị em trong “ngày trả thù và thiêu đốt.”¹¹

Tại sao chúng ta cần đức tin vững mạnh như vậy? Bởi vì những ngày khó khăn đang chờ đợi trước mắt. Rất hiếm khi việc làm một Thánh Hữu Ngày Sau trung tín sẽ được dễ dàng hay được mọi người ưa thích trong tương lai. Mỗi người chúng ta sẽ bị thử thách. Sứ Đồ Phao Lô đã báo trước rằng trong những ngày sau, những người siêng năng noi theo Chúa “thì sẽ bị bắt bớ.”¹² Chính sự bắt bớ ngược đãi đó có thể nghiền nát các anh chị em vào tình trạng yếu đuối



âm thầm, hoặc có thể thúc đẩy các anh chị em trở thành một tấm gương sáng và quả cảm hơn trong cuộc sống hằng ngày của mình.

Cách các anh chị em đối phó với những thử thách của cuộc đời là một phần phát triển đức tin của mình. Sức mạnh có được khi các anh chị em nhớ rằng mình có một thiên tính và thừa hưởng một giá trị vô hạn. Chúa đã nhắc nhở các anh chị em, con cháu của các anh chị em, rằng các anh chị em là những người thừa kế hợp pháp, đã được gìn giữ trên thiên thượng cho thời điểm và nơi chốn riêng biệt của mình để được sinh ra, tăng trưởng cùng trở thành người đại diện và dân giao ước của Ngài. Khi bước đi trong lối ngay chính của Chúa, các anh chị em sẽ được ban phước để tiếp tục trong lòng nhân từ của Ngài và làm một ánh sáng và cứu tinh cho dân Ngài.¹³

Các phước lành nhận được qua quyền năng của thánh Chức Tư Tế Mên Chi Xê Đéc được dành sẵn cho mỗi anh chị em. Các phước lành này có thể thay đổi hoàn cảnh sống của các anh chị em, trong những vấn đề như sức khỏe, sự đồng hành của Đức Thánh Linh, mối quan hệ cá nhân, và cơ hội cho tương lai. Quyền năng và thẩm quyền của chức tư tế này nắm giữ các chìa khóa cho tất cả mọi

phước lành thuộc linh của Giáo Hội.¹⁴ Đáng kể hơn hết, Chúa đã phán rằng Ngài sẽ hỗ trợ các phước lành đó theo ý muốn của Ngài.¹⁵

Phước lành lớn nhất trong số tất cả mọi phước lành của chức tư tế được ban cho trong các đền thờ thánh của Chúa. Sự trung thành với các giao ước lập ở đó sẽ làm cho các anh chị em và gia đình mình hội đủ điều kiện để nhận được các phước lành về cuộc sống vĩnh cửu.¹⁶

Phần thưởng của các anh chị em không chỉ đến trong cuộc sống mai sau. Nhiều phước lành sẽ thuộc về các anh chị em trong cuộc sống này, ở giữa con cháu của mình. Các anh chị em là Các Thánh Hữu trung tín không cần phải chiến đấu một mình trong các trận đánh của cuộc đời. Hãy suy nghĩ về điều đó! Chúa phán: “Ta sẽ chống cự kẻ đối địch ngươi, và chính ta sẽ giải cứu con cái ngươi.”¹⁷ Sau đó là lời hứa này với dân trung tín của Ngài: “Ta, là Chúa, sẽ đánh những trận chiến của họ, cùng những trận chiến của con cái và con cháu họ . . . cho đến thế hệ thứ ba và thứ tư.”¹⁸

Chủ Tịch Thomas S. Monson yêu dấu của chúng ta đã đưa ra cho chúng ta lời chứng của vị tiên tri. Ông nói: “Tôi làm chứng cùng các anh chị em rằng các phước lành đã được hứa của chúng ta thì không thể nào đo lường

được. Mặc dù chúng ta đang sống trong tình trạng có thể dường như đầy đe dọa và những thử thách dồn dập xảy đến trong cuộc sống, nhưng sự hiểu biết về phúc âm và tình yêu mến của chúng ta đối với Cha Thiên Thượng và Đấng Cứu Rỗi sẽ an ủi cùng hỗ trợ chúng ta cũng như mang đến niềm vui cho tâm hồn chúng ta khi sống ngay chính và tuân giữ các giáo lệnh.”

Chủ Tịch Monson tiếp tục: “Thưa các anh chị em, chớ sợ. Hãy vui lên. Tương lai cũng rực rỡ như đức tin của các anh chị em.”¹⁹

Tôi xin thêm vào lời tuyên bố hùng hồn của Chủ Tịch Monson. Tôi làm chứng rằng Thượng Đế là Đức Chúa Cha. Chúa Giê Su là Đấng Kỳ Tò. Giáo Hội của Ngài đã được phục hồi trên thế gian. Lẽ thật, các giao ước và các giáo lễ của Ngài có thể giúp chúng ta khắc phục nỗi sợ hãi và đối diện tương lai bằng đức tin! Tôi làm chứng như vậy trong thánh danh của Chúa Giê Su Kỳ Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

- Xin xem 2 Nê Phi 2:27.
- Phi E Rơ dạy khái niệm này khi ông hy vọng rằng “anh em được lãnh khỏi sự hư nát của thế gian bởi tư dực đến, mà trở nên người dự phần bản tánh Đức Chúa Trời” (2 Phi E Rơ 1:4).
- Xin xem Áp Ra Ham 3:25.
- Xin xem 2 Nê Phi 2:25.
- Xin xem Giáo Lý và Giao Ước 89:19; xin xem thêm Ê Sai 45:3.
- Giáo Lý và Giao Ước 84:88.
- Giáo Lý và Giao Ước 122:7. Một ví dụ khác về sự thay đổi viễn cảnh được chép trong sách Thi Thiên: “Xin bảo hộ linh hồn tôi, Đức Chúa Trời tôi ôi! xin hãy cứu kẻ tôi tớ Chúa vẫn nhờ cậy nơi Chúa. Chúa ôi! xin thương xót tôi; Vì hằng ngày tôi kêu cầu Chúa. . . . Hỡi Chúa, là Đức Chúa Trời tôi, tôi hết lòng ngợi khen Chúa, Tôn vinh danh Chúa đến mãi mãi” (Thi Thiên 86:2-3, 12).
- Giáo Lý và Giao Ước 98:2-3.
- Thập phân được đề cập đến trong tám sách của Kinh Cựu Ước: Sáng Thế Ký, Lê Vi Ký, Dân Số Ký, Phục Truyền Luật Lệ Ký, 2 Sử Ký, Nê Hê Mi, A Mốt, và Ma La Chi.
- Ma La Chi 3:10.
- Giáo Lý và Giao Ước 85:3.
- 2 Ti Mô Thê 3:12.
- Xin xem Giáo Lý và Giao Ước 86:8-11.
- Xin xem Giáo Lý và Giao Ước 107:18.
- Xin xem Giáo Lý và Giao Ước 132:47, 59.
- Xin xem Áp Ra Ham 2:11.
- Ê Sai 49:25; xin xem thêm Giáo Lý và Giao Ước 105:14.
- Giáo Lý và Giao Ước 98:37.
- Thomas S. Monson, “Hãy Vui Lên,” *Liahona*, tháng Năm 2009, 92.



Bài của Anh Cả Richard J. Maynes
Thuộc Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mười

Thiết Lập một Mái Ấm Gia Đình Đặt Đấng Ky Tô Làm Trọng Tâm

Chúng ta hiểu và tin vào tính chất vĩnh cửu của gia đình. Sự hiểu biết và niềm tin này cần phải soi dẫn chúng ta để làm mọi cách trong khả năng của mình nhằm thiết lập một mái ấm gia đình đặt Đấng Ky Tô làm trọng tâm.

Thời gian đầu khi phục vụ với tư cách là một người truyền giáo trẻ tuổi ở Uruguay và Paraguay, tôi nhận thấy rằng một trong những điều làm thu hút những người tìm cách biết thêm về Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô là họ rất thích thú đối với giáo lý của chúng ta về gia đình. Thật vậy, kể từ lúc phục hồi phúc âm của Chúa Giê Su Ky Tô, những người tầm đạo tìm kiếm lẽ thật đã được thu hút đến với giáo lý rằng gia đình có thể sống vĩnh viễn với nhau.

Nguyên tắc về gia đình vĩnh cửu là một yếu tố thiết yếu trong kế hoạch vĩ đại của Cha Thiên Thượng dành cho con cái của Ngài. Nền tảng của kế hoạch đó là sự hiểu biết rằng chúng ta có một gia đình trên *thiên thượng* cũng như một gia đình trên *trần thế*. Sứ Đồ Phao Lô dạy chúng ta rằng Cha Thiên

Thượng là cha linh hồn của chúng ta:
“Hãy cho tìm kiếm Đức Chúa Trời,
và hết sức rờ tìm cho được, . . .

“Vi tại trong Ngài, chúng ta được sống, động, và có, . . . Chúng ta cũng là dòng dõi của Ngài.”¹

Việc làm con cái của Cha Thiên Thượng nhân từ thật là một nguyên tắc phúc âm cơ bản của Chúa Giê Su Ky Tô đến nỗi các trẻ em của chúng ta cũng tuyên bố lẽ thật của nguyên tắc đó khi chúng hát bài ca thiếu nhi “Tôi Là Con Đức Chúa Cha,” các anh chị em còn nhớ những lời ca đó không?

*Tôi là con Đức Chúa Cha,
Ngài đã gọi tôi đến đây,
Đã gọi một nhà cửa ở nơi đây
Với cha mẹ tốt mến yêu.*

*Cầm tay, dịu tôi, bước cận kề tôi,
Chúa giúp kiếm lối đi.
Ngài dạy điều tôi phải thi hành,
Để sống với Cha một ngày.²*

Việc nhận ra rằng chúng ta có một gia đình trên *thiên thượng* giúp chúng ta hiểu tính chất vĩnh cửu của gia đình trên *trần thế của mình*. Sách Giáo Lý và Giao Ước dạy chúng ta rằng gia đình là nền tảng cho tổ chức trên thiên thượng: “Và cùng cái xã hội tính mà tồn tại ở giữa chúng ta nơi đây sẽ tồn tại ở giữa chúng ta ở trên đó, nhưng nó sẽ đi kèm với vinh quang vĩnh cửu.”³

Việc hiểu biết tính chất vĩnh cửu của gia đình là một yếu tố quyết định trong việc hiểu biết kế hoạch của Cha Thiên Thượng dành cho con cái của Ngài. Mặt khác, kẻ nghịch thù muốn làm mọi



cách trong khả năng của nó để phá hủy kế hoạch của Cha Thiên Thượng. Nó đang chỉ huy một cuộc tấn công chưa từng có vào thể chế gia đình trong nỗ lực làm thất bại kế hoạch của Thượng Đế. Nó sử dụng một số vũ khí mạnh mẽ hơn trong cuộc tấn công của nó là tính ích kỷ, tham lam và hình ảnh sách báo khiêu dâm.

Hạnh phúc vĩnh cửu của chúng ta *không phải* là mục tiêu của Sa Tan. Nó biết rằng bí quyết thiết yếu để làm cho những người nam và nữ khổ sở giống như nó là tước đoạt của họ những mối quan hệ gia đình có tiềm năng *vĩnh cửu*. Vì Sa Tan hiểu rằng hạnh phúc đích thực trong cuộc sống này và trong thời vĩnh cửu được tìm thấy trong hình thức gia đình nên nó làm mọi cách trong khả năng của nó để phá hoại.

Tiên tri thời xưa An Ma gọi kế hoạch của Thượng Đế dành cho con cái của Ngài là “kế hoạch hạnh phúc vĩ đại.”⁴ Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn và Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ, là những người mà chúng ta tán trợ với tư cách là các vị tiên tri, tiên kiến và mặc khải, đã đưa ra cho chúng ta lời khuyên bảo đầy soi dẫn này về hạnh phúc và cuộc sống gia đình: “Gia đình là do Thượng Đế quy định. Hôn nhân giữa người nam và người nữ là thiết yếu cho kế hoạch vĩnh cửu của Ngài. Con cái phải được sinh ra trong vòng ràng buộc hôn nhân và được nuôi nấng bởi một người cha và một người mẹ biết tôn trọng những lời thề ước hôn nhân với lòng chung thủy trọn vẹn. Hạnh phúc trong cuộc sống gia đình hầu như có thể đạt được khi được đặt trên những lời giảng dạy của Chúa Giê Su Kỵ Tô.”⁵

Hạnh phúc này chắc chắn sẽ được tìm thấy trong những căn nhà có gia đình, như đã được An Ma cũng như mới gần đây được Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn và Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ nói đến. Hạnh phúc này sẽ có được dồi dào nếu chúng ta làm mọi cách trong khả năng của mình để thiết lập một mái gia đình đặt Đấng Kỵ Tô làm trọng tâm.

Từ lúc mới kết hôn, Chị Maynes và tôi đã biết được một số nguyên tắc quan trọng khi chúng tôi bắt đầu tiến trình thiết lập một mái gia đình đặt Đấng Kỵ Tô làm trọng tâm. Chúng tôi



bắt đầu bằng cách noi theo lời khuyên dạy của các vị lãnh đạo Giáo Hội. Chúng tôi quy tụ con cái lại và hằng tuần tổ chức buổi họp tối gia đình cũng như cầu nguyện và học thánh thư hằng ngày. Đó không phải là điều dễ dàng, thuận tiện hoặc thành công, nhưng cuối cùng những sinh hoạt giản dị này trở thành những truyền thống gia đình quý báu.

Chúng tôi biết được rằng đến cuối tuần thì con cái chúng tôi có thể không còn nhớ hết mọi điều về bài học trong buổi họp tối gia đình, nhưng chúng sẽ nhớ rằng *chúng tôi đã tổ chức buổi họp đó*. Chúng tôi biết rằng vào cuối ngày đó tại trường học có lẽ

chúng không nhớ chính xác những lời trong thánh thư hoặc lời cầu nguyện, nhưng chúng sẽ nhớ rằng chúng tôi *quả thật đã đọc* thánh thư và *quả thật đã cầu nguyện*. Thưa các anh chị em, có một quyền năng lớn lao và sự che chở dành cho chúng ta và giới trẻ của chúng ta trong việc thiết lập những truyền thống thiêng liêng trong nhà.

Việc học hỏi, giảng dạy và thực hành các nguyên tắc phúc âm của Chúa Giê Su Kỵ Tô trong nhà của chúng ta giúp tạo ra một lối sống có ảnh hưởng của Thánh Linh. Qua việc thiết lập những truyền thống thiêng liêng này trong nhà mình, chúng ta sẽ có thể khắc phục được những truyền

thống sai lạc của thế gian cùng học cách đặt nhu cầu và mối quan tâm của những người khác lên trên hết.

Trách nhiệm để thiết lập một mái gia đình đặt Đấng Ky Tô làm trọng tâm tùy thuộc vào cha mẹ và con cái. Cha mẹ có trách nhiệm dạy dỗ con cái trong tình yêu thương và sự ngay chính. Cha mẹ sẽ chịu trách nhiệm với Chúa trong cách họ thi hành các trách nhiệm thiêng liêng của mình. Cha mẹ dạy dỗ con cái mình bằng lời nói và bằng tấm gương. Bài thơ này do C. C. Miller sáng tác có tên là “Tiếng Vang,” minh họa tầm quan trọng và tác động của cha mẹ khi họ có ảnh hưởng đối với con cái họ:

*Có một con chiên lớn không phải
chiên con đang đi lạc
Chúa Giê Su kể trong chuyện
ngụ ngôn,
Một con chiên lớn đi lạc
Từ chín mươi chín con trong bầy.
Và tại sao chúng ta nên đi tìm
con chiên
Và thành khẩn hy vọng cùng
câu nguyện?
Bởi vì có hiểm nguy khi chiên đi
sai đường;
Chúng sẽ dẫn các chiên con lạc theo.
Bạn biết các chiên con sẽ đi theo
chiên lớn,
Bất cứ nơi nào chiên lớn đi lạc.
Khi chiên lớn đi lạc, thì không
lâu đâu,
Các chiên con cũng sẽ lạc như
chiên lớn.
Và như thế cùng với chiên lớn, chúng
ta thành khẩn cầu xin
Vì lợi ích của các chiên con ngày nay,
Bởi vì khi chiên lớn bị lạc mất
Thật là một cái giá rất cao
Mà các chiên con sẽ phải trả.⁶*

Chúa giải thích cho chúng ta biết trong sách Giáo Lý và Giao Ước về những hậu quả khi cha mẹ hướng dẫn con cái đi sai đường: “Và lại nữa, nếu những bậc cha mẹ trong Si Ôn . . . không dạy chúng biết giáo lý về sự hối cải, đức tin nơi Đấng Ky Tô, Vị Nam Tử của Thượng Đế hằng sống, và về phép báp têm và ân tứ Đức Thánh Linh bởi phép đặt tay, thì tội lỗi sẽ trút lên đầu những bậc cha mẹ ấy.”⁷

Rất khó để nói quá nhiều về tầm quan trọng của cha mẹ trong việc giảng dạy con cái họ về những truyền thống thiêng liêng qua lời nói và tấm gương. Con cái cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc thiết lập một mái gia đình đặt Đấng Ky Tô làm trọng tâm. Tôi xin chia sẻ với các anh chị em một bài nói chuyện ngắn mới vừa được đưa cháu ngoại tám tuổi của tôi tên là Will đưa ra để minh họa nguyên tắc này:

“Tôi thích cưỡi ngựa và quảng dây bắt ngựa với cha tôi. Một sợi dây có nhiều sợi tảo bện lại với nhau để làm cho sợi dây được chắc chắn. Nếu sợi dây chỉ có một sợi tảo thì sẽ không thể hữu hiệu được. Nhưng vì có nhiều sợi tảo cùng bện chặt lại với nhau nên chúng ta có thể sử dụng sợi dây trong nhiều việc và nó rất chắc chắn.

“Gia đình cũng có thể giống như sợi dây. Khi chỉ có một người làm việc siêng năng và làm điều đúng thì gia đình sẽ không được vững mạnh như khi mọi người đều cùng nỗ lực để giúp đỡ lẫn nhau.

“Tôi biết rằng khi tôi làm điều đúng thì tôi đang giúp đỡ gia đình mình. Khi tôi đối xử tử tế với em gái tôi là Isabelle thì cả hai chúng tôi đều vui và làm cho cha mẹ tôi cũng vui. Nếu mẹ tôi cần phải làm một việc gì đó, thì tôi có thể giúp bà bằng cách chơi với em trai của tôi là Joey. Tôi cũng có thể giúp đỡ gia đình tôi bằng cách giữ cho phòng tôi

Dortmund, Đức



được sạch sẽ và giúp đỡ bất cứ lúc nào có thể được với một thái độ vui vẻ. Vì tôi là con cả trong gia đình nên tôi biết việc làm gương tốt rất quan trọng. Tôi có thể cố gắng hết sức để chọn điều đúng và tuân theo các lệnh truyền.

“Tôi biết rằng trẻ con có thể giúp gia đình chúng được vững mạnh giống như một sợi dây chắc chắn. Khi mọi người làm hết khả năng của mình và cùng làm việc chung với nhau thì gia đình có thể được hạnh phúc và vững mạnh.”

Khi cha mẹ chủ tọa gia đình mình trong tình thương yêu và sự ngay chính cùng dạy con cái mình về phúc âm của Chúa Giê Su Ky Tô bằng lời nói cũng như qua tấm gương, và khi con cái yêu thương và hỗ trợ cha mẹ bằng cách học hỏi cùng thực hành các nguyên tắc do cha mẹ dạy, thì kết quả sẽ là thiết lập được một mái gia đình đặt Đấng Ky Tô làm trọng tâm.

Thưa các anh chị em, là các tín hữu của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô, chúng ta hiểu và tin vào tính chất vĩnh cửu của gia đình. Sự hiểu biết và niềm tin này cần phải soi dẫn chúng ta để làm mọi cách trong khả năng của mình nhằm thiết lập một mái gia đình đặt Đấng Ky Tô làm trọng tâm. Tôi làm chứng cùng các anh chị em rằng nếu cố gắng làm điều này thì chúng ta sẽ thực hành trọn vẹn tình yêu thương cũng như sự phục vụ được minh họa qua cuộc sống và Sự Chuộc Tội của Đấng Cứu Rỗi, Chúa Giê Su Ky Tô, do đó mái gia đình của chúng ta có thể thật sự cảm thấy giống như thiên thượng trên trần thế, trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Công Vụ Các Sứ Đồ 17:27–28.
2. “Tôi Là Con Đức Chúa Cha,” *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiếu Nhi*, trang 58.
3. Giáo Lý và Giao Ước 130:2; xin xem thêm Robert D. Hales, “The Eternal Family,” *Ensign*, tháng Mười Một năm 1996, 64.
4. An Ma 42:8.
5. “Gia Đình: Bản Tuyên Ngôn cùng Thế Giới,” *Liahona*, tháng Mười Một năm 2010, 129.
6. C. C. Miller, “The Echo,” trong *Best-Loved Poems of the LDS People*, do Jack M. Lyon và những người khác biên tập (1996), 312–13.
7. Giáo Lý và Giao Ước 68:25; sự nhấn mạnh được thêm vào.



Bài của Anh Cả Cecil O. Samuelson Jr.
Thuộc Nhóm Túc Số Thầy Bầy Mươi

Chứng Ngôn

Nền tảng của việc đạt được và giữ lại một chứng ngôn về phúc âm của Chúa Giê Su Kỵ Tô thì thật minh bạch, rõ ràng và nằm trong khả năng của mỗi người.

Trong nhiều năm qua, một trong các phước lành vĩ đại trong cuộc sống của tôi là cơ hội được ở giữa và làm việc với giới trẻ của Giáo Hội. Tôi xem những mối giao thiệp và tình bằng hữu này là điều tuyệt vời và quý báu nhất trong cuộc sống của tôi. Những điều này cũng là nền tảng cho sự lạc quan của tôi đối với tương lai của Giáo Hội, xã hội và thế giới.

Trong những mối giao thiệp này, tôi cũng đã có đặc ân để nói chuyện với một số người có nhiều mối nghi ngờ hoặc thử thách với chứng ngôn của họ. Tuy có nhiều chi tiết khác nhau và thỉnh thoảng thì cũng lạ lùng, nhưng những câu hỏi và lý do đôi khi cũng đầy hoang mang khá giống nhau. Tương tự như thế, có những vấn đề và mối quan tâm không giới hạn cho bất cứ nhóm dân tộc hay tuổi tác nào. Những vấn đề này có thể làm hoang mang những người thuộc vào các gia đình là tín hữu trong nhiều thế hệ, các tín hữu Giáo Hội còn khá mới cũng như những người mới trở nên quen thuộc với Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Giê Su Kỵ Tô. Những câu hỏi của họ thường là kết quả của những thắc mắc thật sự hoặc lòng tò mò. Dường như rất thích hợp để thảo luận về chứng ngôn của chúng ta vì những hậu quả rất quan trọng và

cấp bách đối với mỗi người chúng ta. Trong văn cảnh của Thánh Hữu Ngày Sau, chúng ta nói đến chứng ngôn của mình như là sự làm chứng chắc chắn về phúc âm trung thực của Chúa Giê Su Kỵ Tô, nhận được từ sự mặc khải qua Đức Thánh Linh.

Tuy có một chứng ngôn rất giản dị và rõ ràng trong câu nói minh bạch này nhưng cũng có vài câu hỏi mạnh mẽ từ câu nói đó, như: Người nào được quyền có chứng ngôn? Làm thế nào một người nhận được điều mặc khải cần thiết để có chứng ngôn? Những bước để nhận được một chứng ngôn là gì? Việc nhận được một chứng ngôn là một sự kiện hay một tiến trình diễn ra liên tục? Mỗi câu hỏi này cũng như những câu hỏi khác đều có những câu hỏi phụ, nhưng nền tảng của việc đạt được và giữ lại một chứng ngôn về phúc âm của Chúa Giê Su Kỵ Tô thì thật minh bạch, rõ ràng và nằm trong khả năng của mỗi người.

Tôi xin vấn tất trả lời cho những mối nghi ngờ có thể có này và rồi trình bày một số điều hiểu biết mà mới gần đây đã được chia sẻ bởi những người bạn thành niên trẻ tuổi đầy tin cậy, là những người đã có kinh nghiệm riêng trong việc nhận được chứng ngôn của họ. Họ cũng có cơ hội để phục sự những người đang

gặp thử thách hoặc khó khăn với một phần của đức tin và niềm tin của họ.

Trước hết, người nào được quyền có chứng ngôn? Mọi người sẵn lòng để trả cái giá—có nghĩa là tuân giữ các lệnh truyền—thì đều có một chứng ngôn. “Vậy nên, tiếng nói của Chúa phán ra cho các nơi tận cùng của trái đất, để những ai muốn nghe đều có thể nghe được” (GLGU 1:11). Một lý do chính về Sự Phục Hồi phúc âm là để “mọi người đều có thể nói lên trong danh Đức Chúa Trời, là Đấng Cứu Rỗi thể gian; Để cho đức tin cũng có thể được tăng trưởng trên thể gian” (GLGU 1:20–21).

Thứ nhì, làm thế nào một người nhận được điều mặc khải cần thiết để có chứng ngôn và cần có những bước cơ bản nào để nhận được điều mặc khải đó? Mẫu mực đều giản dị và nhất quán trong suốt các thời đại. Lời hứa được ban cho để nhận được một chứng ngôn về Sách Mặc Môn cũng áp dụng chung cho mọi trường hợp:

“Và khi nào các người nhận được những điều này”—có nghĩa là các anh chị em đã lắng nghe, đọc, học hỏi và suy ngẫm về câu hỏi liên hệ—thì “hãy cầu vấn Thượng Đế, Đức Chúa Cha Vinh Cửu, trong danh Đấng Kỵ Tô, để xem những điều này có thật không”—có nghĩa là các anh chị em sẽ cầu nguyện một cách thận trọng, cụ thể và nghiêm chỉnh với lòng cam kết chắc chắn sẽ tuân theo sự đáp ứng cho lời cầu nguyện của mình—“và nếu các người cầu vấn với một tấm lòng chân thành, với chủ ý thật sự cùng có đức tin nơi Đấng Kỵ Tô, thì Ngài sẽ biểu lộ lẽ thật của điều này cho các người biết, bởi quyền năng của Đức Thánh Linh.

“Và bởi quyền năng của Đức Thánh Linh, các người sẽ có thể biết được lẽ thật của tất cả mọi điều.” (Mô Rô Ni 10:4–5).

Thứ ba, việc nhận được một chứng ngôn là một sự kiện riêng rẽ hay là một tiến trình diễn ra liên tục? Một chứng ngôn tương tự như một sinh vật sống, tăng trưởng và phát triển khi được chăm sóc thích hợp. Sinh vật này cần được nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo vệ liên tục để lớn nhanh và lớn mạnh. Tương tự như thế, nếu chúng ta bỏ mặc hoặc không làm theo những



Khayelitsha, Nam Phi

bước cần thiết để duy trì một chứng ngôn vững mạnh thì chứng ngôn của chúng ta sẽ thu nhỏ lại hoặc mất đi. Thánh thư cảnh cáo rằng sự phạm giới hoặc vi phạm các giáo lệnh của Thượng Đế có thể đưa đến việc đánh mất Thánh Linh và thậm chí một người còn bị mất chứng ngôn mà người ấy từng có (xin xem GLGU 42:23).

Giờ đây tôi xin chia sẻ 10 điều nhận xét và đề nghị của những người bạn trẻ tuổi trung tín và quý báu của tôi. Những ý nghĩ họ chia sẻ đều có cùng một lối suy nghĩ và kinh nghiệm. Do đó, những điều này sẽ không làm cho bất cứ người nào trong chúng ta ngạc nhiên cả. Rủi thay, và nhất là trong lúc khó khăn và khổ sở, chúng ta có thể tạm thời quên đi hoặc xem nhẹ việc áp dụng những điều đó cho riêng mình.

Thứ nhất, mọi người đều có giá trị vì chúng ta đều là con cái của Thượng Đế. Ngài biết, yêu thương và muốn chúng ta được thành công và trở về với Ngài. Chúng ta cần phải học cách tin cậy vào tình yêu thương và kỳ định của Ngài thay vì tin vào ước muốn đôi khi thiếu kiên nhẫn và không hoàn hảo của chúng ta.

Thứ nhì, tuy chúng ta hoàn toàn tin vào sự thay đổi lớn lao trong lòng như đã được mô tả trong thánh thư (xin xem Mô Si A 5:2; An Ma 5:12-14, 26), nhưng chúng ta cũng cần phải hiểu sự thay đổi đó thường xảy đến dần dần thay vì xảy ra ngay lập tức hoặc ở bất

cứ nơi đâu, và để đáp lại những câu hỏi, kinh nghiệm và mối quan tâm cụ thể cũng như qua việc nghiên cứu và cầu nguyện của chúng ta.

Thứ ba, chúng ta cần nhớ rằng một mục đích cơ bản của cuộc sống là để được thử thách, do đó chúng ta cần phải học hỏi để tăng trưởng từ những thử thách của mình và biết ơn đối với các bài học đã học được mà không thể nào nhận được bằng cách nào dễ dàng hơn.

Thứ tư, chúng ta cần phải học cách tin cậy vào những điều mình tin vào hoặc biết cách hỗ trợ bản thân mình trong những lúc nghi ngờ hoặc đang gặp phải vấn đề khó khăn.

Thứ năm, như An Ma đã dạy, việc nhận được một chứng ngôn thường là một quá trình cùng với một loạt hy vọng, tin tưởng và cuối cùng biết được lẽ thật của một nguyên tắc, giáo lý hoặc phúc âm cụ thể (xin xem An Ma 32).

Thứ sáu, việc chúng ta giảng dạy một người nào khác về điều mình biết sẽ củng cố chứng ngôn của chúng ta khi chúng ta xây đắp chứng ngôn đó cho một người khác. Khi các anh chị em cho một người nào đó tiền hay thức ăn, các anh chị em sẽ có ít tiền hay thức ăn hơn. Tuy nhiên, khi các anh chị em chia sẻ chứng ngôn của mình, thì nó củng cố và gia tăng chứng ngôn của người chia sẻ lẫn người nghe chứng ngôn.

Thứ bảy, hằng ngày, chúng ta cần phải đều đặn làm những điều nhỏ nhất

nhưng cần thiết. Việc cầu nguyện, học thánh thư và phúc âm, tham dự các buổi họp nhà thờ, thờ phượng trong đền thờ, làm tròn công việc giảng dạy thăm viếng, giảng dạy tại gia và những công việc chỉ định khác đều củng cố đức tin của chúng ta và mời gọi Thánh Linh vào cuộc sống của chúng ta. Khi xao lãng bất cứ đặc ân nào trong số các đặc ân này, chúng ta có thể đánh mất chứng ngôn của mình.

Thứ tám, chúng ta không nên đặt ra tiêu chuẩn cho những người khác cao hơn cho bản thân mình. Chúng ta thường dễ cho những lỗi lầm hoặc sự thất bại của những người khác, nhất là các vị lãnh đạo hoặc các tín hữu Giáo Hội, ảnh hưởng đến cảm nghĩ của chúng ta về bản thân hoặc về chứng ngôn của mình. Những khó khăn của người khác không phải là một lý do để bào chữa cho những khiếm khuyết của chúng ta.

Thứ chín, rất tốt để nhớ rằng việc quá nghiêm khắc đối với bản thân mình khi làm lỗi có thể nguy hiểm như việc quá tùy tiện khi cần phải hối cải thật sự.

Và thứ mười, chúng ta cần phải luôn luôn hiểu rõ rằng Sự Chuộc Tội của Đấng Ky Tô hoàn toàn hữu hiệu và liên tục ảnh hưởng đến mỗi người chúng ta khi chúng ta để cho Sự Chuộc Tội được hữu hiệu như vậy. Rồi, mọi điều khác sẽ ổn định vào đúng chỗ của nó khi chúng ta tiếp tục gặp khó khăn với một số chi tiết,

thói quen hay những phần dường như thiếu sót trong đức tin của mình.

Tôi biết ơn về những sự hiểu biết, sức mạnh và chứng ngôn của rất nhiều người bạn các cộng sự trẻ tuổi gương mẫu của tôi. Khi ở bên họ, tôi được củng cố và khi tôi biết rằng họ đang ở bên cạnh những người khác, thì tôi được khích lệ với sự hiểu biết về điều thiện và sự phục vụ của họ thay cho Đức Thầy là Đấng họ thờ phượng cũng như cố gắng tuân theo.

Người ta làm điều thiện và những điều quan trọng vì họ có chứng ngôn. Mặc dù điều này đúng nhưng chúng ta cũng nhận được chứng ngôn vì điều chúng ta làm. Chúa Giê Su phán:

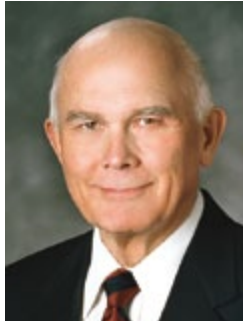
“Đạo lý của ta chẳng phải bởi ta, nhưng bởi Đấng đã sai ta đến.

“Nếu ai khứng làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời, thì sẽ biết đạo lý của ta có phải là bởi Đức Chúa Trời, hay là ta nói theo ý ta” (Giăng 7:16–17).

“Nếu các người yêu mến ta, thì giữ gìn các điều răn ta” (Giăng 14:15).

Giống như Nê Phi và Mặc Môn thời xưa, “tôi không hiểu được ý nghĩa của mọi sự việc” (1 Nê Phi 11:17; xin xem thêm Lời Mặc Môn 1:7) nhưng tôi xin nói cho các anh chị em biết điều tôi thật sự biết.

Tôi biết Thượng Đế, Cha Thiên Thượng hằng sống và yêu thương chúng ta. Tôi biết Con Trai duy nhất đặc biệt của Ngài, Chúa Giê Su Ky Tô, là Đấng Cứu Rỗi và Cứu Chuộc của chúng ta và Ngài đứng đầu Giáo Hội mang danh Ngài. Tôi biết Joseph Smith đã trải qua tất cả những điều ông kể lại và đã giảng dạy về Sự Phục Hồi phúc âm trong thời kỳ chúng ta. Tôi biết rằng ngày nay chúng ta được các vị sứ đồ và tiên tri hướng dẫn và Chủ Tịch Thomas S. Monson nắm giữ tất cả các chìa khóa của chức tư tế cần thiết để ban phước cho cuộc sống của chúng ta cùng tiến hành công việc của Chúa. Tôi biết rằng chúng ta đều được quyền có sự hiểu biết này và nếu đang gặp khó khăn, thì các anh chị em có thể trông cậy vào lễ thưng thực của chứng ngôn mà các anh chị em đã nghe từ bực giảng này trong đại hội này. Tôi biết và làm chứng những điều này trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■



Bài của Anh Cả Dallin H. Oaks

Thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ

Ước Muốn

Để đạt được vận mệnh vĩnh cửu của mình, chúng ta sẽ ước muốn và làm việc nhằm đạt được những đức tính cần thiết để trở thành một con người vĩnh cửu.

Tôi đã chọn nói về tầm quan trọng của *ước muốn*. Tôi hy vọng rằng mỗi người chúng ta sẽ tự vấn lòng mình để quyết định điều mình thật sự mong muốn và cách xếp loại những ước muốn quan trọng nhất của mình.

Ước muốn điều khiển những ưu tiên của chúng ta, những ưu tiên tạo ra những lựa chọn của chúng ta, và những lựa chọn đó sẽ quyết định hành động của chúng ta. Chúng ta làm theo những ước muốn mà quyết định điều gì chúng ta thay đổi, hoàn thành và trở thành con người như thế nào.

Trước hết, tôi nói về một số ước muốn chung. Là người trần thế, chúng ta có một số nhu cầu thiết yếu về vật chất. Ước muốn để thỏa mãn những nhu cầu này bắt buộc chúng ta phải lựa chọn và quyết định hành động của chúng ta. Ba ví dụ sau đây sẽ cho thấy cách chúng ta đôi khi gạt sang một bên những ước muốn nào đó để giữ những ước muốn khác mà chúng ta xem là quan trọng hơn.

Trước hết, là thức ăn. Chúng ta có một nhu cầu thiết yếu đối với thức ăn, nhưng trong một lúc nào đó thì ước muốn đó có thể bị gạt ra một bên để nhường chỗ cho một ước muốn mạnh mẽ hơn để nhịn ăn.

Thứ hai, là chỗ ở. Năm 12 tuổi, tôi đã chống lại ước muốn có được

chỗ trú ẩn nhờ vào ước muốn lớn lao hơn của mình để làm tròn điều kiện của một Hướng Đạo sinh là nghỉ một đêm trong rừng. Tôi là một trong vài đứa con trai đã rời bỏ cái lều đầy tiện nghi và tìm cách dựng lên một cái mái che và làm một cái giường thô sơ từ những vật liệu thiên nhiên mà chúng tôi có thể tìm ra được.

Thứ ba, là ngủ. Ngay cả ước muốn thiết yếu này cũng có thể tạm thời bị gạt sang một bên bởi một ước muốn còn quan trọng hơn nữa. Là một người lính trẻ trong Vệ Binh Quốc Gia Utah, tôi đã học được từ tầm gương của một sĩ quan dày dạn kinh nghiệm chiến đấu.

Trong những tháng đầu tiên của Chiến Tranh Triều Tiên, đơn vị pháo binh Richfield của Vệ Binh Quốc Gia Utah được gọi nhập ngũ. Đơn vị pháo binh này do Đại Úy Ray Cox chỉ huy, gồm có khoảng 40 người Mặc Môn. Sau khi được huấn luyện thêm và tăng viện bởi những người lính dự bị ở khắp nơi khác, họ được gửi đi Hàn Quốc, ở đó họ đã trải qua một số trận đánh dữ dội nhất trong cuộc chiến đó. Trong một trận đánh, họ đã phải đẩy lui một cuộc tấn công trực tiếp của hàng trăm lính bộ binh của địch, loại tấn công biển người và phá hủy các khẩu pháo khác.



Điều này có liên hệ gì đến việc khắc phục ước muốn được ngủ? Trong một đêm nguy ngập, khi lính bộ binh của địch tràn vào chiến tuyến trước mặt và vào các khu vực ở phía sau đang được pháo binh chiếm đóng, thì vị đại úy cho nối đường dây điện thoại vào lều của mình và ra lệnh cho nhiều người lính canh phòng ngoài doanh trại của ông phải đích thân gọi điện thoại cho ông mỗi giờ đồng hồ suốt đêm đó. Điều này bắt buộc những người lính canh phòng phải thức, nhưng cũng có nghĩa rằng giấc ngủ của Đại Úy Cox cũng bị gián đoạn rất nhiều. Tôi hỏi ông: “Làm thế nào Đại Úy có thể làm được điều đó?” Câu trả lời của ông cho thấy khả năng đặt một ước muốn quan trọng làm ưu tiên.

“Tôi biết rằng nếu chúng ta có trở về nhà thì tôi sẽ gặp cha mẹ của các thanh niên đó ngoài đường phố trong thị trấn nhỏ của chúng ta, và tôi không muốn

gặp bất cứ người nào trong số họ nếu con trai của họ không trở về nhà nữa vì bất cứ điều gì tôi đã không làm với tư cách là người chỉ huy của họ.”¹

Thật là một tấm gương sáng về khả năng đặt một ước muốn và hành động quan trọng làm ưu tiên! Thật là một tấm gương mạnh mẽ đối với tất cả chúng ta để có trách nhiệm đối với sự an lạc của những người khác—là cha mẹ, ông bà và các vị lãnh đạo cũng như các giảng viên của Giáo Hội!

Để kết thúc ví dụ minh họa đó, vào sáng sớm sau một đêm gần như không ngủ, Đại Úy Cox chỉ huy quân mình trong trận đánh phản công lính bộ binh của địch. Họ bắt hơn 800 tù binh và chỉ có hai người bị thương. Ông Cox được trao tặng huy chương vì lòng dũng cảm và đơn vị pháo binh của ông nhận được Lời Tuyên Dương Đơn Vị của Tổng Thống về hành động anh hùng phi thường của họ. Và cũng như các chiến sĩ trẻ tuổi của Hê La

Man (xin xem An Ma 57:25–26), họ đều trở về nhà an toàn.²

Sách Mặc Môn chép lại nhiều điều giảng dạy về tầm quan trọng của ước muốn.

Sau nhiều giờ khẩn cầu Chúa, Ê Nót được phán bảo rằng ông đã được tha thứ tội lỗi. Sau đó ông “bắt đầu cảm thấy ước mong cho sự an lạc của đồng bào ông” (Ê Nót 1:9). Ông viết: “Và . . . sau khi tôi chuyên tâm cầu nguyện và gắng sức thì Chúa phán bảo tôi rằng: Ta sẽ ban cho người theo những điều người mong muốn, nhờ đức tin của người” (câu 12). Xin lưu ý rằng có ba điều thiết yếu đi trước phước lành đã được hứa, đó là: ước muốn, việc làm và đức tin.

Trong bài giảng của ông về đức tin, An Ma dạy rằng đức tin có thể bắt đầu với việc “muốn tin” nếu chúng ta chịu “để cho sự mong muốn này tác động trong [chúng ta]” (An Ma 32:27).

Một điều giảng dạy trọng đại khác về ước muốn, nhất là về điều cần phải là ước muốn chủ yếu của chúng ta, xảy ra trong kinh nghiệm của vua La Man khi được người truyền giáo có tên là A Rôn giảng dạy. Khi thấy thích thú với lời giảng dạy của A Rôn, nhà vua đã hỏi: “Trẫm phải làm gì để trẫm có thể được Thượng Đế sinh ra” và “có được cuộc sống vĩnh cửu đó?” (An Ma 22:15). A Rôn đáp: “Nếu bệ hạ mong muốn điều này, . . . nếu bệ hạ biết hối cải tất cả những tội lỗi của mình và cúi mình trước mặt Thượng Đế, cùng cầu gọi danh Ngài trong đức tin, và tin tưởng rằng mình sẽ nhận được, thì lúc đó bệ hạ sẽ nhận được niềm hy vọng như bệ hạ mong muốn” (câu 16).

Nhà vua đã làm theo và nói trong lời cầu nguyện hùng hồn: “Con từ bỏ tất cả mọi tội lỗi của con để chỉ biết có Ngài . . . và được cứu rỗi vào ngày sau cùng” (câu 18). Với lời cam kết và việc nhận ra ước muốn chủ yếu đó của mình, lời cầu nguyện của nhà vua được đáp ứng một cách nhiệm mầu.

Tiên Tri An Ma đã có ước muốn lớn lao để rao truyền sự hối cải cho tất cả dân chúng, nhưng ông dần dần hiểu rằng ông không nên mong muốn có được quyền năng ép buộc họ mà điều này cần phải có, vì ông kết luận: “một Thượng Đế công bình. . . ban cho loài

người tùy theo sự mong muốn của họ, dù đó là sự chết hay sự sống” (An Ma 29:4). Tương tự như thế, trong sự mặc khải hiện đại, Chúa phán rằng Ngài “sẽ phán xét tất cả mọi người tùy theo việc làm của họ, tùy theo những ước muốn trong lòng họ” (GLGU 137:9).

Chúng ta có thật sự sẵn sàng để cho Đấng Phán Xét Vĩnh Cửu của mình đặt tầm quan trọng lớn lao này lên trên điều chúng ta thật sự ước muốn không?

Nhiều câu thánh thư nói về điều chúng ta ước muốn đối với điều chúng ta tìm kiếm. “Kẻ nào sớm biết tìm kiếm ta thì sẽ tìm thấy ta, và sẽ không bị bỏ rơi” (GLGU 88:83). “Các người hãy thực tâm tìm kiếm các ân tử tốt đẹp nhất” (GLGU 46:8). “Kẻ nào chuyên tâm tìm thì sẽ gặp” (1 Nê Phi 10:19). “Hãy lại gần ta, rồi ta sẽ đến gần các người; hãy tận tụy tìm kiếm ta, rồi các người sẽ tìm thấy ta; hãy cầu xin, rồi các người sẽ nhận được; hãy gõ cửa, rồi cửa sẽ mở cho các người” (GLGU 88:63).

Không phải dễ dàng để thay đổi lại ước muốn của mình nhằm đặt ưu tiên cao nhất cho những điều vĩnh cửu. Chúng ta đều bị cám dỗ để mong muốn có được bốn điều vật chất là tài sản, danh tiếng, tính kiêu ngạo và uy quyền. Chúng ta có thể mong muốn những điều này, nhưng chúng ta đừng đặt chúng làm ưu tiên cao nhất.

Những người có ước muốn cao nhất là kiếm được của cải thì sẽ rơi vào bẫy của chủ nghĩa duy vật. Họ

không lưu ý đến lời cảnh cáo: “Chớ nên tìm kiếm của cải hay những điều phù phiếm của thế gian” (An Ma 39:14; xin xem thêm Gia Cốp 2:18).

Những người mong muốn danh tiếng hoặc uy quyền thì cần phải noi theo gương dũng cảm của Tổng Lãnh Binh Mô Rô Ni, là người không phải phục vụ “vì uy quyền” hoặc “danh vọng của thế gian” (An Ma 60:36).

Chúng ta phát triển những ước muốn như thế nào? Có ít người gặp loại khủng hoảng mà đã làm động cơ thúc đẩy Aron Ralston,³ nhưng kinh nghiệm của anh mang lại một bài học quý giá về việc bày tỏ ước muốn. Trong khi Ralston đang đi bộ trong một hẻm núi hẻo lánh ở miền Nam Utah, thì có một tảng đá nặng 363 kilôgam bất ngờ chuyển động và rơi xuống đè lên cánh tay phải của anh. Anh đã cố gắng tự giải thoát trong suốt năm ngày cô đơn. Khi gần bỏ cuộc và chấp nhận cái chết, anh đã thấy một ảo cảnh về một đứa bé ba tuổi chạy tới anh và được anh bế lên bằng cánh tay trái. Khi hiểu rằng đây là ảo cảnh về đứa con trai tương lai của mình và một sự trấn an rằng anh vẫn có thể sống, Ralston thu hết can đảm và làm một hành động quyết liệt cần thiết để cứu mạng mình trước khi kiệt sức. Anh bẻ gãy hai cái xương trong cánh tay phải bị mắc kẹt của mình và rồi sử dụng một cây dao găm để cắt cụt cánh tay đó. Rồi anh thu hết sức lực để đi bộ 8 kilômét tìm người giúp đỡ.⁴ Thật

là một tấm gương sáng về quyền năng của một ước muốn quyết liệt! Khi có một ảo cảnh về con người chúng ta có thể trở thành, thì ước muốn và khả năng để hành động gia tăng mãnh liệt.

Đa số chúng ta sẽ không bao giờ gặp một cảnh khủng hoảng cùng cực như vậy, nhưng tất cả chúng ta đều đương đầu với cái bẫy có tiềm năng ngăn cản chúng ta tiến triển đến vận mệnh vĩnh cửu của mình. Nếu những ước muốn ngay chính của chúng ta đủ mãnh liệt, thì chúng sẽ thúc đẩy chúng ta tự cắt hoặc đục mình ra khỏi những thói nghiện ngập và áp lực tội lỗi khác cùng những ưu tiên làm ngăn cản sự tiến triển vĩnh cửu của chúng ta.

Chúng ta nên nhớ rằng những ước muốn ngay chính không thể thiên cận, bốc đồng hoặc tạm thời. Các ước muốn đó cần phải thành tâm, vững chắc và cố định. Khi có động cơ thúc đẩy, chúng ta sẽ tìm kiếm hoàn cảnh đó như Tiên Tri Joseph Smith mô tả, là nơi chúng ta “khắc phục những điều xấu xa của [cuộc sống mình] và mất đi ước muốn làm điều tội lỗi.”⁵ Đó là một quyết định riêng cá nhân. Như Anh Cả Neal A. Maxwell đã nói:

“Khi người ta được mô tả là ‘mất hết ước muốn để phạm tội,’ thì chính là họ, chỉ họ mà thôi, là những người tự ý quyết định đánh mất những ước muốn sai lầm đó bằng cách sẵn lòng ‘từ bỏ tất cả mọi tội lỗi của mình’ để biết được Thượng Đế.”

“Do đó, điều mà chúng ta kiên trì mong muốn, cuối cùng, là con người mà chúng ta sẽ trở thành và điều mà chúng ta sẽ nhận được trong thời vĩnh cửu.”⁶

Cũng quan trọng như việc từ bỏ mọi ước muốn để phạm tội, cuộc sống vĩnh cửu đòi hỏi nhiều hơn nữa. Để đạt được vận mệnh vĩnh cửu của mình, chúng ta sẽ ước muốn và làm việc nhằm đạt được những đức tính cần thiết để trở thành một con người vĩnh cửu. Ví dụ, những con người vĩnh cửu tha thứ cho tất cả những người nào làm hại họ. Họ quan tâm đến sự an lạc của người khác hơn là sự an lạc của họ. Và họ yêu thương tất cả con cái của Thượng Đế. Nếu điều này dường như quá khó khăn—và chắc chắn là không dễ dàng đối với





bất cứ ai trong chúng ta—thì chúng ta nên bắt đầu với một ước muốn để có được những đức tính như vậy, và khẩn cầu Cha Thiên Thượng nhân từ giúp đỡ những cảm nghĩ của mình. Sách Mặc Môn dạy chúng ta rằng chúng ta nên “cầu nguyện lên Đức Chúa Cha với tất cả mãnh lực của lòng mình, để các người được tràn đầy tình thương mà Ngài đã ban cho tất cả những tín đồ chân chính của Vị Nam Tử của Ngài, tức là Chúa Giê Su Kỵ Tô” (Mô rô Ni 7:48).

Tôi kết thúc với một ví dụ cuối cùng về ước muốn cần phải điều quan trọng tột bậc đối với tất cả mọi người nam nữ—những người hiện đang kết hôn lẫn độc thân. Tất cả đều nên mong muốn và làm việc nghiêm túc để bảo đảm một hôn nhân vĩnh cửu. Những người đã làm lễ hôn phối trong đền thờ cần phải làm hết sức mình để giữ gìn hôn nhân đó. Những người độc thân cần phải mong muốn một lễ hôn phối đền thờ và đặt điều đó làm ưu tiên số một để đạt được. Giới trẻ và những người trẻ tuổi độc thân cần phải chống lại quan niệm hợp lý theo người đời nhưng sai lầm về phương diện vĩnh cửu là không tin vào tầm quan trọng của việc kết hôn và sinh con.⁷

Những người nam độc thân, xin hãy cân nhắc thử thách trong bức thư này của một chị phụ nữ độc thân. Chị

nài xin cho “các con gái ngay chính của Thượng Đế đang chân thành tìm kiếm một người bạn đời xứng đáng. Tuy nhiên những người nam dường như bị mù quáng và hoang mang không biết trách nhiệm có phải thuộc về họ không để tìm kiếm những người con gái tuyệt vời, chọn lọc này của Cha Thiên Thượng, cũng như tìm hiểu cùng sẵn lòng lập và tuân giữ các giao ước thiêng liêng trong nhà của Chúa.” Chị phụ nữ này kết luận: “Có rất nhiều người nam Thánh Hữu Ngày Sau độc thân thích đi chơi và vui thú cùng đi hẹn hò và tụ tập nhưng tuyệt đối không mong muốn cam kết bất cứ điều gì với một phụ nữ cả.”⁸

Tôi chắc chắn rằng có một số thanh niên khát khao tìm kiếm sẽ muốn tôi nói thêm rằng cũng có một số thiếu nữ đặt ưu tiên vào sự nghiệp hoặc danh vọng của thế gian lên trên hôn nhân xứng đáng và con cái. Những người nam lẫn người nữ cần có những ước muốn ngay chính dẫn họ đến cuộc sống vĩnh cửu.

Chúng ta hãy nhớ rằng ước muốn điều khiển những ưu tiên của chúng ta, những ưu tiên tạo ra những lựa chọn của chúng ta, và những lựa chọn đó sẽ quyết định hành động của chúng ta. Ngoài ra, chính là hành động và ước muốn của chúng ta làm cho chúng ta trở thành một loại người nào đó, cho dù đó là một người bạn

chân thành, một giảng viên tài giỏi, hoặc một người hội đủ điều kiện cho cuộc sống vĩnh cửu.

Tôi làm chứng về Chúa Giê Su Kỵ Tô, tình yêu thương, những lời giảng dạy và Sự Chuộc Tội của Ngài đã làm cho mọi điều đều có thể đạt được. Tôi cầu nguyện rằng chúng ta sẽ mong muốn hơn hết được giống như Ngài để một ngày nào đó có thể trở về chốn hiện diện của Ngài nhằm nhận được niềm vui trọn vẹn của Ngài. Trong tôn danh của Chúa Giê Su Kỵ Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Ray Cox, cuộc phỏng vấn tác giả, ngày 1 tháng Tám năm 1985, Mount Pleasant, Utah, xác nhận điều ông đã kể cho tôi nghe ở Provo, Utah, vào khoảng năm 1953.
2. Xin xem Richard C. Roberts, *Legacy: The History of the Utah National Guard* (2003), 307–14; “Self-Propelled Task Force,” *National Guardsman*, tháng Năm năm 1971, bìa sau; *Miracle at Kapyong: The Story of the 213th* (phim do trường Southern Utah University sản xuất, 2002).
3. Xin xem Aron Ralston, *Between a Rock and a Hard Place* (2004).
4. Ralston, *Between a Rock and a Hard Place*, 248.
5. Xin xem *Những Lời Giảng Dạy của Các Vị Chủ Tịch Giáo Hội: Joseph Smith* (2007), 211.
6. Neal A. Maxwell, “According to the Desire of [Our] Hearts,” *Ensign*, tháng Mười Một năm 1996, 22, 21.
7. Xin xem Julie B. Beck, “Teaching the Doctrine of the Family,” *Liahona*, tháng Ba năm 2011, 32–37.
8. Thư đề ngày 14 tháng Chín năm 2006.



Bài của Anh Cả M. Russell Ballard
Thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ

Tìm Được Niềm Vui bằng Sự Phục Vụ với Tình Thương

Cầu xin cho chúng ta bày tỏ tình yêu thương và lòng biết ơn đối với sự hy sinh chuộc tội của Đấng Cứu Rỗi qua những hành động phục vụ tâm thường, đầy trách nhiệm của mình.

Thưa các anh chị em, tôi hy vọng rằng những người trong số các anh chị em đang đến thăm Salt Lake sẽ có cơ hội vui hưởng màu sắc và hương thơm của các đóa hoa xuân xinh đẹp ở Khuôn Viên Đền Thờ.

Mùa xuân mang đến ánh sáng và một cuộc sống đổi mới—qua chu kỳ của mùa màng, nhắc nhở chúng ta về cuộc sống, sự hy sinh và Sự Phục Sinh của Đấng Cứu Chuộc chúng ta, Chúa Giê Su Kỵ Tô; vì “tất cả mọi vật đều làm chứng về [Ngài]” (Môi Se 6:63).

Ngược lại với quang cảnh xinh đẹp này của mùa xuân và biểu tượng của mùa xuân về hy vọng, là một thế giới đầy bấp bênh, phức tạp và hoang mang. Những đòi hỏi của cuộc sống hàng ngày—học vấn, việc làm, nuôi dạy con cái, sự điều hành và kêu gọi trong giáo hội, các sinh hoạt của thế gian, và ngay cả nỗi đau đớn và buồn phiền về bệnh tật và thảm cảnh bất ngờ—có thể làm cho chúng ta mệt mỏi. Làm thế nào chúng ta có thể tự thoát ra khỏi những thử thách phức tạp

và những điều bấp bênh này để được yên tĩnh trong tâm hồn và hạnh phúc?

Chúng ta thường giống như người lái buôn trẻ tuổi từ Boston trong câu chuyện kể lại, vào năm 1849, đã hăng hái tham gia vào cuộc đổ xô đi tìm vàng ở California. Anh ta đã bán hết tài sản của mình để đi kiếm của cải trong các dòng sông ở California, nơi mà anh ta được cho biết là chứa đầy những thỏi vàng to đến nỗi một người không thể khiêng được.

Ngày này qua ngày khác, chàng thanh niên đó múc cái giỏ của mình xuống dòng sông nhưng khi lấy lên thì cái giỏ trống không. Anh ta chỉ có được một đồng đá càng ngày càng cao. Thất vọng và khán kiệt, anh ta đã sẵn sàng bỏ cuộc cho đến một ngày nọ, khi một người thăm dò quặng vàng dày dặn kinh nghiệm nói với anh ta rằng: “Con trai à, con có một đồng đá khá lớn đấy.”

Người thanh niên đáp: “Không có vàng ở đây. Tôi đang định đi về nhà đây.”

Người thăm dò quặng vàng đến bên đồng đá và nói: “Ồi chao, có vàng đấy chứ. Con chỉ cần biết tìm nó ở đâu thôi.” Ông lấy tay nhặt lên hai viên đá và đập chúng vào với nhau. Một viên đá vỡ ra cho thấy vài hạt phần vàng nhỏ li ti lấp lánh trong ánh nắng mặt trời.

Khi thấy cái túi da căng phồng thắt ngang hông của người thăm dò quặng vàng, người thanh niên nói: “Tôi đang tìm các thỏi vàng giống như các thỏi vàng trong cái túi của ông kia kia, chứ không phải các hạt phần vàng nhỏ li ti này đâu.”

Người thăm dò quặng vàng già cả đưa cái túi của mình ra cho người thanh niên nhìn vào bên trong với hy vọng sẽ thấy vài thỏi vàng lớn. Người thanh niên sững sờ khi thấy cái túi đựng hàng ngàn hạt phần vàng nhỏ li ti.

Người thăm dò quặng vàng già cả nói: “Con trai này, đối với ta, hình như con đang bận rộn tìm kiếm các thỏi vàng lớn nên con đã bỏ lỡ cơ hội để những hạt phần vàng quý báu này vào đây túi của con đấy. Việc kiên trì góp nhặt các hạt phần vàng li ti này đã làm cho ta giàu có.”

Câu chuyện này minh họa lẽ thật thuộc linh mà An Ma đã giảng dạy cho con trai của mình là Hê La Man:

“Chính do những chuyện nhỏ nhặt tầm thường mà những chuyện lớn mới thành được. . . .

“. . . Và cũng chính với những phương tiện hết sức nhỏ bé ấy mà Chúa đem lại sự cứu rỗi cho biết bao linh hồn” (An Ma 37:6–7).

Thưa các anh chị em, phúc âm của Chúa Giê Su Kỵ Tô rất giản dị, cho dù chúng ta có cố gắng bao nhiêu đi nữa để làm phức tạp hóa phúc âm đó. Chúng ta nên cố gắng giữ cho cuộc sống của mình cũng giản dị như thế, không bị vướng víu với các ảnh hưởng bên ngoài, mà tập trung vào những điều quan trọng hơn hết.

Những điều quý báu giản dị nào của phúc âm đã làm cho cuộc sống của chúng ta được minh bạch và có mục đích? Những hạt phần vàng nào của phúc âm mà chúng ta kiên trì tích lũy trong suốt cuộc sống của mình sẽ tưởng thưởng cho chúng ta với của

cải thiện—là ân tứ quý báu về cuộc sống vĩnh cửu?

Tôi tin rằng có một nguyên tắc giản dị nhưng sâu sắc—còn là cao siêu nữa—bao gồm trọn vẹn phúc âm của Chúa Giê Su Kỵ Tô. Nếu chúng ta hết lòng chấp nhận và làm cho nguyên tắc này thành trọng tâm của cuộc sống mình, thì nguyên tắc này sẽ thanh tẩy và thánh hóa chúng ta để chúng ta có thể sống một lần nữa ở nơi hiện diện của Thượng Đế.

Đấng Cứu Rỗi đã nói về nguyên tắc này khi Ngài trả lời cho câu hỏi của một người Pha Ri Si: “Thưa thầy, trong luật pháp, điều răn nào là lớn hơn hết?”

“Đức Chúa Giê Su đáp rằng: Người hãy hết lòng, hết linh hồn, hết ý mà yêu mến Chúa, là Đức Chúa Trời người.

“Ấy là điều răn thứ nhất và lớn hơn hết.

“Còn điều răn thứ hai đây, cũng như vậy: Người hãy yêu kẻ lân cận như mình” (Ma Thi Ơ 22:36–40).

Chỉ khi nào chúng ta hết lòng, hết linh hồn, hết ý mà yêu mến Thượng Đế và Đấng Kỵ Tô thì chúng ta mới có thể chia sẻ tình yêu thương này với người lân cận của mình qua những hành động nhân từ và phục vụ—theo cách mà Đấng Cứu Rỗi sẽ yêu thương và phục vụ tất cả chúng ta nếu Ngài ở giữa chúng ta ngày nay.

Khi tình yêu thương thanh khiết này—hoặc lòng bác ái—của Đấng Kỵ Tô bao phủ lấy chúng ta thì chúng ta mới suy nghĩ, cảm nhận và hành động giống như Cha Thiên Thượng và Chúa Giê Su đã làm. Động cơ thúc đẩy và ước muốn chân thành của chúng ta giống như Đấng Cứu Rỗi. Ngài đã chia sẻ ước muốn này với Các Sứ Đồ của Ngài vào ngày trước khi Ngài bị đóng đinh: Ngài phán:

“Ta ban cho các người một điều răn mới, nghĩa là các người phải yêu nhau; như ta đã yêu các người thế nào, thì các người cũng hãy yêu nhau thế ấy. . . .

“Nếu các người yêu nhau, thì ấy là tại điều đó mà thiên hạ sẽ nhận biết các người là môn đồ ta” (Giăng 13:34–35).

Tình yêu thương mà Đấng Cứu Rỗi đã mô tả chính là một tình yêu thương



tích cực. Tình yêu thương này không được biểu lộ qua những hành động to tát và quả cảm, mà thay vì thế qua những hành động tầm thường về lòng nhân từ và sự phục vụ.

Chúng ta có thể phục vụ và yêu thương những người khác bằng nhiều cách và trường hợp. Tôi chỉ xin đề nghị một vài ví dụ.

Trước hết, lòng bác ái bắt đầu ở nhà. Nguyên tắc giản dị quan trọng nhất cần phải chi phối mỗi mái ấm gia đình là thực hành Luật Khuôn Vàng Thước Ngọc—lời dạy của Chúa rằng “Ấy vậy, hễ điều chi mà các người muốn người ta làm cho mình, thì cũng hãy làm điều đó cho họ” (Ma Thi Ơ 7:12). Hãy tưởng tượng trong một giây lát mình sẽ cảm thấy như thế nào nếu tiếp nhận những lời nói hoặc hành động thiếu ân cần. Qua tấm gương của mình, chúng ta hãy dạy những người trong gia đình mình phải yêu thương nhau.

Một chỗ khác mà chúng ta có nhiều cơ hội để phục vụ là trong Giáo Hội. Các tiểu giáo khu và chi nhánh của chúng ta phải là một nơi mà luật Khuôn Vàng Thước Ngọc luôn luôn hướng dẫn những lời nói và hành động của chúng ta đối với nhau. Bằng cách đối xử tử tế với nhau, nói những lời đầy hỗ trợ và khuyến khích, cũng như bèn nhạy đối với nhu cầu của nhau, chúng

ta có thể giúp tạo ra tinh thần đoàn kết yêu thương ở giữa các tín hữu của tiểu giáo khu. Chỗ nào có lòng bác ái thì sẽ không có chỗ cho chuyện ngồi lê đôi mách hoặc những lời không tử tế.

Các tín hữu trong tiểu giáo khu, cả người lớn lẫn các thanh thiếu niên, có thể cùng hợp tác trong sự phục vụ đây ý nghĩa để ban phước cho cuộc sống của những người khác. Mới cách đây hai tuần, Chủ Tịch Giáo Vùng South America Northwest là Anh Cả Marcus B. Nash thuộc Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi, báo cáo rằng qua việc chỉ định “những người có tinh thần vững mạnh cho những người có tinh thần yếu đuối”, họ đã giải cứu hàng trăm người lớn và thanh thiếu niên kém tích cực. Qua tình yêu thương và sự phục vụ, họ đang trở lại, “từng người một”. Những hành động nhân từ này tạo ra một mối ràng buộc vững mạnh và lâu dài giữa tất cả những người tham gia—cả người giúp đỡ lẫn người được giúp đỡ. Có rất nhiều kỷ niệm quý báu về sự phục vụ như vậy.

Khi nhìn lại nhiều năm qua tôi đã điều hành Giáo Hội, một số kỷ niệm sâu đậm nhất của tôi là những lúc tôi cùng với những tín hữu khác trong tiểu giáo khu đến giúp đỡ một người nào đó.

Ví dụ, tôi còn nhớ khi là giám trợ làm việc bên cạnh vài tín hữu tích cực



trong tiểu giáo khu của tôi khi chúng tôi dọn dẹp cái hầm chứa thức ăn ủ xi lô của gia súc tại nông trại an sinh của giáo khu. Đây không phải là một công việc chỉ định thú vị đâu! Có một anh tín hữu kém tích cực đã nhiều năm không đi nhà thờ được mời đến làm việc với chúng tôi. Vì người ấy đã cảm thấy được tình yêu thương và tình bằng hữu với chúng tôi trong khi chúng tôi làm việc và nói chuyện trong cái hầm chứa thức ăn ủ xi lô hôi hám đó, nên người ấy trở lại nhà thờ và về sau làm lễ gắn bó trong đền thờ với vợ con mình. Qua sự phục vụ, tình bằng hữu của chúng tôi đã ban phước cho con, cháu và giờ đây cho chất của người ấy. Nhiều người trong số chúng đã phục vụ truyền giáo, kết hôn trong đền thờ, và đang nuôi dạy những gia đình vĩnh cửu—là một công việc vĩ đại có được từ một hành động tầm thường, một hạt phấn vàng nhỏ li ti.

Lãnh vực thứ ba mà chúng ta có thể phục vụ là trong cộng đồng của mình. Bằng cách biểu lộ đơn thuần về tình yêu thương và mối quan tâm

của mình, chúng ta có thể tìm đến những người cần chúng ta giúp đỡ. Nhiều người trong số các anh chị em đã khoắc vào cái áo thun có chữ Bàn Tay Giúp Đỡ và làm việc không biết mệt để làm nhẹ bớt nỗi đau khổ và cải tiến cộng đồng của mình. Các thành niên trẻ tuổi độc thân trong Giáo Khu Sendai Japan mới đây đã mang đến sự phục vụ vô giá trong việc tìm kiếm các tín hữu do hậu quả của cơn động đất và sóng thần hoành hành. Có vô số cơ hội để phục vụ.

Qua lòng nhân từ và sự phục vụ chân thành của mình, chúng ta có thể làm bạn với những người chúng ta phục vụ. Từ tình bạn này phát sinh ra sự hiểu biết rõ hơn về lòng tận tụy của chúng ta đối với phúc âm và một ước muốn để học biết thêm về chúng ta.

Người bạn tốt của tôi, Anh Cả Joseph Wirthlin, đã nói về quyền năng của nguyên tắc này như sau: “Lòng tử tế là thực chất của sự cao thượng. . . [Lòng tử tế] là chìa khóa để mở những cánh cửa và để kết bạn. Lòng tử tế làm mềm lòng và tạo nên những

mối quan hệ có thể kéo dài suốt đời” (“Đức Tính Tử Tế,” *Liahona*, tháng Năm năm 2005, 26).

Một cách khác chúng ta có thể phục vụ con cái của Cha Thiên Thượng là qua công việc truyền giáo—không những với tư cách là những người truyền giáo toàn thời gian mà còn là bạn bè và người hàng xóm nữa. Sự tăng trưởng tương lai của Giáo Hội sẽ không xảy đến chỉ qua việc gõ cửa nhà người lạ, mà sẽ xảy ra khi các tín hữu, cùng với những người truyền giáo của chúng ta, thấy rõ nhu cầu và đáp ứng những nhu cầu đó trong tinh thần phục vụ bác ái với lòng tràn đầy tình yêu thương của Thượng Đế và Đấng Kỵ Tô.

Thưa các anh chị em, khi chúng ta làm điều này, những người thật lòng tìm kiếm lẽ thật sẽ cảm nhận được sự chân thật và tình yêu thương của chúng ta. Nhiều người sẽ muốn biết thêm về chúng ta. Rồi sau đó và chỉ sau đó, Giáo Hội mới bành trướng và lan rộng khắp thế giới. Điều này không thể chỉ được những người truyền giáo thực hiện không thôi, mà còn đòi hỏi mối quan tâm và sự phục vụ của mỗi tín hữu nữa.

Trong tất cả sự phục vụ của mình, chúng ta cần phải bén nhọn với những thúc giục của Đức Thánh Linh. Tiếng nói êm nhẹ đó sẽ cho chúng ta biết được người nào cần chúng ta giúp đỡ và mình có thể làm gì để giúp đỡ họ.

Chủ Tịch Spencer W. Kimball nói: “Điều thiết yếu là chúng ta phải phục vụ lẫn nhau trong vương quốc. . . Thường thì các hành động phục vụ của chúng ta gồm có lời khích lệ giản dị hoặc ban phát . . . giúp đỡ những công việc tầm thường, nhưng có thể đưa đến những kết quả vinh quang . . . từ những hành động nhỏ nhặt nhưng tự nguyện!” (*Teachings of Presidents of the Church: Spencer W. Kimball* [2006], 82).

Và Chủ Tịch Thomas S. Monson đã dạy:

“Những người khác luôn luôn có nhu cầu, và mỗi người chúng ta có thể làm một điều gì đó để giúp đỡ một người nào đó.

“ . . . Cuộc sống của chúng ta sẽ có rất ít mục đích trừ phi chúng ta chịu hy sinh bản thân để phục vụ những

người khác” (“Hôm Nay, Tôi Đã Làm Được Gì cho Người Khác?” *Liahona*, tháng Mười Một năm 2009, 85).

Thưa các anh chị em, tôi xin khẳng định một lần nữa rằng, chúng ta nên mong muốn và tìm kiếm để có được trong cuộc sống của mình thuộc tính quan trọng nhất của Cha Thiên Thượng và Vị Nam Tử của Ngài là ân tứ về lòng bác ái, “tình yêu thương thanh khiết của Đấng Ky Tô” (Mô Rô Ni 7:47). Khả năng của chúng ta để yêu thương và phục vụ những người khác như Đấng Cứu Rỗi đã làm sẽ phát triển từ ân tứ này.

Tiên tri Mặc Môn dạy chúng ta về tầm quan trọng lớn nhất của ân tứ này và nói cho chúng ta biết cách có thể tiếp nhận ân tứ này: “Vậy nên, hỡi các đồng bào yêu mến của tôi, các người hãy cầu nguyện lên Đức Chúa Cha với tất cả mãnh lực của lòng mình, để các người được tràn đầy tình thương này, là tình thương mà Ngài đã ban cho tất cả những tín đồ chân chính của Vị Nam Tử của Ngài, tức là Chúa Giê Su Ky Tô; ngõ hầu các người có thể trở thành con cái của Thượng Đế; để khi Ngài hiện đến, chúng ta sẽ được giống như Ngài, vì chúng ta sẽ trông thấy Ngài như Ngài vốn thật là vậy; để chúng ta có hy vọng ấy; ngõ hầu chúng ta được thanh khiết giống như Ngài thanh khiết vậy” (Mô Rô Ni 7:48).

Những điều lớn lao có thành được là nhờ vào những điều nhỏ nhặt tầm thường. Giống như những hạt phấn vàng nhỏ li ti, nếu luôn luôn được tích lũy sẽ thành một kho tàng lớn, những hành động nhân từ và phục vụ nhỏ nhặt, tầm thường của chúng ta sẽ tích lũy thành một cuộc sống tràn đầy tình yêu mến Cha Thiên Thượng, lòng tận tụy đối với công việc của Chúa Giê Su Ky Tô, cùng một cảm giác bình an và vui sướng mỗi lần chúng ta tìm đến giúp đỡ một người khác.

Khi gần đến mùa lễ Phục Sinh, cầu xin cho chúng ta bày tỏ tình yêu thương và lòng biết ơn của mình đối với sự hy sinh chuộc tội của Đấng Cứu Rỗi qua các hành động phục vụ tầm thường, trác ẩn đối với các anh chị em của mình tại nhà, ở nhà thờ và trong cộng đồng. Tôi cầu nguyện điều này trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■



Bài của Anh Cả Neil L. Andersen

Thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ

Chuẩn Bị Thể Gian cho Ngày Tái Lâm

Công việc truyền giáo của các em sẽ là một cơ hội thiêng liêng để mang những người khác đến với Đấng Ky Tô và giúp chuẩn bị cho Ngày Tái Lâm của Đấng Cứu Rỗi.

Buổi tối hôm nay tôi đặc biệt ngỡ ngàng với các em từ 12 đến 25 tuổi đang nắm giữ chức tư tế của Thượng Đế. Chúng tôi nghĩ nhiều về các em và chúng tôi cầu nguyện cho các em. Tôi đã từng kể chuyện về đứa cháu bốn tuổi của chúng tôi khi nó đẩy mạnh em trai của nó. Sau khi vợ tôi, Kathy, an ủi đứa cháu đang khóc, bà đã quay sang và thận trọng hỏi đứa cháu bốn tuổi: “Tại sao cháu đẩy em trai của cháu thế?” Em ấy nhìn vào bà nội của mình và đáp: “Mimi, con xin lỗi. Con mất chiếc nhẫn Chọn Điều Đúng, và con không thể chọn điều đúng được.” Chúng tôi biết các em cố gắng rất nhiều để luôn luôn chọn điều đúng. Chúng tôi yêu thương các em rất nhiều.

Có bao giờ các em nghĩ về lý do tại sao mình đã được gửi đến thế gian vào thời điểm đặc biệt này không? Các em không sinh ra vào thời A Đam và Ê Va, hoặc trong khi Pha Ra Ôn cai trị Ai Cập, hay vào Triều Đại Nhà Minh. Các em đến thế gian vào lúc này, 20 thế kỷ sau khi Đấng Ky Tô hiện đến lần đầu tiên. Chức tư tế của Thượng Đế đã được phục hồi trên thế gian,

và Chúa đã sẵn sàng chuẩn bị thể gian cho sự tái lâm vinh quang của Ngài. Đây là những ngày đầy cơ hội lớn lao và trách nhiệm quan trọng. Đây là những ngày của các em.

Với phép báp têm của mình, các em đã tuyên xưng đức tin của mình nơi Chúa Giê Su Ky Tô. Với lễ sắc phong chức tư tế của các em, các tài năng và khả năng thuộc linh của các em đã được gia tăng. Một trong các trách nhiệm quan trọng của các em là giúp chuẩn bị thể gian cho Ngày Tái Lâm của Đấng Cứu Rỗi.

Chúa đã chỉ định một vị tiên tri, Chủ Tịch Thomas S. Monson, để hướng dẫn công việc của chức tư tế của Ngài. Chủ Tịch Monson đã nói với các em: “Chúa cần những người truyền giáo.”¹ “Mỗi thiếu niên xứng đáng và có khả năng cần phải chuẩn bị phục vụ truyền giáo. Công việc truyền giáo là một bổn phận của chức tư tế—một nghĩa vụ mà Chúa kỳ vọng nơi [các em] là những người đã được ban cho rất nhiều.”²

Công việc truyền giáo đòi hỏi phải hy sinh. Các em sẽ luôn luôn bỏ lại



một điều gì đó khi đáp ứng sự kêu gọi của vị tiên tri để phục vụ.

Những người theo dõi môn bóng rugby biết rằng đội All Blacks của New Zealand, tên được đặt theo màu áo đồng phục của họ, là một đội bóng rugby được khen ngợi nhất từ đó đến giờ.³ Việc được chọn chơi cho đội All Blacks ở New Zealand có thể được so sánh như là chơi cho đội bóng Super Bowl hoặc đội bóng đá tranh giải Cúp Thế Giới.

Năm 1961, lúc 18 tuổi và nắm giữ Chức Tư Tế A Rôn, Sidney Going đang trở thành một ngôi sao sáng của đội bóng rugby ở New Zealand. Vì những khả năng phi thường của anh, nên nhiều người nghĩ rằng năm sau anh sẽ được chọn vào đội bóng rugby quốc gia All Blacks.

Lúc 19 tuổi, trong giây phút quyết định này của sự nghiệp chơi bóng đang lên của mình, Sid tuyên bố rằng anh sẽ bỏ chơi bóng rugby để phục vụ truyền giáo. Một số người gọi anh là điên khùng. Những người khác gọi anh là rồ dại.⁴ Họ phản đối cho rằng anh có thể không bao giờ còn cơ hội trong môn bóng rugby nữa.

Đối với Sid, đó không phải là điều mà anh đã bỏ lại—mà là cơ hội và trách nhiệm trước mắt. Anh có bốn phạm của chức tư tế để dâng hiến hai năm của cuộc đời mình để nói về sự xác thật của Chúa Giê Su Kỵ Tô và

phúc âm phục hồi của Ngài. Không có điều gì—ngay cả một cơ hội để chơi trong đội quốc gia với tất cả danh vọng mà đội đó sẽ mang đến—sẽ ngăn cản anh thi hành bốn phạm đó.⁵

Anh đã được một vị tiên tri của Thượng Đế kêu gọi để phục vụ trong Phái Bộ Truyền Giáo Western Canada. Cách đây 48 năm tính đến tháng này, Anh Cả Sidney Going 19 tuổi đã rời New Zealand đi phục vụ với tư cách là người truyền giáo cho Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Kỵ Tô.

Sid kể cho tôi nghe về một kinh nghiệm của anh trong thời gian truyền giáo. Buổi chiều đó, anh và người bạn đồng hành của mình sắp trở lại căn hộ của họ. Họ quyết định đi thăm thêm một gia đình nữa. Người cha mời họ vào. Anh Cả Going và người bạn đồng hành của anh làm chứng về Đấng Cứu Rỗi. Gia đình đó chấp nhận một quyển Sách Mặc Môn. Người cha đã đọc suốt đêm. Và trong tuần rưỡi kế tiếp, người ấy đã đọc hết Sách Mặc Môn, sách Giáo Lý và Giao Ước và Trăn Châu Vô Giá. Một vài tuần sau, gia đình đó chịu phép báp têm.⁶

Tại sao anh phục vụ truyền giáo thay vì chơi cho đội New Zealand All Blacks? Sid đáp: “Phước lành của [việc mang những người khác] đến với phúc âm thì quan trọng hơn bất cứ điều gì mà [ta] sẽ hy sinh.”⁷

Các em có lẽ muốn biết điều gì đã xảy ra cho Sid Going tiếp theo công việc truyền giáo của anh. Quan trọng hơn hết: một hôn nhân vĩnh cửu với người yêu của anh là Colleen; năm đứa con cao quý, và một thế hệ các cháu nội, cháu ngoại. Anh đã sống một cuộc sống tin cậy nơi Cha Thiên Thượng, tuân giữ các lệnh truyền và phục vụ những người khác.

Còn môn bóng rugby thì sao? Sau khi đi truyền giáo về, Sid Going trở thành một trong những người chơi trung vệ tài giỏi nhất trong lịch sử của đội All Blacks, chơi trong 11 mùa và phục vụ với tư cách là đội trưởng của họ cho nhiều năm.⁸

Sid Going chơi giỏi đến mức nào? Anh chơi giỏi đến nỗi lịch trình huấn luyện và thi đấu được thay đổi vì anh không chơi ngày Chúa Nhật.⁹ Sid chơi giỏi đến nỗi Nữ Hoàng Anh công nhận sự đóng góp của anh cho môn bóng rugby.¹⁰ Anh chơi giỏi đến nỗi có một quyển sách viết về anh có tên là Super Sid (Sid Thượng Thừa).

Nếu những vinh dự đó không đến với Sid sau khi đi truyền giáo thì sao? Một trong những phép lạ vĩ đại của công việc truyền giáo trong Giáo Hội này là Sid Going và hàng ngàn người khác giống như anh đã không hỏi: “Tôi sẽ nhận được gì từ công việc truyền giáo của mình?” mà thay vì thế: “Tôi có thể dâng hiến điều gì?”

Công việc truyền giáo của các em sẽ là một cơ hội thiêng liêng để mang những người khác đến với Đấng Ky Tô và giúp chuẩn bị cho Ngày Tái Lâm của Đấng Cứu Rỗi.

Từ lâu, Chúa đã phán về những sự chuẩn bị cần thiết cho Ngày Tái Lâm của Ngài. Ngài đã phán cùng Ê Nốt: “Ta sẽ gởi sự ngay chính từ trên trời xuống; và ta sẽ gởi lễ thật đến thế gian . . . và ta sẽ làm cho sự ngay chính và lễ thật quét qua thế gian như một trận lụt, để quy tụ dân chọn lọc của ta, từ bốn phương trời của thế gian.”¹¹

Tiền tri Đa Ni Ên đã tiên tri rằng trong những ngày sau phúc âm sẽ lần ra khắp nơi trên thế gian, như “hòn đá đục ra từ núi, chẳng phải bởi tay.”¹²

Nê Phi nói về Giáo Hội ngày sau có ít người nhưng sẽ lan ra khắp mặt đất.¹³ Chúa phán bảo trong gian kỳ này: “Các người được kêu gọi để thực hiện sự quy tụ những người chọn lọc của ta.”¹⁴ Các em trai thân mến, công việc truyền giáo của các em là một cơ hội và trách nhiệm lớn lao, quan trọng đối với sự quy tụ như đã được hứa này và liên quan đến vận số vĩnh cửu của các em.

Từ những ngày đầu tiên của Sự Phục Hồi, Các Vị Thẩm Quyền Trung Ương đã rất nghiêm túc về bốn phận của họ để rao giảng phúc âm. Năm 1837, chỉ bảy năm sau khi Giáo Hội được tổ chức, trong cảnh nghèo nàn và ngược đãi, những người truyền giáo đã được gửi đi giảng dạy phúc âm ở nước Anh. Trong vòng vài năm kế tiếp, những người truyền giáo đã rao giảng ở nhiều nơi khác nhau như Áo, French Polynesia, Ấn độ, Barbados, Chile và Trung Quốc.¹⁵

Chúa đã ban phước cho công việc này và Giáo Hội đã được thiết lập trên khắp thế giới. Buổi họp này đã được phiên dịch ra 93 ngôn ngữ. Chúng ta biết ơn về 52.225 người truyền giáo toàn thời gian đang phục vụ trong hơn 150 quốc gia.¹⁶ Lúc nào cũng có những người truyền giáo ngay chính làm chứng về Đấng Cứu Rỗi. Hãy nghĩ về quyền năng thuộc linh của 52.000 người truyền giáo, được ban cho Thánh Linh của Chúa, mạnh dạn rao giảng rằng “không có một danh xưng nào khác được ban ra, hay một con đường hoặc một phương tiện nào khác mà



nhờ đó sự cứu rỗi có thể đến với con cái loài người . . . chỉ có ở trong hay nhờ danh của Đấng Ky Tô.”¹⁷ Chúng ta bày tỏ lòng biết ơn đối với hàng chục ngàn người truyền giáo được giải nhiệm trở về nhà là những người đã và tiếp tục dâng hiến các nỗ lực lớn lao nhất của họ. Thế gian đang chuẩn bị cho Ngày Tái Lâm của Đấng Cứu Rỗi, phần lớn nhờ vào công việc của Chúa qua những người truyền giáo của Ngài.

Công việc truyền giáo là một công việc thuộc linh. Sự xứng đáng và sự chuẩn bị là thiết yếu. Chủ Tịch Monson đã nói: “Các em thiếu niên, tôi khuyên các em hãy chuẩn bị phục vụ với tư cách là người truyền giáo. Hãy giữ mình được trong sạch và thanh khiết cùng xứng đáng để đại diện Chúa.”¹⁸ Trong những năm trước khi đi truyền giáo, xin hãy ghi nhớ công việc chỉ định thiêng liêng trước mắt các em. Hành động của các em trước khi đi truyền giáo sẽ ảnh hưởng lớn lao đến quyền năng chức tư tế các em sẽ mang theo mình khi đi truyền giáo. Hãy tự chuẩn bị kỹ lưỡng.

Chủ Tịch Monson nói về “mỗi thiếu niên xứng đáng và có khả năng cần phải [chuẩn bị] phục vụ truyền giáo.”¹⁹ Đôi khi vì sức khỏe hoặc các lý do khác, một người không thể phục vụ. Các em sẽ biết được khả năng phục vụ của mình khi các em nói chuyện với cha mẹ và vị giám trợ của mình. Nếu đây là trường hợp của các em, thì xin đừng cảm thấy kém quan trọng trong nhiệm vụ cao quý trước mắt các em.

Chúa rất rộng lượng đối với những người yêu mến Ngài và Ngài sẽ mở các cánh cửa khác cho các em.

Một số em có thể tự hỏi mình có quá lớn tuổi để phục vụ không. Một người bạn của tôi người Trung Quốc đã tìm ra Giáo Hội ở Campuchia khi anh ấy được hơn hai mươi tuổi. Anh ấy muốn biết mình vẫn còn cần nhắc việc phục vụ truyền giáo không. Sau khi cầu nguyện và nói chuyện với vị giám trợ của mình, anh ấy được kêu gọi và phục vụ một cách cao quý ở New York City. Nếu tuổi tác là mối quan tâm của các em thì hãy cầu nguyện và nói chuyện với vị giám trợ của mình. Vị ấy sẽ hướng dẫn các em.

Năm mươi phần trăm những người truyền giáo phục vụ ở quê hương của họ. Điều đó hoàn toàn đúng. Chúa hứa rằng “mọi người sẽ được nghe phúc âm trọn vẹn bằng ngôn ngữ của mình, và bằng tiếng của mình.”²⁰ Các em sẽ được kêu gọi bởi lời tiên tri và phục vụ nơi nào các em được cần đến nhất.

Tôi rất thích gặp những người truyền giáo ở khắp thế gian. Gần đây khi tôi đi thăm Phái Bộ Truyền Giáo Australia Sydney, các em biết tôi đã tìm thấy ai không? Anh cả Sidney Going—nhân vật huyền thoại của môn bóng rugby ở New Zealand. Giờ đây 67 tuổi, một lần nữa anh là một người truyền giáo, nhưng lần này với người bạn đời mà anh tự chọn: Chị Colleen Going. Anh kể cho tôi nghe về một gia đình mà họ đã có thể giảng dạy. Hai người cha mẹ là tín hữu nhưng đã nhiều năm kém

tích cực trong Giáo Hội. Anh Cả và Chị Goings đã giúp khơi dậy đức tin của gia đình đó. Anh Cả Goings kể cho tôi nghe về quyền năng mà anh cảm thấy trong khi đứng tại hồ báp têm cạnh người cha của gia đình khi đứa con trai cả, giờ đây nắm giữ chức tư tế, làm phép báp têm cho em trai và em gái của nó. Anh Cả Goings bày tỏ niềm vui khi nhìn thấy một gia đình đoàn kết cùng nhau theo đuổi cuộc sống vĩnh cửu.²¹

Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn đã nói cùng các em rằng:

“Các em là [một linh hồn] chọn lọc đã được sinh ra trong thời kỳ này khi các trách nhiệm và cơ hội, cũng như những cám dỗ, là lớn lao nhất. . . .

“Chúng tôi cầu nguyện cho mỗi em . . . [để] các em có thể làm công việc lớn lao trong tương lai của mình . . . để các em sẽ được xứng đáng [và sẵn lòng] tiếp tục với các trách nhiệm xây đắp vương quốc của Thượng Đế cũng như chuẩn bị thế gian cho Ngày Tái Lâm của Đấng Cứu Rỗi.”²²

Tôi rất yêu thích bức tranh của Harry Anderson về Ngày Tái Lâm của Đấng Cứu Rỗi. Bức tranh này nhắc tôi nhớ rằng Ngài sẽ đến trong vẻ uy nghi và quyền năng. Những sự kiện kỳ diệu sẽ xảy ra trên thế gian và trên các tầng trời.²³

Những người chờ đợi ngày giáng lâm của Đấng Cứu Rỗi sẽ “trông đợi [Ngài].” Và Ngài đã hứa: “Ta sẽ đến!” Người ngay chính sẽ trông thấy Ngài “ngự giữa đám mây trên trời [với tất cả các thiên sứ], khoác quyền năng và vinh quang lớn lao.”²⁴ “Một thiên sứ sẽ thổi vang tiếng kèn đồng của mình và các thánh hữu . . . từ bốn phương trời của thế gian”²⁵ sẽ “được biến hóa và được cất lên để gặp Ngài.”²⁶ Những người nào “đã ngủ,” có nghĩa là các thánh hữu xứng đáng đã chết, “[cũng] sẽ bước ra để gặp [Ngài].”²⁷

Thánh thư chép: “Chúa sẽ đặt chân lên núi,”²⁸ và “[Ngài] sẽ cất tiếng nói của Ngài, và tất cả các nơi tận cùng trái đất đều sẽ nghe tiếng nói đó.”²⁹

Các em trong chức tư tế, tôi làm chứng về vẻ oai nghiêm, nhưng hơn hết, về sự chắc chắn của sự kiện kỳ diệu này. Đấng Cứu Rỗi hằng sống. Ngài sẽ trở lại thế gian. Và dù ở bên này hoặc bên kia của bức màn che,



các em và tôi sẽ hân hoan khi Ngài đến, và cảm ơn Chúa đã gửi chúng ta đến thế gian vào lúc này để làm tròn bổn phận thiêng liêng của mình nhằm giúp chuẩn bị thế gian cho ngày tái lâm của Ngài. Trong tôn danh của Chúa Giê Su Kỵ Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Thomas S. Monson, “Chúa Cần Những Người Truyền Giáo,” *Liahona*, tháng Giêng năm 2011, 4.
2. Thomas S. Monson, “Khi Chúng Ta Gặp Lại Nhau Lần Nữa,” *Liahona*, tháng Mười Một năm 2010, 5–6.
3. Xin xem stats.allblacks.com.
4. Xin xem Bob Howitt, *Super Sid: The Story of a Great All Black* (1978), 27.
5. Cuộc điện đàm với Chủ tịch Maxwell Horsford, Giáo Khu Kaikohe New Zealand, tháng Ba năm 2011.
6. Cuộc điện đàm với Anh Cả Sidney Goings, tháng Ba năm 2011.
7. Trao đổi E-mail với Anh Cả Sidney Goings, tháng Ba năm 2011.
8. Xin xem stats.allblacks.com/asp/profile.asp?ABID=324.
9. Cuộc điện đàm với Chủ tịch Maxwell Horsford, Giáo Khu Kaikohe New Zealand, tháng Ba năm 2011.
10. Sid Goings được trao tặng giải thưởng

MBE (Member of the Order of the British Empire) vào năm 1978 về những đóng góp của ông cho môn thể thao rugby (xin xem Howitt, *Super Sid*, 265).

11. Môi Se 7:62.
12. Đa Ni Ên 2:45.
13. Xin xem 1 Nê Phi 14:12–14.
14. Giáo Lý và Giao Ước 29:7.
15. Xin xem *Deseret News 2011 Church Almanac* (2011), 430, 432, 458, 463, 487, 505.
16. Tính đến ngày 31 tháng Mười Hai năm 2010.
17. Mô Si A 3:17.
18. Thomas S. Monson, *Liahona*, tháng Giêng năm 2011, 4.
19. Thomas S. Monson, *Liahona*, tháng Mười Một năm 2010, 5–6.
20. Giáo Lý và Giao Ước 90:11.
21. Cuộc điện đàm với Anh Cả Sidney Goings, tháng Ba năm 2011.
22. “Sứ Điệp từ Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn,” sách *Cho Sức Mạnh của Giới Trẻ: Làm Tròn Bổn Phận của Chúng Ta đối với Thượng Đế* (quyển sách nhỏ, năm 2001), 2–3.
23. Xin xem Giáo Lý và Giao Ước 43:18; 45:40.
24. Giáo Lý và Giao Ước 45:44.
25. Giáo Lý và Giao Ước 45:45, 46.
26. Giáo Lý và Giao Ước 88:96.
27. Giáo Lý và Giao Ước 45:45; xin xem thêm Giáo Lý và Giao Ước 29:13; 88:96–97.
28. Giáo Lý và Giao Ước 45:48.
29. Giáo Lý và Giao Ước 45:49.



Bài của Anh Cả Steven E. Snow

Thuộc Chủ Tịch Đoàn Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mười

Hy Vọng

Hy vọng của chúng ta nơi Sự Chuộc Tội mang đến cho chúng ta quyền năng với viễn cảnh vinh cửu.

Gia đình chúng tôi lớn lên ở một vùng sa mạc ở trên độ cao của miền nam Utah. Ở đó rất ít mưa và người ta luôn hy vọng có đủ nước để đối phó với sức nóng của mùa hè. Lúc ấy cũng như bây giờ, chúng tôi luôn hy vọng và cầu nguyện cho trời mưa, thậm chí trong những lúc tuyệt vọng, chúng tôi còn nhịn ăn để có được mưa.

Có một câu chuyện được kể lại về một người ông dẫn đứa cháu nội năm tuổi đi dạo quanh thị trấn. Cuối cùng, họ đi đến một cửa tiệm tạp hóa nhỏ trên con đường chính, và dừng lại ở đó để mua một lon nước ngọt. Một chiếc xe mang biển số của tiểu bang khác tiến đến và người lái xe đi đến gần ông lão. Người lái xe chỉ vào một cụm mây nhỏ trên bầu trời và hỏi: “Ông có nghĩ là trời sắp mưa không?”

Ông lão đáp: “Tôi hy vọng là vậy. Tôi đã thấy mưa rồi, nhưng đứa cháu nội thì chưa.”

Hy vọng là cảm xúc làm phong phú cho cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Hy vọng được định nghĩa là “cảm nghĩ rằng mọi việc sẽ trở nên tốt đẹp.” Khi có hy vọng, chúng ta “trông chờ với ước muốn và niềm tin hợp lý” (dictionary.reference.com/browse/hope). Do đó, hy vọng mang đến một ảnh hưởng êm ả nào đó cho cuộc sống chúng ta khi chúng ta mong đợi

một cách tự tin vào những sự kiện tương lai.

Đôi khi chúng ta hy vọng về những điều mà chúng ta chỉ kiểm soát được chút ít hoặc không kiểm soát được gì cả. Chúng ta hy vọng về thời tiết tốt, hy vọng một mùa xuân đến sớm, hy vọng đội thể thao ưa thích của mình sẽ thắng giải World Cup, Super Bowl hoặc World Series.

Những hy vọng như vậy làm cho cuộc sống của chúng ta trở nên thú vị và thường có thể đưa đến hành vi lạ lùng thậm chí là mê tín. Ví dụ, cha vợ tôi mê thể thao vô cùng, nhưng ông tin rằng nếu ông *không* theo dõi trận đấu của đội bóng rổ yêu thích của mình trên truyền hình thì đội đó có thể thắng. Khi tôi 12 tuổi, tôi cứ nhất định chỉ mặc đúng đôi vớ không giặt đến mỗi trận đấu Little League với hy vọng là sẽ thắng trận đấu. Mẹ tôi bắt tôi phải để đôi vớ lại ở bên ngoài cửa sau.

Những trường hợp khác, hy vọng có thể đưa đến những ước mơ soi dẫn và hướng dẫn chúng ta đến hành động. Nếu chúng ta hy vọng học giỏi hơn trong trường, thì hy vọng đó có thể thực hiện được bằng cách học hành siêng năng và tận tụy hy sinh. Nếu chúng ta hy vọng được chơi trong một đội chiến thắng thì hy vọng đó có thể đưa đến việc tập luyện kiên

định, tận tụy, cả đội chung sức và cuối cùng là thành công.

Roger Bannister là một sinh viên y khoa dự bị ở nước Anh và có một tham vọng. Anh ta mong muốn là người đầu tiên chạy một dặm đường trong vòng chưa đầy bốn phút. Trong phần lớn của nửa đầu thế kỷ 20, những người hâm mộ môn điền kinh khao khát chờ đợi cái ngày mà sẽ có một người nào đó có thể chạy được một dặm đường trong vòng chưa đầy bốn phút. Trong nhiều năm, đã có nhiều vận động viên nổi bật đã gần đạt được mức đó, nhưng vẫn chưa có người nào chạy được một dặm đường trong vòng chưa đầy bốn phút. Ông Bannister tận tâm theo đuổi một lịch trình tập luyện đầy tham vọng với hy vọng sẽ đạt được mục tiêu lập kỷ lục thế giới mới của mình. Một số người hâm mộ thể thao đã bắt đầu nghi ngờ rằng sẽ không có một người nào có thể đạt được kỷ lục đó. Một số người được xem là chuyên gia còn cho rằng về mặt sinh lý học, cơ thể con người không thể nào chạy tốc độ ấy trong một quãng đường dài như vậy. Vào một ngày đầy mây u ám, ngày 6 tháng Năm năm 1954, hy vọng lớn lao của Roger Bannister đã trở thành hiện thực! Ông đã chạy đến đích của cuộc đua với kỷ lục thế giới mới là 3:59.4. Hy vọng của ông để chạy một dặm đường trong vòng chưa đầy bốn phút đã trở thành một ước mơ hiện thực bằng sự tập luyện, lao nhọc và tận tụy.

Hy vọng có thể soi dẫn những ước mơ và khuyến khích chúng ta thực hiện các ước mơ đó. Tuy nhiên, chỉ hy vọng không thôi cũng không đưa chúng ta đến thành công. Nhiều hy vọng cao quý đã không được thực hiện, vì có ý định tốt nhưng tính biếng nhác đã cản trở không cho mơ ước đó thành hiện thực.

Là cha mẹ, ước mơ sâu xa nhất của chúng ta tập trung vào con cái mình. Chúng ta hy vọng chúng sẽ lớn lên để sống một cuộc sống ngay chính và có trách nhiệm. Những hy vọng như vậy có thể dễ bị tiêu tan nếu chúng ta không nêu gương sáng. Chỉ hy vọng không thôi thì không có nghĩa là con cái chúng ta sẽ lớn lên trong sự ngay chính. Chúng ta cần phải dành thời giờ với chúng trong buổi tối họp mặt



gia đình và các sinh hoạt gia đình quan trọng. Chúng ta cần phải dạy chúng cầu nguyện. Chúng ta cần phải đọc thánh thư với chúng và dạy chúng các nguyên tắc phúc âm quan trọng. Chỉ như vậy thì các hy vọng sâu xa nhất của chúng ta mới thực hiện được.

Chúng ta đừng bao giờ để cho nỗi thất vọng thay thế niềm hy vọng. Sứ Đồ Phao Lô viết rằng chúng ta “cày ruộng phải trông cậy mình sẽ có phần mà đập lúa” (1 Cô Rinh Tô 9:10). Việc sử dụng hy vọng làm phong phú hóa cuộc sống chúng ta và giúp chúng ta trông đợi tương lai. Cho dù chúng ta đang cày cấy để trồng trọt hoặc đang lao nhọc trong cuộc sống, thì chúng ta, là Các Thánh Hữu Ngày Sau, vẫn cần phải có hy vọng.

Trong phúc âm của Chúa Giê Su Ky Tô, hy vọng là ước muốn của các tín đồ của Ngài để nhận được sự cứu rỗi vĩnh cửu nhờ vào Sự Chuộc Tội của Đấng Cứu Rỗi.

Đây thực sự là niềm hy vọng chúng ta đều cần phải có. Hy vọng này làm cho chúng ta khác biệt với thế gian. Phi E Rơ khuyên bảo các tín đồ ban đầu của Đấng Ky Tô phải “thường thường sẵn sàng để trả lời mọi kẻ hỏi về sự trông cậy trong anh em” (1 Phi E Rơ 3:15).

Hy vọng của chúng ta nơi Sự Chuộc Tội mang đến cho chúng ta quyền năng với viễn cảnh vĩnh cửu. Viễn cảnh như vậy cho phép chúng ta có cái nhìn vượt qua khỏi cuộc sống này để nhìn tới cõi vĩnh cửu. Chúng

ta không cần phải bị bắt giữ một cách hạn hẹp trong những kỳ vọng luôn thay đổi của xã hội. Chúng ta được tự do để trông đợi vinh quang thượng thiên, được làm lễ gắn bó với gia đình mình và những người thân yêu.

Trong phúc âm, hy vọng hầu như luôn luôn liên quan đến đức tin và lòng bác ái. Chủ Tịch Dieter F. Uchtdorf đã dạy: “Cùng với đức tin và lòng bác ái, hy vọng là một trong ba cái chân của cái ghế đầu. Ba điều này ổn định cuộc sống của chúng ta cho dù chúng ta có thể gặp phải những gian khổ hay gay go vào lúc đó” (“Quyền Năng Vô Tận của Niềm Hy Vọng,” *Liahona*, tháng Mười Một năm 2008, 21).

Trong chương cuối cùng của Sách Mặc Môn, Mô Rô Ni viết:

“Vậy nên, phải có đức tin; và nếu phải có đức tin là phải có hy vọng; và nếu phải có hy vọng thì cũng phải có lòng bác ái.

“Và trừ phi các người có lòng bác ái, bằng không thì các người không có cách gì để được cứu vào trong vương quốc của Thượng Đế; các người cũng không thể được cứu vào trong vương quốc của Thượng Đế nếu các người không có hy vọng” (Mô Rô Ni 10:20–21).

Anh Cả Russell M. Nelson đã dạy rằng “*Đức tin* dựa vào Chúa Giê Su Ky Tô. *Hy vọng* căn cứ vào Sự Chuộc Tội. *Lòng bác ái* được biểu hiện trong ‘tình thương yêu thanh khiết của Đấng Ky Tô.’ Ba thuộc tính này gắn bó chặt chẽ với nhau giống như các sợi cáp

bện lại với nhau trong dây cáp và có thể không bao giờ được phân biệt một cách chính xác. Ba thuộc tính này cùng nhau trở thành sợi dây dẫn dắt chúng ta đến thượng thiên giới” (“A More Excellent Hope,” *Ensign*, tháng Hai năm 1997, 61).

Khi Nê Phi tiên tri về Chúa Giê Su Ky Tô vào lúc kết thúc biên sử của mình, ông đã viết: “Vậy nên, các người phải tiến tới với một sự trì chí trong Đấng Ky Tô, với một niềm hy vọng hết sức sáng lạn, và với tình yêu thương Thượng Đế và mọi người” (2 Nê Phi 31:20).

“Niềm hy vọng hết sức sáng lạn” này mà Nê Phi nói đến là niềm hy vọng nơi Sự Chuộc Tội, sự cứu rỗi vĩnh cửu đã có thể có được nhờ sự hy sinh của Đấng Cứu Rỗi. Niềm hy vọng này đã dẫn dắt những người nam và người nữ trong suốt lịch sử để làm những điều phi thường. Các sứ đồ thời xưa đi khắp nơi trên thế gian để làm chứng về Ngài và cuối cùng hy sinh mạng sống của họ trong sự phục vụ Ngài.

Trong gian kỳ này, có nhiều tín hữu ban đầu của Giáo Hội đã rời bỏ nhà cửa của họ, lòng họ tràn đầy hy vọng và đức tin khi họ đi về miền tây ngang qua Các Cánh Đồng Lớn đến Thung Lũng Salt Lake.

Năm 1851, Mary Murray Murdoch gia nhập Giáo Hội ở Scotland khi bà là một góa phụ 67 tuổi. Bà là một người phụ nữ nhỏ nhắn cao một mét hai và nặng chưa tới 41 kilôgam, bà sinh ra tám người con, sáu người con sống cho đến khi trưởng thành. Vì vóc dáng nhỏ nhắn của bà, nên con cháu của bà trêu mến gọi bà là “Bà Ngoại hay Bà Nội Bé Nhỏ.”

Con trai của bà là John Murdoch và vợ cũng gia nhập Giáo Hội rồi đi đến Utah vào năm 1852 cùng với hai đứa con nhỏ của họ. Mặc dù nỗi gian khổ của gia đình mình, bốn năm sau, John gửi cho mẹ mình số tiền cần thiết để bà có thể đến đoàn tụ với gia đình ở Salt Lake City. Với niềm hy vọng lớn lao hơn vóc dáng nhỏ nhắn của mình, Mary bắt đầu cuộc hành trình gian khổ về miền tây đến Utah vào lúc 73 tuổi.

Sau đoạn đường an toàn vượt qua Đại Tây Dương, cuối cùng bà gia nhập

Nhóm Martin Handcart bắt hạnh. Vào ngày 28 tháng Bảy, những người tiên phong kéo xe tay này bắt đầu cuộc hành trình về miền tây. Nỗi khổ sở của toán người này đã được mọi người biết rõ. Trong số 576 người trong nhóm này, gần một phần tư nhóm đã chết trước khi họ đến Utah. Đáng lẽ còn có thêm nhiều người nữa đã chết nếu không nhờ vào nỗ lực giải cứu do Chủ Tịch Brigham Young tổ chức, ông đã gửi những toa xe và đồ tiếp liệu đi tìm Các Thánh Hữu bị lâm nạn trong bão tuyết.

Mary Murdoch qua đời vào ngày 2 tháng Mười năm 1856 gần Chimney Rock, Nebraska. Nơi đây, bà đã kiệt sức vì dải nắng dầm sương dưới thời tiết khắc nghiệt và nỗi gian khổ của cuộc hành trình. Tâm thân yếu đuối của bà hoàn toàn không chịu đựng nổi cảnh lao nhọc của thể chất mà Các Thánh Hữu gặp phải. Khi hấp hối, bà đã nghĩ về gia đình của mình ở Utah. Lời nói cuối cùng của người phụ nữ tiên phong trung tín này là: “Xin hãy nói cho John biết là tôi chết nhưng vẫn mong muốn được là một phần tử của Si Ôn.” (Xin xem Kenneth W. Merrell, *Scottish Shepherd: The Life and Times of John Murray Murdoch, Utah Pioneer* [2006], 34, 39, 54, 77, 94–97, 103, 112–13, 115.)

Mary Murray Murdoch nêu tấm gương hy vọng và đức tin của rất nhiều người tiên phong lúc ban đầu đã can đảm thực hiện một chuyến đi về miền tây. Cuộc hành trình thuộc linh của ngày hôm nay cũng đòi hỏi hy vọng hoặc đức tin như cuộc hành trình của những người tiên phong lúc ban đầu. Thử thách của chúng ta có lẽ khác, nhưng nỗi vất vả thì cũng gian nan như vậy.

Tôi cầu nguyện rằng những hy vọng của chúng ta sẽ đưa đến việc đạt được các ước mơ ngay chính của mình. Đặc biệt, tôi cầu nguyện rằng niềm hy vọng của chúng ta nơi Sự Chuộc Tội sẽ củng cố đức tin và lòng bác ái của chúng ta cũng như mang đến cho chúng ta một viễn cảnh vĩnh cửu về tương lai của mình. Cầu xin cho tất cả chúng ta đều có được niềm hy vọng hết sức sáng lạn này, tôi cầu nguyện trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■



Bài của Larry M. Gibson

Đệ Nhất Cố Vấn trong
Chủ Tịch Đoàn Trung Ương Hội Thiếu Niên

Các Chìa Khóa Thiên Liêng của Chức Tư Tế A Rôn

Chúa muốn mỗi người nắm giữ Chức Tư Tế A Rôn phải mời mọi người đến cùng Đấng Ky Tô—bắt đầu với chính gia đình của họ.

Một đứa con trai của tôi lúc 12 tuổi quyết định nuôi thỏ. Chúng tôi xây chuồng và kiếm được một con thỏ đực lớn và hai con thỏ cái từ một người hàng xóm. Tôi không hề biết là chúng tôi đang lâm vào tình huống gì. Trong một thời gian thật ngắn, cái chuồng của chúng tôi đầy cả thỏ con. Giờ đây con trai tôi đã lớn rồi, tôi cần phải thú nhận nỗi kinh ngạc của tôi trước việc các con thỏ con được chế ngự như thế nào—một con chó nhà hàng xóm thỉnh thoảng vào cái chuồng đó và ăn vài con thỏ.

Nhưng tôi rất cảm động khi thấy con trai tôi cùng các anh em của nó trông nom và bảo vệ các con thỏ đó. Và giờ đây, với tư cách là người chồng và người cha, chúng là những người nắm giữ chức tư tế xứng đáng, biết yêu thương, củng cố và trông nom gia đình của chúng.

Tôi xúc động khi quan sát các em là các thiếu niên của Chức Tư Tế A Rôn đang trông nom, hỗ trợ và củng

cố những người ở xung quanh mình, kể cả gia đình và các thành viên trong nhóm túc số của các em. Tôi yêu thương các em biết bao.

Mới đây, tôi có thấy một thiếu niên 13 tuổi được phong nhiệm với tư cách là chủ tịch nhóm túc số các thầy trợ tế. Sau đó, vị giám trợ bắt tay em ấy và gọi em ấy là “chủ tịch,” và giải thích cho các thành viên trong nhóm túc số biết rằng “tôi gọi em ấy là chủ tịch để nhấn mạnh tính chất thiên liêng của sự kêu gọi của em ấy. Người chủ tịch nhóm túc số các thầy trợ tế là một trong số bốn người duy nhất trong tiểu giáo khu nắm giữ chìa khóa của vai trò chủ tịch. Với các chìa khóa đó, em ấy, với các cố vấn của mình, sẽ lãnh đạo nhóm túc số này dưới sự soi dẫn của Chúa.” Vị giám trợ này đã hiểu quyền năng của các chủ tịch đoàn được một người chủ tịch lãnh đạo là người nắm giữ và sử dụng các chìa khóa thiên liêng. (Xin xem GLGU 124:142–43.)



Về sau, tôi hỏi em thiếu niên này xem em có sẵn sàng để chủ tọa nhóm túc số đông người này không. Em ấy đáp: “Em rất lo lắng. Em không biết một chủ tịch nhóm túc số các thầy trợ tế thì phải làm gì. Anh có thể nói cho em biết được không?”

Tôi nói rằng em ấy có được một giám trợ đoàn và những người cố vấn tuyệt diệu sẽ giúp em ấy trở thành một người lãnh đạo chức tư tế thành công và vững mạnh. Tôi biết họ sẽ tôn trọng các chìa khóa thiêng liêng của vai trò chủ tịch mà em ấy đang nắm giữ.

Rồi tôi hỏi: “Em có nghĩ rằng Chúa kêu gọi em vào chức vụ quan trọng này mà không ban cho sự hướng dẫn gì chăng?”

Em ấy suy nghĩ rồi đáp: “Em tìm ra sự hướng dẫn đó ở đâu?”

Sau cuộc thảo luận, em ấy nhận biết rằng em ấy sẽ tìm ra sự hướng dẫn từ thánh thư, lời của các vị tiên tri tại thế và những điều đáp ứng cho lời cầu nguyện. Chúng tôi quyết định tìm ra một câu thánh thư mà sẽ là một nơi bắt đầu cho sự tìm kiếm để học hỏi trách nhiệm của sự kêu gọi mới của em.

Chúng tôi giờ đến tiết 107 của sách Giáo Lý và Giao Ước, câu 85. Câu này nói rằng một chủ tịch nhóm túc số các thầy trợ tế ngồi họp với mười hai thầy trợ tế và giảng dạy cho họ biết bốn phận của họ. Chúng tôi thấy rằng nhóm túc số của em ấy không phải chỉ là một lớp học mà còn là một hội đồng các thiếu niên và các em này phải củng cố và gây dựng lẫn nhau, dưới sự hướng dẫn của người chủ tịch. Tôi tin tưởng rằng em ấy sẽ là một chủ tịch xuất sắc mà sẽ dựa vào sự soi dẫn từ Chúa và làm vinh hiển sự kêu gọi thiêng liêng của mình khi

em ấy giảng dạy cho những người bạn cũng là thầy trợ tế như em về bốn phận của các em đó.

Rồi tôi hỏi: “Bây giờ em đã biết rằng em phải giảng dạy cho các thầy trợ tế biết bốn phận của các em ấy, thì em có biết các bốn phận đó là gì không?”

Một lần nữa chúng tôi giờ đến thánh thư và tìm ra:

1. Một thầy trợ tế được chỉ định trông coi và làm giáo sĩ thường trực của Giáo Hội (xin xem GLGU 84:111).

Vì gia đình là đơn vị cơ bản của Giáo Hội, nên bối cảnh quan trọng nhất mà trong đó một người nắm giữ Chức Tư Tế A Rôn có thể làm tròn bốn phận này là trong nhà của người ấy. Người ấy cung ứng sự hỗ trợ của chức tư tế cho cha mẹ mình khi họ hướng dẫn gia đình. Người ấy cũng trông nom anh chị em của mình, các thiếu niên trong nhóm túc số của mình và các tín hữu khác trong tiểu giáo khu.

2. Một thầy trợ tế phụ giúp thầy giảng trong tất cả các bốn phận của thầy giảng trong Giáo Hội nếu cần (xin xem GLGU 20:57).

Chúng tôi quyết định rằng nếu một thầy trợ tế phải phụ giúp với bốn phận của thầy giảng, thì thầy trợ tế cần phải biết bốn phận của họ là gì. Chúng tôi nhanh chóng nhận ra trong thánh thư hơn mười hai bốn phận cho chức phẩm thầy giảng (xin xem GLGU 20:53–59; 84:111). Thật là một kinh nghiệm mạnh mẽ đối với mỗi thiếu niên—và những người cha và cố vấn của họ, và tất cả chúng ta—để làm đúng y như điều người thiếu niên này đã làm: tìm đến thánh thư và

tự khám phá ra các bốn phận của mình là gì. Tôi không tin là có nhiều người trong chúng ta sẽ ngạc nhiên—và được soi dẫn—đối với điều chúng ta tìm được. Sách Bốn Phần đối với Thượng Đế bao gồm những phần tóm lược rất hữu ích về bốn phận của Chức Tư Tế A Rôn và là một tài liệu quan trọng cho sự phát triển thuộc linh. Tôi khuyến khích các em hãy sử dụng sách ấy thường xuyên.

3. Các thầy trợ tế và thầy giảng cũng phải “cánh cáo, giải nghĩa, khuyên nhủ, giảng dạy và mời mọi người đến cùng Đấng Ky Tô” (GLGU 20:59; xin xem các câu 46, 68 dành cho các thầy trợ tế).

Nhiều thiếu niên nghĩ rằng kinh nghiệm truyền giáo của mình bắt đầu khi họ lên 19 tuổi và đi vào Trung Tâm Huấn Luyện Truyền Giáo. Chúng ta học được từ thánh thư rằng kinh nghiệm đó bắt đầu trước đó rất lâu. Chúa muốn mỗi người nắm giữ Chức Tư Tế A Rôn phải mời mọi người đến cùng Đấng Ky Tô—bắt đầu với chính gia đình của họ.

Kế đến, để giúp người chủ tịch trẻ tuổi này hiểu rằng em ấy và chỉ một mình em ấy mà thôi là chức sắc chủ tọa trong nhóm túc số, tôi đã đề nghị em ấy đọc ba lần bốn phận đầu tiên được liệt kê trong Giáo Lý và Giao Ước 107:85. Em ấy đọc: “Chủ tọa mười hai thầy trợ tế.” Tôi hỏi: “Chúa đang phán bảo riêng với em về bốn phận của em là gì với tư cách là chủ tịch?”

Em ấy nói: “Vâng, một số điều đã nảy ra trong ý nghĩ của em trong khi chúng ta nói chuyện. Em nghĩ rằng Cha Thiên Thượng muốn em làm chủ tịch của mười hai thầy trợ tế. Chỉ có năm người trong số chúng em đến nhà thờ và một người thì thỉnh thoảng mới đến. Vậy thì làm thế nào chúng em có được 12 người?”

Nào, tôi chưa bao giờ hiểu câu thánh thư này theo cách mà em ấy hiểu, nhưng lúc bấy giờ, em ấy nắm giữ các chìa khóa thiêng liêng mà tôi không có. Tôi được một chủ tịch nhóm túc số các thầy trợ tế 13 tuổi giảng dạy về quyền năng mặc khải

đến với những người có các chìa khóa thiêng liêng của vai trò chủ tịch, bất kể trí óc, vóc dáng hoặc tuổi tác của họ như thế nào.

Tôi đáp: “Tôi không biết. Em nghĩ sao?”

Và em ấy nói: “Chúng em cần phải tìm cách giữ cho em ấy tiếp tục đến nhà thờ. Em biết có hai đứa khác đáng lẽ cũng phải thuộc vào trong nhóm túc số của chúng em nhưng chúng nó không đến và em không biết chúng. Có lẽ em có thể trở thành bạn thân với một đứa và bảo hai cổ vắn của em làm việc với mấy đứa kia. Nếu chúng đều đến cả thì chúng em sẽ có bảy đứa, nhưng chúng em kiếm đâu ra năm đứa nữa?”

Tôi đáp: “Tôi không biết”—nhưng nếu Cha Thiên Thượng muốn chúng đến đó, thì Ngài biết.”

“Rồi chúng em cần phải cầu nguyện chung với chủ tịch đoàn và nhóm túc số để tìm hiểu xem phải làm gì.” Rồi em ấy hỏi: “Em có trách nhiệm đối với tất cả các thiếu niên thuộc lứa tuổi thầy trợ tế trong tiểu giáo khu của chúng ta thậm chí cả những đứa không phải là tín hữu không?”

Tôi kinh ngạc nói: “Dưới mắt Chúa, vị giám trợ của em chỉ có trách nhiệm đối với các tín hữu trong tiểu giáo khu hay đối với tất cả những người sống trong ranh giới của tiểu giáo khu không?”



“Người giáo sĩ thường trực” này hiểu rồi. Em ấy thừa nhận vai trò của mỗi thầy trợ tế, thầy giảng, cũng như thầy tư tế trong việc trông coi Giáo Hội và mời mọi người đến cùng Đấng Ky Tô.

Ý nghĩ của tôi quay lại với một câu thánh thư khi tôi nghĩ về các thanh niên thiếu nữ tuyệt vời trong Giáo Hội của chúng ta—câu thánh thư mà Mô Rô Ni trích dẫn cho Joseph Smith nghe, khi nói rằng câu này “chưa được ứng nghiệm, nhưng sắp được ứng nghiệm” (Joseph Smith—Lịch Sử 1:41)—“Sau đó, ta sẽ đổ Thần ta trên cả loài xác thịt; con trai và con gái các người sẽ nói tiên tri; . . . những kẻ trai trẻ các người sẽ xem sự hiện thấy.” (Giô Ên 2:28).

Người chủ tịch trẻ tuổi này nảy ra ý nghĩ về việc thấy được điều mà Cha Thiên Thượng muốn nhóm túc số của Ngài phải được như vậy. Đó là điều mặc khải mà em ấy cần để củng cố các thành viên tích cực của nhóm túc số của mình, giải cứu những người đang gặp khó khăn và mời tất cả mọi người đến cùng Đấng Ky Tô. Vì được soi dẫn như vậy nên em ấy lập kế hoạch để thực hiện ý muốn của Chúa.

Chúa đã giảng dạy người chủ tịch trẻ tuổi này rằng *chức tư tế* có nghĩa là tìm đến phục vụ những người khác. Như vị tiên tri yêu dấu của chúng ta là Chủ Tịch Thomas S. Monson giải thích: “Chức tư tế thật sự không phải là một ân tứ mà là một lệnh truyền để phục vụ, một đặc ân để nâng đỡ, và một cơ hội để ban phước cho cuộc sống của những người khác.” (“Sự Tin Cậy vào Chức Tư Tế Thiêng Liêng của Chúng Ta,” *Liahona*, tháng Năm năm 2006, 57).

Sự phục vụ chính là nền tảng của chức tư tế—phục vụ những người khác như đã được Đấng Cứu Rỗi nêu gương. Tôi làm chứng rằng đó chính là chức tư tế của Ngài, chúng ta đang làm công việc của Ngài, và Ngài đã chỉ cho tất cả những người nắm giữ chức tư tế cách phục vụ chức tư tế trung tín như thế nào.

Tôi xin mời chủ tịch đoàn mỗi nhóm túc số hãy thường xuyên hội ý, học hỏi và cầu nguyện để biết được ý muốn của Chúa dành cho nhóm túc số của các em là gì, rồi hãy đi và làm theo. Hãy sử dụng sách Bốn Phận đối

với Thượng Đế để giúp các em giảng dạy cho các thành viên trong nhóm túc số của mình về bốn phận của các em ấy. Tôi mời mỗi thành viên trong nhóm túc số hãy tán trợ người chủ tịch nhóm túc số của mình và trông cậy vào người ấy để được khuyên bảo khi các em học hỏi và làm tròn tất cả bốn phận của chức tư tế một cách ngay chính. Và tôi mời mỗi người chúng ta hãy nhìn các thiếu niên phi thường này như Chúa nhìn các em ấy—một tiềm lực mạnh mẽ để xây đắp và củng cố vương quốc của Ngài ở đây và vào lúc này.

Các em là các thiếu niên tuyệt diệu nắm giữ Chức Tư Tế A Rôn mà đã được Giảng Báp Tít phục hồi cho Joseph Smith và Oliver Cowdery gần Harmony, Pennsylvania. Chức tư tế của các em nắm giữ các chìa khóa thiêng liêng để mở cửa cho tất cả con cái của Cha Thiên Thượng đến với Vị Nam Tử của Ngài là Chúa Giê Su Ky Tô và noi theo Ngài. Điều này được cung ứng qua “phúc âm về sự hối cải và phép báp têm bằng cách được đìm mình xuống nước để được xá miễn tội lỗi;” các giáo lễ Tiệc Thánh hằng tuần; và “sự phù trợ của các thiên sứ.” (GLGU 13:1; Joseph Smith—Lịch Sử 1:69). Các em thật sự là các giáo sĩ cần phải là những người nam trong sạch, xứng đáng và trung tín của chức tư tế vào bất cứ lúc nào và ở bất cứ nơi nào.

Tại sao? Hãy lắng nghe những lời của Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn yêu dấu của chúng ta đưa ra cho mỗi em trong sách Bốn Phận đối với Thượng Đế:

“Các em có thẩm quyền để thực hiện các giáo lễ của Chức Tư Tế A Rôn. . . . Các em sẽ ban phước dồi dào cho cuộc sống của những người xung quanh mình. . . .

“Cha Thiên Thượng đã tin cậy và tin tưởng nhiều nơi các em và có một sứ mệnh quan trọng cho các em để làm tròn” (*Fulfilling My Duty to God: For Aaronic Priesthood Holders* [2010], 5).

Tôi biết những lời này là thật và cầu nguyện rằng mỗi chúng ta cũng sẽ có được sự làm chứng đó. Và tôi nói những điều này trong thánh danh của Đấng mà chúng ta đang nắm giữ chức tư tế của Ngài là Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■



Bài của Chủ Tịch Dieter F. Uchtdorf
Đệ Nhị Cố Vấn trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn

Tiềm Năng của Các Anh Em, Đặc Ân của Các Anh Em

Khi các anh em đọc thánh thư và hết lòng lắng nghe những lời nói của các tiên tri, thì Chúa sẽ phân bảo với các anh em cách làm tròn các bổn phận chức tư tế của mình.

Một người nọ suốt đời mong muốn được thực hiện một chuyến đi du thuyền đến Địa Trung Hải. Anh ta mơ ước được đi trên đường phố Rome, Athens, và Istanbul. Anh ta đã dành dụm tất cả tiền bạc cho đến khi có đủ cho chuyến đi của mình. Vì không có nhiều tiền nên anh ta mang theo một cái va li chất đầy các lon đậu, hộp bánh quy và các gói bột pha nước chanh, và anh ta sống như thể mỗi ngày.

Anh ta rất muốn tham dự vào nhiều sinh hoạt trên tàu—tập trong phòng thể dục, đánh gôn, và bơi lội. Anh ta ghen tị với những người được xem phim, xem biểu diễn, và những cuộc trình diễn văn hóa. Ôi chao, anh ta ao ước biết bao được nếm thức ăn tuyệt vời ở trên tàu dù chỉ một lần—mỗi bữa ăn ở đây như là một yến tiệc! Nhưng anh ta chỉ muốn trả rất ít tiền nên không tham dự tất cả các sinh hoạt đó. Anh ta có thể được tham quan những thành phố mà mình ao ước nhưng hầu như trong chuyến đi, anh ta chỉ

ở trong phòng và nhăm nháp những thức ăn nghèo nàn của mình.

Vào ngày cuối cùng của chuyến đi du thuyền, một nhân viên trên tàu hỏi anh ta sẽ tham dự buổi liên hoan chia tay nào. Lúc đó, anh ta mới biết rằng không những buổi liên hoan chia tay mà hầu hết mọi thứ trên chuyến du thuyền—từ thức ăn, đến các môn giải trí và tất cả các sinh hoạt—đều đã gồm vào trong giá vé. Trễ quá rồi, anh ta thấy rằng mình đã không sống theo các đặc ân của mình.

Câu hỏi đặt ra từ câu chuyện này là chúng ta là những người nắm giữ chức tư tế có sống đúng theo các đặc ân của mình khi quyền năng thiêng liêng, các ân tứ và phước lành là cơ hội và quyền của chúng ta với tư cách là những người mang chức tư tế của Thượng Đế không?

Vinh Quang và Sự Vĩ Đại của Chức Tư Tế

Chúng ta đều biết rằng chức tư tế còn có ý nghĩa nhiều hơn là chỉ một cái tên hay danh xưng. Tiên Tri

Joseph đã dạy rằng “Chức Tư Tế là một nguyên tắc vĩnh viễn và hiện hữu với Thượng Đế từ vinh cửu này đến vinh cửu khác, không có ngày bắt đầu hay năm kết thúc.”¹ Chức tư tế nắm giữ “chìa khóa của sự hiểu biết về Thượng Đế.”² Vậy nên, qua chức tư tế mà “quyền năng của sự tin kính được biểu hiện rõ rệt.”³

Các phước lành của chức tư tế vượt quá khả năng linh hội của chúng ta. Những người nắm giữ Chức Tư Tế Mên Chi Xê Đéc trung tín có thể “trở thành . . . dân chọn lọc của Thượng Đế.”⁴ Họ được “thánh hóa bởi Thánh Linh để thể xác của họ được đổi mới”⁵ và có thể cuối cùng tiếp nhận “tất cả những gì [Đức Chúa] Cha có.”⁶ Điều này có thể khó thấu hiểu nhưng thật là tuyệt mỹ, và tôi làm chứng rằng điều này có thật.

Việc Cha Thiên Thượng giao phó quyền năng và trách nhiệm này cho con người là bằng chứng về tình yêu thương bao la của Ngài dành cho chúng ta và sự báo hiệu về tiềm năng của chúng ta là các con trai của Thượng Đế trong cuộc sống mai sau.

Tuy nhiên, hành động của chúng ta thường đưa ra giả thuyết rằng chúng ta sống không đúng theo tiềm năng này. Khi được hỏi về chức tư tế, nhiều người chúng ta có thể đọc thuộc lòng một định nghĩa đúng, nhưng trong cuộc sống hằng ngày của mình thì có thể có ít bằng chứng rằng sự hiểu biết của chúng ta vượt quá mức độ của một bản văn thuộc lòng.

Thưa các anh em, chúng ta đang đứng trước một sự lựa chọn. Chúng ta có thể hài lòng với một kinh nghiệm thu nhỏ với tư cách là những người mang chức tư tế và bằng lòng với những kinh nghiệm không đúng theo đặc ân của mình. Hoặc chúng ta có thể dự phần vào một cơ hội thuộc linh dồi dào, và các phước lành phổ biến của chức tư tế.

Chúng ta có thể làm gì để sống đúng theo tiềm năng của mình?

Những lời viết trong thánh thư và nói ra trong đại hội trung ương “nên được chúng ta áp dụng,”⁷ chứ không phải là chỉ để đọc hoặc nghe mà thôi.⁸ Chúng ta rất thường tham dự các buổi

họp và gặt đầu; chúng ta còn có thể mỉm cười ra vẻ hiểu và đồng ý. Chúng ta viết xuống một số điều nào đó để làm, và có thể tự nói: “Đó là điều tôi sẽ làm.” Nhưng giữa việc nghe, rồi ghi vào bộ nhớ của cái điện thoại vi tính của mình để nhắc nhở phải làm, và việc làm những điều đó, tùy thuộc vào quyết tâm làm ngay lập tức hay trì hoãn để làm sau này. Thưa các anh em, hãy chắc chắn quyết định làm những điều đó ngay bây giờ.

Khi các anh em đọc thánh thư và hết lòng lắng nghe những lời nói của các tiên tri, thì Chúa sẽ phán bảo với các anh em cách làm tròn các bổn phận chức tư tế của mình. Đừng để một ngày qua đi mà không làm một điều gì theo những thúc giục của Thánh Linh.

Trước Hết: Hãy Đọc Quyển Sổ Tay của Người Sở Hữu

Nếu có một máy vi tính hiện đại và đắt tiền nhất trên thế giới, các anh em sẽ chỉ sử dụng nó để trang trí cho bàn làm việc của mình không? Cái máy vi tính đó có thể trông rất ấn tượng. Nó có thể có một tiềm năng lớn lao. Nhưng tiềm năng đó chỉ hữu hiệu khi nào các anh em nghiên cứu quyển sổ tay của người sở hữu, học cách sử dụng nhu liệu, và bật máy lên để các anh em có thể đạt được tiềm năng trọn vẹn đó.

Thánh chức tư tế của Thượng Đế cũng có một quyển sổ tay của người sở hữu. Chúng ta hãy cam kết đọc thánh thư và các quyển sổ tay hướng dẫn với nhiều mục đích và tập trung hơn. Chúng ta hãy bắt đầu đọc lại các tiết 20, 84, 107, và 121 của sách Giáo Lý và Giao Ước. Chúng ta càng nghiên cứu mục đích, tiềm năng và sự sử dụng thực tiễn của chức tư tế thì sẽ càng kinh ngạc trước quyền năng của chức tư tế này, cũng như Thánh Linh sẽ dạy cho chúng ta cách tiếp cận và sử dụng quyền năng đó để ban phước cho gia đình, cộng đồng của mình và Giáo Hội.

Là một dân tộc, chúng ta đặt ưu tiên cao đúng vào việc học hỏi thể tục và sự phát triển nghề nghiệp mình muốn, và chúng ta cần phải học tập xuất sắc và thông thạo nghề nghiệp.



Tôi xin khen ngợi các anh em đang siêng năng cố gắng đạt được một học vấn và trở nên thành thạo trong lãnh vực của mình. Tôi mời các anh em cũng trở nên thành thạo trong các giáo lý của phúc âm—nhất là giáo lý của chức tư tế.

Chúng ta sống trong một thời kỳ mà thánh thư cũng như những lời của các vị sứ đồ và tiên tri hiện đại rất dễ nhận được hơn bất cứ thời điểm nào trong lịch sử của thế gian. Tuy nhiên, đó là đặc ân, bổn phận và trách nhiệm của chúng ta để tìm tới và hiểu thấu những lời giảng dạy của họ. Các nguyên tắc và giáo lý của chức tư tế là cao siêu và siêu phàm. Chúng ta càng nghiên cứu giáo lý, tiềm năng và áp dụng mục đích thực tiễn của chức tư tế thì tâm hồn chúng ta sẽ càng được mở rộng, sự hiểu biết của chúng ta được gia tăng và chúng ta sẽ thấy điều Chúa dành sẵn cho mình.

Thứ Nhì: Tìm Kiếm Những Điều Mặc Khải của Thánh Linh

Một chứng ngôn chắc chắn về Chúa Giê Su Kỵ Tô và về phúc âm phục hồi của Ngài cần nhiều hơn là sự hiểu biết—chứng ngôn đòi hỏi sự mặc khải cá nhân, được xác nhận qua việc áp dụng các nguyên tắc phúc âm một cách chân thật và tận tâm. Tiên Tri Joseph Smith giải thích rằng chức tư tế là “hệ thống mà qua đó Đấng Toàn Năng bắt đầu mặc khải vinh quang của Ngài vào lúc bắt đầu tạo dựng thế gian này, và qua đó Ngài đã tiếp tục đích thân mặc khải cho con cái loài người cho đến thời nay.”

Nếu không cố gắng sử dụng hệ thống mặc khải này, thì chúng ta đang sống không đúng theo các đặc ân của chức tư tế của mình. Ví dụ, có những người tin nhưng không biết rằng họ tin. Họ đã nhận được nhiều sự đáp ứng khác nhau bởi tiếng nói



Bucharest, Romania

êm nhẹ trong một thời kỳ kéo dài, nhưng vì sự soi dẫn này dường như quá nhỏ và không quan trọng, nên họ không nhận ra điều đó thật sự là gì. Do đó, họ để cho nỗi nghi ngờ ngăn cản họ làm tròn tiềm năng của mình với tư cách là những người nắm giữ chức tư tế.

Sự mặc khải và chứng ngôn không phải luôn luôn đến với một sức mạnh áp đảo. Đối với nhiều người, một chứng ngôn đến từ từ—mỗi lần một chút. Đôi khi, chứng ngôn đến dần dần nên rất khó để nhớ lại chính xác giây phút chúng ta thật sự biết phúc âm là chân chính. Chúa ban cho chúng ta “từng hàng chữ một, từng lời chỉ giáo một, nơi này một ít, nơi kia một ít.”¹⁰

Trong một số cách, chứng ngôn của chúng ta giống như một hòn tuyết càng lúc càng trở nên lớn hơn mỗi khi lăn đi. Chúng ta bắt đầu với một số ít ánh sáng—ngay cả chỉ một ước muốn để tin. Dần dần, “ánh sáng gắn bó với ánh sáng,”¹¹ và “kẻ nào nhận được ánh sáng, và bên lòng nơi Thượng Đế, thì sẽ nhận được thêm ánh sáng; và ánh sáng đó càng lúc càng sáng tỏ cho đến ngày hoàn toàn,”¹² khi “[chúng ta] nhận được sự trọn vẹn của Ngài vào đúng lúc.”¹³

Hãy nghĩ thật là một điều vinh quang biết bao để vượt qua những giới hạn của mình trên thế gian, để mất hiểu biết của mình được mở ra và nhận được ánh sáng cùng sự hiểu biết từ các nguồn gốc thiên thượng! Đó là đặc ân và cơ hội của chúng ta để tìm

kiếm sự mặc khải cá nhân cũng như học cách tự mình biết được lẽ thật qua sự làm chứng chắc chắn của Đức Thánh Linh.

Chúng ta hãy sốt sắng tìm kiếm ánh sáng của sự soi dẫn cá nhân. Chúng ta hãy khẩn nài Chúa ban cho tâm trí mình sự khởi đầu của đức tin mà sẽ làm cho chúng ta có thể nhận được và nhận ra sự phục sự thiêng liêng của Đức Thánh linh dành cho hoàn cảnh sống riêng biệt, cho những thử thách và các bổn phận chức tư tế của chúng ta.

Thứ Ba: Tìm Ra Niềm Vui trong Sự Phục Vụ của Chức Tư Tế

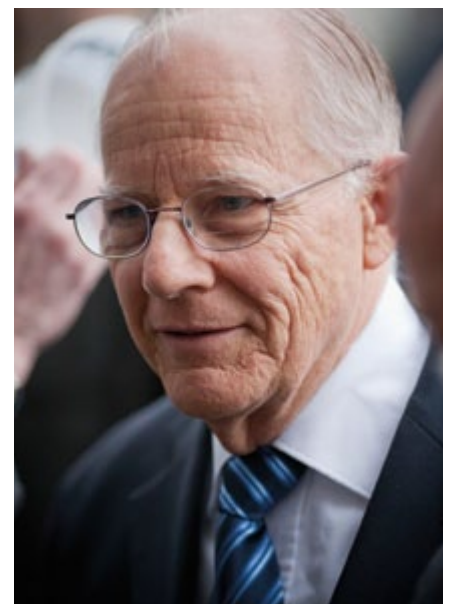
Trong lúc làm phi công của một hãng hàng không, tôi đã có cơ hội là phi công trưởng kiểm tra khả năng và huấn luyện các phi công khác. Một phần của công việc này là huấn luyện và thử tài các phi công dày dặn kinh nghiệm để chắc chắn rằng họ có kiến thức cũng như kỹ năng cần thiết để lái các chiếc máy bay phản lực khổng lồ tuyệt diệu đó một cách an toàn và hữu hiệu.

Tôi thấy có những phi công, mặc dù sau nhiều năm lái máy bay chuyên nghiệp, vẫn luôn rộn ràng trong lòng khi bay vào bầu quyển khí và “rời bỏ những ranh giới hạn chế của Trái Đất để hân hoan bay bổng ngang các tầng trời trên đôi cánh bạc.”¹⁴ Họ yêu thích tiếng động của luồng không khí, tiếng gầm rú của các động cơ mạnh, cảm giác được “hòa nhịp với

gió, bầu trời tối và các vì sao trước mặt.”¹⁵ Lòng nhiệt tình của họ tỏa lan nhanh chóng.

Cũng có một số ít người dường như đứng dưng về mặt tình cảm. Họ điều khiển các hệ thống và các chiếc máy bay phản lực, nhưng vào một lúc nào đó, họ đã đánh mất niềm vui lái máy bay “đến một nơi mà không có một con chim chiến chiến hay một con chim đại bàng nào bay đến cả”¹⁶ Họ đã mất đi cảm giác kinh ngạc trước cảnh bình minh rực rỡ, trước vẻ đẹp của các tạo vật của Thượng Đế khi họ bay ngang qua các đại dương và lục địa. Nếu họ đáp ứng được những điều đòi hỏi chính thức thì tôi chứng thực cho họ, nhưng đồng thời, tôi cảm thấy tiếc thay cho họ.

Các anh em có thể muốn tự hỏi nếu mình chỉ đứng dưng về mặt tình cảm với tư cách là người mang chức tư tế—làm điều được trông mong để làm, nhưng không kinh nghiệm được niềm vui đáng lẽ thuộc về mình. Việc nắm giữ chức tư tế mang đến cho chúng ta các cơ hội dồi dào để cảm thấy niềm vui mà Am Môn đã nói: “Chúng ta không có lý do mạnh mẽ để hoan hỷ hay sao? . . . Chúng ta là những công cụ trong tay [của Chúa] để thi hành công việc vĩ đại và kỳ diệu này. Vậy thì chúng ta hãy hân hoan . . . trong Chúa; phải, chúng ta hãy hoan hỷ lên đi.”¹⁷



Thưa các anh em, tôn giáo của chúng ta là một tôn giáo đầy hoan hỷ! Chúng ta được phước nhất khi mang chức tư tế của Thượng Đế! Chúng ta đọc trong sách Thi Thiên: “Phước cho dân nào biết tiếng vui mừng! Hỡi Đức Giê Hô Va, họ bước đi trong ánh sáng của mặt Chúa.”¹⁸ Chúng ta có thể trải qua niềm vui lớn lao hơn nếu chúng ta chỉ tìm kiếm điều đó.

Chúng ta thường không kinh nghiệm được niềm hạnh phúc cố được từ sự phục vụ thực tiễn của chức tư tế hằng ngày. Đôi khi, công việc chỉ định có thể cảm thấy giống như gánh nặng. Thưa các anh em, đừng để chúng ta trải qua cuộc sống đắm mình trong cảnh mệt mỏi, lo lắng và than vãn. Chúng ta sống không đúng theo các đặc ân của mình khi cho phép những trở ngại của thế gian ngăn giữ chúng ta xa khỏi niềm vui dồi dào có được từ sự phục vụ trung tín và tận tâm của chức tư tế, nhất là trong nhà của mình. Chúng ta sống không đúng theo các đặc ân của mình khi chúng ta không dự phần vào yến tiệc của niềm hạnh phúc, sự bình an, và niềm vui mà Thượng Đế đã rộng rãi ban cho các tôi tớ tư tế trung tín.

Các em thiếu niên, nếu các em cảm thấy việc đến nhà thờ sớm để giúp chuẩn bị Tiệc Thánh như là một nỗi gian khổ hơn là một phước lành, thì tôi xin mời các em hãy nghĩ về giáo lễ thiêng liêng này có thể có ý nghĩa như thế nào đối với một tín hữu trong tiểu giáo khu là người có lẽ đã có một tuần lễ đầy khó khăn. Thưa các anh em, nếu các nỗ lực giảng dạy tại gia của các anh em dường như không được hữu hiệu, thì tôi xin mời các anh em hãy nhìn với con mắt đức tin xem một cuộc viếng thăm từ một tôi tớ của Chúa sẽ làm gì cho một gia đình mà có nhiều vấn đề không thấy hết được. Khi các anh em hiểu về tiềm năng thiêng liêng của sự phục vụ chức tư tế của mình, thì Thánh Linh của Thượng Đế sẽ tràn đầy tâm trí của các anh em và sẽ chiếu sáng trong mắt và trên gương mặt của các anh em.

Là những người mang chức tư tế, chúng ta đừng bao giờ trở nên chai đá trước điều kỳ diệu mà Chúa đã giao cho mình.



Kết Luận

Các anh em thân mến, cầu xin cho chúng ta siêng năng tìm cách học hỏi giáo lý của thánh chức tư tế, cầu xin cho chúng ta củng cố chứng ngôn của mình từng hàng chữ một bằng cách tiếp nhận những điều mặc khải của Thánh Linh, và cầu xin cho chúng ta tìm được niềm vui đích thực trong sự phục vụ hằng ngày của chức tư tế. Khi làm những điều này, chúng ta sẽ bắt đầu sống đúng theo tiềm năng và đặc ân của mình với tư cách là những người nắm giữ chức tư tế, và chúng ta sẽ có thể “làm được mọi sự nhờ Đấng ban thêm sức cho [chúng ta].”¹⁹ Tôi làm chứng điều này với tư cách là một sứ đồ của Chúa và để lại cho các anh em phước lành của tôi trong thánh danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. *Những Lời Giảng Dạy của Các Vị Chủ Tịch Giáo Hội: Joseph Smith* (2007), 104.
2. Giáo Lý và Giao Ước 84:19.
3. Giáo Lý và Giao Ước 84:20.
4. Giáo Lý và Giao Ước 84:34.
5. Giáo Lý và Giao Ước 84:33.
6. Giáo Lý và Giao Ước 84:38.
7. 1 Nê Phi 19:24.
8. Xin xem Gia Cơ 1:22.
9. *Teachings: Joseph Smith*, 108–9.
10. 2 Nê Phi 28:30.
11. Giáo Lý và Giao Ước 88:40.
12. Giáo Lý và Giao Ước 50:24.
13. Giáo Lý và Giao Ước 93:19.
14. John Gillespie Magee Jr., “High Flight,” trong Diane Ravitch, biên tập, *The American Reader: Words That Moved a Nation* (1990), 486.
15. Richard Bach, *Stranger to the Ground* (1963), 9.
16. Magee, “High Flight,” 486.
17. An Ma 26:13, 15–16.
18. Thi Thiên 89:15.
19. Phi Líp 4:13.



Bài của Chủ Tịch Henry B. Eyring
Đệ Nhất Cố Vấn trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn

Học Hỏi trong Chức Tư Tế

Nếu các anh em siêng năng và biết vâng lời trong chức tư tế, thì kho tàng hiểu biết thuộc linh sẽ trút xuống các anh em.

Tôi biết ơn cơ hội được có mặt với các anh em trong buổi họp này của chức tư tế của Thượng Đế. Buổi tối hôm nay, chúng ta có mặt ở nhiều nơi khác nhau và ở nhiều giai đoạn trong sự phục vụ chức tư tế của mình. Tuy nhiên, với hoàn cảnh khác nhau, chúng ta lại có chung một nhu cầu. Đó là học hỏi về các bổn phận của chúng ta trong chức tư tế và phát triển trong quyền năng của mình để thi hành các bổn phận đó.

Khi còn là thầy trợ tế, tôi đã cảm nhận được nhu cầu đó một cách mãnh liệt. Tôi sống trong một chi nhánh nhỏ của Giáo Hội ở New Jersey, bên phía Đông Hoa Kỳ. Tôi là thầy trợ tế duy nhất trong chi nhánh—không phải chỉ là thầy trợ tế duy nhất đi nhà thờ mà còn là thầy trợ tế duy nhất trong hồ sơ. Anh tôi, Ted, là thầy giảng duy nhất. Anh ấy hiện có mặt ở đây buổi tối hôm nay.

Khi gia đình tôi dọn đi Utah thì tôi vẫn còn là thầy trợ tế. Ở đó, tôi thấy có ba điều tuyệt diệu thúc đẩy sự phát triển của tôi trong chức tư tế. Điều thứ nhất là người chủ tịch biết cách ngồi họp với các thành viên trong nhóm túc số của mình. Điều thứ hai là đức tin lớn lao nơi Chúa Giê Su Ky Tô đưa

đến tình yêu thương bao la mà chúng ta đã nghe tới—tình yêu thương dành cho nhau. Và điều thứ ba là lòng tin vững chắc được chia sẻ rằng mục đích bao quát của chức tư tế là lao nhọc để cứu rỗi con người.

Điều khác biệt không phải là vì tiểu giáo khu đó được thiết lập vững chắc. Điều được thấy trong tiểu giáo khu đó cũng có thể thấy được ở bất cứ nơi đâu, trong bất cứ đơn vị nào của Giáo Hội mà các anh em thuộc vào.

Ba điều này có lẽ đã là một phần kinh nghiệm của các anh em trong nhóm túc số chức tư tế nên các anh em hầu như không nhận thấy. Đối với những người khác, các anh em có thể không cảm thấy nhu cầu cần phát triển nên những giúp đỡ này có thể không thấy được. Dù thế nào đi nữa, thì tôi cũng cầu nguyện rằng Thánh Linh sẽ giúp tôi làm cho ba điều này được rõ ràng và hấp dẫn đối với các anh em.

Mục đích của tôi khi nói về ba điều giúp đỡ để phát triển trong chức tư tế đó là khuyến khích các anh em quý trọng và sử dụng ba điều đó. Nếu làm theo ba điều đó thì sự phục vụ của các anh em sẽ trở thành hữu hiệu hơn. Và, nếu được làm vinh hiển thì sự phục vụ của chức tư tế của các anh em sẽ

ban phước cho con cái của Cha Thiên Thượng nhiều hơn là các anh em có thể tưởng tượng được vào lúc này.

Tôi thấy điều giúp đỡ thứ nhất khi tôi được chào mừng vào nhóm túc số các thầy tư tế với vị giám trợ là chủ tịch của chúng tôi. Điều đó dường như là nhỏ nhặt tầm thường đối với các anh em, nhưng lại mang đến cho tôi một cảm giác về quyền năng trong chức tư tế làm thay đổi sự phục vụ của tôi trong chức tư tế kể từ lúc đó. Điều đó bắt đầu bằng cách vị giám trợ hướng dẫn chúng tôi.

Dường như đối với tôi, ông đã xem những ý kiến của các thầy tư tế trẻ tuổi thể như chúng tôi là những người khôn ngoan nhất trên thế giới. Ông chờ cho đến khi người muốn nói đã nói xong. Ông lắng nghe. Và khi ông quyết định phải làm điều gì thì dường như đối với tôi Thánh Linh đã xác nhận các quyết định cho chúng tôi và cho ông.

Bây giờ, tôi nhận biết rằng tôi đã cảm thấy được ý nghĩa của câu thánh thư khi ghi rằng người chủ tịch ngồi họp với các thành viên trong nhóm túc số của mình.¹ Và nhiều năm về sau, khi tôi là giám trợ với nhóm túc số các thầy tư tế của mình, cả họ và tôi đều được giảng dạy bởi điều tôi đã học được khi còn là thầy tư tế trẻ tuổi.

Hai mươi năm sau, với tư cách là giám trợ, tôi đã có cơ hội để thấy được hiệu quả của một hội đồng, không phải chỉ trong nhà hội không thôi, mà còn ở trên núi nữa. Trong một sinh hoạt vào ngày thứ Bảy, đêm đó một thành viên trong nhóm túc số của chúng tôi đã bị lạc trong rừng. Chúng tôi biết rằng em ấy đi một mình và không có quần áo ấm, thức ăn hay nơi trú ngụ. Chúng tôi đã tìm kiếm em ấy nhưng không thành công.

Tôi nhớ là chúng tôi, nhóm túc số các thầy tư tế và tôi, đã cùng nhau cầu nguyện và rồi tôi yêu cầu mỗi người nói. Tôi chăm chú lắng nghe và dường như đối với tôi các thành viên trong nhóm túc số cũng lắng nghe nhau. Sau một lát, chúng tôi đều có cảm giác bình an. Tôi cảm thấy rằng em thành viên đang lạc trong rừng được an toàn và khô ráo ở một nơi nào đó.

Tôi thấy rõ điều gì nhóm túc số cần phải làm và không nên làm. Khi



những người tìm ra em ấy mô tả nơi em ấy đã đi đến trong rừng để được an toàn, thì tôi cảm thấy tôi đã nhận ra chỗ đó. Đối với tôi, phép lạ lớn hơn là thấy được đức tin nơi Chúa Giê Su Kỵ Tô của một hội đồng chức tư tế đoàn kết đã mang đến sự mặc khải cho người có những chìa khóa của chức tư tế. Ngày đó, chúng tôi đều tăng trưởng trong quyền năng của chức tư tế.

Chìa khóa thứ nhì để việc học hỏi được gia tăng là tình yêu thương lẫn nhau có được từ đức tin lớn lao. Tôi không chắc rằng điều nào đến trước, nhưng dường như luôn luôn có tình yêu thương lẫn đức tin bất cứ khi nào có việc học hỏi quan trọng và nhanh chóng trong chức tư tế. Joseph Smith đã dạy điều đó cho chúng ta qua tấm gương của ông.

Vào thời kỳ ban đầu của Giáo Hội trong gian kỳ này, ông đã nhận được một lệnh truyền từ Thượng Đế phải xây đắp sức mạnh trong chức tư tế. Ông phải lập ra trường học cho những người nắm giữ chức tư tế.

Chúa đặt ra điều kiện là phải có tình yêu thương lẫn nhau ở giữa những người giảng dạy và những người được giảng dạy. Đây là những lời của Chúa về việc lập ra một nơi học hỏi của chức tư tế và về những người học hỏi trong chức tư tế:

“Hãy tự tổ chức; . . . hãy thiết lập một ngôi nhà . . . học hỏi, . . . một ngôi nhà trật tự. . . .

“Hãy chỉ định một thầy giảng trong số các người, và tất cả mọi người không được phát ngôn cùng một lúc; nhưng mỗi lần chỉ một người được nói, và tất cả mọi người phải lắng nghe người đó nói, để khi tất cả đều đã nói thì nhờ mọi người mà tất cả có thể được gây dựng, và để mọi người đều có thể có được đặc ân ngang nhau.”²

Chúa đang mô tả điều chúng ta đã thấy là sức mạnh của một hội đồng hoặc lớp chức tư tế để mang đến sự mặc khải bởi Thánh Linh. Sự mặc khải là cách duy nhất chúng ta có thể tiến đến việc biết rằng Chúa Giê Su là Đấng Kỵ Tô. Đức tin lớn lao đó là bậc

thang đầu tiên mà chúng ta bước lên để học hỏi các nguyên tắc phúc âm.

Trong tiết 88 của sách Giáo Lý và Giao Ước trong các câu 123 và 124, Chúa đã nhấn mạnh đến tình yêu thương lẫn nhau và không bới móc lỗi lầm của nhau. Mỗi người theo học trường chức tư tế do vị tiên tri của Chúa thiết lập bằng cách lập một giao ước và giơ tay lên để được “làm bạn và làm người anh em . . . trong sợi dây ràng buộc của tình thương yêu.”³

Ngày nay, chúng ta không tuân theo lối thực hành đó, nhưng bất cứ nơi nào tôi thấy được việc học hỏi đặc biệt trong chức tư tế thì đều có những mối ràng buộc yêu thương đó. Một lần nữa, tôi đã thấy mối ràng buộc yêu thương đó là nguyên nhân và kết quả của việc học hỏi các lẽ thật phúc âm. Tình yêu thương mời Đức Thánh Linh hiện diện để xác nhận lẽ thật. Và niềm vui của việc học hỏi các lẽ thật thiêng liêng tạo ra tình yêu thương trong lòng của những người đã chia sẻ kinh nghiệm học hỏi đó.

Điều ngược lại thì cũng đúng. Mỗi bất hòa hoặc lòng ganh tị ngăn chặn khả năng của Đức Thánh Linh để giảng dạy chúng ta và khả năng của chúng ta để nhận được ánh sáng và lẽ thật. Và trong những cảm nghĩ thất vọng luôn luôn đi kèm theo mầm mống bất hòa và bới móc nhiều hơn ở giữa những người trông mong một kinh nghiệm học hỏi mà không nhận được.

Đối với tôi, khi những người nắm giữ chức tư tế cùng nhau học tập tốt thì dường như luôn luôn có được những người giải hòa tuyệt diệu ở giữa họ. Các anh em thấy sự giải hòa đó trong các lớp và trong các hội đồng chức tư tế. Đó là ân tứ để giúp cho người ta thấy được điểm chung khi họ có quan điểm khác nhau. Đó là ân tứ của người giải hòa để giúp cho người ta thấy điều mà một người nào khác nói ra là để đóng góp hơn là để sửa chữa.

Với đầy đủ tình yêu thương thanh khiết của Đấng Kỵ Tô và một ước muốn làm người hòa giải, thì trong hội đồng và trong các lớp học chức tư tế có thể có được tình đoàn kết. Cần phải có lòng kiên nhẫn và tính khiêm nhường, nhưng tôi đã thấy điều đó



xảy ra ngay cả khi có các vấn đề khó khăn và những người trong hội đồng hoặc lớp học đến từ nhiều trình độ khác nhau.

Trong việc đưa ra những quyết định trong các nhóm tức số, các tiêu chuẩn đạo đức cao do Chúa đề ra cho những người nắm giữ chức tư tế đều có thể đạt được. Có thể có đức tin và tình yêu lớn lao mà không có mối bất hòa. Đây là điều Chúa đòi hỏi khi Ngài tán thành các quyết định của chúng ta: “Và mọi quyết định của bất cứ nhóm tức số nào trong các nhóm tức số này cũng phải được toàn nhóm đó đồng thanh thỏa thuận; nghĩa là mọi thành viên trong mỗi nhóm tức số phải đồng ý với những quyết định trong nhóm, để cho những quyết định của họ cũng có uy quyền hay giá trị như quyết định của nhóm tức số kia.”⁴

Điều giúp đỡ thứ ba để học hỏi trong chức tư tế đến với lòng tin chắc được chia sẻ về lý do Chúa ban phước cùng tin cậy chúng ta để nắm giữ và sử dụng chức tư tế của Ngài. Lòng tin chắc này là sự lao nhọc để cứu rỗi con người. Lòng tin chắc được chia sẻ này mang đến tình đoàn kết trong các nhóm tức số. Chúng ta có thể bắt đầu học hỏi về điều này từ câu chuyện trong thánh thư về việc chúng ta là các con trai linh hồn đã chuẩn bị như thế nào trước khi sinh ra để có được vinh dự hiếm có này là nắm giữ chức tư tế.

Chúa đã phán về những người được ban cho sự tin cậy về chức tư tế cao quý trong cuộc sống này: “Ngay cả trước khi họ sinh ra, họ cùng với nhiều người khác, đã nhận được các bài học đầu tiên trong thế giới linh hồn và được chuẩn bị để xuống thế gian vào kỳ định của Chúa để lao nhọc trong vườn nho của Ngài ngõ hầu cứu rỗi linh hồn con người.”⁵

Trong chức tư tế, chúng ta chia sẻ bốn phận thiêng liêng để lao nhọc vì linh hồn con người. Chúng ta cần phải làm nhiều hơn là chỉ học hỏi về bốn phận của mình. Chúng ta phải hiểu thấu bốn phận đó để không một đòi hỏi nào về các nỗ lực trong thời niên thiếu của chúng ta hoặc những thử thách đến với tuổi tác mà có thể mang chúng ta xa khỏi mục đích đó.

Cách đây không lâu, tôi đến thăm một thầy tư tế thượng phẩm tại nhà của ông. Ông không còn có thể đi đến các buổi họp của nhóm tức số chúng tôi được nữa. Ông sống một mình. Người vợ xinh đẹp của ông đã qua đời và con cái của ông sống ở xa. Thời gian và bệnh tật giới hạn khả năng phục vụ của ông. Ông vẫn còn tập tậ để có thể giữ được chút sức khỏe có thời đã từng sung mãn.

Khi tôi vào nhà ông, ông đứng dậy chào tôi với cái khùng để vịn đi. Ông mời tôi ngồi trên cái ghế gần ông. Chúng tôi nói chuyện về mối kết giao

vui vẻ của mình trong chức tư tế.

Rồi với cảm xúc mãnh liệt, ông nói với tôi: “Tại sao tôi vẫn còn sống đây? Tại sao tôi vẫn còn ở đây? Tôi không thể làm được gì cả.”

Tôi nói với ông rằng ông đang giúp đỡ tôi. Ông đã nâng đỡ tôi với đức tin và tình yêu thương của ông. Ngay cả trong cuộc viếng thăm ngắn ngủi của chúng tôi, ông cũng làm cho tôi muốn làm người tốt hơn. Tâm gương quyết tâm của ông để làm một điều gì quan trọng đã soi dẫn tôi để cố gắng nhiều hơn trong sự phục vụ những người khác và Chúa.

Từ giọng nói buồn bã của ông và cái nhìn trong mắt ông, tôi có thể thấy rằng tôi đã không trả lời các câu hỏi của ông. Ông vẫn muốn biết tại sao Thượng Đế để cho ông sống với khả năng phục vụ bị giới hạn như vậy.

Với lòng độ lượng như thường lệ của mình, ông cảm ơn tôi đã đến thăm ông. Khi tôi đứng dậy ra về thì cô y tá vẫn thường đến nhà ông một vài giờ mỗi ngày bước vào từ căn phòng khác. Trong khi nói chuyện riêng với nhau, ông kể cho tôi nghe một chút về cô y tá đó. Ông nói rằng cô ấy là một người tuyệt vời. Cô ấy sống ở giữa Các Thánh Hữu Ngày Sau trong hầu hết cuộc đời của mình nhưng vẫn chưa phải là tín hữu.

Cô ấy bước đến tiền tôi ra cửa. Ông chỉ vào cô ấy, mỉm cười và nói: “Thấy không, dường như tôi không thể làm gì được cả. Tôi đã cố gắng làm cho cô ấy được làm phép báp têm vào Giáo Hội mà cũng không thành công nữa.” Cô ấy mỉm cười với ông và tôi. Tôi bước ra ngoài và đi về phía nhà mình.

Bấy giờ, tôi nhận thấy rằng những câu trả lời cho các câu hỏi của ông đã được gieo vào lòng ông từ lâu rồi. Người thầy thượng phẩm dũng cảm đó đang cố gắng làm bốn phận đã được giảng dạy cho ông qua nhiều thập niên trong chức tư tế.

Ông biết rằng cách duy nhất để cô y tá trẻ đó có thể có được phước lành của sự cứu rỗi qua phúc âm của Chúa Giê Su Kỵ Tô là lập giao ước bằng cách chịu phép báp têm. Ông đã được mỗi chủ tịch của mỗi nhóm tức số từ thầy trợ tế đến thầy tư tế thượng phẩm giảng dạy đúng theo các giao ước.



Ông vẫn nhớ và cảm nhận được lời thề và giao ước trong chức tư tế. Ông vẫn còn giữ giao ước đó.

Ông là một nhân chứng và người truyền giáo cho Đấng Cứu Rỗi trong mọi tình huống. Điều đó đã nằm trong tâm hồn ông rồi. Ước muốn của lòng ông là tâm hồn của cô ấy có thể được thay đổi qua Sự Chuộc Tội của Chúa Giê Su Kỵ Tô bằng cách tuân giữ các giao ước thiêng liêng.

Thời gian của ông trong trường học của chức tư tế trong cuộc sống này sẽ khá ngắn ngủi so với thời vĩnh cửu. Nhưng cho dù trong khoảng thời gian ngắn đó, ông cũng đã nắm vững các bài học vĩnh cửu. Bất cứ lúc nào Chúa gọi, ông cũng sẽ mang theo mình các bài học có giá trị vĩnh cửu.

Không những các anh em tha thiết học các bài học của chức tư tế của mình trong cuộc sống này mà các anh em còn phải lạc quan về điều có thể thực hiện được nữa. Trong tâm trí mình, một vài người chúng ta có thể giới hạn khả năng học hỏi điều mà Chúa đã đề ra cho chúng ta trong sự phục vụ Ngài.

Vào đầu thập niên 1840, một thanh niên nọ rời ngôi làng nhỏ của mình ở xứ Wales, nghe nói về Các Sứ Đồ của Thượng Đế, và gia nhập vào vương quốc của Thượng Đế trên thế gian. Anh ta đi thuyền với Các Thánh Hữu đến Châu Mỹ và đánh xe kéo ngang

qua các cánh đồng. Anh ta ở trong đoàn xe đi theo sau Brigham Young đến thung lũng này. Sự phục vụ của chức tư tế của anh ta gồm có việc dọn dẹp và đào xới đất cho một nông trại.

Anh ta bán nông trại với giá rẻ để đi truyền giáo cho Chúa trong vùng sa mạc mà nay là Nevada để trông coi cừu. Từ đó, anh ta được kêu gọi đi truyền giáo một lần nữa ngang qua đại dương đến chính ngôi làng nơi anh ta đã bỏ đi trong cảnh nghèo khổ để noi theo Chúa.

Từ đầu đến cuối, anh ta đã tìm ra cách để học hỏi với các anh em trong chức tư tế. Vì là người truyền giáo dưng cảm nên anh ta đi xuống con đường làng ở xứ Wales để đến ngôi nhà nghỉ mát của một người bốn lần làm thủ tướng nước Anh với mục đích mang đến cho người đó phúc âm của Chúa Giê Su Kỵ Tô.

Vì nhân này mời anh vào biệt thự của mình. Vị này tốt nghiệp trường Eton College và trường Oxford University. Người truyền giáo ấy nói chuyện với vị này về nguồn gốc của con người, vai trò chính yếu của Chúa Giê Su Kỵ Tô trong lịch sử của thế gian, và còn cả vận mệnh của các quốc gia.

Vào lúc kết thúc buổi gặp gỡ của họ, chủ nhà từ chối lời mời chịu phép báp têm. Nhưng khi họ chia tay, người lãnh đạo của một trong số các đại thể chế của thế giới hỏi người truyền giáo tầm thường thấp hèn: “Anh học ở đâu

vậy?” Anh đáp: “Trong chức tư tế của Thượng Đế.”

Một lần nào đó, các anh em có thể nghĩ rằng cuộc sống của mình có lẽ tốt đẹp hơn biết bao nếu được nhận vào một ngôi trường nào đó. Tôi cầu nguyện rằng các anh em sẽ thấy được tình yêu thương bao la của Thượng Đế dành cho mình và cơ hội Ngài đã ban cho các anh em để vào được ngôi trường chức tư tế của Ngài.

Nếu các anh em siêng năng và biết vâng lời trong chức tư tế, thì kho tàng hiểu biết thuộc linh sẽ trút xuống các anh em. Các anh em sẽ tăng trưởng trong khả năng chống lại điều xấu và rao giảng lẽ thật mà đưa đến sự cứu rỗi. Các anh em sẽ tìm thấy niềm vui trong niềm hạnh phúc của những người mà các anh em hướng dẫn đến sự tôn cao. Gia đình của các anh em sẽ trở thành một nơi học hỏi.

Tôi làm chứng rằng các chìa khóa của chức tư tế đã được phục hồi. Chủ Tịch Thomas S. Monson nắm giữ và sử dụng các chìa khóa đó. Thượng Đế hằng sống và biết rõ các anh em. Chúa Giê Su Kỵ Tô hằng sống. Các anh em đã được lựa chọn để nhận được vinh dự nắm giữ chức tư tế thiêng liêng. Trong tôn danh của Chúa Giê Su Kỵ Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Xin xem Giáo Lý và Giao Ước 107:87.
2. Giáo Lý và Giao Ước 88:119, 122.
3. Giáo Lý và Giao Ước 88:133.
4. Giáo Lý và Giao Ước 107:27.
5. Giáo Lý và Giao Ước 138:56.





Bài của Chủ Tịch Thomas S. Monson

Quyền Năng của Chức Tư Tế

Câu xin cho chúng ta là người xứng đáng tiếp nhận quyền năng thiêng liêng của chức tư tế mình đang mang. Cầu xin cho chức tư tế ban phước cho cuộc sống của chúng ta và cầu xin cho chúng ta sử dụng chức tư tế để ban phước cho cuộc sống của những người khác

Tôi đã cầu nguyện và nghiền ngẫm rất lâu về điều tôi có thể nói buổi tối hôm nay. Tôi không muốn làm phật lòng một người nào cả. Tôi đã nghĩ: “Chúng ta có những thử thách nào? Mỗi ngày, tôi đối phó với điều gì mà khiến cho tôi đôi khi phải khóc trong đêm khuya?” Tôi nghĩ rằng tôi sẽ cố gắng nói về một vài thử thách đó trong buổi tối hôm nay. Một số sẽ áp dụng cho các thanh thiếu niên. Một số sẽ áp dụng cho những người ở tuổi trung niên. Một số sẽ áp dụng cho những người ngoài tuổi trung niên một chút. Chúng ta không nói về tuổi già.

Và như vậy, tôi chỉ muốn bắt đầu với lời nói rằng thật là điều tốt lành để chúng ta được họp mặt với nhau buổi tối hôm nay. Chúng ta đã nghe những sứ điệp tuyệt diệu và thích hợp về chức tư tế của Thượng Đế. Tôi cùng với các anh em đã được nâng cao tinh thần và soi dẫn.

Buổi tối hôm nay, tôi muốn được nói về những vấn đề gần đây thường ở trong tâm trí tôi và tôi đã cảm thấy có ấn tượng phải chia sẻ với các anh

em. Bằng cách này hay bằng cách khác, tất cả những vấn đề này cũng liên quan đến sự xứng đáng cá nhân cần có để tiếp nhận và sử dụng quyền năng thiêng liêng của chức tư tế mà chúng ta nắm giữ.

Tôi xin bắt đầu bằng cách đọc cho các anh em nghe từ tiết 121 sách Giáo Lý và Giao Ước:

“Đó là những quyền hạn của chức tư tế gắn liền với các quyền năng trên trời, và các quyền năng trên trời chỉ có thể kiểm soát hay điều khiển được bởi các nguyên tắc ngay chính mà thôi.

“Những quyền ấy có thể được truyền giao cho chúng ta, điều đó đúng như vậy; nhưng khi chúng ta muốn che giấu những tội lỗi của mình, hay làm thỏa mãn tính kiêu ngạo, lòng ham muốn vô bổ của chúng ta, hoặc muốn kiểm soát, hay thống trị, hoặc xúi giục tâm hồn con cái loài người, với bất cứ mức độ bất chính nào, này, thiên thượng sẽ tự rút lui, Thánh Linh của Chúa sẽ buồn phiền; và khi nào Đấng ấy rút lui, thì A Men cho chức tư tế hay thẩm quyền của người ấy.”¹

Thưa các anh em, đó là lời phán bảo dứt khoát của Chúa về thẩm quyền thiêng liêng của Ngài. Chúng ta không thể nghi ngờ bốn phạm đề cập đến trong câu thánh thư này được đặt lên mỗi người chúng ta là những người mang chức tư tế của Thượng Đế.

Chúng ta đến thế gian trong thời kỳ rối ren. Các tiêu chuẩn đạo đức của đa số mọi người trên thế gian dần dần thay đổi thành thái độ “muốn làm gì thì làm”.

Tôi sống đã đủ lâu để thấy nhiều biến đổi của đạo đức xã hội. Có lúc, các tiêu chuẩn đạo đức của Giáo Hội và các tiêu chuẩn đạo đức của xã hội gần như tương hợp, nhưng giờ đây đã có một khoảng cách lớn và khoảng cách này sẽ càng ngày càng lớn hơn.

Nhiều phim ảnh và chương trình biểu diễn trên truyền hình cho thấy hành vi hoàn toàn trái ngược với luật pháp của Thượng Đế. Đừng tuân phục điều ô trọc ngụ ý và công khai thường thấy ở đó. Những lời ca trong nhiều nhạc phẩm ngày nay cũng rơi vào thể loại giống vậy. Lời nói báng bổ rất thịnh hành xung quanh chúng ta ngày nay đã không bao giờ được khoan dung trong thời cách đây không lâu. Buồn thay, người ta nhiều lần sử dụng danh của Chúa một cách bất kính. Xin hãy cùng tôi nhớ lại điều giáo lệnh—một trong mười giáo lệnh—mà Chúa đã mặc khải cho Môi Se trên Núi Si Nai: “Người chớ lấy danh Giê Hô Va Đức Chúa Trời người mà làm chơi, vì Đức Giê Hô Va chẳng cầm bằng vô tội kẻ nào lấy danh Ngài mà làm chơi.”² Tôi rất lấy làm tiếc nếu có người nào trong chúng ta hay dùng lời lẽ báng bổ thô tục và tôi khẩn nài các anh em đừng dùng lời lẽ như vậy nữa. Tôi khẩn nài các anh em đừng nói hoặc làm điều gì làm cho mình có thể không hãnh diện về điều đó.

Hãy hoàn toàn tránh xa hình ảnh sách báo khiêu dâm. Đừng bao giờ cho phép mình xem những hình ảnh đó. Đó là một thói nghiện rất khó khắc phục. Hãy tránh rượu và thuốc lá hoặc bất cứ chất ma túy nào khác, cũng như những thói nghiện mà các anh em sẽ thấy là rất khó chế ngự.

Điều gì sẽ bảo vệ các anh em khỏi tội lỗi và điều xấu xa xung quanh

minh? Tôi cho rằng một chứng ngôn vững mạnh về Đấng Cứu Rỗi và về phúc âm của Ngài sẽ giúp mang các anh em đến nơi an toàn. Nếu các anh em chưa đọc Sách Mặc Môn thì hãy đọc đi. Tôi sẽ không yêu cầu các anh em phải giơ tay lên. Nếu thành tâm làm như vậy và với một ước muốn chân thật để biết được lẽ thật, thì Đức Thánh Linh sẽ biểu hiện lẽ thật đó cho các anh em thấy. Nếu sách ấy là chân chính—vâng, sách đó *quả thật là* chân chính thì Joseph Smith là vị tiên tri đã nhìn thấy Thượng Đế Đức Chúa Cha và Vị Nam Tử của Ngài, Chúa Giê Su Kỵ Tô. Giáo Hội là chân chính. Nếu các anh em chưa có một chứng ngôn về những điều này, thì hãy làm điều cần thiết để đạt được một chứng ngôn. Các anh em cần phải có chứng ngôn của riêng mình vì chứng ngôn của những người khác chỉ có thể giúp đỡ các anh em đến một mức giới hạn nào đó mà thôi. Một khi đạt được rồi, thì một chứng ngôn cần phải được gìn giữ để luôn có sức sống và sinh động bằng cách tuân theo các giáo lệnh của Thượng Đế cũng như bằng cách cầu nguyện và học thánh thư thường xuyên. Hãy đi nhà thờ. Các em thiếu niên, hãy tham dự lớp giáo lý hoặc viện giáo lý nếu có thể.

Nếu có điều gì sai trái trong cuộc sống của mình, thì các anh em cần có cách để khắc phục điều đó. Hãy ngừng làm bất cứ điều gì không ngay chính. Hãy nói chuyện với giám trợ của các anh em. Bất cứ vấn đề gì cũng có thể giải quyết được qua sự hối cải thích hợp. Các anh em có thể trở nên trong sạch lại một lần nữa. Chúa phán về những người hối cải: “Dầu tội các ngươi như hồng điều, sẽ trở nên trắng như tuyết;”³ “và ta, là Chúa, sẽ không còn nhớ tới những tội lỗi đó nữa.”⁴

Đấng Cứu Rỗi của nhân loại tự mô tả Ngài là sống trong thể gian nhưng không thuộc thể gian.⁵ Chúng ta cũng có thể sống trong thể gian nhưng không thuộc thể gian khi chúng ta bỏ bỏ những quan niệm và những điều giảng dạy sai lầm, và luôn luôn trung tín với điều Thượng Đế đã truyền lệnh.

Gần đây, tôi đã suy nghĩ rất nhiều về các em thanh niên đến tuổi lập gia đình nhưng chưa cảm thấy phải làm



như vậy. Tôi thấy có nhiều thiếu nữ xinh xắn mong muốn được kết hôn và chăm lo cho gia đình, vậy mà cơ hội của họ bị giới hạn bởi vì có rất nhiều thanh niên đang trì hoãn việc kết hôn.

Đây không phải là một tình trạng mới mẻ gì. Nhiều vị chủ tịch thời trước của Giáo Hội đã nói nhiều về vấn đề này. Tôi chia sẻ với các em chỉ một hoặc hai ví dụ về lời khuyên của họ.

Chủ tịch Harold B. Lee nói: “Khi chúng ta đã quá tuổi kết hôn và tự ngăn không cho mình kết hôn một cách vinh dự với các phụ nữ xinh xắn này, thì chúng ta không thi hành bổn phận của mình với tư cách là người nắm giữ chức tư tế.”⁶

Chủ tịch Gordon B. Hinckley nói như sau: “Tôi thông cảm với . . . các chị em phụ nữ độc thân khát khao hôn nhân nhưng dường như không thể tìm ra được. . . . Nhưng tôi không thông cảm với các thanh niên đang đi theo xu hướng của xã hội chúng ta, họ là những người có quyền khởi xướng vấn đề này, nhưng trong nhiều trường hợp đã không làm như vậy.”⁷

Tôi nhận thấy có nhiều lý do tại sao các em có thể ngần ngại để tiến

đến việc lập gia đình. Nếu các em lo lắng về việc chu cấp cho một người vợ và gia đình về mặt tài chính, thì tôi xin cam đoan với các em rằng việc một cặp vợ chồng phải sống tằn tiện không có gì là đáng xấu hổ cả. Nói chung, chính trong những lúc khó khăn này, các em sẽ gần gũi nhau hơn khi học cách hy sinh và lựa chọn những quyết định khó khăn. Có lẽ các em sợ sẽ quyết định sai. Về điều này, tôi nói rằng các em cần phải sử dụng đức tin. Hãy tìm ra một người nào đó mà các em thấy tâm đầu ý hợp. Hãy biết rằng các em sẽ không thể biết trước được mỗi thử thách có thể sẽ xảy đến, nhưng hãy chắc chắn rằng hầu như mọi điều đều có thể giải quyết được nếu các em có tài xoay xở và cam kết để làm cho hôn nhân của mình thành công.

Có lẽ các em quá vui vẻ trong cuộc sống độc thân, đi nghỉ hè một cách phung phí, mua xe và đồ chơi đắt tiền và nói chung hưởng thụ cuộc sống thoải mái với bạn bè. Tôi đã gặp các nhóm thanh niên đi chơi với nhau và tôi thú nhận đã tự hỏi tại sao các em không đi chơi với các thiếu nữ trẻ đẹp.



Các em thanh niên, điều đáng nói là đã đến lúc để nghiêm túc nghĩ đến hôn nhân và tìm kiếm một người bạn đời mà các em muốn sống với họ vĩnh viễn. Nếu các em khôn ngoan lựa chọn và cam kết sẽ thành công trong hôn nhân của mình, thì không có điều gì trong cuộc sống này mang lại hạnh phúc lớn lao hơn cho các em.

Khi kết hôn, các em sẽ muốn kết hôn trong Nhà của Chúa. Vì các em là những người nắm giữ chức tư tế, nên không có lựa chọn nào khác cả. Hãy cẩn thận để không vi phạm điều kiện để được kết hôn như vậy. Các em có thể giữ cho thời gian tìm hiểu của mình nằm trong khuôn khổ thích hợp nhưng vẫn có thời gian tuyệt diệu với nhau.

Thưa các anh em, giờ đây tôi xin chuyển sang một đề tài khác, về điều tôi cảm thấy có ấn tượng để ngỏ lời cùng các anh em. Trong ba năm qua từ khi được tán trợ với tư cách là Chủ Tịch của Giáo Hội, tôi tin rằng trách nhiệm đáng buồn và thất vọng nhất của tôi là giải quyết việc hủy bỏ các lễ gắn bó. Mỗi việc hủy bỏ đó đều được đi trước bởi một lễ hôn phối vui vẻ trong nhà của Chúa, nơi mà một cặp vợ chồng yêu nhau bắt đầu một cuộc sống chung và trông mong sẽ sống với nhau cho đến thời vĩnh cửu. Và rồi năm tháng trôi qua và vì lý do nào đó, không còn tình yêu nữa. Đó có thể là do kết quả của vấn đề tài chính, thiếu truyền đạt, không kiểm chế được tính

khí, sự xen vào của gia đình bên chồng hay bên vợ, vướng vào tội lỗi. Có thể có rất nhiều lý do. Trong đa số trường hợp, lý do không phải là kết cục đầu.

Phần đông những lời yêu cầu hủy bỏ lễ gắn bó là từ các phụ nữ cố gắng một cách tuyệt vọng để làm cho cuộc hôn nhân được thành công, nhưng cuối cùng đã không thể khắc phục nổi vấn đề.

Hãy thành tâm chọn kỹ bạn đời; và khi các anh em kết hôn, hãy hết lòng chung thủy với nhau. Có lần tôi đã thấy trong nhà của câu vợ tôi một tấm bảng nhỏ chứa đựng lời khuyên vô giá. Tấm bảng đó viết rằng: “Hãy chọn người mình yêu; hãy yêu người mình chọn.” Dòng chữ đó thật là uyên thâm. Sự cam kết trong hôn nhân là tuyệt đối thiết yếu.

Vợ của các anh em là người bạn đời bình đẳng của mình. Trong hôn nhân, không có người nào cao trội hoặc thấp kém hơn người kia. Các anh chị em đi song song bên nhau với tư cách là con trai và con gái của Thượng Đế. Các anh em không được xem thường hay sỉ nhục mà phải kính trọng và yêu thương vợ mình. Chủ Tịch Gordon B. Hinckley nói: “Bất cứ người nào trong Giáo Hội này . . . dùng quyền thống trị bất chính đối với [vợ mình] đều không xứng đáng nắm giữ chức tư tế. Mặc dù người ấy có thể đã được sắc phong chức tư tế, nhưng thiên thượng sẽ rút lui, Thánh Linh của Chúa sẽ buồn

phiên và A Men cho thẩm quyền của chức tư tế của người đó.”⁸

Chủ Tịch Howard W. Hunter nói về hôn nhân như sau: “Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc và thành công thường không phải là do vấn đề kết hôn đúng người mà *chính mình phải là người đúng đắn.*” Tôi thích câu nói đó. “Nỗ lực có ý thức để làm trọn vẹn phần vụ của mình là yếu tố quan trọng nhất để góp phần vào cuộc hôn nhân thành công.”⁹

Cách đây nhiều năm trong tiểu giáo khu do tôi chủ tọa với tư cách là giám trợ, có một cặp vợ chồng nọ thường hay bất hòa rất nghiêm trọng. Tôi có ý nói là bất đồng ý kiến thật sự. Mỗi người đều giữ vững lập trường của mình. Không một ai chịu nhượng ai cả. Khi không cãi nhau thì họ ở trong tình trạng mà tôi gọi là “cuộc đình chiến không yên.”

Một buổi sáng nọ vào lúc 2 giờ khuya, tôi nhận được cú điện thoại từ cặp vợ chồng đó. Họ muốn nói chuyện với tôi và họ muốn nói chuyện ngay lúc đó. Tôi miễn cưỡng ra khỏi giường, mặc đồ vào và đi đến nhà họ. Họ ngồi đối diện với nhau trong căn phòng, không nói với nhau một lời nào cả. Người vợ nói chuyện với người chồng bằng cách nói qua tôi. Người chồng trả lời người vợ cũng bằng cách nói qua tôi. Tôi nghĩ: “Làm thế nào mình có thể làm cho cặp vợ chồng này trở lại với nhau nhỉ?”

Tôi cầu nguyện để được soi dẫn và ý nghĩ đến với tôi là đặt ra một câu hỏi cho họ. Tôi nói: “Đã bao lâu rồi kể từ khi hai anh chị đi đền thờ và chúng kiến một buổi lễ gắn bó trong đền thờ vậy?” Họ thú nhận là đã lâu lắm rồi. Mặt khác, họ là hai người xứng đáng đang nắm giữ giấy giới thiệu đi đền thờ và đã cùng đi đền thờ để làm công việc giáo lễ cho người khác.

Tôi nói với họ: “Hai anh chị có thể đi với tôi đến đền thờ vào lúc 8 giờ sáng thứ Tư này được không? Chúng ta sẽ chứng kiến một buổi lễ gắn bó ở đó.”

Họ đồng thanh hỏi: “Lễ gắn bó của ai vậy?”

Tôi đáp: “Tôi không biết. Đó sẽ là lễ gắn bó của người nào đó kết hôn vào sáng hôm ấy.”

Ngày thứ Tư kế tiếp, đúng giờ hẹn, chúng tôi gặp nhau ở Đền Thờ Salt Lake. Ba chúng tôi đi vào một căn phòng tuyệt đẹp làm lễ gắn bó, mà không hề biết ai trong căn phòng ngoại trừ Anh Cả ElRay L. Christiansen, lúc bấy giờ là Phụ Tá của Nhóm Túc Số Mười Hai, một chức vụ thẩm quyền trung ương vào lúc đó. Theo lịch trình thì Anh Cả Christiansen sẽ thực hiện lễ gắn bó cho cô dâu và chú rể trong căn phòng đó vào sáng hôm ấy. Tôi tin là cô dâu và gia đình của cô dâu đã nghĩ rằng: “Đây chắc là bạn bè của chú rể,” và gia đình của chú rể nghĩ rằng: “Đây chắc là bạn bè của cô dâu.” Hai cặp vợ chồng đi với tôi ngồi cách nhau khoảng 60 centimet trên một cái ghế dài nhỏ.

Anh Cả Christiansen bắt đầu đưa ra lời khuyên bảo cho cặp vợ chồng sắp kết hôn và ông ấy đã làm điều đó một cách thật tuyệt vời. Ông nói về cách mà người chồng cần phải yêu thương vợ mình, phải đối xử với vợ mình một cách kính trọng và lịch sự, kính trọng vợ mình là con tim của mái gia đình. Rồi ông nói với cô dâu về cách cô ấy cần phải kính trọng chồng mình là cái đầu của mái gia đình và phải hỗ trợ chồng mình về mọi mặt.

Tôi thấy rằng trong khi Anh Cả Christiansen nói chuyện với cô dâu và chú rể thì cặp vợ chồng cùng đi với tôi ngồi xích lại gần nhau hơn một chút. Chẳng bao lâu, họ đã ngồi

cạnh nhau. Điều làm tôi hài lòng là cả hai người đều ngồi xích lại gần nhau trong cùng một tốc độ. Vào cuối buổi lễ, họ đã ngồi gần nhau thể như họ là cặp vợ chồng mới cưới. Mỗi người đều tươi cười.

Vào ngày đó, chúng tôi ra về mà không một người nào biết chúng tôi là ai và tại sao chúng tôi đến đó, nhưng hai người bạn tôi nắm tay nhau khi họ bước ra khỏi cửa. Những điều bất đồng của họ đã được để sang một bên. Tôi không cần phải nói thêm lời nào cả. Các anh em thấy đó, họ đã nhớ đến ngày cưới của họ và các giao ước họ đã lập trong nhà của Thượng Đế. Họ đã cam kết để bắt đầu lại và từ đây trở đi sẽ cố gắng nhiều hơn.

Nếu bất cứ ai trong số các anh em gặp khó khăn trong hôn nhân của mình, thì tôi khuyến khích các anh em hãy cố gắng hết sức để sửa đổi bất cứ điều gì cần sửa đổi, để các anh em có thể được hạnh phúc như khi mới bắt đầu kết hôn. Chúng ta là những người kết hôn trong nhà của Chúa đã được kết hôn cho thời tại thế lần suốt thời vĩnh cửu, và rồi chúng ta cần phải đặt hết nỗ lực cần thiết để làm cho hôn nhân được vĩnh cửu. Tôi nhận biết rằng có những tình huống mà cuộc hôn nhân không thể cứu vãn được, nhưng tôi tin chắc rằng hầu hết các cuộc hôn nhân có thể và cần phải được cứu vãn. Đừng để cho hôn nhân của các anh em tới mức lâm vào cảnh hiểm nguy.

Chủ Tịch Hinckley dạy rằng mỗi chúng ta là người nắm giữ chức tư tế của Thượng Đế có nhiệm vụ phải kỷ luật tự giác để sống theo tiêu chuẩn đạo đức cao hơn tiêu chuẩn của thế gian. Tuy nhiên, chúng ta cần phải là những người đàn ông đáng kính và lịch sự. Hành động của chúng ta cần phải không có điều gì đáng chê trách cả.

Lời lẽ của chúng ta, cách chúng ta đối xử với những người khác và cách chúng ta sống đều ảnh hưởng đến khả năng của chúng ta với tư cách là những người đàn ông và thiếu niên nắm giữ chức tư tế.

Ân tứ của chức tư tế là vô giá. Chức tư tế mang theo thẩm quyền để hành động với tư cách là các tông đồ của



Thượng Đế, ban phước cho người bệnh, cho gia đình của chúng ta cũng như cho những người khác. Thẩm quyền của chức tư tế có thể đến tận bên kia thế giới, vào chốn vĩnh cửu. Không có điều gì khác có thể so sánh với chức tư tế trên khắp thế gian này. Hãy bảo vệ, trân quý và sống xứng đáng với chức tư tế.¹⁰

Các anh em thân mến, cầu xin cho sự ngay chính hướng dẫn mỗi bước đi của chúng ta khi chúng ta sống trên trần thế. Cầu xin cho chúng ta ngày hôm nay và mãi mãi là người xứng đáng tiếp nhận quyền năng thiêng liêng của chức tư tế mình đang mang. Cầu xin cho chức tư tế ban phước cho cuộc sống của chúng ta, và cầu xin cho chúng ta sử dụng chức tư tế để ban phước cho cuộc sống của những người khác, như Ngài đã làm như vậy, Ngài là Đấng đã sống và chết cho chúng ta—chính là Chúa Giê Su Ky Tô, là Chúa và Đấng Cứu Rỗi của chúng ta. Đây là lời cầu nguyện của tôi, trong thánh danh của Ngài, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Giáo Lý và Giao Ước 121:36–37.
2. Xuất Ê Díp Tô Ký 20:7.
3. Ê Sai 1:18.
4. Giáo Lý và Giao Ước 58:42.
5. Xin xem Giảng 17:14; Giáo Lý và Giao Ước 49:5.
6. “President Harold B. Lee’s General Priesthood Address,” *Ensign*, tháng Giêng năm 1974, 100.
7. Gordon B. Hinckley, “What God Hath Joined Together,” *Ensign*, tháng Năm năm 1991, 71.
8. Gordon B. Hinckley, “Personal Worthiness to Exercise the Priesthood,” *Liahona*, tháng Bảy năm 2002, 60.
9. *The Teachings of Howard W. Hunter*, do Clyde J. Williams biên tập (1997), 130.
10. Xin xem Gordon B. Hinckley, *Liahona*, tháng Bảy năm 2002, 58–61.



Bài của Chủ Tịch Dieter F. Uchtdorf
Đệ Nhị Cố Vấn trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn

Chờ Đợi trên Con Đường Dẫn đến Thành Đa Mách

Những người siêng năng tìm cách học nơi Đấng Ky Tô cuối cùng sẽ dần dần biết Ngài.

Một trong số các sự kiện phi thường nhất trong lịch sử của thế gian đã xảy ra trên con đường dẫn đến thành Đa Mách. Các anh chị em biết rõ câu chuyện về Sau Lơ, là một thanh niên đã “làm tàn hại Hội Thánh: sấn vào các nhà, dùng sức mạnh bắt [Các Thánh Hữu] mà bỏ tù.”¹ Sau Lơ có thái độ thù địch đến nỗi có nhiều tín hữu của Giáo Hội lúc khởi đầu đã chạy trốn khỏi Giê Ru Sa Lem với hy vọng thoát khỏi cơn tức giận của ông.

Sau Lơ đuổi theo họ. Nhưng khi ông “đang đi đường gần đến thành Đa Mách, thành linh có ánh sáng từ trời soi sáng chung quanh người.

“Người té xuống đất, và nghe có tiếng phán cùng mình rằng: Hỡi Sau Lơ, Sau Lơ, sao ngươi bắt bớ ta?”²

Khoảnh khắc này đã vĩnh viễn biến đổi con người Sau Lơ. Thật ra, nó cũng đã biến đổi thế gian.

Chúng ta biết rằng những biểu hiện như vậy xảy ra. Thật vậy, chúng

ta làm chứng rằng một kinh nghiệm thiêng liêng tương tự đã xảy đến cho một thiếu niên tên là Joseph Smith vào năm 1820. Đó là chứng ngôn rõ ràng, chắc chắn của chúng ta rằng các tầng trời đã rộng mở lại và Thượng Đế đã phán bảo cùng các vị tiên tri và sứ đồ của Ngài. Thượng Đế nghe và đáp ứng những lời cầu nguyện của con cái Ngài.

Tuy nhiên, có một số người cảm thấy rằng họ không thể tin trừ phi có được kinh nghiệm tương tự như của Sau Lơ hay Joseph Smith. Họ đứng gần hồ nước bấp tềm nhưng không bước vào. Họ chờ ở ngưỡng cửa của chứng ngôn nhưng không thể tự mang mình đến việc nhìn nhận lẽ thật. Thay vì đi những bước nhỏ với đức tin trên con đường làm môn đồ, họ muốn có một sự kiện gây ấn tượng sâu sắc để bắt buộc họ phải tin.

Họ bỏ ra những tháng ngày của đời mình để chờ đợi trên con đường dẫn đến thành Đa Mách.

Sự Tin Tưởng Đến Từng Bước Một

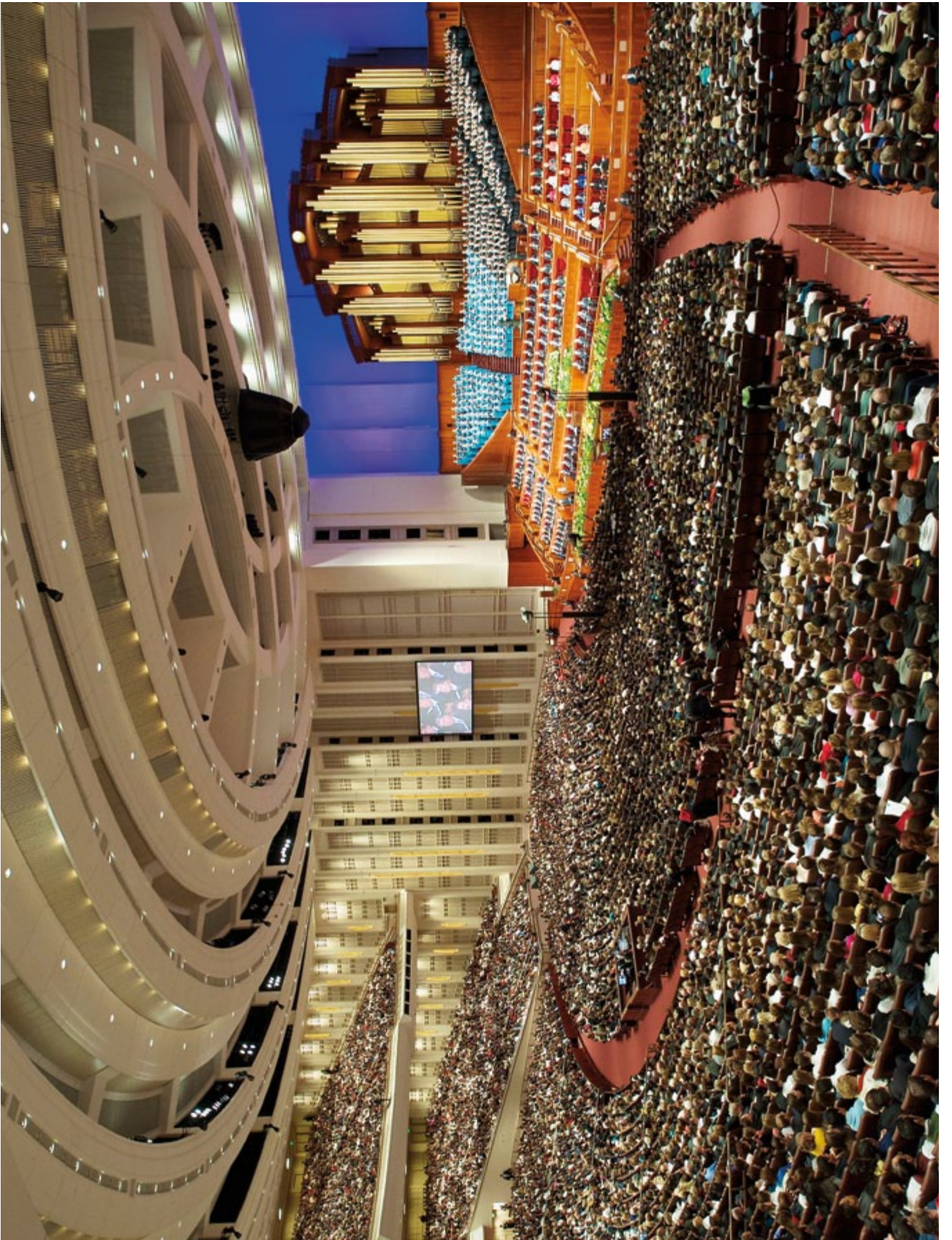
Một chị phụ nữ đáng mến nọ là một tín hữu trung thành của Giáo Hội suốt đời chị. Nhưng chị ôm ấp một nỗi buồn thầm kín. Nhiều năm trước đó, con gái của chị đã qua đời sau khi nhuốm bệnh và vết thương từ thẩm kịch này vẫn còn ám ảnh chị. Chị khắc khoải trước những câu hỏi hóc búa gắn liền với một sự kiện như vậy. Chị thẳng thắn thú nhận rằng chứng ngôn của mình không được như xưa. Chị sẽ không thể tin tưởng nữa trừ phi nhận được một sự biểu hiện riêng từ Thượng Đế.

Vậy nên, chị thấy mình đang chờ đợi.

Nhiều người khác, vì nhiều lý do khác nhau, đã thấy mình chờ đợi trên con đường dẫn đến thành Đa Mách. Họ trì hoãn việc tham gia trọn vẹn với tư cách là môn đồ. Họ hy vọng sẽ nhận được chức tư tế nhưng ngần ngại sống xứng đáng theo đặc ân đó. Họ mong muốn vào đền thờ nhưng trì hoãn hành động cuối cùng của đức tin nhằm hội đủ điều kiện vào đền thờ. Họ vẫn chờ đợi Đấng Ky Tô được mang đến cho họ giống như một bức tranh của Carl Bloch—để dứt khoát từ bỏ tất cả những nỗi ngờ vực và sợ hãi của họ.

Sự thật là những người siêng năng tìm cách học nơi Đấng Ky Tô cuối cùng sẽ dần dần biết Ngài. Họ sẽ đích thân nhận được một sự hiểu biết thiêng liêng về Đức Thầy. Nhưng thường thì điều đó xảy đến giống như một trò chơi ráp hình—một lần một mẫu hình. Mỗi mẫu hình này, tự nó không thể được nhận ra dễ dàng;—có thể do cách nó liên hệ với toàn thể tấm hình không được rõ ràng. Mỗi mẫu hình giúp chúng ta thấy toàn thể tấm hình rõ hơn một chút. Cuối cùng, sau khi đã lắp ráp đủ các mẫu hình, chúng ta nhận ra vẻ tuyệt mỹ của toàn thể tấm hình. Rồi, khi nhìn lại kinh nghiệm của mình, chúng ta nhận thấy rằng cuối cùng Đấng Cứu Rỗi quả thật đã đến ngự với chúng ta—không phải một cách bất ngờ mà lặng lẽ, dịu dàng gần như không thể thấy được.

Đây có thể là kinh nghiệm của chúng ta nếu chúng ta tiến bước với đức tin và không chờ đợi quá lâu trên con đường dẫn đến thành Đa Mách.



Các Vị Thẩm Quyền Trung Ương của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô

Tháng Tư năm 2011

ĐỆ NHẤT CHỦ TỊCH ĐOÀN



Henry B. Eyring
Đệ Nhất Chủ Văn



Thomas S. Monson
Chủ Tịch



Dieter F. Uchtdorf
Đệ Nhì Chủ Văn

NHÓM TỨC SỐ MƯỜI HAI VỊ SỨ ĐỒ



Boyd K. Packer



L. Tom Perry



Russell M. Nelson



Dallin H. Oaks



M. Russell Ballard



Richard G. Scott



Robert D. Hales



Jeffrey R. Holland



David A. Bednar



Quentin L. Cook



D. Todd Christofferson



Neil L. Andersen

CHỦ TỊCH ĐOÀN THẦY BẢY MƯƠI



Ronald A. Rasband



Claudio R. .M. Costa



Steven E. Snow



Walter F. Gonzalez



L. Whitney Clayton



Joy E. Jensen



Donald L. Hollstrom

ĐỆ NHẤT NHÓM TỨC SỐ THẦY BẦY MƯƠI

(theo thứ tự chữ cái)



Marcos A. Ajukialis



José L. Alonso



Carlos H. Amado



Ian S. Arden



Mervyn B. Arnold



David S. Baxter



Shayne M. Bowen



Gerald Cossé



Yoon Hwan Choi



Craig C. Christensen



Wilfrid W. Andersen



Koichi Jayagi



Randall K. Bennett



Tad R. Callister



Don R. Clarke



Gary J. Coleman



Carl B. Cook



Lawrence E. Conbridge



Leonard R. Curtis Jr.



Benjamin De Hoyos



John B. Dickson



Kevin R. Durcan



David F. Evans



Enrique R. Falabella



Craig A. Condon



Bruce A. Carlson



J. Dem Cornish



Keith R. Edwards



Eduardo Gouvanet



Carlos A. Goady



Christoffer Golden Jr.



Gerrit W. Gong



C. Scott Grow



James J. Hamula



Keith K. Hilbig



Richard G. Hinckley



Martin K. Jensen



Daniel L. Johnson



Stanley G. Ellis



Larry W. Gibbons



O. Vincent Hobeck



Paul V. Johnson



Patrick Kearon



Yoshitoko Kikuchi



Paul E. Koelliker



Erich W. Kopschke



Richard J. Maynes



Marcus B. Nash



Brent H. Nielson



Allan F. Pucker



Kevin W. Pearson



Won Yang Ko



Pei G. Mahn



James B. Marino



Anthony D. Perkins



Paul B. Pieper



Rafael E. Pino



Bruce D. Porter



Carl B. Pratt



Dale G. Renlund



Michael T. Ringwood



Lynn G. Robbins



Cecil O. Samuelson Jr.



Joseph W. Sitati



Jano Mazzagrandi



Larry R. Lawrence



Gregory A. Schwitzer



Lowell M. Snow



Ulisses Soares



Gary E. Stevenson



Michael John U. Ieh



José A. Teixeira



Octaviano Tenorio



Juan A. Uredea



Francisco J. Virias



Richard C. Edgley



H. David Burton



Keith B. McMillin

GIÁM TRỢ ĐOÀN CHỦ TỌA



W. Christopher Weddell



William R. Walker



F. Michael Watson



Kazuhiko Yamashita



Jorge F. Zaballés



Claudio D. Zúñiz



W. Craig Zwick

ĐỆ NHỊ NHÓM TỨC SỐ THẦY BẦY MƯƠI

(theo thứ tự chữ cái)



Wilfrid W. Andersen



Koichi Jayagi



Randall K. Bennett



Tad R. Callister



Craig A. Condon



Bruce A. Carlson



J. Dem Cornish



Keith R. Edwards



Stanley G. Ellis



Bradley D. Foster



Larry W. Gibbons



O. Vincent Hobeck



Won Yang Ko



Pei G. Mahn



James B. Marino



Gregory A. Schwitzer



Jano Mazzagrandi



Larry R. Lawrence



Gregory A. Schwitzer



Lowell M. Snow



Paul K. Szybrowsky



Kent D. Watson



Larry P. Wilson



Những "Người đồng quốc với các thánh đồ" (Ê Phê Sô 2:19), trên khắp thế giới quy tụ lại cho Đại Hội Trung Ương Thường Niên của Giáo Hội Kỳ thứ 181. Hình chụp theo chiều kim đồng hồ từ phía trái ở bên trên là Các Thánh Hữu Ngày Sau ở Lusaka, Zambia; Kyiv, Ukraine; St. Catherine, Jamaica; São Paulo, Brazil; Odenton, Maryland, Hoa Kỳ; Dortmund, Đức; Coimbra, Bồ Đào Nha.



Lắng Nghe và Lưu Ý

Tôi làm chứng cùng các anh chị em rằng Cha Thiên Thượng yêu thương con cái của Ngài. Ngài yêu thương chúng ta. Ngài yêu thương các anh chị em. Khi cần, Chúa sẽ còn mang các anh chị em vượt qua những trở ngại khi các anh chị em tìm kiếm sự bình an của Ngài với một tấm lòng đau khổ và một tâm hồn thống hối. Ngài thường phán cho chúng ta theo những cách mà chúng ta chỉ có thể nghe được bằng tâm hồn mình mà thôi. Để nghe tiếng Ngài rõ hơn, thì chúng ta hãy khôn ngoan hạn chế ảnh hưởng của thế gian trong cuộc sống của mình. Nếu chúng ta làm ngơ hoặc ngăn chặn những thúc giục của Thánh Linh, vì bất cứ lý do gì, thì những thúc giục này sẽ trở nên khó thấy hơn đến mức chúng ta không thể nghe được gì cả. Chúng ta hãy học lắng nghe những thúc giục của Thánh Linh và rồi thiết tha lưu ý đến những thúc giục này.

Vị tiên tri yêu dấu của chúng ta, Thomas S. Monson, là tấm gương cho chúng ta về mặt này. Có vô số các câu chuyện kể về việc ông lưu ý đối với những lời mách bảo của Thánh Linh. Anh Cả Holland thuật lại một ví dụ như vậy:

Có lần, trong khi Chủ Tịch Monson được chỉ định đến Louisiana, một vị chủ tịch giáo khu hỏi ông có thời giờ đến thăm một đứa bé gái 10 tuổi tên là Christal đang ở trong giai đoạn cuối cùng của căn bệnh ung thư không. Gia đình của Christal đã cầu nguyện để Chủ Tịch Monson sẽ đến. Nhưng nhà của họ ở rất xa, và lịch trình của ông thì bận rộn đến nỗi ông không có thời giờ rảnh nào cả. Thay vì thế, Chủ Tịch Monson yêu cầu những người dâng lời cầu nguyện trong đại hội giáo khu hãy thêm tên của Christal vào lời cầu nguyện của họ. Chắc chắn là Chúa và gia đình đó sẽ thông cảm.

Trong phiên họp của đại hội vào ngày thứ Bảy, trong khi Chủ Tịch Monson đứng lên nói chuyện thì Thánh Linh mách bảo: “Hãy để con trẻ đến cùng ta, đừng cấm chúng nó; vì nước Đức Chúa Trời thuộc về những kẻ giống như con trẻ ấy.”³

“Những điều ghi chép cho bài nói chuyện của ông trở nên mơ hồ. Ông



cố gắng tiếp tục với đề tài của buổi họp như đã được hoạch định, nhưng tên và hình ảnh của [đứa bé gái đó] không rời tâm trí của ông.”⁴

Ông nghe theo Thánh Linh và sắp xếp lại lịch trình của mình. Sáng sớm ngày hôm sau, Chủ Tịch Monson bỏ lại chín mươi chín con chiên và đi nhiều dặm đường để đến bên cạnh giường của một con chiên.

Ngay khi ở đó, ông “nhìn xuống đứa bé bệnh quá nặng nên không thể ngồi dậy, quá yếu để nói chuyện. Căn bệnh của nó giờ đây đã làm cho nó bị mù. Mùi lòng trước cảnh tượng đó và được Thánh Linh của Chúa cảm động . . . , Anh Monson . . . nắm lấy bàn tay yếu đuối của đứa bé. Ông thì thầm: ‘Christal, tôi ở đây này.’

“Nó cố gắng hết sức để thì thầm đáp: ‘Thưa Anh Monson, em biết là anh sẽ đến.’”⁵

Các anh chị em thân mến, chúng ta hãy cố gắng là những người mà Chúa có thể trông cậy để nghe và đáp ứng những lời mách bảo, như Sau Lơ đã làm trên đường đi của ông đến thành Đa Mách, “Thưa Chúa, Ngài muốn con làm gì?”⁶

Phục Vụ

Một lý do khác mà đôi khi chúng ta không nhận biết tiếng nói của Chúa trong cuộc sống của mình là vì những điều mặc khải của Thánh Linh có thể không đến trực tiếp với chúng ta như là sự đáp ứng cho những lời cầu nguyện của mình.

Cha Thiên Thượng kỳ vọng chúng ta suy nghĩ kỹ trước khi cầu nguyện để được hướng dẫn khi chúng ta tìm kiếm sự đáp ứng cho những thắc mắc và lo âu trong cuộc sống cá nhân của mình. Chúng ta được Cha Thiên Thượng bảo đảm rằng Ngài sẽ nghe và đáp ứng những lời cầu nguyện của chúng ta. Sự đáp ứng có thể đến qua lời nói cũng như óc sáng suốt của những người bạn được tin cậy và gia đình, thánh thư, lời nói của các vị tiên tri.

Tôi có kinh nghiệm về một số thúc giục mạnh mẽ nhất mà chúng ta nhận được không những vì lợi ích của chúng ta mà còn vì lợi ích của những người khác nữa. Nếu chỉ nghĩ đến bản thân mình thì chúng ta có thể bỏ lỡ một số kinh nghiệm thuộc linh mạnh mẽ nhất và những điều mặc khải trọng đại trong cuộc sống của chúng ta.

Chủ Tịch Spencer W. Kimball đã



dạy về khái niệm này khi ông nói: “Thượng Đế thật sự chiếu cố đến chúng ta và Ngài trông nom chúng ta. Nhưng Ngài thường đáp ứng những nhu cầu của chúng ta qua một người khác. Do đó, điều thiết yếu là chúng ta phải phục vụ lẫn nhau.”⁷ Thưa các anh chị em, mỗi chúng ta đều có một trách nhiệm vì các giao ước của mình để nhạy cảm đối với nhu cầu của những người khác và phục vụ như Đấng Cứu Rỗi đã làm—để tìm đến, ban phước cùng nâng đỡ những người xung quanh chúng ta.

Thường thường sự đáp ứng đối với lời cầu nguyện không được ban cho trong khi chúng ta quỳ xuống cầu nguyện mà là khi phục vụ Chúa và những người xung quanh mình. Những hành động phục vụ và dâng hiến vị

tha làm tinh lọc tinh thần chúng ta, lấy đi những cái vấy từ mắt thuộc linh của chúng ta và mở các cửa sổ trên trời. Khi trở thành sự đáp ứng cho lời cầu nguyện của một người khác, chúng ta thường bắt gặp sự đáp ứng cho chính lời cầu nguyện của mình.

Chia Sẻ

Có những lúc Chúa mặc khải cho chúng ta biết những điều chỉ dành cho riêng chúng ta mà thôi. Tuy nhiên, trong rất nhiều trường hợp, Ngài giao phó một chứng ngôn về lẽ thật cho những người Ngài biết sẽ chia sẻ với những người khác. Đây là trường hợp của mỗi vị tiên tri kể từ thời A Đam. Chúa còn kỳ vọng chúng ta là tín hữu của Giáo Hội phục hồi của Ngài phải “mở miệng [của chúng ta] luôn luôn

để rao truyền phúc âm [của Ngài] bằng một âm thanh vui vẻ.”⁸

Điều này không phải lúc nào cũng dễ dàng. Một số người thà kéo một chiếc xe kéo tay ngang qua một cánh đồng ngàn dặm hơn là mang ra đề tài về đức tin và tôn giáo với bạn bè cũng như những bạn đồng sự của họ. Họ lo lắng về cảm nghĩ của những người này hoặc điều đó có thể ảnh hưởng đến mối quan hệ của họ. Không cần phải như vậy, vì chúng ta có một sứ điệp vui mừng để chia sẻ, và chúng ta có một sứ điệp về niềm vui.

Cách đây nhiều năm, gia đình chúng tôi hầu hết sống và làm việc ở giữa những người không cùng tín ngưỡng với chúng tôi. Khi họ hỏi xem những ngày cuối tuần của chúng tôi như thế nào, thì chúng tôi cố gắng bỏ qua những đề tài thông thường—như những trận đấu thể thao, phim ảnh hoặc thời tiết—và cố gắng chia sẻ những kinh nghiệm về tôn giáo mà gia đình chúng tôi đã có trong những ngày cuối tuần—ví dụ, chúng tôi kể về điều mà một thanh thiếu niên nói trong lễ Tiệc Thánh về các tiêu chuẩn từ sách *Cho Sức Mạnh của Giới Trẻ* hoặc việc chúng tôi đã được soi dẫn như thế nào bởi lời nói của một thanh niên sắp đi truyền giáo hay việc phúc âm và Giáo Hội đã giúp gia đình chúng tôi khắc phục được một thử thách cụ thể như thế nào. Chúng tôi cố gắng không ra vẻ như đang thuyết giảng hay hồng hách. Vợ tôi, Harriet, lúc nào cũng giỏi trong việc tìm ra một điều gây cảm ứng, nâng cao tinh thần hay khôi hài để chia sẻ. Điều này thường đưa đến những cuộc thảo luận sâu hơn. Thú vị thay, bất cứ lúc nào chúng tôi nói chuyện với bạn bè về việc đối phó với những thử thách của cuộc sống thì chúng tôi thường nghe họ nói: “Thật là dễ dàng cho bạn; bạn có giáo hội của bạn.”

Việc chúng ta sử dụng quá nhiều phương tiện truyền thông xã hội và vô số thiết bị ít nhiều hữu dụng làm cho việc chia sẻ tin lành của phúc âm dễ dàng hơn và có những ảnh hưởng sâu rộng hơn từ trước đến nay. Thật vậy, tôi hầu như e ngại rằng một số người đang nghe tôi nói ngày hôm nay có lẽ đã gõ lời nhắn cho bạn bè mình như sau: “Ông ấy nói chuyện đã 10

phút rồi mà vẫn chưa đưa ra phép loại suy về hàng không gì cả!” Các bạn trẻ thân mến, có lẽ lời khuyến khích của Chúa để phải “mở miệng mình ra,”⁹ trong thời kỳ chúng ta bao gồm luôn cả việc “sử dụng tay nữa,” để gõ lời nhắn, viết blog, và gửi bằng thư điện tử tin lành của phúc âm đến khắp thế giới! Nhưng xin ghi nhớ rằng tất cả đều phải được thực hiện đúng chỗ và đúng lúc nhé.

Thưa các anh chị em, với phước lành của kỹ thuật tân tiến hiện đại, chúng ta có thể bày tỏ lòng biết ơn và niềm vui về kế hoạch vĩ đại của Thượng Đế dành cho con cái của Ngài theo cách mà có thể được nghe không những ở xung quanh nơi làm việc của chúng ta mà còn ở khắp nơi trên thế giới nữa. Đôi khi, chỉ một cụm từ của chứng ngôn cũng có thể đưa đến

những sự kiện làm ảnh hưởng cuộc sống của một người nào đó cho thời vĩnh cửu.

Cách hữu hiệu nhất để rao giảng phúc âm là bằng cách nêu gương. Nếu chúng ta sống theo niềm tin của mình, thì người ta sẽ thấy. Nếu dung mạo của Chúa Giê Su Ky Tô chiếu rọi trong cuộc sống của chúng ta,¹⁰ nếu chúng ta vui mừng và hòa thuận với thế gian, thì người ta sẽ muốn biết tại sao. Một trong số những bài giảng trọng đại nhất được nêu lên trong công việc truyền giáo là ý tưởng giản dị này của Saint Francis ở Assisi: “Hãy luôn luôn rao giảng phúc âm, và, nếu cần, hãy dùng lời nói.”¹¹ Các cơ hội để làm như vậy đều ở xung quanh chúng ta. Đừng bỏ lỡ những cơ hội đó bằng cách chờ đợi quá lâu trên con đường dẫn đến thành Đa Mách.

Con Đường Đi của Chúng Ta đến Thành Đa Mách

Tôi làm chứng rằng Chúa phán bảo cùng các vị tiên tri và sứ đồ của Ngài trong thời chúng ta. Ngài cũng phán bảo cùng tất cả những người đến cùng Ngài với tấm lòng chân thành với chủ ý thật sự.¹²

Đừng nghi ngờ. Hãy nhớ câu: “Vi người đã thấy ta, nên người tin. Phước cho những kẻ chẳng từng thấy mà đã tin vậy!”¹³ Thượng Đế yêu thương các anh chị em. Ngài nghe những lời cầu nguyện của các anh chị em. Ngài phán bảo cùng con cái của Ngài và ban sự an ủi, bình an và hiểu biết cho những người tìm kiếm Ngài cùng tôn kính Ngài bằng cách bước đi theo lối Ngài. Tôi chia sẻ chứng ngôn thiêng liêng của mình rằng Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô đang đi theo lộ trình của Chúa. Chúng ta có một vị tiên tri tại thế. Giáo Hội này do Ngài hướng dẫn là Đấng chúng ta mang danh, chính là Đấng Cứu Rỗi Giê Su Ky Tô.

Thưa các anh chị em, các bạn thân mến, chúng ta đừng chờ đợi quá lâu trên con đường *của mình* dẫn đến thành Đa Mách. Thay vì thế, chúng ta hãy dũng cảm tiến bước trong đức tin, hy vọng và lòng bác ái, rồi chúng ta sẽ được phước để nhận biết ánh sáng mà chúng ta đều đang tìm kiếm trên con đường làm môn đồ. Tôi cầu nguyện về điều này và để lại cho các anh chị em phước lành của tôi, trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Công Vụ Các Sứ Đồ 8:3.
2. Công Vụ Các Sứ Đồ 9:3-4.
3. Mác 10:14.
4. Xin xem Jeffrey R. Holland, “President Thomas S. Monson: Always ‘on the Lord’s Errand,’” *Tambuli*, tháng Mười-tháng Mười Một. 1986, 20.
5. Jeffrey R. Holland, *Tambuli*, tháng Mười-tháng Mười Một. 1986, 20.
6. Công Vụ Các Sứ Đồ 9:6.
7. *Teachings of Presidents of the Church: Spencer W. Kimball* (2006), 82.
8. Giáo Lý và Giao Ước 28:16.
9. Giáo Lý và Giao Ước 60:2.
10. Xin xem An Ma 5:14.
11. Trong William Fay and Linda Evans Shepherd, *Share Jesus without Fear* (1999), 22.
12. Xin xem Mô Rô Ni 10:3-5.
13. Giăng 20:29.

São Paulo, Brazil





Bài của Anh Cả Paul V. Johnson
Thuộc Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mười

Chúng Ta Nhờ Đấng Yêu Thương Mình mà Thắng Hơn Bội Phận

Các thử thách này không phải chỉ để thử thách chúng ta. Các thử thách đó còn rất quan trọng đối với tiến trình khoác lên thiên tính nữa.

Cuộc sống trên thế gian gồm có những thử thách, gian nan và thống khổ, và một số thử thách chúng ta gặp phải trong cuộc sống có thể rất gay go. Cho dù đó là bệnh tật, sự phản bội, cảm dỗ, mất mát người thân, thiên tai hoặc một thử thách nào khác, thì nỗi đau đớn là một phần của kinh nghiệm trần thế của chúng ta. Nhiều người tự hỏi tại sao chúng ta phải đương đầu với những thử thách khó khăn. Chúng ta biết được rằng lý do là để thử thách đức tin của chúng ta xem chúng ta có làm tất cả những gì mà Chúa đã truyền lệnh hay không.¹ May mắn thay, cuộc sống trần thế này là nơi hoàn hảo để đối phó—và vượt qua—những thử thách này.²

Nhưng các thử thách này không phải chỉ để thử thách chúng ta. Các thử thách này còn rất quan trọng đối với tiến trình khoác lên thiên tính nữa.³ Nếu chúng ta giải quyết những nỗi thống khổ này một cách thích hợp thì chúng sẽ trở thành lợi ích cho chúng ta.⁴

Anh Cả Orson F. Whitney nói: “Không có nỗi đau đớn nào chúng ta gánh chịu, không có thử thách nào chúng ta trải qua là vô ích cả. . . . Tất cả những gì chúng ta gánh chịu và chịu đựng, nhất là khi kiên trì chịu đựng thì sẽ xây dựng cá tính, thanh tẩy tâm lòng, mở rộng tâm hồn của chúng ta cũng như làm cho chúng ta dịu dàng và bác ái hơn. . . . Chính là qua nỗi buồn phiền và đau khổ, nỗi lao nhọc và thống khổ mà chúng ta được rèn luyện, chính là điều chúng ta đến nơi đây để đạt được.”⁵

Mới gần đây, một đứa bé trai chín tuổi được chẩn đoán là mắc một căn bệnh ung thư xương rất hiếm thấy. Bác sĩ giải thích rằng phương pháp chẩn đoán và điều trị sẽ gồm có nhiều tháng trị liệu bằng bức xạ và một cuộc giải phẫu nghiêm trọng. Ông bác sĩ ấy nói rằng đó sẽ là một thời gian rất khó khăn cho đứa bé và gia đình của nó, rồi nói thêm: “Người ta hỏi tôi: ‘Tôi sẽ giống như xưa sau khi chữa khỏi bệnh không?’ Tôi nói với họ: ‘Không, quý

vị sẽ không giống như xưa. Quý vị sẽ mạnh hơn. Quý vị sẽ khỏe hơn!’”

Đôi khi dường như những thử thách của chúng ta được chú trọng vào những lãnh vực của cuộc sống và những phần của tâm hồn chúng ta mà dường như chúng ta có ít khả năng để chịu đựng. Vì sự tăng trưởng cá nhân là kết quả mong đợi của những thử thách này nên không ngạc nhiên gì khi những thử thách này có thể rất riêng tư—hầu như nhắm vào nhu cầu đặc biệt hoặc yếu điểm của chúng ta. Không một ai được miễn khỏi những thử thách, nhất là các Thánh Hữu đang cố gắng làm điều đúng cũng không được miễn khỏi. Một số Thánh Hữu tuân phục có thể hỏi: “Tại sao lại là tôi? Tôi đang cố gắng để sống tốt lành mà! Tại sao Chúa để cho điều này xảy ra vậy?” Lò gian khổ giúp thanh tẩy ngay cả các Thánh Hữu tốt nhất bằng cách đốt trụi những điều ô uế trong cuộc sống của họ và làm cho chúng ta càng thanh khiết hơn.⁶ Ngay cả quặng kim loại rất quý báu cũng cần được tinh lọc để bỏ đi những chất cặn bã. Sống tốt không thôi cũng chưa đủ. Chúng ta muốn trở thành giống như Đấng Cứu Rỗi, là Đấng học biết khi Ngài chịu “đau đớn, khổ sở và cảm dỗ đủ loại.”⁷

Tôi rất thích đi bộ trên Con Đường Mòn Crimson ở Hẻm Núi Logan. Đoạn chính của con đường mòn đó chạy quanh co dọc theo đỉnh vách đá vôi cao và từ đây có thể thấy quang cảnh tuyệt mỹ của hẻm núi và thung lũng phía dưới. Tuy nhiên, việc đi tới đỉnh vách đá không phải dễ dàng. Con đường mòn ở chỗ đó buộc người ta phải liên tục trèo qua và ngay trước khi tới đỉnh, người trèo núi gặp phải phần dốc nhất của con đường mòn; và tầm nhìn ở chỗ hẻm núi bị các vách đá che khuất. Nhưng cuối cùng, nỗ lực đó cũng được đền bù xứng đáng, vì khi đứng ở trên đỉnh sẽ quan sát được một quang cảnh vô cùng ngoạn mục. Cách duy nhất để thấy được quang cảnh ngoạn mục đó là trèo lên đỉnh núi.

Một mẫu mực trong thánh thư và trong cuộc sống cho thấy nhiều lần rằng những thử thách gay go, nguy hiểm nhất đều lập tức kéo theo những sự kiện phi thường và sự phát triển lớn



lao. “Vi sau nhiều cơn hoạn nạn, phước lành sẽ đến.”⁸ Con cái của Y Sơ Ra Ên bị sa lầy trong Biển Đỏ trước khi nước được rẽ ra.⁹ Nê Phi phải đối phó với nỗi hiểm nguy, cơn tức giận của các anh ông và nhiều thất bại trước khi ông có thể lấy được các bảng khắc bằng đồng.¹⁰ Joseph Smith bị một quyền năng tà ác khắc phục mãnh liệt đến nỗi dường như ông bị bắt phải chịu sự hủy

diệt hoàn toàn. Khi ông gần như sắp tuyệt vọng, thì ông đã cố gắng kêu cầu Thượng Đế, và ngay vào lúc đó ông đã được Đức Chúa Cha và Vị Nam Tử hiện đến cùng ông.¹¹ Những người tầm đạo thường gặp phải sự chống đối và gian khổ khi họ gần đến lúc chịu phép báp têm. Những người mẹ biết rằng thử thách của việc sinh đẻ đều diễn ra trước phép lạ của sự sinh đẻ. Chúng ta nhiều

lần thấy các phước lành kỳ diệu xảy ra ngay sau những thử thách gian nan.

Khi bà ngoại tôi khoảng 19 tuổi, bà mắc phải một căn bệnh khiến cho bà ốm nặng. Về sau bà nói: “Tôi không thể đi được. Bàn chân trái của tôi hoàn toàn yếu sau khi tôi nằm vài tháng trên giường. Xương của tôi mềm giống như một miếng cao su xốp, và khi tôi đặt chân xuống sàn nhà thì tôi cảm thấy giống như bị điện giật.”¹² Trong khi nằm trên giường và đau đớn cùng cực, bà nhận được các quyển sách nhỏ của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô. Bà được cải đạo và về sau chịu phép báp têm. Một thử thách cá biệt nhiều lúc giúp chuẩn bị chúng ta cho một điều nào đó vô cùng quan trọng.

Trong khi gặp những vấn đề khó khăn, gần như khó có thể nhận thức được các phước lành sắp đến sẽ lớn lao hơn nỗi đau đớn, cảnh nhục nhã hoặc buồn khổ mà chúng ta có thể trải qua vào lúc ấy. “Thật sự những sửa phạt lúc đầu coi như một cơ buồn bã, chớ không phải sự vui mừng; nhưng về sau sanh ra bông trái công bình và bình an cho những kẻ đã chịu luyện tập như vậy.”¹³ Sứ Đồ Phao Lô dạy: “Vi sự hoạn nạn nhẹ và tạm của chúng ta sanh cho chúng ta sự vinh hiển cao trọng đời đời, vô lượng, vô biên.”¹⁴ Thật là thú vị khi Phao Lô sử dụng từ “sự hoạn nạn nhẹ.” Điều này đến với một người bị đánh đập, bị ném đá, bị đắm tàu, bị cầm tù và trải qua nhiều thử thách khác nữa.¹⁵ Tôi không tin rằng nhiều người chúng ta sẽ cho rằng những điều hoạn nạn của mình là nhẹ. Vậy mà khi so sánh các phước lành và sự tăng trưởng mà cuối cùng chúng ta sẽ nhận được trong cuộc sống này lẫn thời vĩnh cửu, thì những điều hoạn nạn của chúng ta thật sự là nhẹ.

Chúng ta không tìm kiếm các thử thách, gian nan và thống khổ. Cuộc hành trình riêng của chúng ta trong suốt cuộc đời sẽ cung ứng đủ cho nhu cầu của chúng ta. Nhiều thử thách chỉ là một phần đương nhiên của cuộc sống trần thế, nhưng chúng đóng một vai trò rất quan trọng trong sự tiến triển của chúng ta.

Khi giáo vụ trần thế của Đấng Cứu Rỗi sắp kết thúc, Ngài đã trải qua thử



thách gay go nhất hơn bao giờ hết—là nỗi đau đớn không thể tin được trong Vườn Ghê-tê Sê Ma Nê và trên Đồi Sọ. Điều này đi trước Sự Phục Sinh đầy vinh quang và lời hứa rằng một ngày nào đó nỗi đau khổ của chúng ta sẽ chấm dứt. Nỗi đau khổ của Ngài là cần thiết cho ngôi mộ trống vào buổi sáng Phục Sinh đó và cho sự bất diệt trong tương lai cũng như cuộc sống vĩnh cửu của chúng ta.

Đôi khi, chúng ta muốn được tăng trưởng nhưng không gặp thử thách và phát triển sức mạnh mà không gặp khó khăn. Nhưng sự tăng trưởng không thể có được bằng cách dễ dàng. Chúng ta hiểu rõ rằng nếu một vận động viên không chịu được sự huấn luyện khắc khe thì sẽ không bao giờ trở thành một vận động viên tầm cỡ thế giới. Chúng ta cần phải thận trọng đừng bực bội đối với chính những điều mà giúp mình khoác lên thiên tính.

Chúng ta không đương đầu với một thử thách và nỗi thống khổ nào vượt quá giới hạn của mình vì chúng ta có thể có được sự giúp đỡ từ Chúa. Chúng ta có thể làm tất cả mọi điều nhờ Đấng Ky Tô củng cố chúng ta.¹⁶

Sau khi bình phục khỏi những thử thách nghiêm trọng về sức khỏe, Anh Cả Robert D. Hales đã chia sẻ điều sau đây trong đại hội trung ương: “Trong một vài dịp, tôi thưa cùng Chúa rằng chắc chắn là tôi đã học được các bài học ban cho và rằng tôi không còn

cần phải chịu đựng đau đớn thêm nữa. Những lời kêu nài như thế dường như cũng vô hiệu quả, bởi vì điều đó cho tôi thấy rõ rằng tôi phải chịu đựng tiến trình thanh lọc để thử thách này theo kỳ định và trong cách thức riêng của Chúa. . . . Tôi . . . biết được rằng tôi sẽ không bị bỏ mặc một mình để đương đầu với những thử thách và hoạn nạn này, mà những thiên sứ hộ mạng sẽ giúp đỡ tôi. Có một số người gần giống như thiên sứ trong hình dáng bác sĩ, y tá, và đáng kể hơn hết là người bạn đời dịu hiền của tôi là Mary. Và thỉnh thoảng, khi Chúa muốn, thì tôi được an ủi nhờ những cuộc viếng thăm của các thiên binh đem lại niềm an ủi và sự tin chắc vĩnh cửu trong lúc tôi gặp hoạn nạn.”¹⁷

Cha Thiên Thượng yêu thương chúng ta và chúng ta biết rằng “kẻ nào tin cậy nơi Thượng Đế thì sẽ được nâng đỡ trong những thử thách, nhưng khó khăn và những thống khổ của mình, và sẽ được nâng cao vào ngày sau cùng.”¹⁸ Một ngày nào đó khi chúng ta đi qua bên kia tấm màn che, chúng ta còn muốn thêm hơn nữa ngoài một người nào đó chỉ nói với chúng ta: “Được lắm, người xong phận sự rồi.” Thay vì thế, chúng ta muốn Chúa phán rằng: “Hỡi đây tớ ngay lành trung tín kia, được lắm.”¹⁹

Tôi yêu thích những lời của Phao Lô: “Ai sẽ phân rẽ chúng ta khỏi sự yêu thương của Đấng Ky Tô? có phải hoạn

nạn, khổn cùng, bắt bớ, đói khát, trần truồng, nguy hiểm, hay là gươm giáo chăng? . . .

“Trái lại, trong mọi sự đó, chúng ta nhờ Đấng yêu thương mình mà thắng hơn bội phần.”²⁰

Tôi biết rằng Thượng Đế hằng sống và Vị Nam Tử của Ngài, Chúa Giê Su Ky Tô, hằng sống. Tôi cũng biết rằng qua sự giúp đỡ của hai Ngài, chúng ta có thể “thắng hơn bội phần” những hoạn nạn mình gặp phải trong cuộc sống này. Chúng ta có thể trở nên giống như hai Ngài. Trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Xin xem 1 Phi E Rô 1:6–8; Áp Ra Ham 3:25.
2. Xin xem 1 Phi E Rô 2:20.
3. Xin xem 2 Phi E Rô 1:4.
4. Xin xem 2 Nê Phi 2:2.
5. Orson F. Whitney, trong Spencer W. Kimball, *Faith Precedes the Miracle* (1972), 98.
6. Xin xem Ê Sai 48:10; 1 Nê Phi 20:10.
7. Xin xem An Ma 7:11–12.
8. Giáo Lý và Giao Ước 58:4.
9. Xin xem Xuất Ê Díp Tô Ký 14:5–30.
10. Xin xem 1 Nê Phi 3–4.
11. Xin xem Joseph Smith—Lịch Sử 1:15–17.
12. Amalie Hollenweger Amacher, lịch sử chưa xuất bản thuộc quyền sở hữu của tác giả.
13. Hê Bơ Rô 12:11.
14. 2 Cô Rinh Tô 4:17.
15. Xin xem 2 Cô Rinh Tô 11:23–28.
16. Xin xem Phi Líp 4:13.
17. Robert D. Hales, “The Covenant of Baptism: To Be in the Kingdom and of the Kingdom,” *Liahona*, tháng Giêng năm 2001, 6.
18. An Ma 36:3.
19. Ma Thi Ô 25:21.
20. Rô Ma 8:35, 37.

Bucharest, Romania





Bài của Giám Trợ H. David Burton
Giám Trợ Chủ Tòa

Công Việc An Sinh Thiên Liêng

*Công việc chăm sóc lẫn nhau và “nhân từ đối với người
nghèo khó” là một công việc thiên liêng, đã được Đức Chúa
Cha truyền lệnh cũng như Chúa phác họa nhằm ban phúc,
cải tiến và tôn cao con cái của Ngài.*

Kính chào các anh chị em, Vào năm 1897, chàng thanh niên David O. McKay tay cầm quyển sách nhỏ đứng trước cửa của một căn nhà. Là người truyền giáo ở Stirling, Scotland, ông đã nhiều lần làm như thế trước đó. Nhưng vào ngày đó, một phụ nữ hốc hác đã mở cửa và đứng trước mặt ông. Người phụ nữ ấy ăn mặc nghèo nàn, má hóp và tóc rối bù.

Bà nhận lấy quyển sách nhỏ mà Anh Cả McKay đưa cho bà và nói một câu mà ông sẽ không bao giờ quên: “Sách này có cho tôi bánh ăn không?”

Cuộc gặp gỡ này đã để lại một ảnh hưởng mạnh mẽ nơi người truyền giáo trẻ tuổi. Về sau ông viết: “Từ giây phút đó, tôi thấu hiểu rằng Giáo Hội của Đấng Ky Tô phải quan tâm đến sự cứu rỗi thể tục của con người. Tôi bước đi khỏi cửa của căn nhà đó lòng cảm thấy rằng [người phụ nữ] đó, là người cay đắng đối với loài người và Thượng Đế, [đã] không hề có ý định tiếp nhận sứ điệp của phúc âm. [Bà ta] cần giúp đỡ về vật chất, và theo tôi có thể biết được, thì không có tổ chức nào ở Stirling có thể giúp đỡ bà về mặt vật chất.”¹

Một vài thập niên sau, thế giới rên xiết dưới gánh nặng của tình trạng Kinh Tế Suy Thoái. Chính lúc đó, vào ngày 6 tháng Tư năm 1936, Chủ Tịch Heber J. Grant cùng hai cố vấn của ông, J. Reuben Clark và David O. McKay, loan báo điều mà về sau được biết là chương trình an sinh của Giáo Hội. Thú vị thay, hai tuần sau, Anh Cả Melvin J. Ballard được chỉ định với tư cách là chủ tịch đầu tiên và Harold B. Lee là giám đốc điều hành đầu tiên của chương trình đó.

Đây không phải là một nỗ lực tầm thường. Mặc dù Chúa đã kêu gọi nhiều người phi thường để quản lý chương trình đó nhưng Chủ Tịch J. Reuben Clark nói rõ rằng “việc thiết lập chương trình [an sinh] là kết quả của sự mặc khải do Đức Thánh Linh ban cho Chủ Tịch Grant, và chương trình này đã được thực hiện vào lúc đó nhờ những điều mặc khải tương tự ban cho các vị thẩm quyền trung ương có trách nhiệm đối với chương trình này.”²

Sự cam kết của các vị lãnh đạo Giáo Hội để làm giảm bớt nỗi đau khổ của con người thì thật vững vàng

và không thay đổi. Chủ Tịch Grant muốn “một hệ thống mà sẽ tìm đến và chăm sóc mọi người cho dù phí tổn có là bao nhiêu đi nữa.” Ông nói rằng ông sẵn sàng sử dụng mọi biện pháp quyết liệt để “đóng cửa các lớp giáo lý, gián đoạn công việc truyền giáo trong một thời gian, thậm chí còn đóng cửa đền thờ, chứ không thể để cho người khác bị đói khát.”³

Tôi đã cùng đi với Chủ Tịch Gordon B. Hinckley ở Managua, Nicaragua khi ông ngã lờ lững với 1.300 tín hữu của Giáo Hội đã sống sót sau một trận bão đay sức tàn phá đã làm 11.000 người chết. Ông nói với họ: “Cho tới chừng nào Giáo Hội còn phương tiện thì chúng tôi sẽ không để cho các anh chị em đói khát hoặc không có quần áo hay chỗ trú ngụ. Chúng tôi sẽ làm hết sức mình để phụ giúp theo cách Chúa đã chỉ thị phải được thực hiện.”⁴

Một trong những khía cạnh độc nhất vô nhị của chương trình an sinh đầy soi dẫn này mà đặt phúc âm làm trọng tâm là nhấn mạnh vào trách nhiệm và sự tự túc cá nhân. Chủ Tịch Marion G. Romney giải thích: “Nhiều người có thiện chí đã sắp đặt nhiều chương trình để giúp đỡ những người hoạn nạn. Tuy nhiên, nhiều chương trình này được đề ra với mục tiêu thiếu cận là ‘giúp đỡ người ta’ thay vì ‘giúp đỡ người ta tự giúp mình.’”⁵

Sự tự túc là kết quả của lối sống tận tụy và có kỷ luật tự giác về mặt kinh tế. Từ lúc ban đầu, Giáo Hội đã dạy rằng—bằng mọi cách trong khả năng của mình—các gia đình cần phải có trách nhiệm về sự an sinh vật chất của mình. Mỗi thế hệ cần phải học lại các nguyên tắc cơ bản của sự tự túc: tránh nợ nần, cần thận quản lý tiền bạc, dự phòng những lúc túng quẫn, lắng nghe và tuân theo những lời của các vị tiên tri tại thế, phát huy kỷ luật để phân biệt giữa điều mình cần với điều mình muốn và sống sao cho phù hợp với các nguyên tắc đó.

Mục đích, những lời hứa và các nguyên tắc mà tái củng cố công việc của chúng ta nhằm chăm sóc cho người nghèo túng vượt ra khỏi những giới hạn của cuộc sống trần thế. Công việc thiên liêng này không chỉ giúp



ích và ban phước cho những người đau khổ hoặc hoạn nạn mà thôi. Là các con trai và con gái của Thượng Đế, chúng ta không thể thừa hưởng trọn vẹn cuộc sống thượng thiên mà không dấn thân hoàn toàn vào việc chăm sóc lẫn nhau trong khi chúng ta còn sống nơi đây trên thế gian. Chính là trong việc hy sinh và phục vụ người khác một cách nhân từ mà chúng ta học được các nguyên tắc thượng thiên về sự hy sinh và dâng hiến.⁶

Vua Bên Gia Mìn cao trọng đã dạy rằng một trong số các lý do chúng ta san sẻ của cải của mình cho người nghèo khó và cứu giúp họ là để chúng ta có thể hằng ngày gìn giữ sự xá miễn các tội lỗi cho mình ngõ hầu chúng ta có thể trở nên vô tội khi bước đi trước mặt Thượng Đế.⁷

Kể từ lúc thế gian được tạo dựng, lòng bác ái đã luôn luôn là một phần quyết định của xã hội ngay chính. Chúng ta mong muốn một thế giới hòa bình và những cộng đồng thịnh vượng. Chúng ta cầu nguyện để có được xã hội nhân từ và đức hạnh là nơi sự tà ác bị từ bỏ và điều thiện cũng như sự tốt lành chiếm ưu thế. Dù cho chúng ta có xây cất bao nhiêu đền thờ, dù cho con số tín hữu của chúng ta có lớn mạnh đến đâu, dù cho người đời có thấy chúng ta tốt lành đến đâu đi nữa—mà nếu không làm theo lệnh truyền quan trọng và chính yếu này để “cứu giúp kẻ yếu,

nâng đỡ những bàn tay rũ rượi, và làm vững mạnh những đầu gối suy nhược,”⁸ hoặc làm ngơ đối với những người đang đau khổ và than khóc, thì chúng ta sẽ bị kết tội và không thể làm hài lòng Chúa,⁹ cũng như niềm hy vọng hân hoan của tâm hồn chúng ta sẽ luôn luôn xa rời chúng ta.

Trên khắp thế giới, 28.000 giám trợ tìm kiếm người nghèo khó để lo liệu cho nhu cầu của họ. Mỗi giám trợ được một hội đồng tiểu giáo khu phụ giúp gồm có những người lãnh đạo chức tư tế và tổ chức hỗ trợ, kể cả một chị chủ tịch Hội Phụ Nữ tận tụy. Họ có thể “vội vã đến cứu giúp người lạ; . . . chữa lành những tấm lòng đau buồn; . . . [và] lau khô nước mắt của trẻ mồ côi và làm cho người góa bụa hân hoan trong lòng.”¹⁰

Tấm lòng của các tín hữu và các vị lãnh đạo Giáo Hội trên khắp thế giới đã được các giáo lý và tinh thần yêu thương hướng dẫn, chăm sóc và ảnh hưởng tốt lành đối với người lân cận.

Một vị lãnh đạo chức tư tế ở Nam Mỹ lo lắng vô cùng vì có nhiều tín hữu trong giáo khu nhỏ bé của ông bị đói khát và thiếu thốn. Vì không muốn để cho các trẻ em phải chịu đói khát, ông đã tìm ra một miếng đất trống rồi tổ chức cho những người có chức tư tế đến cày cấy và trồng trọt. Họ tìm ra một con ngựa già và móc vào nó một cái cây thô sơ rồi bắt đầu cày đất đai. Nhưng thảm cảnh đã xảy

ra và con ngựa già chết trước khi họ có thể làm xong.

Thay vì để cho các anh chị em của mình bị đói khát, các anh em trong chức tư tế buộc cái cây cũ kỹ vào lưng mình và kéo nó ngang qua miếng đất khô cằn. Họ thật sự khoác lên cái ách đau khổ và gánh nặng của các anh chị em của họ.¹¹

Một sự kiện xảy ra trong lịch sử của gia đình tôi đã nêu lên tầm gương cam kết chăm sóc cho người hoạn nạn. Nhiều người đã nghe nói về nhóm xe kéo Willie và Martin cũng như về những người tiên phong trung tín này đã khổ sở và chết như thế nào khi họ chịu đựng mùa đông lạnh giá và điều kiện khắc nghiệt trong chuyến đi về miền tây. Robert Taylor Burton, ông tổ của tôi, là một trong những người mà Brigham Young yêu cầu đi cứu giúp Các Thánh Hữu yêu quý và tuyệt vọng đó.

Ông tổ của tôi viết về thời gian này trong nhật ký của mình: “Tuyết rơi thành đồng và trời rất lạnh. . . . Lạnh đến nỗi [chúng tôi] không thể di chuyển được. Nhiệt độ là 24 độ âm . . . ; lạnh đến nỗi người ta không thể di chuyển được.”¹²

Các Thánh Hữu lâm nạn được phân phát những đồ tiếp liệu cấp cứu, nhưng “mặc dù [những người đi giải

St. Catherine, Jamaica





cứu] đã cố gắng hết sức nhưng nhiều người đã chết và được chôn cất dọc trên đường đi.”¹³

Trong khi Các Thánh Hữu được giải cứu đang hành trình trên một đoạn đường mòn ngang qua Hẻm Núi Echo, thì có vài chiếc xe kéo dừng lại để phụ giúp một đứa bé gái ra đời. Ông Robert thấy rằng người mẹ trẻ không có đủ quần áo để giữ cho đứa con sơ sinh của mình được ấm. Mặc dù nhiệt độ xuống đến mức đông đá nhưng ông “đã cởi cái áo may ở nhà của mình và đưa cho người mẹ để [quần] đứa bé lại.”¹⁴ Đứa bé được đặt tên là Echo—Echo Squires—để ghi nhớ hoàn cảnh và nơi ra đời của nó.

Trong những năm về sau, ông Robert được kêu gọi vào Giám Trợ Đoàn Chủ Tọa của Giáo Hội, là nơi ông đã phục vụ trong hơn ba thập niên. Lúc 86 tuổi, Robert Taylor Burton bị bệnh. Ông hợp gia đình lại bên giường mình để ban cho họ phước lành cuối cùng của ông. Lời khuyên dạy giản dị nhưng sâu sắc này là một trong số những lời cuối cùng của ông: “Hãy nhân từ đối với người nghèo khó.”¹⁵

Thưa các anh chị em, chúng tôi kính trọng các vĩ nhân tháo vát đó đã được Chúa kêu gọi để tổ chức và quản lý chương trình phục vụ các tín hữu nghèo túng của Giáo Hội Ngài. Chúng tôi kính trọng những người, trong thời kỳ chúng ta, đã cố gắng rất nhiều và thường lặng lẽ để “nhân từ

đối với người nghèo khó,” đem thức ăn lại cho kẻ đói, đem áo quần cho kẻ thiếu mặc, cứu trợ những kẻ bệnh hoạn và thăm viếng kẻ bị giam cầm.

Đây là công việc thiêng liêng mà Đấng Cứu Rỗi kỳ vọng nơi các môn đồ của Ngài. Đây là công việc Ngài yêu thích khi còn sống trên thế gian. Đây là công việc mà tôi biết chúng ta sẽ thấy Ngài làm nếu Ngài ở giữa chúng ta ngày nay.¹⁶

Cách đây bảy mươi lăm năm, một hệ thống dành cho sự cứu rỗi thuộc linh và vật chất của loài người đã được thiết lập từ sự khởi đầu khiêm tốn. Kể từ lúc đó, hệ thống này đã cải tiến và ban phước cho cuộc sống của hàng chục triệu người trên khắp thế giới. Kế hoạch an sinh của vị tiên tri không phải chỉ là một phần thứ yếu đầy thú vị trong lịch sử của Giáo Hội. Các nguyên tắc dựa trên kế hoạch đó xác định đặc tính của chúng ta với tư cách là một dân tộc. Kế hoạch an sinh là thực chất về con người của chúng ta với tư cách là môn đồ của Đấng Cứu Rỗi và Đấng gương mẫu, Chúa Giê Su Kỵ Tô.

Công việc chăm sóc lẫn nhau và “nhân từ đối với người nghèo khó” là một công việc thiêng liêng, đã được Đức Chúa Cha truyền lệnh cũng như Chúa phác họa nhằm ban phước, cải tiến và tôn cao con cái của Ngài. Cầu xin cho chúng ta noi theo lời khuyên dạy của Đấng Cứu Rỗi đã ban cho một thầy dạy luật trong chuyện ngụ

ngôn về Người Sa Ma Ri Nhân Lành: “Hãy đi, làm theo như vậy.”¹⁷ Tôi làm chứng về điều này trong tôn danh của Chúa Giê Su Kỵ Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. *Cherished Experiences from the Writings of President David O. McKay*, do Clare Middlemiss biên soạn (1955), 189.
2. J. Reuben Clark Jr., “Testimony of Divine Origin of Welfare Plan,” *Church News*, ngày 8 tháng Tám năm 1951, 15; xin xem thêm Glen L. Rudd, *Pure Religion* (1995), 47.
3. Glen L. Rudd, *Pure Religion*, 34.
4. Trong “President Hinckley Visits Hurricane Mitch Victims and Mid-Atlantic United States,” *Ensign*, tháng Hai năm 1999, 74.
5. Marion G. Romney, “The Celestial Nature of Self-Reliance,” *Liahona*, tháng Ba năm 2009, 15.
6. Xin xem Giáo Lý và Giao Ước 104:15–18; xin xem thêm Giáo Lý và Giao Ước 105:2–3.
7. Xin xem Mô Si A 4:26–27.
8. Giáo Lý và Giao Ước 81:5; xin xem thêm Ma Thi Ơ 22:36–40.
9. Xin xem Giáo Lý và Giao Ước 104:18.
10. Joseph Smith, trong *History of the Church*, 4:567–68.
11. Cuộc phỏng vấn với Harold C. Brown, cựu giám đốc quản lý Sở Dịch Vụ An Sinh.
12. Nhật ký của Robert T. Burton, Thư Viện Lịch Sử Giáo Hội, Salt Lake City, ngày 2–6 tháng Mười Một năm 1856.
13. Robert Taylor Burton, trong Janet Burton Seegmiller, “*Be Kind to the Poor: The Life Story of Robert Taylor Burton*” (1988), 164.
14. Lenore Gunderson, trong Jolene S. Allphin, *Tell My Story, Too*, tellmystorytoo.com/art_imagepages/image43.html.
15. Robert Taylor Burton, trong Seegmiller, “*Be Kind to the Poor*,” 416.
16. Xin xem Dieter F. Uchtdorf, “Các Người Là Đồi Tay Ta,” *Liahona*, 2010, 68–70, 75.
17. Lu Ca 10:37.



Bài của Silvia H. Allred

Đệ Nhất Cố Vấn trong Chủ Tịch Đoàn Trung Ương Hội Phụ Nữ

Thực Chất của Vai Trò Môn Đồ

Khi tình yêu thương trở thành nguyên tắc hướng dẫn trong mỗi quan tâm của chúng ta đối với những người khác, thì sự phục vụ của chúng ta đối với họ trở thành một tâm gương sống theo phúc âm.

Từ lúc ban đầu, Chúa đã dạy rằng muốn trở thành dân Ngài, chúng ta cần phải đồng một lòng và một trí.¹ Đấng Cứu Rỗi cũng giải thích rằng hai giáo lệnh lớn trong luật pháp là “Người hãy hết lòng, hết linh hồn, hết ý mà yêu mến Chúa, là Đức Chúa Trời người,” và “người hãy yêu kẻ lân cận như mình.”² Cuối cùng, ngay sau khi Giáo Hội được tổ chức, Chúa đã truyền lệnh cho Các Thánh Hữu phải “đi thăm viếng những kẻ nghèo khổ và những người túng thiếu để giúp đỡ và cứu trợ họ.”³

Tất cả những giáo lệnh này đều có cùng một đề tài gì? Đó là chúng ta cần phải yêu thương và phục vụ lẫn nhau. Thật ra, đây là thực chất của vai trò môn đồ trong Giáo Hội chân chính của Chúa Giê Su Kỵ Tô.

Trong dịp kỷ niệm 75 năm thành lập chương trình an sinh của Giáo Hội, chúng ta được nhắc nhở về các mục đích an sinh nhằm giúp đỡ các tín hữu tự giúp mình trở nên tự túc, để chăm sóc người nghèo khổ và túng thiếu, cũng như phục vụ. Giáo Hội đã tổ chức các phương tiện để

phụ giúp các tín hữu lo liệu cho sự an lạc về mặt thể chất, tinh thần, xã giao và tình cảm của họ, gia đình họ và những người khác. Văn phòng của giám trợ mang một trách nhiệm đặc biệt là chăm sóc cho người nghèo khổ và túng thiếu cùng quản lý các phương tiện như vậy dành cho các tín hữu trong tiểu giáo khu của mình. Vị giám trợ được phụ giúp với các nỗ lực của các nhóm tức số chức tư tế, Hội Phụ Nữ, và nhất là các thầy giảng tại gia cũng như các giảng viên thăm viếng.

Hội Phụ Nữ đã luôn luôn là một phần thiết yếu của chương trình an sinh. Khi Tiên Tri Joseph Smith tổ chức Hội Phụ Nữ vào năm 1842, ông đã nói cùng các phụ nữ: “Đây là khởi đầu của những ngày tốt lành hơn cho người nghèo khổ và túng thiếu.”⁴ Ông đã nói với các chị em phụ nữ rằng mục đích của hội này là “cứu trợ người nghèo khổ, cơ cực, người góa bụa và trẻ mồ côi, cùng thực hiện các mục đích từ thiện. . . . Họ sẽ thêm dầu và rượu vào các tâm hồn bị tổn thương và đau buồn; họ

sẽ lau khô những giọt lệ của trẻ mồ côi, và làm hân hoan tâm hồn của người góa bụa.”⁵

Ông cũng nói rằng Hội Phụ Nữ “có thể thúc đẩy các anh em làm điều thiện trong việc tìm đến giúp đỡ những người nghèo khổ—theo đuổi các mục tiêu bác ái, và lo liệu cho các nhu cầu của họ—phụ giúp bằng cách sửa đổi các quy tắc đạo đức và củng cố đức hạnh của cộng đồng.”⁶

Ngày nay, những người nam và người nữ của Giáo Hội cùng tham gia trong việc trợ giúp những người gặp hoạn nạn. Những người nắm giữ chức tư tế mang đến sự hỗ trợ thiết yếu cho những người cần được hướng dẫn và giúp đỡ thuộc linh. Các thầy giảng tại gia đầy cảm ứng đã ban phước cho nhiều người và mang đến các phước lành của phúc âm cho mỗi đơn vị gia đình. Ngoài ra, họ cũng chia sẻ sức mạnh và tài năng của mình trong những cách khác như giúp đỡ một gia đình cần sửa chữa nhà cửa, dọn nhà, hoặc giúp một người anh em tín hữu tìm công việc làm cần thiết.

Chủ tịch Hội Phụ Nữ đến thăm các gia đình để định lượng các nhu cầu cho một giám trợ. Các giảng viên thăm viếng đầy cảm ứng trông nom và chăm sóc các chị em phụ nữ và gia đình họ. Họ thường là những người đầu tiên đáp ứng trong lúc khẩn cấp. Các chị em Hội Phụ Nữ mang đến thức ăn, phục vụ với lòng trắc ẩn và thường xuyên giúp đỡ trong những lúc khó khăn.

Các tín hữu Giáo Hội trên khắp thế giới đã hân hoan trong quá khứ và bây giờ cần phải hân hoan trước cơ hội chúng ta có để phục vụ những người khác. Các nỗ lực phối hợp của chúng ta mang đến sự trợ giúp cho những người nghèo khổ, đói khát, khổ sở hoặc đau buồn, do đó cứu vớt con người.

Nhà kho của Chúa là nhà kho có sẵn cho mỗi vị giám trợ được lập ra để “các tín hữu trung thành hiến tặng cho vị giám trợ thì giờ, tài năng, kỹ năng, lòng trắc ẩn, vật chất và phương tiện tài chính trong việc chăm sóc người nghèo khổ và xây đắp vương quốc của Thượng Đế trên thế gian.”⁶ Chúng ta đều có thể đóng

góp vào nhà kho của Chúa khi chúng ta đóng tiền nhĩn ăn của mình và sẵn sàng đóng góp các phương tiện của mình cho vị giám trợ để phụ giúp những người hoạn nạn.

Mặc dù thế giới thay đổi nhanh chóng, nhưng các nguyên tắc an sinh đã không thay đổi theo thời gian vì các nguyên tắc này đã được Chúa soi dẫn và mặc khải lẽ thật. Khi các tín hữu của Giáo Hội và gia đình của họ làm hết sức mình để có thể tự lo liệu cho mình nhưng vẫn không thể đáp ứng các nhu cầu thiết yếu thì Giáo Hội sẵn sàng giúp đỡ. Các nhu cầu ngắn hạn cần phải được đáp ứng ngay lập tức, và lập ra một kế hoạch để giúp người nhận trở nên tự túc. Sự tự túc là khả năng để lo liệu những thứ cần dùng về mặt tinh thần và vật chất của cuộc sống cho bản thân và gia đình.

Càng trở nên tự túc, chúng ta càng gia tăng khả năng của mình để giúp đỡ và phục vụ những người khác theo cách Đấng Cứu Rỗi đã làm. Chúng ta noi theo gương của Đấng Cứu Rỗi khi chúng ta phục sự người nghèo túng, bệnh hoạn và khổ sở. Khi tình yêu thương trở thành nguyên tắc hướng dẫn trong mỗi quan tâm của chúng ta đối với những người khác, thì sự phục vụ của chúng ta đối với họ trở thành một tấm gương sống theo phúc âm. Đó là phúc âm trong giây phút tốt lành nhất. Đó là tôn giáo thanh khiết.

Trong những công việc chỉ định khác nhau của tôi trong Giáo Hội, tôi đã hạ mình trước tình yêu thương và mối quan tâm do các vị giám trợ cũng như những người lãnh đạo Hội Phụ Nữ đã cho thấy đối với các tín hữu của họ. Trong khi tôi phục vụ với tư cách là chủ tịch Hội Phụ Nữ giáo khu ở Chile trong đầu thập niên 1980, quốc gia này đang trải qua một cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng và tỷ lệ số người thất nghiệp là 30 phần trăm. Tôi đã thấy các chủ tịch Hội Phụ Nữ quả cảm và các giảng viên thăm viếng trung tín “đi làm việc thiện”⁸ trong hoàn cảnh khó khăn như vậy. Họ đã làm theo câu thánh thư trong sách Châm Ngôn 31:20: “Nàng mở đũa tay ra giúp



kẻ khó khăn, giơ tay mình lên tiếp người nghèo khổ.”

Các chị em phụ nữ có gia đình túng thiếu cũng đã liên tục giúp đỡ những người mà họ nghĩ là túng thiếu hơn họ. Rồi tôi hiểu rõ hơn điều Đấng Cứu Rỗi đã thấy khi Ngài phán trong Lu Ca 21:3-4:

“Quả thật, ta nói cùng các ngươi, mụ góa nghèo này đã bỏ vào nhiều hơn hết mọi người khác.

“Vì mọi người kia đều lấy của dư mình mà làm của dâng; nhưng mụ này thiếu thốn, mà đã dâng hết của mình có để nuôi mình.”

Một vài năm sau, tôi cũng đã thấy điều đó ở một chủ tịch Hội Phụ Nữ giáo khu ở Argentina khi nạn siêu lạm phát giáng xuống quốc gia này và nền kinh tế sụp đổ, rồi sau đó ảnh hưởng đến nhiều tín hữu trung thành của chúng ta. Gần đây, tôi đã thấy điều đó một lần nữa khi đi thăm Kinshasa ở nước Cộng Hòa Dân Chủ Congo; Antananarivo ở Madagascar; và Bulawayo ở Zimbabwe. Các tín hữu ở khắp nơi, nhất là các chị em Hội Phụ Nữ, đều tiếp tục xây đắp đức tin, củng cố các cá nhân và gia đình cùng giúp đỡ những người hoạn nạn.

Thật là ngạc nhiên khi nghĩ rằng có một người chị em hay anh em tín hữu có sự kêu gọi trong Giáo Hội có

thể đi vào một căn nhà nghèo nàn, buồn bã, bệnh hoạn hay đau buồn và có thể mang đến sự bình an, giúp đỡ và niềm vui. Dù tiểu giáo khu hay chi nhánh ở đâu đi nữa, hoặc nhóm đông người hay ít người, thì mỗi tín hữu trên khắp thế giới đều có cơ hội đó. Cơ hội đó xảy ra mỗi ngày và đang xảy ra ở đâu đó ngay vào giờ phút này.

Karla là người mẹ trẻ có hai con. Chồng của chị là Brent làm việc nhiều giờ mỗi ngày và phải mất một giờ đồng hồ cho một chuyến đi đến sở làm. Ngay sau khi đưa con gái thứ hai ra đời, chị đã kể lại kinh nghiệm sau đây: “Cái ngày sau khi tôi nhận được sự kêu gọi phục vụ với tư cách là cố vấn trong Hội Phụ Nữ của tiểu giáo khu mình thì tôi đã bắt đầu cảm thấy khá bận bịu. Làm thế nào tôi có thể mang lấy trách nhiệm giúp chăm sóc các phụ nữ trong tiểu giáo khu của mình khi tôi đang vất vả với việc làm tròn vai trò làm vợ và làm mẹ của một đứa nhỏ hai tuổi hiếu động và một đứa bé sơ sinh? Khi đang suy nghĩ về những điều này, thì đứa con nhỏ hai tuổi bị bệnh. Tôi không biết chắc là phải làm gì cho đứa con nhỏ đồng thời chăm sóc cho đứa bé sơ sinh. Ngay lúc đó thì Chị Wasden, một giảng viên thăm viếng của tôi, bắt ngờ



đến thăm. Là một người mẹ với con cái đều đã lớn, chị biết ngay là phải làm gì để giúp đỡ. Chị bảo tôi điều tôi cần làm trong khi chị đi đến nhà thuốc tây để mua một số đồ. Về sau, chị sắp xếp cho người đến đón chồng tôi tại trạm xe lửa để anh ấy có thể về nhà sớm để giúp đỡ tôi. Tôi tin rằng việc chị đã đáp ứng theo thúc giục từ Đức Thánh Linh và sẵn lòng phục vụ tôi là sự trấn an tôi cần từ Chúa rằng Ngài sẽ giúp tôi làm tròn sự kêu gọi mới của mình.”

Cha Thiên Thượng yêu thương chúng ta và biết hoàn cảnh cũng như khả năng độc đáo của chúng ta. Mặc dù chúng ta tìm kiếm sự giúp đỡ hằng ngày của Ngài qua lời cầu nguyện, nhưng thường thường Ngài đáp ứng các nhu cầu của chúng ta qua một người khác.⁹

Chúa phán: “Nếu các người yêu nhau, thì ấy là tại điều đó mà thiên hạ sẽ nhận biết các người là môn đồ.”¹⁰

Tình yêu thương thanh khiết của Đấng Ky Tô được biểu lộ khi chúng ta phục vụ một cách vị tha. Việc giúp đỡ lẫn nhau là một kinh nghiệm thiêng liêng làm tôn cao người nhận và làm cho người ban phát trở nên khiêm nhường. Điều này giúp chúng ta trở thành các môn đồ chân chính của Đấng Ky Tô.

Kế hoạch an sinh luôn luôn là việc áp dụng các nguyên tắc phúc âm vĩnh cửu. Kế hoạch này thật sự cung ứng theo như cách của Chúa. Chúng ta hãy đổi mới ước muốn của mình để làm một phần của nhà kho của Chúa trong việc ban phước cho những người khác.

Tôi cầu nguyện rằng Chúa sẽ ban phước cho mỗi người chúng ta để có ý thức nhiều hơn đối với lòng thương xót, bác ái và trắc ẩn. Tôi khẩn nài chúng ta hãy có ước muốn và khả năng nhiều hơn để tìm đến cũng như phụ giúp những người kém may mắn,

đau buồn và đau khổ để những nhu cầu của họ có thể được đáp ứng, đức tin của họ có thể được củng cố, và lòng của họ có thể được tràn đầy biết ơn và yêu thương.

Cầu xin Chúa ban phước cho mỗi người chúng ta khi chúng ta bước đi một cách vâng lời theo các giáo lệnh, phúc âm và ánh sáng của Ngài. Trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Xin xem Môi Se 7:18.
2. Xin xem Ma Thi Ơ 22:36–40.
3. Giáo Lý và Giao Ước 44:6.
4. Joseph Smith, trong *History of the Church*, 4:607.
5. *Những Lời Giảng Dạy của Các Vị Chủ Tịch Giáo Hội: Joseph Smith* (2007), 452.
6. *Teachings: Joseph Smith*, 452.
7. *Providing in the Lord's Way: A Leader's Guide to Welfare* (1990), 11.
8. Công Vụ Các Sứ Đồ 10:38; Những Tín Điều 1:13.
9. Xin xem *Teachings of Presidents of the Church: Spencer W. Kimball* (2006), 82.
10. Giảng 13:35.



Bài của Anh Cả David A. Bednar
Thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đò

Tinh Thần Mặc Khải

Tinh thần mặc khải là có thật—và có thể thật sự hoạt động trong cuộc sống cá nhân của chúng ta và trong Giáo Hội.

Tôi bày tỏ lòng biết ơn về sự soi dẫn trong việc chọn bài thánh ca tiếp theo sau bài nói chuyện của tôi: “Ta Đã Làm Điều Tốt?” *Thánh Ca*, số 58). Tôi hiểu điều gợi ý đó rồi.

Tôi xin mời các anh chị em cùng tôi suy xét hai kinh nghiệm về ánh sáng mà tất cả hoặc hầu hết chúng ta đều trải qua.

Kinh nghiệm đầu tiên xảy ra khi chúng ta bước vào một căn phòng tối và vịn đèn lên. Các anh chị em nhớ là có một luồng ánh sáng lập tức tràn ngập căn phòng đó và xua tan bóng tối. Những gì trước đó đã không thấy được và không rõ ràng thì giờ đã trở nên sáng sủa và có thể nhận diện được. Việc nhận ra ánh sáng chói chan ngay lập tức chính là đặc điểm nổi bật của kinh nghiệm này.

Kinh nghiệm thứ nhì xảy ra khi chúng ta quan sát màn đêm chuyển sang bình minh. Các anh chị em hẳn còn nhớ ánh sáng nơi chân trời từ từ gia tăng gần như khó thấy không? Trái với việc bật đèn lên trong căn phòng tối, ánh sáng từ mặt trời đang mọc lên không chói lọi ngay lập tức. Thay vì thế, cường độ của ánh sáng gia tăng dần dần và đều đặn, và bóng tối bị thay thế bởi ánh nắng rực rỡ của buổi bình minh. Cuối cùng, mặt trời thật sự lộ dạng ở nơi chân trời. Nhưng dấu hiệu cho thấy rằng

mặt trời sắp mọc lên rất rõ ràng từ nhiều giờ đồng hồ trước khi mặt trời thật sự lộ dạng ở nơi chân trời. Việc nhận thấy ánh sáng tỏa ra dần dần chính là đặc điểm nổi bật của kinh nghiệm này.

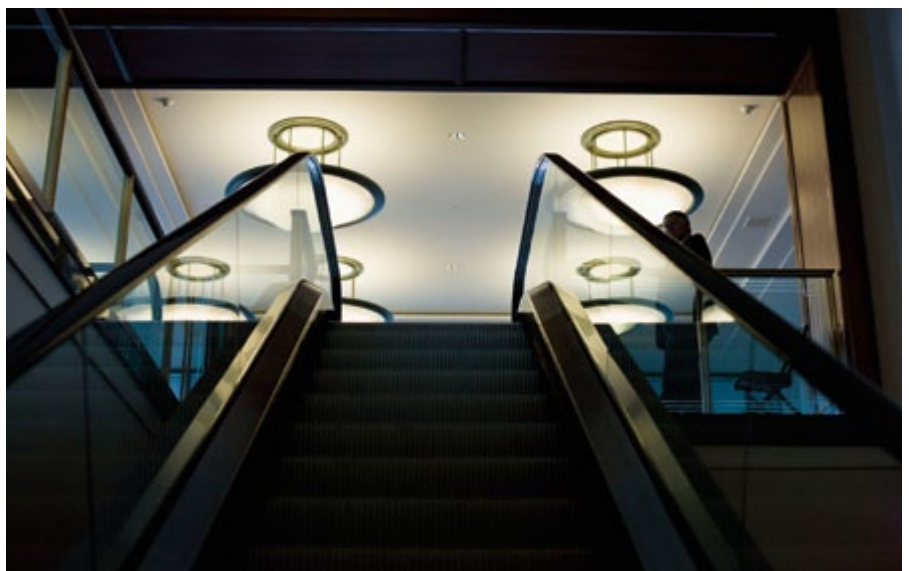
Từ hai kinh nghiệm thông thường này về ánh sáng, chúng ta có thể học nhiều điều về tinh thần mặc khải. Tôi cầu nguyện rằng Đức Thánh Linh sẽ soi dẫn và chỉ dạy cho chúng ta vào lúc này khi chúng ta tập trung vào tinh thần mặc khải cũng như những mẫu mực cơ bản để nhận được sự mặc khải.

Tinh Thần Mặc Khải

Sự mặc khải là sự giao tiếp từ Thượng Đế với con cái của Ngài trên thế gian và là một trong các phước lành vĩ đại liên kết với ân tứ và sự đồng hành liên tục của Đức Thánh Linh. Tiên Tri Joseph Smith dạy: “Đức Thánh Linh là vị mặc khải,” và “không một người nào có thể nhận được Đức Thánh Linh mà lại không nhận được những điều mặc khải” (*Những Lời Giảng Dạy của Các Vị Chủ Tịch Giáo Hội: Joseph Smith* [2007], 132).

Qua thẩm quyền chức tư tế hợp thức, tinh thần mặc khải dành sẵn cho mọi người tiếp nhận các giáo lễ cứu rỗi của phép báp têm bằng cách chìm mình xuống nước để được xá miễn các tội lỗi và phép đặt tay ban cho ân tứ của Đức Thánh Linh—và là người đang hành động trong đức tin để làm tròn mệnh lệnh của chức tư tế “hãy tiếp nhận Đức Thánh Linh.” Phước lành này không giới hạn chỉ cho thẩm quyền chủ tọa của Giáo Hội; thay vì thế, phước lành này thuộc vào và cần phải được sử dụng trong cuộc sống của mỗi người nam, người nữ và trẻ em khi họ đến tuổi có trách nhiệm và thiết lập các giao ước thiêng liêng. Ước muốn chân thành và sự xứng đáng mời gọi tinh thần mặc khải vào cuộc sống của chúng ta.

Joseph Smith và Oliver Cowdery đạt được kinh nghiệm quý giá với tinh thần mặc khải khi họ phiên dịch Sách Mặc Môn. Hai người anh em



này đã học được rằng họ có thể nhận được bất cứ kiến thức nào cần thiết để hoàn tất công việc của họ nếu họ cầu vãn trong đức tin, với một tấm lòng chân thật và tin rằng mình sẽ nhận được. Và sau một thời gian, họ càng hiểu thêm tinh thần mặc khải, nói chung hoạt động giống như như ý nghĩ và cảm nghĩ hiện đến tâm trí chúng ta bằng quyền năng của Đức Thánh Linh (Xin xem GLGU 8:1-2; 100:5-8.) Như Chúa đã dạy họ: “Giờ đây, này, đây là tinh thần mặc khải; này, đây là tinh thần mà ngày xưa Môi Se đã nhờ đó đem con cái của Y Sơ Ra Ên vượt qua biển đỏ như đi trên đất khô ráo. Vậy thì đây là ân tứ của người.” (GLGU 8:3-4).

Tôi nhấn mạnh cụm từ “hãy sử dụng ân tứ đó” liên quan đến tinh thần mặc khải. Trong thánh thư, ảnh hưởng của Đức Thánh Linh thường được nhận ra như là “một tiếng nói nhỏ êm ái” (1 Các Vua 19:12; 1 Nê Phi 17:45; xin xem thêm 3 Nê Phi 11:3) và một “tiếng nói hết sức dịu dàng” (Hê La Man 5:30). Vì Thánh Linh mách bảo chúng ta một cách dịu dàng và nhỏ nhẹ, nên rất dễ để chúng ta hiểu lý do tại sao phải tránh những phương tiện truyền thông không thích hợp, hình ảnh sách báo khiêu dâm, cũng như những chất và thói quen nghiện ngập đầy tai hại. Những công cụ này của kẻ thù nghịch có thể làm suy yếu và cuối cùng hủy diệt khả năng của chúng ta để nhận biết và đáp ứng các sứ điệp tinh vi do Thượng Đế ban cho qua quyền năng của Thánh Linh Ngài. Mỗi người chúng ta cần phải nghiêm túc cân nhắc và thành tâm suy ngẫm cách chúng ta có thể bác bỏ những cám dỗ của quỷ dữ và “hãy sử dụng ân tứ đó” một cách ngay chính, ấy là tinh thần mặc khải trong cuộc sống cá nhân và gia đình của chúng ta.

Mẫu Mực Mặc Khải

Những điều mặc khải được truyền ban trong nhiều cách khác nhau, ví dụ như giấc mơ, khải tượng, cuộc trò chuyện với các thiên sứ và sự soi dẫn. Một số điều mặc khải được tiếp nhận mãnh liệt ngay lập tức; một số khác được nhận ra dần dần và rất tinh tế. Hai kinh nghiệm về ánh sáng tôi đã

mô tả đều giúp chúng ta hiểu rõ hơn hai mẫu mực mặc khải cơ bản này.

Một ngọn đèn được vắn lên trong căn phòng tối cũng giống như việc tiếp nhận một sứ điệp từ Thượng Đế một cách nhanh chóng, trọn vẹn và ngay lập tức. Nhiều người chúng ta đã trải nghiệm mẫu mực mặc khải này khi nhận được đáp ứng cho những lời cầu nguyện chân thành hoặc được hướng dẫn hoặc bảo vệ cần thiết, tùy theo ý muốn và kỳ định của Thượng Đế. Những điều mô tả về những biểu hiện ngay trước mắt và mạnh mẽ như vậy được tìm thấy trong thánh thư, được thuật lại trong lịch sử Giáo Hội và được chứng minh trong cuộc sống của chúng ta. Quả thật những phép lạ phi thường này đã xảy ra. Tuy nhiên, mẫu mực mặc khải này thường ít phổ biến hơn.

Việc ánh sáng dần dần tỏa ra từ mặt trời mọc cũng giống như việc tiếp nhận một sứ điệp từ Thượng Đế “từng hàng chữ một, từng lời chỉ giáo một” (2 Nê Phi 28:30). Thường xuyên nhất, sự mặc khải đến theo mức độ nhỏ rồi tăng dần theo thời gian và được ban cho tùy theo ước muốn, mức độ xứng đáng và sự chuẩn bị của chúng ta. Sự giao tiếp như vậy từ Cha Thiên Thượng dần dần và nhẹ nhàng “nhỏ giọt xuống [tâm hồn chúng ta] như những hạt sương từ thiên thượng” (GLGU 121:45). Mẫu mực mặc khải này được cho thấy phổ biến hơn và hiển nhiên trong những kinh nghiệm của Nê Phi khi ông cố gắng vài lần trước khi thành công lấy được các bảng khắc bằng đồng từ La Ban (xin xem 1 Nê Phi 3-4). Cuối cùng, ông được Thánh Linh dẫn dắt đến Giê Ru Sa Lem “không biết trước được là [ông] sẽ phải làm gì” (1 Nê Phi 4:6). Và ông đã không học cách đóng một chiếc tàu một cách tài tình chỉ trong một lần; thay vì thế, “thỉnh thoảng Chúa đã chỉ cho [ông] cách sử dụng mộc liệu để đóng tàu” (1 Nê Phi 18:1).

Lịch sử của Giáo Hội lần cuộc sống cá nhân của chúng ta đầy đầy những ví dụ về mẫu mực của Chúa để nhận được sự mặc khải “từng hàng chữ một, từng lời chỉ giáo một.” Ví dụ, các lẽ thật cơ bản của phúc âm

phục hồi đã không cùng một lúc ban cho Tiên Tri Joseph Smith trong Khu Rừng Thiêng Liêng. Những tài sản vô giá này được tiết lộ khi cần thiết và đúng kỳ định.

Chủ Tịch Joseph F. Smith giải thích việc mẫu mực mặc khải này xảy ra trong cuộc sống của ông như thế nào: “Khi còn nhỏ . . . tôi thường . . . xin Chúa cho tôi thấy một điều kỳ diệu nào đó, để tôi có thể nhận được một chứng ngôn. Nhưng Chúa đã giữ lại không cho tôi thấy những điều kỳ diệu mà chỉ cho tôi thấy lẽ thật từ hàng chữ một . . . , cho đến khi Ngài làm cho tôi phải hiểu lẽ thật từ đầu đến chân của tôi, và cho đến khi nổi nghi ngờ và sợ hãi đã bị loại bỏ khỏi tôi. Ngài đã không cần gửi một thiên sứ từ thiên thượng đến để làm điều này, cũng như Ngài không cần phải phán bảo với tiếng kèn của một thiên sứ trưởng. Ngài đã ban cho tôi chứng ngôn mà tôi hiện có bằng giọng thì thầm êm nhẹ của Thánh Linh của Thượng Đế hằng sống. Cũng bởi nguyên tắc và quyền năng này, Ngài sẽ ban cho tất cả con cái loài người một sự hiểu biết về lẽ thật mà sẽ ở với họ, cũng như sẽ làm cho họ biết được lẽ thật, như Thượng Đế biết, và làm theo ý muốn của Đức Chúa Cha như Đấng Ky Tô đã làm. Và sẽ không bao giờ có một số biểu hiện kỳ diệu nào có thể đạt được như điều này.” (trong Conference Report, tháng Tư năm 1900, 40-41).

Là tín hữu của Giáo Hội, chúng ta thường nhấn mạnh đến những biểu hiện thuộc linh kỳ diệu và gây ấn tượng nhiều đến nỗi chúng ta có thể không cảm kích và ngay cả không nhận thấy mẫu mực điển hình mà Đức Thánh Linh hoàn thành công việc của Ngài theo mẫu mực đó. “Cách thức quá giản dị” (1 Nê Phi 17:41) để tiếp nhận các ấn tượng thuộc linh nhỏ và dần dần, mà theo thời gian, hoàn toàn tạo thành một lời đáp ứng hoặc hướng dẫn chúng ta cần, thì có thể làm cho chúng ta “đã nhìn xa quá điểm nhắm” (Gia Cốp 4:14).

Tôi đã nói chuyện với nhiều người thắc mắc về sự vững mạnh của chứng ngôn cá nhân của họ và đánh giá thấp khả năng thuộc linh của họ vì



họ không nhận được những ấn tượng thường xuyên, kỳ diệu hoặc mạnh mẽ. Có lẽ khi chúng ta xem xét những kinh nghiệm của Giô Sép trong Khu Rừng Thiêng Liêng, của Phao Lô trên đường đi đến thành Đa Mách, và của An Ma Con, thì chúng ta đều dần dần tin rằng chúng ta có một điều gì đó sai trái hoặc thiếu sót nếu trong cuộc sống mình, chúng ta không có những kinh nghiệm tương tự như những ví dụ thuộc linh được nhiều người biết đến và nổi bật này. Nếu các anh chị em có những ý nghĩ hoặc nỗi ngờ vực tương tự thì xin hãy biết rằng đó cũng là điều khá bình thường thôi. Hãy cứ tiến bước với sự vâng lời và đức tin nơi Đấng Cứu Rỗi. Khi làm như vậy, các anh chị em “không thể đi lầm đường được” (GLGU 80:3).

Chủ Tịch Joseph F. Smith đã dạy: “Hãy cho tôi thấy Các Thánh Hữu Ngày Sau phải trông cậy vào phép lạ, điềm triệu và khả tượng để giữ cho họ được trung thành trong Giáo Hội, và tôi sẽ cho các anh chị em tin hữu thấy . . . người nào không ở trong vị thế tốt trước mắt Thượng Đế, và những người đang bước đi trên con đường trơn trượt. Không phải là qua những biểu hiện kỳ diệu đối với chúng ta mà chúng ta sẽ được thiết lập trong lẽ thật, nhưng chính là qua lòng khiêm nhường và sự vâng lời trung tín đối với các lệnh truyền và luật pháp của Thượng Đế” (trong Conference Report, tháng Tư năm 1900, 40).

Một kinh nghiệm thông thường khác về ánh sáng giúp chúng ta học

thêm lẽ thật về mẫu mực mặc khải “từng hàng chữ một, từng lời chỉ giáo một”. Đôi khi mặt trời mọc vào một buổi sáng u ám đầy mây hay sương mù. Vì tình trạng u ám đó, nên việc nhận ra ánh sáng càng khó thêm, và không thể nào nhận biết chính xác lúc nào là lúc mặt trời mọc ở nơi chân trời. Tuy nhiên vào một buổi sáng như vậy, chúng ta có đủ ánh sáng để nhận biết một ngày mới và đi làm công việc của mình.

Trong một cách tương tự, chúng ta nhiều lần nhận được điều mặc khải mà không nhận biết một cách chính xác cách nào hoặc khi nào chúng ta đang nhận được mặc khải. Một đoạn quan trọng trong lịch sử Giáo Hội giải thích về nguyên tắc này.

Vào mùa xuân năm 1829, Oliver Cowdery là một giáo viên ở Palmyra, New York. Khi nghe về Joseph Smith và công việc phiên dịch Sách Mặc Môn, Oliver đã có ấn tượng phải phụ giúp vị tiên tri trẻ tuổi này. Do đó, ông đã đi đến Harmony, Pennsylvania, và trở thành người biên chép cho Joseph. Thời điểm ông đến và giúp đỡ vô cùng thiết yếu cho sự ra đời của Sách Mặc Môn.

Sau đó, Đấng Cứu Rỗi đã mặc khải cho Oliver rằng ông càng thường xuyên cầu nguyện xin được hướng dẫn thì ông càng nhận được sự hướng dẫn từ Thánh Linh của Chúa. Chúa phán: “Nếu không phải như vậy, thì người đã chẳng đến nơi mà hiện thời người đang hiện diện. Nay, người biết rằng người đã cầu vãn ta và ta đã soi sáng tâm trí người; và giờ đây ta nói ra những điều này để người có thể biết được rằng người đã được Thánh Linh của lẽ thật soi sáng.” (GLGU 6:14–15).

Như vậy, Oliver đã nhận được một điều mặc khải qua Tiên Tri Joseph Smith cho ông biết rằng ông đã nhận được điều mặc khải. Hiển nhiên, Oliver đã không nhận biết cách nào và khi nào ông đã nhận được sự hướng dẫn từ Thượng Đế và cần lời chỉ dẫn này để hiểu thêm về tinh thần mặc khải. Nói theo nghĩa bóng, Oliver đã bước đi trong ánh sáng khi mặt trời mọc lên vào một buổi sáng u ám đầy mây.

Trong nhiều lúc bấp bênh và thử thách chúng ta gặp trong cuộc sống

của mình, Thượng Đế đòi hỏi chúng ta phải làm hết khả năng của mình, để tự hành động chứ không bị tác động (xin xem 2 Nê Phi 2:26), và tin cậy nơi Ngài. Chúng ta có thể không thấy được các thiên sứ, nghe tiếng nói của Chúa, hoặc nhận được vô số những ấn tượng thuộc linh. Chúng ta thường có thể tiến bước với hy vọng và cầu nguyện—nhưng không có gì là bảo đảm tuyệt đối—rằng chúng ta đang làm theo ý muốn của Thượng Đế. Nhưng khi chúng ta tôn trọng các giao ước của mình và tuân giữ các lệnh truyền, khi chúng ta cố gắng một cách kiên trì hơn để làm điều thiện và để trở nên tốt hơn thì chúng ta có thể bước đi với sự tin tưởng rằng Thượng Đế sẽ hướng dẫn bước đi của chúng ta. Và chúng ta có thể quả quyết nói rằng Thượng Đế sẽ soi dẫn lời nói của chúng ta. Đây là một phần ý nghĩa của câu thánh thư: “Rồi thì niềm tin của người sẽ vững mạnh trong sự hiện diện của Thượng Đế” (GLGU 121:45).

Khi các anh chị em tìm cách áp dụng tinh thần mặc khải một cách thích hợp, thì tôi hứa rằng các anh chị em sẽ “bước đi trong sự sáng của Chúa” (Ê Sai 2:5; 2 Nê Phi 12:5). Đôi khi tinh thần mặc khải sẽ hoạt động ngay lập tức và thật mạnh mẽ, những lần khác thì tinh tế và dần dần hơn, và thường tinh vi đến nỗi các anh chị em không thể ý thức để nhận ra được. Nhưng dù phước lành này được tiếp nhận theo mẫu mực nào đi nữa, thì ánh sáng tỏa ra từ mẫu mực này sẽ chiếu rọi và mở rộng tâm hồn của các anh chị em, soi sáng sự hiểu biết của các anh chị em (xin xem An Ma 5:7; An Ma 32:28), và hướng dẫn cùng bảo vệ các anh chị em và gia đình của các anh chị em.

Tôi chia sẻ lời chứng của vai trò sứ đồ của mình rằng Đức Chúa Cha và Vị Nam Tử hằng sống. Tinh thần mặc khải là có thật—và có thể thật sự hoạt động trong cuộc sống cá nhân của chúng ta và trong Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô. Tôi làm chứng về các lễ thật này trong thánh danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■



Bài của Chủ Tịch Thomas S. Monson

Đền Thờ Thánh— Ngọn Hải Đăng cho Thế Gian

Các phước lành quan trọng và cao quý nhất của vai trò tín hữu trong Giáo Hội là các phước lành mà chúng ta nhận được trong đền thờ của Thượng Đế.

Các anh chị em thân mến, tôi bày tỏ tình yêu thương và gửi lời chào mừng đến mỗi anh chị em, và cầu nguyện rằng Cha Thiên Thượng sẽ hướng dẫn ý nghĩ cũng như soi dẫn những lời nói của tôi trong khi tôi ngỏ lời cùng các anh chị em ngày hôm nay.

Tôi xin bắt đầu bằng một hoặc hai lời bình luận về những sứ điệp chúng ta đã nghe buổi sáng hôm nay từ Chị Allred và Giám Trợ Burton liên quan đến chương trình An Sinh của Giáo Hội. Như đã nói đến, năm nay đánh dấu 75 năm thành lập chương trình đầy soi dẫn này mà đã ban phước cho rất nhiều người. Tôi có đặc ân quen biết riêng với một số người đã đi đầu trong việc thiết lập nỗ lực lớn lao này—những người đầy lòng trắc ẩn và nhìn xa thấy trước.

Như Giám Trợ Burton và cả Chị Allred và những người khác nữa đều đề cập đến, vị giám trợ được giao cho trách nhiệm để chăm sóc những người hoạn nạn trong ranh giới của tiểu giáo

khu ông. Khi còn là một giám trợ rất trẻ tuổi ở Salt Lake City, tôi có đặc ân chủ tọa một tiểu giáo khu có 1.080 tín hữu, kể cả 84 góa phụ. Có nhiều người cần được phụ giúp. Tôi biết ơn biết bao về chương trình an sinh của Giáo Hội cũng như sự giúp đỡ của Hội Phụ Nữ và các nhóm túc số chức tư tế.

Tôi xin nói rằng chương trình an sinh của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô được Thượng Đế Toàn Năng soi dẫn.

Giờ đây, thưa các anh chị em, đại hội này đánh dấu ba năm kể từ khi tôi được tán trợ với tư cách là Chủ Tịch của Giáo Hội. Dĩ nhiên, đây là những năm đầy bận rộn, đầy đầy thử thách nhưng cũng vô số phước lành. Cơ hội tôi đã có để làm lễ cung hiến và tái cung hiến các đền thờ là một trong số các phước lành thú vị và thiêng liêng nhất, và ngày hôm nay, tôi muốn ngỏ lời cùng các anh chị em về đền thờ.

Tại đại hội trung ương tháng Mười năm 1902, Chủ Tịch Giáo Hội Joseph F. Smith đã bày tỏ hy vọng

rằng một ngày nào đó chúng ta sẽ có “đền thờ xây cất trong nhiều phần đất trên [thế giới] là những nơi cần có đền thờ để thuận tiện cho các tín hữu.”¹

Trong 150 năm đầu tiên sau khi tổ chức Giáo Hội, từ năm 1830 đến 1980, 21 đền thờ đã được xây cất, kể cả hai đền thờ ở Kirtland, Ohio, và Nauvoo, Illinois. Ngược lại, trong 30 năm kể từ năm 1980, có 115 đền thờ được xây cất và làm lễ cung hiến. Với lời thông báo ngày hôm qua về ba ngôi đền thờ mới, sẽ có thêm hai mươi sáu đền thờ nữa đang xây cất hoặc sắp xây cất. Con số các đền thờ này sẽ tiếp tục gia tăng.

Mục tiêu mà Chủ Tịch Joseph F. Smith hy vọng vào năm 1902 đã trở thành sự thật. Mong muốn của chúng tôi là làm cho các tín hữu của chúng ta có thể đến đền thờ càng dễ dàng càng tốt.

Một trong số các đền thờ hiện đang xây cất là ở Manaus, Brazil. Cách đây nhiều năm, tôi đọc về một nhóm người gồm có hơn một trăm tín hữu rời Manaus, ở giữa khu rừng Amazon có nhiều mưa, để đi đến ngôi đền thờ gần nhất lúc bấy giờ, ở Sao Paulo, Brazil—cách Manaus gần 4.000 kilômét. Các Thánh Hữu trung tín đó đi bằng tàu trong bốn ngày đêm trên dòng Sông Amazon và các sông nhánh của nó. Sau khi kết thúc chuyến đi bằng đường thủy này, họ lên các chiếc xe đò để đi thêm ba ngày nữa, hành trình —trên những con đường gập ghềnh, với rất ít thức ăn và không có chỗ nào thoải mái để ngủ. Sau bảy ngày bảy đêm, họ đến đền thờ ở Sao Paulo, nơi đó họ thực hiện các giáo lễ có tính chất vĩnh cửu. Dĩ nhiên, chặng đường về của họ cũng khó khăn không kém. Tuy nhiên, họ đã nhận được các giáo lễ và phước lành của đền thờ, và mặc dù hết tiền, nhưng họ được tràn đầy tinh thần đền thờ cũng như lòng biết ơn về các phước lành họ đã nhận được.² Giờ đây, nhiều năm sau, các tín hữu của chúng ta ở Manaus hân hoan khi nhìn thấy đền thờ của họ đang được xây cất trên bờ Sông Rio Negro. Đền thờ mang niềm vui đến cho các tín hữu trung thành của chúng ta ở bất cứ nơi nào có đền thờ.



Những câu chuyện kể về sự hy sinh để nhận được các phước lành chỉ được thấy trong các đền thờ của Thượng Đế bao giờ cũng làm tôi xúc động và mang đến cho tôi một cảm giác mới mẻ về lòng biết ơn dành cho đền thờ.

Tôi xin chia sẻ với các anh chị em một câu chuyện về Tihi và Tararaina Mou Tham cùng 10 đứa con của họ. Cả gia đình đó, ngoại trừ một đứa con gái, gia nhập Giáo Hội đầu thập niên 1960 khi những người truyền giáo đến đảo của họ nằm cách khoảng 160 kilômét ở phía nam Tahiti. Chẳng bao lâu, họ bắt đầu mong muốn nhận được các phước lành của gia đình vĩnh cửu được gắn bó trong đền thờ.

Vào lúc đó, ngôi đền thờ gần nhất đối với gia đình Mou Tham là Đền Thờ Hamilton New Zealand, cách hơn 4.000 kilômét về phía tây nam, chỉ có thể đi bằng máy bay và rất tốn kém. Gia đình đông con Mou Tham sống đạm bạc với thu hoạch ít ỏi từ một đồn điền nhỏ, không có tiền mua vé máy bay cũng không có cơ hội làm việc trên đảo Thái Bình

Dương của họ. Vậy nên, Anh Mou Tham và con trai của anh là Gerard đã chọn một quyết định khó khăn để đi 4.800 kilômét đến làm việc ở New Caledonia, là nơi một đứa con trai khác đang làm việc.

Ba người đàn ông trong gia đình Mou Tham làm việc bốn năm. Trong bốn năm đó, Anh Mou Tham một mình trở về nhà chỉ một lần duy nhất để dự hôn lễ của một đứa con gái.

Sau bốn năm, Anh Mou Tham và hai đứa con trai của anh đã dành dụm đủ tiền để mang gia đình đi đến đền thờ New Zealand. Mọi người trong gia đình là tín hữu đều đi ngoại trừ một đứa con gái đang mang thai. Họ được làm lễ gắn bó cho thời tại thế lần thời vĩnh cửu, một kinh nghiệm đầy vui mừng, không sao kể xiết.

Anh Mou Tham đi từ đền thờ thẳng đến New Caledonia, nơi đó anh làm việc thêm hai năm nữa để trả tiền cho đứa con gái đã không vào đền thờ với họ lần trước—đứa con gái đã lập gia đình, cùng với chồng con của cô ấy.

Trong những năm tuổi già của họ,



Anh Chị Mou Tham mong muốn phục vụ trong đền thờ. Vào lúc đó, Đền Thờ Papeete Tahiti đã được xây cất và làm lễ cung hiến, và họ đã phục vụ truyền giáo bốn lần ở đó.³

Thưa các anh chị em, đền thờ còn có ý nghĩa nhiều hơn là đá và hồ. Đền thờ đây ấp những người nhịn ăn và có đức tin. Đền thờ được xây cất với những thử thách và chứng ngôn. Đền thờ được thánh hóa bởi sự hy sinh và phục vụ.

Ngôi đền thờ đầu tiên được xây cất vào gian kỳ này là đền thờ ở Kirtland, Ohio. Vào lúc đó, Các Thánh Hữu rất nghèo khổ, nhưng Chúa đã truyền lệnh phải xây cất một đền thờ, vậy nên họ đã xây cất đền thờ. Anh Cả Heber C. Kimball viết về kinh nghiệm này: “Chỉ có Chúa mới biết được cảnh nghèo khó, khổ cực và khốn cùng chúng tôi đã trải qua để hoàn tất đền thờ.”⁴ Và rồi, sau khi đã cần cù hoàn thành tất cả mọi điều, Các Thánh Hữu bị bắt buộc phải rời bỏ Ohio và ngôi đền thờ yêu quý của họ. Cuối cùng, họ tìm ra nơi trú ẩn—mặc dù sẽ chỉ là tạm bợ—trên bờ Sông Mississippi ở tiểu bang Illinois. Họ đặt tên cho nơi tạm trú của họ là Nauvoo và sẵn sàng hy sinh tất cả một lần nữa, và với đức tin nguyên vẹn, họ xây lên một đền thờ khác cho Thượng Đế. Tuy nhiên, với Đền Thờ Nauvoo mới vừa hoàn tất, cảnh ngược đãi xảy ra và họ bị đuổi ra khỏi nhà một lần

nữa, rồi tìm kiếm nơi trú ẩn trong một sa mạc mà không một ai khác muốn ở.

Một lần nữa, họ vất vả và hy sinh khi lao nhọc trong bốn mươi năm để xây lên Đền Thờ Salt Lake. Ngôi đền thờ uy nghi đó nằm trên con đường ở ngay phía nam của Trung Tâm Đại Hội nơi chúng ta quy tụ ngày hôm nay.

Một mức độ hy sinh nào đó đã từng gắn liền với việc xây cất đền thờ và tham dự đền thờ. Vô số tín hữu đã lao nhọc và vất vả để nhận được các phước lành được tìm thấy trong đền thờ của Thượng Đế dành cho mình cũng như gia đình mình.

Tại sao có rất nhiều người sẵn lòng hy sinh nhiều như vậy để nhận được các phước lành của đền thờ? Những người hiểu được các phước lành vĩnh cửu đến từ đền thờ đều biết rằng không có một sự hy sinh nào quá lớn lao, không có một cái giá nào quá cao, không có nỗi vất vả nào quá khó khăn để nhận được các phước lành đó. Họ sẵn lòng đi bất cứ chặng đường nào, khắc phục bất cứ trở ngại nào hoặc chịu đựng bất cứ điều gì bất tiện. Họ hiểu rằng các giáo lễ cứu rỗi nhận được trong đền thờ cho phép chúng ta trở về với Cha Thiên Thượng một ngày nào đó trong mối quan hệ gia đình vĩnh cửu, và được ban cho các phước lành và quyền năng từ trên cao, điều này rất đáng bỏ công cho mọi hy sinh và mọi nỗ lực.

Ngày nay, đa số chúng ta đều không phải gánh chịu nỗi gian khổ gay go để tham dự đền thờ. Tuy nhiên, với Đền Thờ Nauvoo mới vừa hoàn tất, cảnh ngược đãi xảy ra và họ bị đuổi ra khỏi nhà một lần nữa, rồi tìm kiếm nơi trú ẩn trong một sa mạc mà không một ai khác muốn ở.

Nếu các anh chị em đã đi đền thờ cho bản thân mình, và nếu sống khá gần một đền thờ, thì sự hy sinh của các anh chị em có thể là dành ra thời giờ trong cuộc sống bận rộn của mình để đi đền thờ thường xuyên. Nhiều điều cần được thực hiện trong đền thờ của chúng ta thay cho những người đã qua đời. Khi làm công việc thay cho họ, chúng ta sẽ biết rằng mình đã thực hiện cho họ điều họ không thể tự làm được. Chủ Tịch Giáo Hội Joseph F. Smith đã tuyên bố mạnh mẽ rằng: “Qua các nỗ lực của chúng ta thay cho họ, những xiềng xích nô lệ của họ sẽ được cởi bỏ, và bóng tối xung quanh họ sẽ bị xua tan để ánh sáng có thể chiếu rọi lên họ và trong thế giới linh hồn họ sẽ nghe về công việc đã được con cái họ ở nơi đây thực hiện cho họ, và họ sẽ vui mừng với các anh chị em trong việc hoàn thành nhiệm vụ này của các anh chị em.”⁵ Thưa các anh chị em, chúng ta phải làm công việc đó của mình.

Trong gia đình tôi, một số kinh nghiệm thiêng liêng và trân quý nhất của chúng tôi đã xảy ra khi chúng tôi cùng nhau ở trong đền thờ để thực



hiện các giáo lễ gắn bó cho các tổ tiên đã qua đời của mình.

Nếu các anh chị em chưa đi đền thờ, hoặc nếu đã đi đền thờ, nhưng hiện nay không hội đủ điều kiện để có được giấy giới thiệu đi đền thờ, thì mục tiêu quan trọng nhất đối với các anh chị em để cố gắng đạt được là sống xứng đáng để đi đền thờ. Sự hy sinh của các anh chị em có thể là làm cho cuộc sống của mình phù hợp với điều đòi hỏi để nhận được giấy giới thiệu đi đền thờ, có lẽ bằng cách từ bỏ những thói quen lâu đời khiến các anh chị em không đủ tư cách để nhận giấy giới thiệu đi đền thờ. Điều đó có thể là các anh chị em cần có đức tin và kỷ luật để đóng tiền thập phân. Dù đó là điều gì đi nữa thì hãy cố gắng hội đủ điều kiện để vào đền thờ của Thượng Đế. Hãy có được giấy giới thiệu đi đền thờ và xem đó là một tài sản quý báu vì nó thật là như vậy.

Các anh chị em sẽ không nhận được tất cả những gì mà Giáo Hội dành cho mình cho đến khi các anh chị em vào Nhà của Chúa và nhận được tất cả mọi phước lành đang chờ đợi mình trong đó. Các phước lành quan trọng và cao quý nhất của vai trò tín hữu trong Giáo Hội là các phước lành mà chúng ta nhận được trong đền thờ của Thượng Đế.

Giờ đây, các bạn trẻ thân mến của tôi, là những người đang trong tuổi niên thiếu, hãy luôn luôn đặt đền thờ làm mục tiêu của các em. Đừng làm điều gì mà sẽ ngăn cản các em vào đền thờ và dự phần vào các phước lành thiêng liêng và vĩnh cửu ở đó. Tôi khen ngợi các em nào thường xuyên đi đến đền thờ để làm phép báp têm thay cho người chết, thức dậy sáng sớm để có thể tham dự vào những lễ báp têm như vậy trước khi đi học. Tôi không thể nghĩ ra cách nào tốt hơn để bắt đầu một ngày mới.

Cùng cha mẹ của các trẻ nhỏ, tôi xin chia sẻ với các anh chị em một lời khuyên khôn ngoan từ Chủ Tịch Spencer W. Kimball. Ông nói: “Rất là tốt nếu . . . cha mẹ có trong mỗi phòng ngủ trong nhà mình một tấm hình đền thờ để [con cái của họ] từ lúc [chúng còn] thơ ấu, có thể nhìn vào tấm hình mỗi ngày [cho đến khi] tấm



hình này trở thành một phần của cuộc sống [của chúng]. Khi [chúng] đến tuổi để [chúng] cần chọn quyết định rất quan trọng [về việc đi đền thờ], thì quyết định đó đã chọn xong rồi.”⁶

Trẻ em của chúng ta hát trong Hội Thiểu Nhi:

*Tôi thích thấy đền thờ,
Một ngày nào đó, tôi sẽ đi vào bên
trong đền thờ.
Tôi sẽ giao ước với Đức Chúa Cha;
Tôi sẽ hứa vâng lời.*⁷

Tôi khẩn nài với các anh chị em hãy giảng dạy con cái mình về tầm quan trọng của đền thờ.

Thế gian có thể là một chỗ gay go và khó khăn để sống. Chúng ta thường bị vây quanh bởi những điều sẽ làm chúng ta suy đồi. Khi các anh chị em và tôi đi đến ngôi nhà thánh của Thượng Đế, nếu ghi nhớ các giao ước chúng ta lập ở bên trong đền thờ, thì chúng ta sẽ có thể dễ dàng chịu đựng mọi thử thách và khắc phục mọi cám dỗ. Trong chốn thánh này, chúng ta sẽ tìm thấy bình an; chúng ta sẽ được đổi mới và củng cố.

Thưa các anh chị em, giờ đây, tôi xin được đề cập đến một đền thờ nữa trước khi tôi kết thúc. Trong tương lai rất gần, khi các ngôi đền thờ mới được xây cất trên khắp thế giới, một đền thờ sẽ được xây cất trong một

thành phố được thành lập cách đây hơn 2.500 năm. Tôi nói về ngôi đền thờ giờ đây đang được xây cất ở thành phố Rome, nước Ý.

Mỗi đền thờ là nhà của Thượng Đế, có đầy đủ chức năng, các phước lành và giáo lễ giống nhau. Đền Thờ Rome, Italy, độc nhất vô nhị, sẽ được xây cất ở một địa điểm có ý nghĩa lịch sử nhất trên thế giới, ở thành phố nơi mà các sử đồ thời xưa là Phi E Rơ và Phao Lô đã rao giảng phúc âm của Đấng Ky Tô và nơi mà mỗi sử đồ đã tuần đạo.

Tháng Mười năm ngoái, trong khi chúng tôi họp mặt trên khu đất ở vùng quê đẹp đẽ trong góc đông bắc của thành phố Rome, tôi đã có cơ hội dâng lên cầu nguyện cung hiến khi chúng tôi chuẩn bị làm lễ động thổ. Tôi cảm thấy có ấn tượng để mời Thượng Nghị Sĩ Ý Lucio Malan và vị phó thị trưởng thành phố Rome Giuseppe Ciardi ở trong số những người đầu tiên xúc một xẻng đất. Mỗi vị ấy đã góp phần vào quyết định cho phép chúng ta xây cất một đền thờ trong thành phố của họ.

Ngày hôm đó trời u ám nhưng âm áp, và mặc dù có thể có mưa, nhưng chỉ có vài giọt mưa rơi xuống. Trong khi ca đoàn kỳ diệu hát bằng tiếng Ý bài thánh ca tuyệt vời “Thánh Linh của Thượng Đế,” thì mọi người đều có thể cảm thấy thể như trời và đất cùng hòa nhịp với bài thánh ca tuyệt vời với lời

ngợi khen và lòng biết ơn Thượng Đế Toàn Năng. Không mọi ai có thể cầm được nước mắt.

Vào một ngày sắp tới, những người trung tín trong Thành Phố Vĩnh Cửu này sẽ nhận được các giáo lễ có tính chất vĩnh cửu trong Ngôi Nhà thánh của Thượng Đế.

Tôi bày tỏ lòng biết ơn vĩnh viễn của mình lên Cha Thiên Thượng về ngôi đền thờ giờ đây đang được xây cất ở thành phố Rome và về tất cả mọi đền thờ của chúng ta, các đền thờ ở bất cứ nơi đâu. Mỗi một đền thờ đứng làm ngọn hải đăng cho thế gian, là cách bày tỏ chứng ngôn của chúng ta rằng Thượng Đế Đức Chúa Cha Vĩnh Cửu hằng sống, Ngài mong muốn ban phước cho chúng ta và quả thật, ban phước cho các con trai và con gái của Ngài trong mọi thế hệ. Mỗi ngôi đền thờ của chúng ta là một cách bày tỏ chứng ngôn của chúng ta rằng cuộc sống mai sau là có thật và chắc chắn như cuộc sống ở nơi đây trên thế gian. Tôi làm chứng như vậy.

Các anh chị em thân mến, cầu xin cho chúng ta thực hiện bất cứ sự hy sinh nào cần thiết để tham dự đền thờ và có được tình thần đền thờ trong lòng và trong nhà của chúng ta. Cầu xin cho chúng ta đi theo Chúa và Đấng Cứu Rỗi của chúng ta, Chúa Giê Su Kỵ Tô, là Đấng đã hy sinh tội ác cho chúng ta, để chúng ta có thể có được cuộc sống vĩnh cửu và sự tôn cao trong vương quốc của Cha Thiên Thượng. Đây là lời cầu nguyện chân thành của tôi và tôi dâng lên lời cầu nguyện này, trong tôn danh của Đấng Cứu Rỗi, Chúa Giê Su Kỵ Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Joseph F. Smith, trong Conference Report, tháng Mười năm 1902, 3.
2. Xin xem Wilson Felipe Santiago và Linda Ritchie Archibald, "From Amazon Basin to Temple," *Church News*, ngày 13 tháng Ba năm 1993, 6.
3. Xin xem C. Jay Larson, "Temple Moments: Impossible Desire," *Church News*, ngày 16 tháng Ba năm 1996, 16.
4. Heber C. Kimball, trong Orson F. Whitney, *Life of Heber C. Kimball* (1945), 67.
5. *Những Lời Giảng Dạy của Các Vị Chủ Tịch Giáo Hội: Joseph F. Smith* (1998), 247.
6. *The Teachings of Spencer W. Kimball*, do Edward L. Kimball biên tập (1982), 301.
7. Janice Kapp Perry, "I Love to See the Temple," *Children's Songbook*, 95.



Bài của Anh Cả Richard G. Scott

Thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ

Các Phước Lành Vĩnh Cửu của Hôn Nhân

Lễ gắn bó trong đền thờ có được ý nghĩa lớn lao hơn khi các anh chị em có kinh nghiệm thêm về cuộc sống. Lễ này sẽ giúp các anh chị em đến gần hơn với nhau mãi mãi cũng như tìm thấy niềm vui và sự mãn nguyện lớn lao.

Tôi nghĩ sứ điệp tuyệt vời đó do ca đoàn tuyệt diệu này mô tả là mẫu mực sống đối với nhiều người chúng ta: "cố gắng được giống như Chúa Giê Su."

Vào ngày 16 tháng Bảy năm 1953, Jeanene yêu quý và tôi, một cặp vợ chồng trẻ đã quỳ xuống tại bàn thờ trong Đền Thờ Manti. Chủ Tịch Lewis R. Anderson sử dụng thẩm quyền gắn bó và tuyên bố chúng tôi là vợ chồng kết hôn trong thời tại thế và suốt thời vĩnh cửu. Tôi không có khả năng để mô tả cảm giác bình an và thanh thản đến từ sự bảo đảm rằng nếu tôi tiếp tục sống xứng đáng, thì tôi sẽ sống vĩnh viễn với Jeanene yêu quý và với con cái của chúng tôi nhờ vào giáo lễ thiêng liêng đó đã được thực hiện với thẩm quyền chức tư tế thích đáng trong nhà của Chúa.

Bây giờ con đã được gắn bó với chúng tôi qua các giáo lễ thiêng liêng

của đền thờ. Jeanene, người vợ yêu quý và hai trong số các con của chúng tôi đã qua đời. Họ mang đến động cơ thúc đẩy mạnh mẽ cho mỗi người còn lại trong gia đình để sống sao cho chúng tôi có thể cùng nhau nhận được tất cả các phước lành vĩnh cửu đã được hứa trong đền thờ.

Hai nền tảng thiết yếu hỗ trợ kế hoạch hạnh phúc của Cha Thiên Thượng là hôn nhân và gia đình. Ý nghĩa cao quý của hai nền tảng này đã bị các nỗ lực liên tục của Sa Tan nhắm vào để phá vỡ gia đình và làm suy yếu ý nghĩa của các giáo lễ đền thờ đang ràng buộc gia đình lại với nhau trong thời vĩnh cửu. Lễ gắn bó trong đền thờ có được ý nghĩa lớn lao hơn khi các anh chị em có kinh nghiệm thêm về cuộc sống. Lễ này sẽ giúp các anh chị em đến gần hơn với nhau mãi mãi và tìm thấy niềm vui và sự mãn nguyện lớn lao trên trần thế.

Có lần tôi đã học được một bài học quan trọng từ vợ tôi. Do nghề nghiệp, tôi đi công tác rất nhiều. Tôi đã đi xa gần hai tuần và trở về nhà vào một sáng thứ Bảy. Tôi có bốn giờ đồng hồ trước khi phải đi dự một buổi họp khác. Tôi nhận thấy cái máy giặt nhỏ của chúng tôi bị hư và vợ tôi đang giặt đồ bằng tay. Tôi bắt đầu sửa cái máy đó.

Jeanene đến gần và nói: “Rich, anh đang làm gì đó?”

Tôi nói: “Anh đang sửa cái máy giặt để em không phải giặt bằng tay.”

Vợ tôi nói: “Không anh ơi, hãy ra chơi với các con đi.”

Tôi nói: “Anh có thể chơi với chúng bất cứ lúc nào. Anh muốn giúp em mà.”

Rồi vợ tôi nói: “Richard, làm ơn ra chơi với các con đi.”

Khi vợ tôi nói với tôi như ra lệnh thì tôi vâng theo.

Tôi đã có một thời gian tuyệt vời với con cái của chúng tôi. Chúng tôi chạy đuổi bắt nhau và nằm lăn trên đồng lá mùa thu. Sau đó, tôi đi họp. Có lẽ tôi đã quên kinh nghiệm đó nếu đó không phải là bài học mà vợ tôi muốn tôi phải học.

Sáng hôm sau, khoảng 4 giờ sáng, tôi bị đánh thức khi cảm thấy có hai cánh tay nhỏ bé quàng vào cổ, một cái hôn trên má và những lời này thì thào vào tai mà tôi sẽ không bao giờ quên được: “Cha ơi, con thương cha. Cha là người bạn thân nhất của con.”

Nếu các anh chị em có được kinh nghiệm như thế với gia đình mình, thì các anh chị em đang có một trong những niềm vui thiêng liêng nhất của cuộc sống.

Nếu các em là một thanh niên thuộc vào độ tuổi lập gia đình nhưng chưa kết hôn, thì đừng lãng phí thì giờ cho những cuộc đeo đuổi vô ích. Hãy tiếp tục sống và tập trung vào việc kết hôn. Hãy tích cực theo đuổi các mục tiêu ngay chính trong cuộc sống này. Các em thanh niên, hãy phục vụ truyền giáo một cách xứng đáng. Rồi đặt ưu tiên cao nhất của mình là tìm kiếm một người bạn đời vĩnh cửu xứng đáng. Khi các em nhận thấy mình đang thích một thiếu nữ, thì hãy cho cô ấy thấy rằng mình là



một người đặc biệt mà cô ấy sẽ có hứng thú để tìm hiểu rõ hơn. Hãy đưa cô ấy đến những nơi lành mạnh. Hãy trở tài cho cô ấy thấy. Nếu muốn có một người vợ tuyệt vời, các em cần phải để cho cô ấy thấy mình là một người đàn ông tuyệt diệu và một người chồng tương lai.

Nếu đã tìm ra một người nào đó, thì các em có thể tạo ra một khoảng thời gian tìm hiểu và cuộc hôn nhân thật tuyệt vời, và các em sẽ được vô cùng hạnh phúc vĩnh viễn khi ở trong vòng ranh giới của sự xứng đáng mà Chúa đã đề ra.

Nếu đã lập gia đình, các anh chị em có chung thủy với người phối ngẫu của mình về mặt tình cảm lẫn về thể xác không? Các anh chị em có trung thành với các giao ước hôn

nhân của mình không? Các anh chị em có bao giờ trò chuyện với một người nào khác mà không muốn người phối ngẫu của mình nghe được không? Các anh chị em có nhân từ và hỗ trợ người phối ngẫu và con cái của mình không?

Thưa các anh em, các anh em có hướng dẫn trong những sinh hoạt gia đình như học thánh thư, cầu nguyện chung gia đình và buổi họp tối gia đình không hay là vợ của các anh em phải làm các bốn phận mà các anh em đã không làm vì thiếu quan tâm trong nhà? Các anh em có thường nói với vợ mình là các anh em yêu vợ mình biết bao không? Điều này sẽ làm cho người vợ vô cùng hạnh phúc. Khi tôi nói với những người đàn ông về điều đó, thì họ nói với tôi: “Ồ, vợ tôi biết rồi mà.” Các anh em cần phải nói cho vợ mình biết. Một người phụ nữ sẽ tăng trưởng và được ban phước dồi dào hơn bởi lời nói trấn an đó. Hãy bày tỏ lòng biết ơn về điều mà người phối ngẫu làm cho mình. Hãy thường xuyên bày tỏ tình yêu thương và lòng biết ơn đó. Điều đó sẽ làm cho cuộc sống phong phú, thú vị và có ý nghĩa hơn. Đừng kiếm chế những cách bày tỏ tình yêu tự nhiên đó. Và việc các anh em ôm vợ mình vào lòng trong khi nói lời yêu thương thì càng hữu hiệu hơn nữa.

Tôi học được từ vợ tôi tầm quan trọng của những cách biểu lộ. Khi chúng tôi mới hết hôn, tôi thường mở thánh thư của mình ra để đưa ra một sứ điệp, rồi tôi thường bắt gặp một bức thư ngắn đầy âu yếm và hỗ trợ mà Jeanene đã kẹp vào giữa các trang giấy. Đôi khi, các bức thư ngắn này rất dịu dàng đến nỗi tôi khó có thể tiếp tục nói chuyện. Những bức thư ngắn này từ một người vợ yêu quý đã và vẫn tiếp tục là một niềm an ủi và soi dẫn vô giá.

Tôi cũng bắt đầu làm như vậy đối với vợ tôi, mà không biết rằng những lá thư ngắn này có ý nghĩa biết bao đối với bà. Tôi còn nhớ một năm nọ, chúng tôi không có đủ tiền để tôi tặng bà một món quà nhân dịp lễ Tình Yêu, nên tôi quyết định vẽ một bức tranh bằng màu nước lên trên mặt trước cánh cửa tủ lạnh. Tôi đã vẽ với hết khả



năng của mình nhưng tôi đã mắc phải một lỗi. Đó là loại sơn dùng để tráng men chứ không phải màu nước. Vợ tôi không bao giờ để cho tôi cố gắng xóa đi bức tranh cổ định đó.

Tôi nhớ một ngày nọ, tôi lấy một vài mẫu giấy hình tròn nhỏ từ tờ giấy được đục lỗ ra và viết lên trên đó các con số từ 1 đến 100. Tôi lật ra mặt sau của mỗi mẫu giấy tròn đó, viết một bức thư ngắn cho bà, mỗi mẫu giấy hình tròn là một chữ. Rồi tôi gộp chúng lại và cho hết vào một cái phong bì. Tôi nghĩ rằng bà sẽ vui thích lắm.

Khi bà qua đời, tôi đã thấy trong những đồ đạc cá nhân của bà những lá thư ngắn giản dị chúng tôi đã chia sẻ với nhau mà bà đã quý trọng biết bao. Tôi thấy rằng bà đã cẩn thận dán mỗi một mẫu giấy hình tròn đó lên trên một tờ giấy. Không những bà đã giữ những bức thư ngắn của tôi mà bà còn bảo vệ chúng bằng vỏ bọc nhựa thể như chúng là một kho báu quý giá. Chỉ có một lá thư ngắn bà đã không để chung với mấy lá thư ngắn khác. Lá thư đó vẫn còn nằm ở sau mặt kính của cái đồng hồ trong nhà bếp của chúng tôi. Lá thư ngắn đó có viết như sau: "Jeanene ơi, đã đến lúc để anh nói rằng anh yêu em." Lá thư vẫn còn nằm đấy để nhắc nhở tôi về người con gái đặc biệt đó của Cha Thiên Thượng.

Khi nhìn lại cuộc sống chung của chúng tôi, tôi nhận biết rằng chúng tôi đã được ban phước biết bao. Chưa bao giờ có một cuộc tranh cãi trong nhà chúng tôi, chưa từng có một lời nói tàn nhẫn giữa chúng tôi. Giờ đây, tôi nhận biết rằng phước lành đó có được là nhờ bà. Đó là kết quả từ việc bà sẵn lòng ban phát, chia sẻ và không bao giờ nghĩ đến bản thân mình. Trong cuộc sống chung của chúng tôi về sau, tôi đã cố gắng noi gương bà. Tôi đề nghị rằng các anh chị em là vợ chồng nên làm như vậy trong nhà mình.

Tình yêu thanh khiết là một quyền năng tốt lành, vô song, mạnh mẽ. Tình yêu ngay chính là nền tảng của một cuộc hôn nhân thành công. Đó là nguyên nhân chính yếu của việc con cái được mãn nguyện và được phát triển tốt đẹp. Ai có thể đo lường đúng ảnh hưởng ngay chính của tình mẫu tử? Những kết quả lâu dài nào sẽ nảy sinh từ những hạt mầm lẽ thật mà một người mẹ cẩn thận gieo trồng và ân cần chăm sóc trong vùng đất màu mỡ của tâm trí đứa con luôn tin cậy? Là người mẹ, các chị em đã được Chúa ban cho bản năng thiêng liêng để giúp cảm nhận được tài năng đặc biệt và khả năng độc đáo của con mình. Cùng với chồng của mình, các chị em có thể nuôi dưỡng, củng cố và làm cho

các đặc tính đó phát triển.

Hôn nhân thật là đầy thỏa mãn. Hôn nhân thật là tuyệt vời. Với thời gian, các anh chị em bắt đầu suy nghĩ giống nhau, có cùng những ý tưởng và ấn tượng như nhau. Các anh chị em có những lúc vô cùng hạnh phúc, cũng có những lúc thử thách và gian nan, nhưng Chúa hướng dẫn các anh chị em cùng nhau vượt qua tất cả những kinh nghiệm để tăng trưởng đó.

Một đêm nọ, Richard, đứa con trai nhỏ của chúng tôi, bị bệnh tim thức giấc và khóc. Hai chúng tôi đều nghe nó khóc. Thường thường vợ tôi luôn luôn ngồi dậy đi lo cho đứa bé đang khóc nhưng lần này, tôi nói: "Anh sẽ lo cho nó."

Vì bệnh tình của nó, nên khi nó bắt đầu khóc, quả tim nhỏ bé của nó đập rất nhanh. Nó nôn mửa và làm dơ bẩn giường chiếu. Đêm hôm đó, tôi bế chặt nó vào lòng để cố gắng làm dịu bớt nhịp đập của quả tim và làm cho nó ngừng khóc trong khi tôi thay quần áo cho nó và trải tấm trải giường mới. Tôi bế nó vào lòng cho đến khi nó ngủ. Lúc bấy giờ, tôi đã không biết rằng nó sẽ qua đời chỉ trong một vài tháng sau đó. Tôi sẽ luôn luôn nhớ là tôi đã bế nó trong vòng tay mình vào lúc nửa khuya đêm đó.

Tôi còn nhớ rất rõ cái ngày nó qua đời. Khi Jeanene và tôi lái xe về nhà từ bệnh viện, chúng tôi đã tắt xe vào bên lề đường. Tôi ôm vợ tôi vào lòng. Mỗi người chúng tôi khóc một chút, nhưng chúng tôi biết rằng chúng tôi sẽ có đứa con đó ở bên kia bức màn che vì chúng tôi đã lập các giao ước trong đền thờ. Điều đó đã làm cho việc mất nó có phần dễ dàng hơn để chấp nhận.

Lòng nhân từ của Jeanene đã dạy cho tôi rất nhiều điều quý báu. Tôi thì chưa chín chắn còn bà thì rất có kỷ luật và có Thánh Linh. Hôn nhân mang đến một bối cảnh lý tưởng để khắc phục bất cứ khuynh hướng ích kỷ hoặc tự mãn nào. Tôi nghĩ một trong các lý do mà chúng ta được khuyến nhủ phải kết hôn sớm trong đời là để tránh việc phát triển các tính nết khó thay đổi.

Tôi lấy làm tiếc cho anh em nào chưa lựa chọn điều đó để tìm kiếm một người bạn đời vĩnh cửu và lòng tôi buồn bã cho các chị em chưa có cơ hội kết hôn. Một số các anh chị em có thể cảm thấy cô đơn, không được đánh giá cao và không thể thấy được làm thế nào để có thể có được các phước lành của hôn nhân và con cái hoặc gia đình của mình. Tất cả mọi điều đều có thể thực hiện được đối với Chúa, và Ngài giữ lời hứa mà Ngài đã soi dẫn cho các vị tiên tri của Ngài để tuyên bố. Thời vĩnh cửu là một thời kỳ rất dài. Hãy có đức tin nơi những lời hứa đó, và sống xứng đáng với những lời hứa đó để đến kỳ định của Chúa, Ngài có thể làm cho những lời hứa đó trở thành sự thật trong cuộc sống của các anh chị em. Các anh chị em chắc chắn sẽ nhận được mỗi phước lành đã được hứa vì các anh chị em xứng đáng với phước lành đó.

Tôi xin lỗi vì đã nói về người vợ yêu quý của mình là Jeanene, nhưng chúng tôi là một gia đình vĩnh cửu. Vợ tôi luôn luôn vui vẻ, hạnh phúc và đa số những điều ấy có được từ việc phục vụ những người khác. Mặc dù trong khi đang bệnh nặng, nhưng trong lời cầu nguyện buổi sáng của mình, bà thường cầu xin Cha Thiên Thượng hướng dẫn bà đến một người nào đó mà bà có thể giúp đỡ. Lời cầu nguyện chân thành đó đã nhiều lần được đáp ứng. Gánh nặng của nhiều người đã được làm cho dễ chịu, cuộc sống của họ đã được sáng lạn. Bà đã được ban phước liên tục để làm một công cụ do Chúa hướng dẫn.

Tôi biết ý nghĩa của việc yêu thương một người con gái của Cha Thiên Thượng là người đã sống một cách huy hoàng trọn vẹn trong vai trò phụ nữ ngay chính của mình với ân điển và lòng tận tụy. Tôi tin rằng trong tương lai khi tôi gặp lại bà một lần nữa ở bên kia bức màn che, chúng tôi sẽ nhận ra rằng chúng tôi yêu nhau thấm thiết hơn. Chúng tôi sẽ còn biết ơn nhau nhiều hơn nữa sau khi đã sống xa cách nhau bởi bức màn che. Trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■



Bài của Anh Cả D. Todd Christofferson
Thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ

“Phàm Những Kẻ Ta Yêu thì Ta Quở Trách Sửa Phạt”

Chính là kinh nghiệm chịu đựng sự sửa phạt mới có thể cải tiến và chuẩn bị chúng ta cho những đặc ân thuộc linh lớn lao hơn.

Cha Thiên Thượng là Thượng Đế với nhiều kỳ vọng nơi chúng ta. Những kỳ vọng của Ngài nơi chúng ta được Vị Nam Tử của Ngài là Chúa Giê Su Ky Tô bày tỏ bằng những lời này: “Ta muốn các người phải được toàn hảo như ta, hay như Cha các người trên trời là toàn hảo vậy” (3 Nê Phi 12:48). Ngài dự định làm cho chúng ta được thánh thiện để chúng ta có thể “đương nổi vinh quang thượng thiên” (GLGU 88:22) và “ở nơi hiện diện của Ngài” (Môi Se 6:57). Ngài biết điều gì cần thiết, vậy nên Ngài ban cho các giáo lệnh và giao ước của Ngài, ân tứ Đức Thánh Linh và quan trọng hơn hết, là Sự Chuộc Tội và Sự Phục Sinh của Con Trai Yêu Dấu của Ngài để làm cho chúng ta có thể thay đổi được.

Trong tất cả điều này, mục đích của Thượng Đế là chúng ta, con cái của Ngài, có thể kinh nghiệm được niềm vui tốt bụng, được ở với Ngài vĩnh viễn và trở thành giống như Ngài vậy. Cách đây vài năm, Anh Cả

Dallin H. Oaks giải thích: “Sự Phán Xét Cuối Cùng không phải chỉ để đánh giá tất cả những hành động tốt và xấu những điều chúng ta đã làm, mà là việc nhìn nhận kết quả cuối cùng trong hành động và ý nghĩ của chúng ta—là con người chúng ta đã trở thành. Một người nào đó chỉ hành động thôi nhưng không thành tâm, thì không đủ. Các giáo lệnh, giáo lễ và giao ước của phúc âm không phải là bản liệt kê những ngân quỹ cần có trong một tài khoản nào đó ở thiên thượng. Phúc âm của Chúa Giê Su Ky Tô là kế hoạch cho chúng ta thấy cách trở thành con người mà Cha Thiên Thượng mong muốn.”¹

Đáng buồn thay, hầu hết các Ky Tô giáo thời cận đại không nhìn nhận rằng Thượng Đế đưa ra những đòi hỏi thật sự cho những người tin ở Ngài, thay vì thế, họ xem Ngài như là tôi tớ “sẽ đáp ứng nhu cầu của họ khi được gọi đến” hoặc một nhà trị liệu có vai trò giúp người khác “thấy hài lòng về bản thân họ.”² Đó là một quan điểm

về tôn giáo “không nhằm thay đổi con người.”³ “Ngược lại,” có một nhà văn nói rằng: “Thượng Đế được mô tả trong các thánh thư Hê Bơ Rơ lẫn Ky Tô giáo không những đòi hỏi sự cam kết, mà còn cả chính cuộc sống của chúng ta nữa. Thượng Đế trong Kinh Thánh quan tâm đến sự sống và cái chết, chứ không phải sự tế nhị, và đòi hỏi tình yêu thương có hy sinh chứ không phải tùy tiện, sao cũng được.”⁴

Tôi xin nói về một thái độ và lối thực hành đặc biệt mà chúng ta cần phải có nếu chúng ta muốn đáp ứng những kỳ vọng cao của Cha Thiên Thượng. Đây là: sẵn lòng chấp nhận và ngay cả tìm kiếm sự sửa đổi. Sự sửa đổi là thiết yếu nếu chúng ta làm cho cuộc sống của mình phù hợp với “bậc thành nhân, [đó là] được tầm thước vóc giạc trọn vẹn của Đấng Ky Tô” (Ê Phê Sô 4:13). Phao Lô đã nói về sự sửa đổi hoặc sửa phạt thiêng liêng: “Vì Chúa sửa phạt kẻ Ngài yêu” (Hê Bơ Rơ 12:6). Mặc dù thường rất khó để chịu đựng, nhưng thật sự chúng ta phải vui mừng vì Thượng Đế thấy đáng bỏ ra thời giờ và chịu nhiều phiền phức để sửa đổi chúng ta.

Sự sửa phạt thiêng liêng có ít nhất ba mục đích: (1) thuyết phục chúng ta phải hối cải, (2) cải tiến và thánh hóa chúng ta, và (3) đôi khi đổi hướng lộ trình của chúng ta trong cuộc sống thành lộ trình mà Thượng Đế biết là con đường tốt hơn.

Trước hết hãy cân nhắc sự hối cải, điều kiện cần thiết cho sự tha thứ và thanh tẩy. Chúa phán: “Phàm những kẻ ta yêu thì ta quở trách sửa phạt; vậy hãy có lòng sốt sắng, và ăn năn đi” (Khải Huyền 3:19). Ngài phán một lần nữa: “Và dân của ta cần phải được sửa phạt cho đến ngày nào họ biết tuân lời, nếu việc ấy cần phải xảy ra, qua những thống khổ mà họ phải gánh chịu.” (GLGU 105:6; xin xem thêm GLGU 1:27). Trong một điều mặc khải ngày sau, Chúa đã truyền lệnh cho bốn vị lãnh đạo cao cấp trong Giáo Hội phải hối cải (cũng như Ngài có thể truyền lệnh cho nhiều người chúng ta vậy) vì đã không dạy con cái một cách thích hợp “đúng theo các giáo lệnh” và đã không “siêng năng hơn và biết lo lắng hơn cho gia



đình” (xin xem GLGU 93:41–50). Anh của Gia Rết trong Sách Mặc Môn đã hối cải khi Chúa đứng trong mây và nói chuyện với ông “trong ba tiếng đồng hồ. . . và khiển trách ông vì ông đã không nhớ khẩn cầu danh Chúa.” (Ê The 2:14). Vì sẵn lòng đáp ứng theo lời khiển trách nghiêm khắc này, nên về sau anh của Gia Rết được ban cho đặc ân để thấy và được Đấng Cứu Chuộc ở tiền dương thế chỉ dẫn (xin xem Ê The 3:6–20). Lời khiển trách của Thượng Đế đưa đến sự hối cải mà từ đó dẫn đến sự ngay chính (xin xem Hê Bơ Rơ 12:11).

Ngoài việc khuyến khích chúng ta hối cải, chính kinh nghiệm của việc chịu khiển trách có thể cải tiến và chuẩn bị cho chúng ta các đặc ân thuộc linh lớn lao hơn. Chúa phán: “Dân của ta phải được thử thách trong mọi việc, để họ có thể được chuẩn bị sẵn sàng tiếp nhận vinh quang mà ta dành sẵn cho họ, đó là vinh quang của Si Ôn; và ai không chịu sự sửa phạt thì không xứng đáng với vương quốc của ta” (GLGU 136:31). Ở một nơi khác, Ngài phán: “Vì tất cả những kẻ nào không chịu sửa phạt mà trái lại chối bỏ ta, thì không thể được thánh hóa” (GLGU 101:5; xin xem thêm Hê Bơ Rơ 12:10). Như Anh Cả Paul V. Johnson đã nói buổi sáng nay, chúng ta cần phải thận trọng đừng bực bội đối với chính những điều mà giúp mình khoác lên thiên tính.

Các tín đồ của An Ma đã thiết lập một cộng đồng Si Ôn ở Hê Lam, nhưng rồi bị bắt làm nô lệ. Họ không đáng bị đau khổ—mà đáng lẽ phải là

ngược lại—nhưng biên sử chép rằng:

“Tuy nhiên, Chúa thấy cần phải sửa phạt dân Ngài; phải, Ngài thử lòng kiên nhẫn và đức tin của họ.

“Tuy nhiên—bất cứ kẻ nào đặt lòng tin cậy của mình nơi Ngài thì sẽ được nâng cao vào ngày sau cùng. Phải, và đối với dân này là như vậy” (Mô Si A 23:21–22).

Chúa đã củng cố họ và làm nhẹ gánh nặng của họ đến mức mà họ hầu như không cảm thấy gánh nặng đó trên lưng mình, và rồi cuối cùng Ngài giải thoát họ (xin xem Mô Si A 24:8–22). Đức tin của họ được kinh nghiệm của họ củng cố một cách vô hạn, và sau đó họ vĩnh viễn vui hưởng một mối quan hệ đặc biệt với Chúa.

Thượng Đế sử dụng một hình thức khiển trách hoặc sửa phạt khác để hướng dẫn chúng ta đến một tương lai mà chúng ta không hề biết hoặc bây giờ không thể hình dung được, nhưng Chúa biết đó là con đường tốt nhất cho chúng ta. Anh Cả Hugh B. Brown, cựu thành viên của Nhóm Túc Số Mười Hai và cố vấn trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn, đã chia sẻ một kinh nghiệm cá nhân. Cách đây nhiều năm, ông kể lại việc mua một nông trại xập xệ ở Canada. Trong khi dọn dẹp và sửa chữa bất động sản của mình, ông bắt gặp một bụi dâu cao gần hai mét và không có trái, nên ông cẩn thận tỉa xén nó đến mức chỉ còn trơ trọi mấy cái thân cây nhỏ. Rồi ông thấy một giọt nước giống như giọt lệ ở trên đỉnh của các thân cây nhỏ này thể như bụi dâu đang khóc và ông tưởng rằng ông nghe nó nói:

“Tại sao ông làm cho tôi ra nông nổi này? Tôi đang phát triển tốt, . . .

và giờ đây ông cắt cụt tôi đi. Mỗi cây trong vườn sẽ xem thường tôi . . . Tại sao ông làm cho tôi ra nông nổi này? Tôi tưởng rằng ông là người làm vườn ở đây mà.”

Chủ Tịch Brown đáp: “Này, bụi dâu nhỏ kia, ta là người làm vườn ở đây, và ta biết ta muốn người phải như thế nào. Ta không có ý định để cho người thành một cây ăn trái hoặc cây cho bóng mát. Ta muốn người là một bụi dâu, và hồi bụi dâu nhỏ, một ngày nào đó, khi người nặng trĩu trái, người sẽ nói: ‘Cám ơn, Ông Làm Vườn, đã thương tôi nhiều đến mức cắt tôi cụt như vậy.’”

Nhiều năm sau, Chủ Tịch Brown là một sĩ quan cấp tá trong Quân Đội Canada phục vụ ở nước Anh. Khi vị sĩ quan chỉ huy bị tử thương, Chủ Tịch Brown là người kế nhiệm có thể sẽ được thăng cấp tướng, và ông được triệu về London. Nhưng mặc dù ông hoàn toàn có đủ điều kiện để được thăng cấp, ông đã bị từ chối vì ông là người Mặc Môn. Vị tướng chỉ huy chỉ nói rằng: “Anh xứng đáng để được bổ nhiệm, nhưng tôi không thể bổ nhiệm anh được.” Điều mà Chủ Tịch Brown đã mất 10 năm để hy vọng, cầu nguyện và chuẩn bị thì đã tuột mất khỏi tầm tay của ông trong giây phút đó vì sự kỳ thị rất rõ rệt. Tiếp tục câu chuyện của mình, Chủ Tịch Brown nhớ lại:

“Tôi lên xe lửa và bắt đầu đi về . . . với một tâm hồn đau khổ, đắng cay trong lòng. . . . Khi đi đến lều của mình, . . . tôi vút cái mũ lên trên giường. Tôi nắm chặt tay lại và xá xá lên trên trời. Tôi nói: ‘Hỡi Thượng Đế sao Ngài lại làm cho con đến nông nổi này? Con đã cố gắng hết sức làm mọi điều để hội đủ điều kiện. Tất cả những gì—đáng lẽ phải làm—thì con đã làm. Sao Ngài lại làm cho con đến nông nổi này?’ Tôi cảm thấy cay đắng vô cùng.

“Và rồi tôi nghe một tiếng nói, và tôi nhận ra giọng nói này. Đó chính là tiếng nói của tôi, và tiếng nói đó rằng: ‘Ta là người làm vườn ở đây, và ta biết ta muốn người phải làm gì.’ Tôi không còn cảm thấy cay đắng nữa, và tôi quỳ

xuống bên cái giường để xin được tha thứ cho lòng vô ơn của mình. . . .

“ . . . Và giờ đây, gần 50 năm sau, tôi nhìn lên [Thượng Đế] và nói: ‘Cám ơn Ngài Làm Vườn đã cắt cụt tôi, đã thương tôi nhiều đến mức làm cho tôi đau.’”⁵

Thượng Đế biết Hugh B. Brown phải trở thành con người như thế nào và cần phải có điều gì để cho việc đó xảy ra, và Ngài đã đổi hướng lộ trình của ông để chuẩn bị cho ông trong vai trò sứ đồ thánh.

Nếu chúng ta chân thành mong muốn và cố gắng làm tròn những kỳ vọng cao của Cha Thiên Thượng, thì Ngài sẽ chắc chắn rằng chúng ta nhận được tất cả sự giúp đỡ chúng ta cần, cho dù đó là điều an ủi, củng cố hay sửa phạt. Nếu chúng ta sẵn lòng chấp nhận điều đó thì sự sửa đổi cần thiết sẽ đến dưới nhiều hình thức và từ nhiều nguồn gốc. Sự sửa đổi đó có thể đến trong khi chúng ta cầu nguyện và khi Thượng Đế nói với tâm trí của chúng ta qua Đức Thánh Linh (xin xem GLGU 8:2). Sự sửa đổi đó có thể đến dưới hình thức những lời cầu nguyện đã được đáp ứng là “không được,” hoặc trái với điều chúng ta đã mong muốn. Sự sửa phạt có thể đến khi chúng ta học thánh thư và được nhắc nhở về những điều thiếu sót, bất tuân hoặc chỉ là sự xao lãng.

Sự sửa đổi có thể đến qua những người khác, nhất là những người được Thượng Đế soi dẫn để làm cho chúng ta hạnh phúc hơn. Các vị sứ đồ, tiên tri, tộc trưởng, giám trợ và những người khác đã được đặt vào trong Giáo Hội thời nay cũng như thời xưa “để các thánh đồ được trọn vẹn về công việc của chức dịch và sự gây dựng thân thể Đấng Kỳ Tô” (Ê Phê Sô 4:12). Một số điều đã được nói ra trong đại hội này có lẽ là sự kêu gọi các anh chị em phải hỏi cải hoặc thay đổi, mà nếu lưu tâm đến những điều đó thì các anh chị em sẽ được nâng lên cao hơn. Chúng ta có thể giúp đỡ nhau với tư cách là những người đồng tín hữu trong Giáo Hội; đó là một trong những lý do chính mà Đấng Cứu Rỗi thiết lập một giáo hội. Ngay cả khi chúng ta bị những người không kính trọng hay yêu mến chỉ trích với ác ý, thì cũng có



thể là điều hữu ích để chúng ta hiền lành đủ để cân nhắc và suy xét điều gì có thể là lợi ích cho chúng ta.

Sự sửa đổi, hy vọng là sẽ nhẹ nhàng, có thể đến từ người phối ngẫu. Anh Cả Richard G. Scott, là người vừa ngõ lời cùng chúng ta, đã nhớ lại thời kỳ ban đầu trong hôn nhân của ông khi vợ của ông là Jeanene đã khuyên ông nên nhìn thẳng vào người khác khi nói chuyện với họ. Bà nói: “Anh nhìn xuống sàn nhà, lên trần nhà, ngoài cửa sổ, bất cứ nơi nào ngoại trừ nhìn vào mắt họ.” Ông đã chấp nhận lời phê bình nhẹ nhàng đó, và nhờ vậy ông đã trở nên hữu hiệu hơn khi hội ý và làm việc với người khác. Khi phục vụ với tư cách là người truyền giáo toàn thời gian dưới sự hướng dẫn của Chủ Tịch Scott lúc bấy giờ, tôi có thể chứng thực là ông quả thật nhìn thẳng vào mắt người khác trong khi nói chuyện. Tôi cũng có thể nói thêm



rằng khi một người cần được sửa đổi, cái nhìn như vậy có thể thấu hiểu những điều thầm kín.

Cha mẹ cũng có thể và cần phải sửa đổi, ngay cả sửa phạt để con cái họ không bị lệ thuộc vào kẻ nghịch thù và những kẻ ủng hộ nó, đó là những kẻ không có lòng thương xót. Chủ Tịch Boyd K. Packer nhận xét rằng khi một người ở trong vị thế sửa đổi một người khác mà không làm như vậy, thì người ấy đang nghĩ đến bản thân mình. Hãy nhớ rằng lời khiển trách cần phải đưa ra đúng lúc, một cách mạnh mẽ và rõ ràng, “khi được Đức Thánh Linh tác động; rồi sau đó, phải tỏ một tình thương yêu gấp bội đối với người mà người đã khiển trách, kẻ người ấy sẽ xem người là kẻ thù.” (GLU 121:43).

Hãy nhớ rằng nếu chúng ta chống lại không chịu sửa đổi, thì những người khác có thể ngừng không đề nghị chúng ta sửa đổi nữa cho dù họ yêu thương chúng ta. Nếu chúng ta nhiều lần không làm theo sự sửa phạt của Thượng Đế nhân từ, thì Ngài cũng sẽ ngừng không làm nữa. Ngài đã phán: “Thánh Linh của ta không phải lúc nào cũng tranh đấu với loài người” (Ê The 2:15). Cuối cùng, hầu hết sự

sửa phạt của chúng ta cần phải đến từ bản thân mình—chúng ta cần trở nên tự sửa đổi. Một trong số các cách mà người bạn đồng sự yêu dấu đã quá cố của chúng tôi, Anh Cả Joseph B. Wirthlin đã trở thành một môn đồ thanh khiết và khiêm nhường như vậy, là bằng cách phân tích việc ông thi hành mọi công việc chỉ định và nhiệm vụ. Trong ước muốn của mình để làm hài lòng Thượng Đế, ông đã quyết tâm học hỏi điều ông đáng lẽ đã làm giỏi hơn và rồi siêng năng áp dụng mỗi bài học nhận được.

Tất cả chúng ta đều có thể làm tròn những kỳ vọng cao của Thượng Đế bất kể khả năng và tài năng của chúng ta lớn hay nhỏ. Mô Rô Ni quả quyết: “Nếu các ngươi chối bỏ được tất cả mọi sự không tin kính cùng yêu mến Thượng Đế với tất cả năng lực, tâm trí và sức mạnh, thì ân điển của [Đấng Ky Tô] sẽ đủ cho các ngươi, để nhờ ân điển của Ngài mà các ngươi có thể được toàn thiện trong Đấng Ky Tô” (Mô Rô Ni 10:32). Chính vì nỗ lực siêng năng, tận tụy về phần chúng ta mang đến ân điển làm cho có quyền năng và khả năng này, là một nỗ lực chắc chắn gồm có việc vâng phục sự sửa phạt của Thượng Đế cũng như sự hối cải chân

thành và hoàn toàn. Chúng ta hãy cầu nguyện để có được sự sửa đổi đầy soi dẫn và yêu thương của Ngài.

Cầu xin Thượng Đế giúp đỡ các anh chị em trong khi các anh chị em cố gắng đáp ứng những kỳ vọng cao của Ngài, và cầu xin Ngài ban cho các anh chị em hạnh phúc và sự bình an trọn vẹn đến một cách tự nhiên từ việc đáp ứng những kỳ vọng của Ngài. Tôi biết rằng các anh chị em và tôi có thể trở nên hiệp một với Thượng Đế và Đấng Ky Tô. Tôi xin khiêm nhường và tin tưởng làm chứng về Cha Thiên Thượng và Con Trai Yêu Quý của Ngài cũng như tiềm năng vui mừng chúng ta có được là nhờ vào hai Ngài, trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Dallin H. Oaks, “Sự Thử Thách để Trở Thành,” *Liahona*, tháng Giêng năm 2001, 40.
2. Kenda Creasy Dean, *Almost Christian: What the Faith of Our Teenagers Is Telling the American Church* (2010), 17.
3. Dean, *Almost Christian*, 30; xin xem thêm Christian Smith and Melinda Lundquist Denton, *Soul Searching: The Religious and Spiritual Lives of American Teenagers* (2005), 118–71.
4. Dean, *Almost Christian*, 37.
5. Hugh B. Brown, “The Currant Bush,” *Liahona*, tháng Ba năm 2002, 22, 24.



Bài của Anh Cả Carl B. Pratt
Thuộc Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mười

Các Phước Lành Quý Báu Nhất của Chúa

Tôi làm chứng rằng khi chúng ta đóng tiền thập phân của mình một cách trung tín, Chúa sẽ mở các cửa sổ trên trời và đổ xuống chúng ta các phước lành quý báu nhất của Ngài.

Tôi biết ơn các tổ tiên ngay chính đã giảng dạy phúc âm cho con cái họ trong nhà từ lâu trước khi các buổi họp tối gia đình được chính thức tổ chức. Ông bà ngoại của tôi tên là Ida Jespersen và John A. Whetten. Họ sống trong một cộng đồng nhỏ ở Colonia Juarez, Chihuahua, Mexico. Con cái của gia đình Whetten được dạy dỗ bằng lời giáo huấn và bằng cách quan sát tấm gương của cha mẹ họ.

Đầu thập niên 1920 ở Mexico là thời gian khó khăn. Cuộc cách mạng bạo động mới vừa kết thúc. Lúc đó, không có nhiều tiền mặt lưu hành và hầu hết đều là các đồng xu bằng bạc. Người ta thường buôn bán bằng cách trao đổi hàng hóa và dịch vụ.

Một ngày nọ, gần cuối mùa hè, Ông Ngoại John về nhà sau khi đã hoàn tất việc trao đổi một cặp bò và được trả cho 100 peso bằng các đồng xu bạc. Ông đưa tiền cho Ida với lời dặn là phải được dùng để trả cho học phí sắp tới của con cái.

Ida biết ơn về số tiền nhưng nhắc John nhớ là họ chưa đóng tiền thập phân suốt mùa hè. Họ không có thu nhập bằng tiền mặt, nhưng Ida nhắc ông nhớ rằng các con vật đã cung cấp thịt, trứng và sữa. Khu vườn của họ đã mang lại số lượng dồi dào trái cây và rau cải, và họ đã trao đổi hàng hóa mà không có dính líu đến tiền bạc. Ida đề nghị họ nên đưa tiền cho vị giám trợ để đóng tiền thập phân.

John hơi thất vọng vì tiền mặt sẽ giúp rất nhiều cho học phí của con cái, nhưng ông cũng nhanh chóng đồng ý rằng họ cần phải đóng tiền thập phân của mình. Ông mang cái bao nặng nề đến văn phòng thập phân và đóng tiền cho vị giám trợ.

Chẳng bao lâu sau đó, ông nghe tin có một thương gia giàu có tên là Ông Hord tuần tới sẽ từ Hoa Kỳ đến cùng một số người khác để săn bắn và câu cá một vài ngày trên núi.

Ông Ngoại John đến gặp nhóm người đó tại trạm xe lửa gần Colonia Juarez. Ông có một bầy ngựa đã

thất yên cùng những con vật cần để chuyên chở hành lý và dụng cụ cắm trại trên núi. Tuần kế tiếp, ông dành thời giờ hướng dẫn những người này đồng thời trông coi trại và các súc vật.

Vào cuối tuần đó, nhóm người đó trở lại trạm xe lửa để lấy xe lửa trở về Hoa Kỳ, John được trả tiền công vào ngày đó và được đưa cho một bao đồng xu bạc peso để trả các chi phí khác. Ngay sau khi ông thanh toán tiền với những người phụ giúp xong, John trả lại số tiền dư cho Ông Hord, ông này rất ngạc nhiên vì nghĩ không còn số tiền dư nào cả. Ông hỏi John có chắc chắn rằng tất cả mọi tổn phí đã được trả hết chưa và John đáp rằng những chi phí cho chuyến đi đã được thanh toán đầy đủ và đây là số tiền còn lại.

Tiếng còi xe lửa huýt lên. Ông Hord xoay người đi nhưng rồi quay trở lại và ném cho John cái bao nặng đầy đồng xu. Ông nói: “Đây, mang về nhà cho mấy đứa con trai của anh đi.” John chụp lấy cái bao đó và đi về Colonia Juarez.

Buổi tối hôm đó, khi gia đình quy tụ lại sau bữa ăn tối để nghe kể về chuyến đi, John sức nhớ ra cái bao, ông mang vào và đặt nó lên trên bàn. John nói rằng ông không biết có bao nhiêu tiền trong cái bao, nên rất thích thú để đổ tiền từ cái bao ra bàn—thật là một đồng tiền xu khá cao—và khi đếm xong thì có được đúng 100 xu bằng bạc. Dĩ nhiên, dường như đó là một phước lành lớn mà Ông Hord đã quyết định thực hiện chuyến đi đó. John và mấy người con trai của ông đã được trả lương cao, nhưng 100 peso còn lại là điều nhắc nhở về số tiền đúng bằng số tiền thập phân đã trả tuần trước. Đối với một số người, đó có thể là một điều trùng hợp ngẫu nhiên đầy thú vị, nhưng đối với gia đình Whetten thì rõ ràng đó là một bài học từ Chúa rằng Ngài ghi nhớ những lời hứa của Ngài với những người đóng tiền thập phân một cách trung tín.

Khi còn nhỏ, tôi yêu thích câu chuyện đó về chuyến đi cưới ngựa và cắm trại trên núi để săn bắn và câu cá. Và tôi yêu thích câu chuyện đó vì nó dạy rằng chúng ta được phước khi tuân theo các lệnh truyền. Có vài điều chúng



ta đều có thể học hỏi về việc đóng tiền thập phân từ câu chuyện này.

Trước hết, các anh chị em sẽ thấy rằng việc đóng tiền thập phân trong trường hợp này không liên quan gì đến số thu nhập bằng tiền mặt. Gia đình Whetten quyết định sử dụng số thu nhập đầu tiên bằng tiền mặt để đóng thập phân vì họ đã sống dư dật từ đàn gia súc và vườn trái cây, rau củ màu mỡ của họ. Hiển nhiên họ đã cảm thấy nợ Chúa về các phước lành của họ.

Đó là điều nhắc nhở về ý nghĩa của lời Chúa khi Ngài hỏi: “Người ta có thể ăn trộm Đức Chúa Trời sao? Mà các người ăn trộm ta.” Người ta hỏi: “Chúng tôi ăn trộm Chúa ở đâu?” Và lời đáp của Chúa vang rền: “Các người đã ăn trộm trong các phần mười và trong các cửa dâng. (Ma La Chi 3:8). Vâng, thưa các anh chị em, chúng ta đều nợ Chúa cũng giống như John và Ida Whetten đã biết được vào mùa hè đó cách đây nhiều thập niên. Chúng ta đừng để bị kết tội là trộm của Thượng Đế. Chúng ta hãy lương thiện và trả nợ của mình cho Chúa. Ngài chỉ đòi hỏi 10 phần trăm mà thôi. Sự liêm chính trong việc trả nợ của mình cho Chúa sẽ giúp chúng ta lương thiện với đồng loại của mình.

Điều tiếp theo tôi nhận thấy về câu chuyện đó là ông bà ngoại tôi đã đóng tiền thập phân bất kể hoàn cảnh tài

chính nghèo khó của gia đình họ như thế nào. Họ biết lệnh truyền của Chúa; họ áp dụng thánh thư cho bản thân mình (xin xem 1 Nê Phi 19:23–24) và tuân theo luật pháp. Đây là điều Chúa kỳ vọng nơi tất cả dân Ngài. Ngài kỳ vọng chúng ta đóng tiền thập phân, không phải chỉ khi nào chúng ta dư dả từ “số tiền còn lại” của ngân quỹ gia đình mình, mà như Ngài đã truyền lệnh từ thời xưa là tiền thập phân phải được đóng từ số thu nhập chúng ta mới nhận được, dù ít hay nhiều. Chúa đã truyền lệnh: “Người chớ trể nải mà dâng cho ta những hoa quả đầu mùa của người” (Xuất Ê Díp Tô Ký 22:29). Kinh nghiệm riêng của tôi là cách chắc chắn nhất để đóng tiền thập phân một cách trung tín là đóng ngay khi tôi nhận được bất cứ số thu nhập nào. Quả thật, tôi thấy đó là cách duy nhất mà thôi.

Chúng tôi học được từ ông bà ngoại Whetten của tôi rằng việc đóng tiền thập phân không phải thật sự là về vấn đề tiền bạc; mà là vấn đề đức tin—đức tin nơi Chúa. Ngài hứa ban cho các phước lành nếu chúng ta tuân theo các lệnh truyền của Ngài. Rõ ràng, John và Ida Whetten đã cho thấy đức tin lớn lao trong việc đóng tiền thập phân của mình. Chúng ta hãy cho thấy đức tin của mình nơi Chúa bằng cách đóng tiền thập phân của

mình. Hãy đóng tiền thập phân trước nhất và một cách lương thiện. Hãy dạy con cái chúng ta đóng tiền thập phân ngay cả từ số tiền được cha mẹ cho hoặc các khoản thu nhập khác, và rồi dẫn chúng đi với chúng ta đến buổi họp giải quyết tiền thập phân để chúng biết về tấm gương và tình yêu mến của chúng ta đối với Chúa.

Trong câu chuyện này của ông bà ngoại tôi, có thể có đôi chút hiểu lầm. Một người có thể kết luận rằng vì chúng tôi đóng thập phân bằng tiền nên Chúa sẽ luôn luôn ban phước cho chúng tôi bằng tiền bạc. Tôi có khuynh hướng suy nghĩ như thế khi còn nhỏ. Nhưng sau đó tôi đã biết được rằng không nhất thiết phải là như vậy. Chúa hứa ban các phước lành cho những người đóng thập phân của họ. Ngài hứa sẽ “mở các cửa sổ trên trời . . . , đổ phước xuống . . . đến nỗi không chỗ chứa” (Ma La Chi 3:10). Tôi làm chứng rằng Ngài làm tròn những lời hứa của Ngài, và nếu chúng ta đóng tiền thập phân của mình một cách trung tín thì chúng ta sẽ không thiếu thốn các nhu yếu phẩm trong cuộc sống, nhưng Ngài không hứa ban cho sự giàu có. Tiền bạc và các tài khoản trong ngân hàng không phải là các phước lành quý báu nhất của Ngài. Ngài ban cho chúng ta sự thông sáng để quản lý các phước lành về vật

chất giới hạn của mình, sự thông sáng để cho chúng ta có thể có cuộc sống tốt với 90 phần trăm số thu nhập của chúng ta hơn là với 100 phần trăm. Như vậy, những người đóng tiền thập phân trung tín hiểu được lối sống tận tiện và thường sống tự túc hơn.

Tôi dần dần hiểu rằng các phước lành quý báu nhất của Chúa là thuộc linh, và thường thường liên quan đến gia đình, bạn bè và phúc âm. Đường như Ngài thường ban phước lành về khả năng bén nhạy đặc biệt đối với ảnh hưởng và sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh, nhất là trong các vấn đề hôn nhân và gia đình như là nuôi dạy con cái. Khả năng bén nhạy về phần thuộc linh này có thể giúp chúng ta vui hưởng phước lành của cảnh hòa thuận và bình an trong nhà. Chủ Tịch James E. Faust đã đề nghị rằng việc đóng tiền thập phân là “một sự bảo đảm xuất sắc chống lại ly dị” (“Làm Phong Phú Hôn Nhân,” *Liahona*, tháng Tư năm 2007, 5).

Việc đóng tiền thập phân giúp chúng ta phát triển một tấm lòng tuân phục và khiêm nhường, và một tấm lòng biết ơn thường “chịu thú nhận có bàn tay của Ngài trong mọi sự việc” (GLGU 59:21). Việc đóng tiền thập phân khuyến khích chúng ta có một tấm lòng rộng rãi và tha thứ, cũng như một tấm lòng bác ái đầy tình yêu thương thanh khiết của Đấng Ky Tô. Chúng ta trở nên thiết tha để phục vụ và ban phước những người khác với một tấm lòng vâng phục theo ý Chúa. Những người đóng tiền thập phân đều đặn thấy rằng đức tin của họ nơi Chúa Giê Su Ky Tô được củng cố hơn và họ phát triển một chứng ngôn vững mạnh, vĩnh viễn về phúc âm và Giáo Hội của Ngài. Không một phước lành nào trong số các phước lành này liên quan đến tiền bạc hoặc vật chất trong bất cứ phương diện nào, nhưng chắc chắn đó là các phước lành quý báu nhất của Chúa.

Tôi làm chứng rằng khi chúng ta đóng tiền thập phân của mình một cách trung tín, Chúa sẽ mở các cửa sổ trên trời và đổ xuống chúng ta các phước lành quý báu nhất của Ngài. Trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■



Bài của Anh Cả Lynn G. Robbins
Thuộc Nhóm Túc Sở Thầy Bảy Mười

Các Người Nên Là Những Người Như Thế Nào?

Cầu xin cho các nỗ lực của các anh chị em để phát triển các thuộc tính giống như Đấng Ky Tô được thành công, để cho hình ảnh của Ngài được ghi khắc vào diện mạo của các anh chị em và các thuộc tính của Ngài biểu lộ trong hành vi của các anh chị em.

Có một câu hỏi rất hay đã được đặt ra là “Sống hay không sống?”¹ Đấng Cứu Rỗi đặt ra câu hỏi này một cách sâu sắc hơn nhiều, làm cho câu hỏi đó thành một câu hỏi về giáo lý thiết yếu đối với mỗi người chúng ta: “Các người nên là những người như thế nào? Quả thật, ta nói cho các người hay, các người phải [sống] giống như *ta vậy*” (3 Nê Phi 27:27; sự nhấn mạnh được thêm vào).. Ngài mời gọi chúng ta mang danh Ngài và thiên tính của Ngài.

Để sống *giống* như Ngài, chúng ta cũng cần phải *làm* những điều Ngài *đã làm*: “Quả thật, quả thật, ta nói cho các người hay, đây là phúc âm của ta; và các người biết những điều gì mình phải *làm* trong giáo hội của ta; vì những công việc mà các người thấy ta *làm*, các người cũng sẽ phải *làm* như vậy” (3 Nê Phi 27:21; sự nhấn mạnh được thêm vào).

Sự thật lòng và *hành động* đều không thể tách rời ra được. Vì hai giáo lý này phụ thuộc lẫn nhau nên chúng củng cố và hỗ trợ lẫn nhau. Ví dụ, đức tin soi dẫn một người để cầu nguyện và đổi lại việc cầu nguyện củng cố đức tin của một người.

Đấng Cứu Rỗi thường lên án những người *làm* điều tốt nhưng không *thật lòng*—và gọi họ là kẻ giả hình: “Dân này lấy môi miếng tôn kính ta; Nhưng lòng chúng nó xa ta lắm” (Mác 7:6). *Làm* mà không *thật lòng* là đạo đức giả, giả vờ là một người nào đó—là một kẻ giả đồ.

Ngược lại, *thật lòng* nhưng không *làm* là vô ích, như trong câu thánh thư “Về đức tin, cũng một lẽ ấy; nếu đức tin không sanh ra việc làm, thì tự mình nó *chết*” (Gia Cơ 2:17; sự nhấn mạnh được thêm vào). *Thật lòng* mà không *làm* thì thật sự cũng không phải là *thật lòng*—đó là tự dối mình, tin rằng mình tốt, chỉ vì mình có ý định tốt mà thôi.

Làm mà không *thật lòng*—đạo đức giả—cho thấy một hình ảnh giả tạo đối với những người khác, trong khi *thật lòng* nhưng không *làm* cho thấy một hình ảnh giả tạo đối với bản thân mình.

Đấng Cứu Rỗi khiển trách các thầy thông giáo và những người Pha Ri Si về hành động đạo đức giả của họ: “Khốn cho các người, thầy thông giáo và người Pha Ri Si, là kẻ giả hình! vì các người nộp một phần mười”—họ quả thật *đã làm vậy*—“bạc hà, hồi hương, và rau cần, mà bỏ điều hệ trọng hơn hết trong luật pháp, là sự công bình, thương xót và trung tín” (Ma Thi Ơ 23:23). Hay nói cách khác, họ đã không *thật lòng* làm điều đáng lẽ họ *phải làm*.

Mặc dù Ngài ghi nhận tầm quan trọng của việc *làm điều tốt*, nhưng Đấng Cứu Rỗi cũng nhận ra sự *thật lòng* là một “điều hệ trọng.” Tầm quan trọng lớn hơn của sự *thật lòng* được minh họa trong những ví dụ sau đây:

- Việc chúng ta bước vào nước báp têm tức là chúng ta *đã làm một điều tốt*. Sự *thật lòng* cần phải đi trước việc đó chính là đức tin nơi Chúa Giê Su Kỵ Tô và một sự thay đổi mạnh mẽ trong lòng.
- Việc chúng ta dự phần Tiệc Thánh tức là đã *làm một điều tốt*. Sự xứng đáng để dự phần Tiệc Thánh là một điều hệ trọng và quan trọng hơn nhiều.
- Sự sắc phong cho chức tư tế là một hành động hoặc điều tốt để *làm*. Tuy nhiên, điều quan trọng hơn là quyền năng trong chức tư tế được dựa trên “các nguyên tắc ngay chính mà thôi” (GLGƯ 121:36), hay là *thật sự xứng đáng*.

Nhiều người chúng ta lập ra bản liệt kê những việc *cần làm* nhằm nhắc nhở chúng ta về những điều mình muốn hoàn tất. Nhưng ít có người nào lập ra bản liệt kê những điều mình *thật lòng muốn sống theo*. Tại sao? Những việc *cần làm* là những sinh hoạt hay sự kiện cần làm và có thể đánh dấu khi đã *làm xong rồi*. Tuy nhiên, việc *thật lòng sống theo* thì không bao giờ được *làm xong* cả. Ta

không thể đánh dấu là đã *làm xong* những điều ta *thật lòng sống theo*. Tôi có thể đưa vợ tôi đi chơi vào buổi tối tuyệt vời thứ Sáu này, đó là điều tôi *làm*. Nhưng việc *làm* một người chồng tốt thì không phải là một sự kiện, mà cần phải *thật lòng là* một phần bản tính—cá tính hoặc con người của tôi.

Hoặc với tư cách là một người cha, thì khi nào tôi có thể đánh dấu trên bản liệt kê của mình là *đã làm xong* phận sự với đứa con của mình rồi không? Chúng ta không bao giờ *làm xong* vai trò làm cha mẹ tốt cả. Và để làm cha mẹ tốt, thì một trong những điều quan trọng nhất chúng ta có thể giảng dạy cho con cái mình là cách *trở nên* giống như Đấng Cứu Rỗi hơn.

Việc *trở nên* giống như Đấng Kỵ Tô không thể nào trông thấy được, nhưng phải là động cơ thúc đẩy đằng sau điều chúng ta *làm* là điều có thể thấy được. Ví dụ, khi một người cha hay mẹ giúp một đứa con tập đi thì chúng ta thấy hai người cha mẹ đó *đang làm* những điều như giúp đứa con của họ đứng vững và khen ngợi nó. Những *hành động* này biểu lộ tình yêu thương không trông thấy được trong lòng họ và đức tin cùng hy vọng không trông thấy được trong tiềm năng của đứa con của họ. Ngày này qua ngày khác, họ tiếp tục nỗ lực—là bằng chứng về *bản tính* kiên nhẫn và siêng năng mà không trông thấy được.

Vì sự *thật lòng* sinh ra *hành động*, và là động cơ nằm ở đằng sau *hành động*, nên việc giảng dạy về sự *thật lòng* sẽ cải tiến hành vi hữu hiệu hơn là tập trung vào điều họ *làm* để cải tiến hành vi.

Khi con cái không ngoan ngoãn, ví dụ như khi chúng cãi nhau, thì chúng ta thường kỷ luật sai về điều chúng *làm* hoặc về cuộc cãi lộn mà chúng ta thấy. Nhưng—hành vi chúng—*làm* chỉ là một dấu hiệu về một động cơ không trông thấy được trong lòng của chúng. Chúng ta có thể tự hỏi: “Nếu một đứa trẻ hiểu được, thì thuộc tính nào sẽ sửa đổi hành vi này trong tương lai? Nó vẫn kiên nhẫn và tha thứ khi bị bực mình không? Nó vẫn nhân từ và làm một người hòa giải không?”

Nó có chịu trách nhiệm về hành động của mình chứ không đổ lỗi cho người khác không?”

Cha mẹ giảng dạy những thuộc tính này cho con cái của họ như thế nào? Chúng ta sẽ không thể nào có được một cơ hội lớn lao để giảng dạy và cho con cái mình thấy những thuộc tính giống như Đấng Kỵ Tô hơn bằng cách đặt chúng vào kỷ luật. *Kỷ luật* có nghĩa là lòng kiên nhẫn và giảng dạy thuộc về phần chúng ta. Kỷ luật không nên được thực hiện trong cơn tức giận. Chúng ta có thể và nên kỷ luật theo cách mà Giáo Lý và Giao Ước 121 giảng dạy chúng ta: “nhờ sự thuyết phục, nhờ sự nhịn nhục, nhờ sự hiền dịu và nhu mì, và nhờ tình thương yêu chân thật; nhờ lòng nhân từ, và sự hiểu biết thuần túy.” (các câu 41–42). Đây là tất cả những *đức tính* giống như Đấng Kỵ Tô và cần phải là một phần *bản tính* của chúng ta với tư cách là cha mẹ và môn đồ của Đấng Kỵ Tô.

Nhờ có kỷ luật, đứa con học được những hậu quả. Trong những giây phút như vậy, việc biến những điều tiêu cực thành tích cực là rất hữu ích. Nếu đứa con thú nhận một điều sai trái thì hãy khen ngợi lòng can đảm của nó để thú nhận. Hãy hỏi đứa con xem nó đã học được điều gì từ lỗi lầm hoặc hành động xấu mà đã cho các anh chị em, và quan trọng hơn nữa là Thánh Linh, một cơ hội để tìm hiểu và giảng dạy nó. Khi chúng ta giảng dạy giáo lý cho con cái qua Thánh Linh, thì với thời gian giáo lý đó có quyền năng để thay đổi—*bản tính*—thật của chúng.

An Ma cũng nhận biết nguyên tắc này: “việc giảng đạo có khuynh hướng dẫn dắt dân chúng *làm* điều chính đáng—phải, nó có ảnh hưởng mạnh mẽ đến tâm trí dân chúng hơn gươm đao” (An Ma 31:5; sự nhấn mạnh được thêm vào). Tại sao? Vì gươm đao chỉ tập trung vào việc trừng phạt hành vi—hay *việc làm*—trong khi việc rao giảng lời Chúa thay đổi *bản tính* thật của con người hiện nay hoặc con người họ có thể *trở thành*.

Một đứa trẻ hiền lành và ngoan ngoãn sẽ không cho cha mẹ nó biết nhiều về vai trò làm cha mẹ. Nếu các

anh chị em được phước có một đứa con thử thách tối đa lòng kiên nhẫn của mình thì cũng giống như các anh chị em đang theo học khóa đào tạo làm cha mẹ bậc cao học. Thay vì tự hỏi mình đã làm điều gì sai trong cuộc sống tiền dương thế để bị xui xẻo như vậy, thì các anh chị em có thể nghĩ rằng đứa con càng khó thì mình càng có phước lành và cơ hội để trở nên giống như Thượng Đế hơn. Lòng kiên nhẫn, nhịn nhục và các đức tính khác giống như Đấng Ky Tô của các anh chị em sẽ được thử thách, phát triển và trở nên tinh tế hơn với đứa con nào? Có thể nào các anh chị em cần đứa con này nhiều như nó cần các anh chị em không?

Chúng ta đều đã nghe lời khuyên là nên lên án tội lỗi chứ không lên án người phạm tội. Tương tự như thế, khi con cái mình không ngoan ngoãn, chúng ta cần phải cẩn thận đừng nói những điều làm cho chúng tin rằng điều chúng *đã làm* sai chính là *chúng sai*. “Đừng bao giờ để cho sự thất bại từ một hành động biến thành những đặc điểm” được gán cho như là “đần độn,” “chậm chạp,” “biếng nhác,” hoặc “vụng về.”² Con cái chúng ta cũng là con cái của Thượng Đế. Đó là nguồn gốc và tiềm năng thật của chúng. Kế hoạch của Ngài chính là giúp con cái của Ngài khắc phục những lỗi lầm và hành động xấu để tiến triển trở thành giống như Ngài *vậy*. Do đó, hành vi làm cho chán nản cần phải được xem là tạm thời không cố định—chỉ là hành động chứ không phải là nguồn gốc.

Do đó, khi đưa ra kỷ luật, chúng ta cần phải cẩn thận khi thường xuyên dùng những cụm từ như “Con luôn luôn . . .” hoặc “Con không bao giờ . . .” Hãy thận trọng với các cụm từ như “Con không bao giờ quan tâm đến cảm nghĩ của cha/mẹ” hay “Tại sao con luôn luôn bắt cha mẹ phải chờ vậy?” Các cụm từ giống như vậy làm cho hành động dường như là một cá tính và có thể ảnh hưởng bất lợi đến khả năng tự nhận thức và tự biết về giá trị của đứa con.

Sự hoang mang về nguồn gốc cũng có thể xảy ra khi chúng ta hỏi một đứa con là nó muốn *làm* gì khi nó lớn lên, thể như *công việc làm* của một người



chính là *bản chất của người ấy*. Đừng xác định nguồn gốc hoặc giá trị của một người bằng nghề nghiệp hay của cải. Ví dụ, Đấng Cứu Rỗi là một người thợ mộc khiêm tốn nhưng điều đó không hề xác định cuộc sống của Ngài.

Khi giúp một đứa con khám phá ra nó là ai và củng cố giá trị của nó, thì chúng ta có thể khen ngợi thành quả hay hành vi của chúng một cách thích hợp—tức là *việc làm*. Nhưng còn khôn ngoan hơn nữa nếu chúng ta tập trung lời khen của mình vào cá tính và niềm tin của chúng—tức là *con người* của chúng.

Trong một trận đấu thể thao, cách khôn ngoan để khen thành tích con cái mình—*đạt được*—sẽ là qua quan điểm về *con người*—của chúng, như năng lực, sự bền chí, việc đối đầu với nghịch cảnh của chúng, v.v. — mà khen ngợi cả *con người* lẫn *thành tích của chúng*.

Khi bảo con cái *làm* công việc nhà, chúng ta cũng có thể tìm cách khen chúng về *con người* của chúng, chẳng hạn như “Cha/mẹ rất vui khi con sẵn lòng làm công việc nhà.”

Khi một đứa con nhận được giấy báo điểm học ở trường, chúng ta có thể khen nó về các điểm cao của nó, nhưng có thể sẽ mang lại một lợi ích lâu dài hơn khi khen nó về *tính siêng năng của nó*: “Con đã nộp hết bài vở. Con biết cách khắc phục và làm xong những điều khó khăn. Cha/mẹ rất hạnh diện về con.”

Trong lúc gia đình đọc thánh thư chung, hãy tìm ra và thảo luận những ví dụ về các thuộc tính được nhận ra trong khi đọc vào ngày đó. Vì các thuộc tính giống như Đấng Ky Tô là

các ân tứ từ Thượng Đế và không thể phát triển nếu không có sự giúp đỡ của Ngài,³ nên trong những lời cầu nguyện chung gia đình và riêng cá nhân, hãy cầu nguyện để có được các ân tứ đó.

Thỉnh thoảng tại bàn ăn, hãy nói về các thuộc tính, nhất là các thuộc tính mà các anh chị em đã nhận ra trong thánh thư trước đó vào buổi sáng. “Hôm nay con là một người bạn tốt về phương diện nào? Con đã cho thấy lòng trắc ẩn bằng cách nào? Đức tin đã giúp con đối phó với những thử thách ngày nay như thế nào? Con có thể tin cậy được về phương diện nào? Con chân thật về phương diện nào? Con rộng lượng về phương diện nào? Con khiêm nhường về phương diện nào?” Trong thánh thư có rất nhiều thuộc tính cần được giảng dạy và học hỏi.

Cách giảng dạy quan trọng nhất là *nêu gương làm* cha mẹ tốt đối với con cái của mình giống như cách Cha Thiên Thượng đối xử với chúng ta. Ngài là Đấng cha toàn hảo và Ngài đã chia sẻ với chúng ta sách dạy làm cha mẹ—đó là thánh thư.

Bài nói chuyện của tôi hôm nay chủ yếu đưa ra cho các bậc cha mẹ, nhưng các nguyên tắc này vẫn áp dụng cho mọi người. Cầu xin cho các nỗ lực của các anh chị em để phát triển các thuộc tính giống như Đấng Ky Tô được thành công, để cho hình ảnh của Ngài được ghi khắc vào diện mạo của các anh chị em và các thuộc tính của Ngài biểu lộ trong hành vi của các anh chị em. Rồi khi con cái của các anh chị em và những người khác cảm nhận được tình yêu thương của các anh chị em và thấy được hành vi của các anh chị em, thì điều đó sẽ nhắc họ về Đấng Cứu Rỗi và thu hút họ đến với Ngài, đó là lời cầu nguyện và chứng ngôn của tôi trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. William Shakespeare, *Hamlet, Prince of Denmark*, màn 3, cảnh 1, dòng 56.
2. Carol Dweck, được trích dẫn trong Joe Kita, “Bounce Back Chronicles,” *Reader's Digest*, tháng Năm năm 2009, 95.
3. Xin xem *Thuyết Giảng Phúc Âm của Ta: Sách Hướng Dẫn Công Việc Phục Vụ Truyền Giáo* (2004), 115.



Bài của Anh Cả Benjamin De Hoyos
Thuộc Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mười

Được Kêu Gọi làm Thánh Hữu

*Chúng ta được phước biết bao để được kết tình thân hữu
với Các Thánh Hữu Ngày Sau!*

Các anh chị em thân mến, tôi cầu nguyện rằng Đức Thánh Linh sẽ giúp tôi đưa ra sứ điệp này.

Trong những chuyến đi thăm và các buổi đại hội trong các giáo khu, tiểu giáo khu và chi nhánh, lòng tôi luôn tràn ngập một niềm vui sâu đậm khi gặp gỡ các tín hữu của Giáo Hội, là những người được gọi là Thánh Hữu trong thời nay cũng giống như các tín đồ trong thời trung thế. Tinh thần bình an và yêu thương mà tôi luôn cảm nhận khi được ở với họ giúp tôi nhận thức rằng tôi đang ở trong một giáo khu của Si Ôn.

Mặc dù có nhiều người đến từ những gia đình đã là tín hữu trong Giáo Hội được hai hoặc nhiều hơn hai đời, nhưng đa số đều là những người mới cải đạo. Đối với những người mới cải đạo này, chúng tôi xin lặp lại lời chào mừng những người Ê Phê Sô của Sứ Đồ Phao Lô:

“Đường ấy anh em chẳng phải là người ngoại, cũng chẳng phải là kẻ ở trợ nữa, nhưng là người đồng quốc với các thánh đồ, và là người nhà của Đức Chúa Trời.

“Anh em đã được dựng lên trên

nền của các sứ đồ cùng các đấng tiên tri, chính Đức Chúa Jêsus Christ là đá góc nhà” (Ê Phê Sô 2:19–20).

Cách đây vài năm, trong khi phục vụ trong văn phòng ngoại vụ của Giáo Hội ở Mexico, chúng tôi được mời tham dự một chương trình hội luận trên đài phát thanh. Mục đích của chương trình này là nhằm mô tả và thảo luận về các tôn giáo khác nhau trên thế giới. Hai chúng tôi được chỉ định đại diện cho Giáo Hội

trong việc trả lời những câu hỏi mà có thể được đặt ra trong loại chương trình như vậy. Sau vài mục quảng cáo, theo cách họ nói như vậy trên đài phát thanh, vị giám đốc chương trình giới thiệu: “Chúng tôi có hai anh cả từ Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô hiện diện với chúng tôi buổi tối hôm nay.” Vị ấy ngừng lại rồi hỏi: “Tại sao Giáo Hội có một cái tên dài như vậy? Tại sao quý vị không dùng một cái tên ngắn hơn hoặc nghe giống thương mại hơn?”

Người bạn cùng đi với tôi và tôi đều mỉm cười trước một câu hỏi lý thú như vậy và rồi tiếp tục giải thích rằng tên của Giáo Hội không phải do con người chọn, mà là do Đấng Cứu Rỗi ban cho qua một vị tiên tri trong những ngày sau này: “Vì Giáo Hội của ta sẽ được gọi như vậy trong những ngày sau cùng, tức là Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô” (GLGU 115:4). Vị giám đốc chương trình lập tức kính cẩn đáp: “Vậy thì, chúng tôi sẽ lặp lại tên đó với niềm hân hoan lớn.” Bây giờ tôi không thể nhớ bao nhiêu lần vị ấy đã lặp lại cái tên đầy ý nghĩa đó của Giáo Hội, nhưng chắc chắn là tôi còn nhớ cảm giác êm đềm ở đó khi chúng tôi giải thích không những tên của Giáo Hội mà còn giải thích mối liên hệ của cái tên đó với các tín hữu của Giáo Hội—Các Thánh Hữu Ngày Sau.

Chúng ta đọc trong Kinh Tân

Ushuaia, Argentina



Ước rằng các tín hữu của Giáo Hội của Chúa Giê Su Ky Tô được gọi là Ky Tô Hữu lần đầu tiên ở thành An Ti Ôt (xin xem Công Vụ Các Sứ Đồ 11:26), nhưng họ gọi *nhau* là Thánh Hữu. Chắc hẳn là họ đã phần khởi biết bao khi nghe Sứ Đồ Phao Lô gọi họ “là người đồng quốc với các thánh đồ, và là người nhà của Đức Chúa Trời.” (Ê Phê Sô 2:19), và “cũng đã được gọi *làm* thánh đồ” (Rô Ma 1:7; sự nhấn mạnh được thêm vào).

Các tín hữu của Giáo Hội sống theo phúc âm và tuân theo lời khuyên dạy của các vị tiên tri đến mức họ sẽ trở nên thánh hóa dần dần, thậm chí còn không nhận biết được. Các tín hữu khiêm nhường của Giáo Hội hướng dẫn việc cầu nguyện chung gia đình và học thánh thư hằng ngày, tham gia vào lịch sử gia đình và thường xuyên hiến dâng thời giờ thờ phượng của họ trong đền thờ, thì đều trở thành Thánh Hữu. Họ là những người tận tâm thiết lập gia đình vĩnh cửu. Họ cũng là những người đã dành ra thời giờ từ cuộc sống bận rộn của họ để giải cứu những người đã trở nên xa lánh Giáo Hội cũng như khuyến khích những người kém tích cực này trở lại và ngồi vào bàn ăn với Chúa. Họ là các anh cả và các chị truyền giáo, cùng các cặp vợ chồng lớn tuổi đã đáp ứng lời kêu gọi phục vụ với tư cách là những người truyền giáo của Chúa. Vâng, thưa các anh chị em, họ trở thành các Thánh Hữu đến mức độ mà họ nhận ra cảm giác ấm áp và kỳ diệu được gọi là lòng bác ái, hoặc tình yêu thương thanh khiết của Đấng Ky Tô (xin xem Mô Rô Ni 7:42–48).

Các Thánh Hữu, hoặc tín hữu của Giáo Hội, cũng dần dần biết Đấng Cứu Rỗi qua những nỗi khổ sở và thử thách. Chúng ta đừng quên rằng ngay cả Ngài cũng đã phải chịu đau khổ đủ điều. “Và Ngài sẽ nhận lấy cái chết để Ngài có thể mở những dây trói buộc của sự chết đang trói buộc dân Ngài; và Ngài sẽ nhận lấy những sự yếu đuối của họ để cho lòng Ngài tràn đầy sự thương xót, theo thể cách xác thịt, để Ngài có thể theo thể cách xác thịt mà biết được cách giúp đỡ dân Ngài theo những sự yếu đuối của họ.” (An Ma 7:12).



Trong vài năm qua, tôi đã chứng kiến nỗi đau khổ của nhiều người, kể cả nhiều Thánh Hữu của chúng ta. Chúng tôi liên tục cầu nguyện cho họ, cầu khẩn Chúa can thiệp để đức tin của họ có thể không suy yếu và để họ có thể tiến bước một cách kiên nhẫn. Chúng tôi xin lặp lại những lời an ủi của tiên tri Gia Cốp từ Sách Mặc Môn cho những người này:

“Vậy thì, hỡi đồng bào thân mến của tôi, hãy đến với Chúa, Đấng Thánh. Hãy ghi nhớ rằng, các nẻo đường của Ngài đều ngay chính. Nay, con đường dành cho nhân loại tuy chật hẹp, nhưng nó nằm trong một lộ trình thẳng trước mặt họ, và người giữ cổng là Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên; và Ngài không thu dụng tôi tớ nào ở đó cả; và cũng không có một lối nào khác ngoài lối vào bởi cổng đó; vì Ngài không thể nào bị lừa gạt được đâu, vì Đức Chúa Trời là danh Ngài.

“Và kẻ nào gõ, Ngài sẽ mở cho” (2 Nê Phi 9:41–42).

Dù hoàn cảnh, thử thách hay khó khăn có thể bao vây chúng ta đi nữa thì cũng không quan trọng; một sự hiểu biết về giáo lý của Đấng Ky Tô và Sự Chuộc Tội của Ngài sẽ là nguồn sức mạnh và bình an của chúng ta—vâng, thưa các anh chị

em, cảm giác thanh thản trong tâm hồn đó phát sinh từ tinh thần mà Chúa ban cho các Thánh Hữu trung tín của Ngài. Ngài nuôi dưỡng chúng ta khi phán: “Ta để sự bình an lại cho các ngươi. . . . Lòng các ngươi chớ bối rối và đừng sợ hãi” (Giăng 14:27).

Trong nhiều năm, tôi đã chứng kiến lòng trung tín của các tín hữu của Giáo Hội, Các Thánh Hữu ngày sau, là những người đã khắc phục nỗi thống khổ và đau buồn bằng lòng dũng cảm và nhiệt tình sâu xa, với đức tin nơi kế hoạch của Cha Thiên Thượng và nơi Sự Chuộc Tội của Đấng Cứu Rỗi, Chúa Giê Su Ky Tô, vì vậy họ đã kiên trì và tiếp tục trên con đường thánh thiện, thẳng và hẹp. Tôi không có lời nào thích hợp để bày tỏ lòng biết ơn và ngưỡng mộ của mình đối với tất cả các Thánh Hữu trung tín đó là những người tôi đã có được đặc ân để gặp gỡ!

Mặc dù sự hiểu biết của chúng ta về phúc âm có thể không sâu sắc như chứng ngôn của chúng ta về lẽ thật của phúc âm, nhưng nếu chúng ta đặt niềm tin mình nơi Chúa, thì chúng ta sẽ được hỗ trợ trong tất cả những nỗi khó khăn, thử thách và khổ sở của mình (xin xem An Ma 36:3). Lời hứa này của Chúa ban cho các Thánh Hữu của Ngài không ngụ ý rằng chúng ta sẽ được miễn khỏi những nỗi đau khổ hoặc thử thách, mà là chúng ta sẽ được hỗ trợ để vượt qua những điều đó và chúng ta sẽ biết rằng chính Chúa là Đấng hỗ trợ chúng ta.

Các anh chị em thân mến, chúng ta được phước biết bao để được kết tình thân hữu với Các Thánh Hữu Ngày Sau! Chúng ta được phước biết bao khi có được chứng ngôn về Đấng Cứu Rỗi giống như các vị tiên tri thời xưa và thời nay đã có!

Tôi làm chứng rằng Chúa của chúng ta, Đấng Chí Thánh Y Sơ Ra Ên, hằng sống và rằng Ngài hướng dẫn Giáo Hội của Ngài, là Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô, qua vị tiên tri yêu dấu của chúng ta là Thomas S. Monson. Trong tôn danh của Chúa chúng ta là Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■



Bài của Anh C. Scott Grow
Thuộc Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mười

Phép Lạ của Sự Chuộc Tội

Không có tội lỗi hoặc điều phạm giới nào, nỗi đau đớn hay buồn phiền nào mà không được tha thứ, nhờ vào quyền năng chữa lành của Sự Chuộc Tội của Ngài.

Trong khi chuẩn bị bài nói chuyện của tôi cho đại hội này, tôi nhận được một cú điện thoại bất ngờ từ cha tôi. Ông nói rằng đứa em trai của tôi mới vừa qua đời trong giấc ngủ buổi sáng hôm đó. Tôi rất đau buồn. Chú ấy chỉ mới 51 tuổi. Khi tôi nghĩ đến chú ấy, tôi cảm thấy có ấn tượng phải chia sẻ với các anh chị em một số sự kiện trong cuộc sống của em tôi. Tôi đã được cho phép làm như vậy.

Khi còn trẻ, em tôi rất đẹp trai, thân thiện và thích giao du—hoàn toàn tận tụy với phúc âm. Sau khi phục vụ truyền giáo một cách vinh dự, chú ấy kết hôn với người yêu của mình trong đền thờ. Họ được ban phước với một đứa con trai và con gái. Tương lai của chú ấy đầy hứa hẹn.

Nhưng rồi chú ấy nhượng bộ một yếu điểm. Chú ấy chọn sống theo chủ nghĩa khoái lạc làm cho mình bị mất sức khỏe, hôn nhân và tư cách tín hữu trong Giáo Hội.

Chú ấy dọn đi xa nhà. Chú ấy tiếp tục hành vi tự hủy hoại trong hơn một thập niên; nhưng Đấng Cứu Rỗi đã không quên cũng như từ bỏ chú ấy. Cuối cùng, nỗi đau đớn đầy tuyệt vọng của chú ấy đã cho phép tinh

thần khiêm nhường đi vào tâm hồn chú ấy. Những cảm nghĩ tức giận, chống đối và hung hăng bắt đầu biến mất. Giống như đứa con trai hoang phí, “chú ấy đã tỉnh ngộ.”¹ Chú ấy bắt đầu tìm đến Đấng Cứu Rỗi và tìm đường trở lại với gia đình và với hai người cha mẹ trung tín không bao giờ từ bỏ chú ấy.

Chú ấy bước đi trên con đường hồi cải. Điều đó không phải là dễ. Sau khi xa rời Giáo Hội 12 năm, chú ấy chịu phép báp têm lại và nhận lại ân tứ Đức Thánh Linh. Cuối cùng, các phước lành của chức tư tế và đền thờ của chú ấy được phục hồi.

Chú ấy được ban phước để tìm ra một phụ nữ sẵn lòng bỏ qua những thử thách còn lại về sức khỏe vì lối sống trước đây của chú ấy, và họ đã được làm lễ gắn bó trong đền thờ. Họ có với nhau hai đứa con. Chú ấy phục vụ trung tín trong giám trợ đoàn được vài năm.

Em trai của tôi qua đời vào sáng thứ Hai ngày 7 tháng Ba. Buổi tối thứ Sáu trước đó, chú ấy và vợ đi đền thờ. Vào sáng Chúa Nhật, trước khi qua đời, chú giảng dạy bài học của chức tư tế trong nhóm thầy tư tế thượng

phẩm của mình. Chú ấy đi ngủ vào buổi tối đó, không bao giờ thức dậy nữa trong cuộc sống này—nhưng chú ấy sẽ sống lại trong lần phục sinh của những người công minh.

Tôi biết ơn về phép lạ của Sự Chuộc Tội trong cuộc sống của em trai tôi. Sự Chuộc Tội của Đấng Cứu Rỗi dành sẵn cho mỗi người chúng ta—luôn luôn.

Chúng ta tiếp cận với Sự Chuộc Tội qua việc hồi cải. Khi chúng ta hồi cải, Chúa cho phép chúng ta bỏ lại những lỗi lầm ở sau lưng mình.

“Này, kẻ nào biết hồi cải những tội lỗi của mình, thì kẻ đó sẽ được tha thứ, và ta, là Chúa, sẽ không còn nhớ tới những tội lỗi đó nữa.

“Qua cách thức này, các người có thể biết được một người có hồi cải tội lỗi của mình không—này, kẻ đó sẽ thú tội và từ bỏ những tội lỗi đó.”²

Mỗi chúng ta đều biết một người đã có những thử thách nghiêm trọng trong cuộc sống của họ—một người nào đó đi lạc đường hoặc đang nghi ngờ. Người đó có thể là một người bạn hoặc người bà con, một người cha hay mẹ hoặc một đứa con, một người chồng hay người vợ. Người đó còn có thể là các anh chị em nữa.

Tôi ngỏ lời cùng tất cả mọi người, ngay cả các anh chị em. Tôi nói về phép lạ của Sự Chuộc Tội.

Đấng Mê Si đến cứu chuộc loài người khỏi Sự Sa Ngã của A Đam.³ Mọi điều trong phúc âm của Chúa Giê Su Kỵ Tô đều chỉ hướng về sự hy sinh chuộc tội của Đấng Mê Si, Vị Nam Tử của Thượng Đế.⁴

Kế hoạch cứu rỗi không thể được xảy ra nếu không có sự chuộc tội. “Vậy nên, chính Thượng Đế sẽ chuộc tội lỗi cho thế gian, để mang lại kế hoạch thương xót, và để thỏa mãn sự đòi hỏi của công lý, ngõ hầu Thượng Đế mới có thể là một Thượng Đế hoàn hảo, công bình, và cũng là một Thượng Đế đầy lòng thương xót.”⁵

Sự hy sinh chuộc tội phải được thực hiện bởi Vị Nam Tử vô tội của Thượng Đế, vì loài người sa ngã không thể chuộc tội lỗi của mình được.⁶ Sự Chuộc Tội cần phải vô hạn và vĩnh cửu—để áp dụng cho tất cả mọi người, đến suốt thời vĩnh cửu.⁷

Qua nỗi đau khổ và cái chết của Ngài, Đấng Cứu Rỗi chuộc tội lỗi của tất cả mọi người.⁸ Sự Chuộc Tội của Ngài bắt đầu trong Vườn Ghết Sê Ma Nê, tiếp tục trên cây thập tự, và lên đến cực điểm với Sự Phục Sinh.

“Phải, . . . Ngài sẽ bị dẫn đi, bị đóng đinh trên thập tự giá, và bị giết chết, xác thịt trở nên lệ thuộc sự chết, và ý muốn của Đức Chúa Con lọt vào trong ý muốn của Đức Chúa Cha.”⁹ Qua sự hy sinh chuộc tội của Ngài, Ngài đã “đăng tâm hồn Ngài làm của lễ chuộc tội.”¹⁰

Là Con Độc Sinh của Thượng Đế, Ngài đã thừa hưởng quyền năng đối với cái chết thể xác. Điều đó cho phép Ngài hỗ trợ cuộc sống của Ngài, khi Ngài chịu đựng “ngay cả hơn những gì loài người có thể chịu đựng được, trừ cái chết; vì này, máu sẽ chảy ra từ mọi lỗ chân lông, nỗi lo âu của Ngài về sự độc ác và những sự khờ ồ của dân Ngài thật lớn lao thay.”¹¹

Không những Ngài trả cái giá cho tội lỗi của tất cả loài người mà Ngài còn “mang lấy những đau đớn và bệnh tật của dân Ngài.” Và Ngài nhận lấy “những sự yếu đuối của họ để cho lòng Ngài tràn đầy sự thương xót, . . . để Ngài có thể theo thể cách xác thịt mà biết được cách giúp đỡ dân Ngài theo những sự yếu đuối của họ.”¹²

Đấng Cứu Rỗi cảm thấy gánh nặng thống khổ của tất cả loài người—nỗi thống khổ về tội lỗi và nỗi buồn phiền. “Quả thật Ngài đã mang sự đau khổ của chúng ta, và gánh lấy sự sàu muộn của chúng ta.”¹³

Qua Sự Chuộc Tội của Ngài, Ngài không những chữa lành cho người phạm giới mà còn cho người vô tội chịu đau khổ vì những điều phạm giới đó nữa. Khi người vô tội sử dụng đức tin nơi Đấng Cứu Rỗi và nơi Sự Chuộc Tội của Ngài và tha thứ cho người phạm giới thì cả hai người đều cũng có thể được chữa lành.

Có những lúc mà mỗi người chúng ta “cần được giải thoát khỏi những cảm nghĩ tội lỗi đến từ những lỗi lầm và tội lỗi.”¹⁴ Khi chúng ta hối cải, Đấng Cứu Rỗi cất đi tội lỗi khỏi tâm hồn chúng ta.

Nhờ sự hy sinh chuộc tội của Ngài nên tội lỗi của chúng ta được tha thứ.



Ngoại trừ tội diệt vong, Sự Chuộc Tội luôn luôn dành sẵn cho mọi người, dù là tội lỗi nặng hoặc nhỏ đến đâu, “qua những điều kiện của sự hối cải.”¹⁵

Vì tình yêu thương vô hạn của Ngài, Chúa Giê Su Ky Tô mời gọi chúng ta phải hối cải để chúng ta sẽ không phải chịu gánh nặng trọn vẹn của tội lỗi mình:

“Hãy hối cải—bằng không thì nỗi đau khổ của người sẽ lớn lao vô cùng—lớn lao đến mức nào người đâu biết được, cùng cực ra sao người đâu biết được, phải gánh chịu khổ sở ra sao người đâu biết được.

“Vì này, ta, Thượng Đế, đã chịu những nỗi đau khổ ấy cho mọi người, để họ khỏi đau khổ nếu họ chịu hối cải;

“Nhưng nếu họ không chịu hối cải thì họ sẽ phải đau khổ như ta đã chịu vậy;

“Nỗi đau khổ ấy đã khiến cho ta dù là Thượng Đế, Đấng Vô Đại hơn hết, cũng phải run lên vì đau đớn, và phải rớm máu từng lỗ chân lông, và phải chịu sự đau khổ cả thể xác lẫn linh hồn.”¹⁶

Đấng Cứu Rỗi ban sự chữa lành cho những người đang đau khổ vì tội lỗi. “Giờ đây các người không muốn trở về cùng ta, và hối cải tội lỗi và được cải đạo để ta có thể chữa lành cho các người chăng?”¹⁷

Chúa Giê Su Ky Tô là Đấng Chữa Lành tâm hồn của chúng ta. Ngoài tội diệt vong ra, không có tội lỗi hoặc điều phạm giới nào, nỗi đau đớn hay buồn phiền nào mà không được tha thứ nhờ vào quyền năng chữa lành của Sự Chuộc Tội của Ngài.

Khi chúng ta phạm tội, Sa Tan nói với chúng ta rằng chúng ta đã bị lạc mất rồi. Trái lại, Đấng Cứu Chuộc ban sự cứu chuộc cho tất cả mọi người, cho cả các anh chị em và tôi nữa—dù chúng ta đã làm điều gì sai trái—.

Khi các anh chị em suy xét cuộc sống của mình, có điều gì mà các anh chị em cần phải thay đổi không? Các anh chị em có làm những lỗi lầm gì mà cần phải sửa đổi không?

Nếu các anh chị em đang đau khổ vì những cảm nghĩ tội lỗi, hối hận, cay đắng hoặc tức giận, tôi mời các anh chị em hãy tìm kiếm sự giúp đỡ. Hãy hối cải và từ bỏ tội lỗi của mình. Rồi cầu xin Chúa trong lời cầu nguyện để được tha thứ. Hãy tìm kiếm sự tha thứ từ những người mà các anh chị em đã làm điều sai trái với họ. Hãy tha thứ cho những người đã làm điều sai trái với các anh chị em. Hãy tự tha thứ mình.

Hãy đến nói chuyện với vị giám trợ, nếu cần. Vị ấy là sứ giả đầy lòng thương xót của Chúa. Vị ấy sẽ giúp các anh chị em khi các anh chị em cố gắng để trở nên thanh sạch qua sự hối cải.



Hãy đắm mình trong sự cầu nguyện và học hỏi thánh thư. Khi làm như vậy, các anh chị em sẽ cảm thấy được ảnh hưởng thánh hóa của Thánh Linh. Đấng Cứu Rỗi phán: “Tự thánh hóa mình; phải, hãy làm cho tâm hồn mình được thanh khiết, và hãy tẩy sạch tay các người . . . trước mặt ta, để ta có thể làm cho các người được thanh sạch.”¹⁸

Khi chúng ta được làm cho thanh sạch nhờ vào quyền năng của Sự Chuộc Tội của Ngài, Đấng Cứu Rỗi trở thành Đấng biện hộ cho chúng ta với Đức Chúa Cha, và Ngài khẩn nài:

“Thưa Cha, xin hãy nhìn những sự đau khổ và cái chết của người mà không hề phạm tội, người mà Cha rất hài lòng; xin hãy nhìn máu Con của Cha đã đổ ra, máu của người mà Cha đã ban cho để Cha có thể được vinh hiển;

“Vậy con xin Cha hãy tha cho những người anh em này của con, là những người tin vào danh con, để họ có thể đến cùng con và được cuộc sống vĩnh viễn.”¹⁹

Mỗi người chúng ta đã được ban cho ân tứ về quyền tự quyết. “Loài người được [tự ý] . . . lựa chọn sự tự do và cuộc sống vĩnh cửu, qua Đấng Trung Gian vĩ đại của tất cả loài người; hay là họ muốn lựa chọn cảnh

tù đày và sự chết dưới . . . quyền hành của quỷ dữ.”²⁰

Cách đây nhiều năm, em trai tôi đã sử dụng quyền tự quyết của mình khi chọn một lối sống làm cho chú ấy mất sức khỏe, gia đình và tư cách tín hữu trong Giáo Hội. Nhiều năm về sau, chú ấy cũng đã sử dụng quyền tự quyết đó khi chú ấy chọn hồi cải, làm cho cuộc sống của mình phù hợp với những điều giảng dạy của Đấng Cứu Rỗi, và để thật sự được sinh lại qua quyền năng của Sự Chuộc Tội.

Tôi làm chứng về phép lạ của Sự Chuộc Tội. Tôi đã thấy được quyền năng chữa lành của Sự Chuộc Tội trong cuộc sống của em trai tôi, và cảm nhận



được quyền năng đó trong cuộc sống của tôi. Quyền năng chữa lành và cứu chuộc của Sự Chuộc Tội dành sẵn cho mỗi người chúng ta—luôn luôn.

Tôi làm chứng rằng Chúa Giê Su là Đấng Ky Tô—Đấng chữa lành tâm hồn chúng ta. Tôi cầu nguyện rằng mỗi người chúng ta sẽ chọn đáp ứng lời mời gọi của Đấng Cứu Rỗi: “Giờ đây các người không muốn trở về cùng ta, và hồi cải tội lỗi và được cải đạo để ta có thể chữa lành cho các người chăng?”²¹ Trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Lu Ca 15:17.
2. Giáo Lý và Giao Ước 58:42–43.
3. Xin xem 2 Nê Phi 2:25–26.
4. Xin xem An Ma 34:14.
5. An Ma 42:15.
6. Xin xem An Ma 34:11.
7. Xin xem An Ma 34:10.
8. Xin xem An Ma 22:14.
9. Mô Si A 15:7.
10. Mô Si A 14:10.
11. Mô Si A 3:7.
12. An Ma 7:11–12.
13. Mô Si A 14:4.
14. *Thuyết Giảng Phúc Âm của Ta: Sách Hướng Dẫn Công Việc Phục Vụ Truyền Giáo* (2004), 2.
15. Giáo Lý và Giao Ước 18:12.
16. Giáo Lý và Giao Ước 19:15–18.
17. 3 Nê Phi 9:13.
18. Giáo Lý và Giao Ước 88:74.
19. Giáo Lý và Giao Ước 45:4–5.
20. 2 Nê Phi 2:27.
21. 3 Nê Phi 9:13.



Bài của Anh Cả Jeffrey R. Holland
Thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ

Một Cờ Hiệu của Các Dân Tộc

Nếu chúng tôi giảng dạy với Thánh Linh và các anh chị em cũng lắng nghe với Thánh Linh, thì một người nói chuyện nào đó trong chúng tôi sẽ đề cập đến một điều gì đó liên quan đến hoàn cảnh của các anh chị em.

Tôi rất xúc động trước mỗi lời ca và mỗi lời nói đến nỗi tôi cầu nguyện rằng tôi có thể nói chuyện được.

Trước khi rời Nauvoos vào mùa đông năm 1846, Chủ Tịch Brigham Young đã mơ thấy một thiên sứ đứng trên một ngọn đồi hình nón, ở một nơi nào đó ở miền Tây, đang nhìn xuống một thung lũng phía dưới. Khi đi vào Thung Lũng Salt Lake khoảng 18 tháng sau, ông thấy một sườn đồi giống như ông đã thấy trong khải tượng, nằm ngay ở phía trên địa điểm này nơi chúng ta hiện đang quy tụ.

Như thường được cho biết từ bục giảng này, Anh Brigham dẫn vài người lãnh đạo lên đỉnh đồi đó và nói rằng đó là Đỉnh Cờ Hiệu, một cái tên chứa đựng đầy ý nghĩa tôn giáo đối với những người Y Sơ Ra Ên cận đại này. Hai ngàn năm trăm trước, tiên tri Ê Sai đã nói rằng trong những ngày sau cùng “núi của nhà Đức Giê Hô Va sẽ được lập vững trên đỉnh các núi,” và ở đó “Chúa sẽ dựng một cây cờ cho các nước.”¹

Vì thấy rằng giây phút ấy trong lịch sử là một phần ứng nghiệm của lời tiên tri đó, Các Vị Thẩm Quyền Trung

Ương đã mong muốn dựng lên một loại cờ nào đó để làm cho ý tưởng về “một cờ hiệu của các dân tộc” trở thành đúng nghĩa. Anh Cả Heber C. Kimball đưa ra một cái khăn tay màu vàng. Anh Brigham cột cái khăn tay đó vào một cây gậy do Anh Cả Willard Richards cầm và rồi cắm cây cờ tạm thời xuống đất, tuyên bố rằng thung lũng Great Salt Lake và các ngọn núi xung quanh là nơi đã được tiên tri rằng lời của Chúa sẽ phán ra từ đó trong những ngày sau.

Thưa các anh chị em, các đại hội trung ương thường niên và bán niên này tiếp tục với lời tuyên bố từ ban đầu đó cùng thế giới. Tôi làm chứng rằng những diễn tiến của hai ngày qua là một bằng chứng nữa, như lời bài thánh ca của chúng ta: “Lo, Zion’s standard is unfurled (Kìa xem, ngọn cờ Si Ôn đã được phát lên)”²—và chắc chắn ý nghĩa đôi của từ *ngọn cờ* được đưa ra với chủ ý. Không phải là tình cờ mà các sứ điệp trong đại hội trung ương được in trong ấn bản tiếng Anh của tạp chí có cái tên giản dị *Ensign* (Cờ Hiệu).

Khi đại hội của chúng ta sắp kết thúc, trong những ngày tiếp theo sau đại hội này, tôi yêu cầu các anh chị em hãy suy ngẫm không những về các sứ điệp mình đã nghe mà còn về chính đại hội trung ương là một sự kiện phi thường, độc nhất vô nhị—hãy suy ngẫm về việc chúng ta với tư cách là Các Thánh Hữu Ngày Sau tin rằng các đại hội là như thế cũng như việc chúng ta mời thế giới nghe và quan sát các đại hội. Chúng ta làm chứng cùng mọi quốc gia, sắc tộc, sắc ngữ và dân tộc rằng Thượng Đế không những hằng sống mà Ngài còn phán bảo lời khuyên dạy mà các anh chị em đã nghe, dưới sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh, là “ý muốn của Chúa, . . . lời nói của Chúa, . . . tiếng nói của Chúa, và quyền năng của Thượng Đế cho sự cứu rỗi” dành cho thời kỳ và trong thời đại của chúng ta.³

Có lẽ các anh chị em đã biết (nhưng nếu không thì nên biết) rằng không có người nào nói chuyện ở đây đã được chỉ định cho một đề tài, ngoại trừ những trường hợp rất hiếm. Mỗi người phải nhịn ăn và cầu nguyện, nghiên cứu và tìm kiếm, viết đi viết lại bài nói chuyện của mình cho đến khi họ chắc chắn rằng đề tài của họ là đề tài mà Chúa muốn họ trình bày cho đại hội này, vào lúc này, bất kể ước muốn riêng hoặc sở thích riêng của họ là gì đi nữa. Mỗi người đàn ông và phụ nữ mà các anh chị em đã nghe suốt 10 giờ đồng hồ vừa qua trong đại hội trung ương đã cố gắng noi theo thúc giục đó. Mỗi người đã khóc, lo lắng và thiết tha tìm kiếm sự hướng dẫn của Chúa để chỉ dẫn cho họ những ý nghĩ và ấn tượng. Và giống như Brigham Young đã thấy một thiên sứ đứng ở trên chỗ này, quả thật tôi cũng thấy những thiên sứ đứng ở trong đó. Những người anh chị em của tôi trong số các chức sắc trung ương của Giáo Hội sẽ không cảm thấy thoải mái khi được gọi là thiên sứ, nhưng đó chính là cách mà tôi thấy họ như vậy—các sứ giả trên trần thế với những sứ điệp của thiên sứ, những người nam và nữ đều gặp phải những khó khăn về vật chất, tài chính và gia đình như các anh chị em và tôi, nhưng đó là những người với đức tin đã dâng hiến đời mình cho



những sự kêu gọi đến với họ, và bốn phận để rao giảng lời của Thượng Đế, chứ không phải lời của họ.

Các anh chị em cũng hãy suy ngẫm về nhiều sứ điệp khác nhau mà mình đã nghe—những sứ điệp đó làm cho đại hội trung ương dường như kỳ diệu hơn vì các đề tài nói chuyện không hề có sự phối hợp sắp xếp nào cả ngoại trừ được soi dẫn từ thiên thượng. Dĩ nhiên, các sứ điệp các anh chị em nghe đều khác nhau. Đa số giáo đoàn của chúng ta, đang có mặt ở đây hoặc ở những nơi khác, đều là các tín hữu của Giáo Hội. Tuy nhiên, với hệ thống truyền thông mới mẻ tân tiến, càng ngày càng có nhiều người hơn—chưa phải là tín hữu của Giáo Hội tham dự các đại hội của chúng ta. Vậy nên chúng tôi cần phải nói chuyện với những người biết rõ chúng tôi lẫn những người không hề biết chúng tôi. Chỉ trong vòng Giáo Hội thôi, chúng tôi phải nói chuyện với các trẻ em, giới trẻ và các thành niên trẻ tuổi, những người trung niên và cao niên. Chúng tôi phải nói chuyện với các gia đình, cha mẹ và con cái ở nhà, chúng tôi còn nói chuyện với những người độc thân, không có con cái và có lẽ ở rất xa nhà. Trong một đại hội trung ương, chúng tôi luôn luôn nhấn mạnh đến các lẽ thật vĩnh cửu về đức tin, hy vọng và lòng bác ái,⁴ và về Đấng Ky Tô bị

đóng đinh⁵ chúng tôi còn nói thẳng về những vấn đề đạo đức rất cụ thể của thời kỳ này. Chúng tôi được truyền lệnh từ thánh thư “chớ nói điều gì ngoại trừ sự hối cải đối với thế hệ này”⁶ đồng thời chúng tôi phải rao giảng “tin lành cho kẻ khiêm nhường [và] rịt những kẻ vỡ lòng.” Dù dưới bất cứ hình thức nào, các sứ điệp đại hội này “rao cho kẻ phụ tù được tự do”⁷ và “rao truyền sự giàu có không dò được của Đấng Ky Tô.”⁸ Chúng tôi cho rằng vì có rất nhiều sứ điệp khác nhau được đưa ra trong đại hội nên mọi người sẽ nghe được một điều gì đó dành cho họ. Về phương diện này, tôi đoán là Chủ Tịch Harold B. Lee đã nói rất đúng về ý nghĩ này cách đây nhiều năm khi ông nói rằng phúc âm là “nhằm an ủi người khổ sở và làm khổ sở người [yên tâm].”⁹

Chúng tôi luôn luôn muốn lời giảng dạy của mình trong đại hội trung ương phải rộng mở và mời mọc như Đấng Ky Tô đã giảng dạy lúc ban đầu, và khi giảng dạy, chúng tôi nhớ đến kỷ luật luôn luôn chứa đựng trong các sứ điệp của Ngài. Trong bài giảng nổi tiếng nhất của Ngài, Chúa Giê Su Ky Tô bắt đầu bằng cách đưa ra những lời chúc phước tuyệt diệu mà mỗi một người trong chúng ta đều muốn nhận được—các phước lành được hứa ban cho những kẻ có lòng khó khăn, những kẻ có lòng trong

sạch, những kẻ làm cho người hòa thuận, và những kẻ nhu mì.¹⁰ Những Lời Chúc Phúc đó đã nâng cao tinh thần và an ủi tâm hồn biết bao. Những Lời Chúc Phúc đó thật đúng. Nhưng cũng trong cùng bài giảng đó, Đấng Cứu Rỗi tiếp tục cho thấy con đường của người hòa giải và người có lòng trong sạch thì sẽ càng ngày càng khó khăn như thế nào. Ngài phán: “Các người có nghe lời phán cho người xưa rằng: Người chớ giết ai; ‘Song ta phán cho các người: Hễ ai giận anh em mình thì đáng bị tòa án xử đoán.”¹¹

Và tương tự như vậy,
“Các người có nghe lời phán rằng: Người chớ phạm tội tà dâm. Song ta phán cho các người biết:

“Hễ ai ngó đàn bà mà động tình tham muốn, thì trong lòng đã phạm tội tà dâm cùng người rồi.”¹²

Hiển nhiên, khi chúng ta trở thành các môn đồ tốt hơn, thì chúng ta được kỳ vọng nhiều điều hơn cho đến khi chúng ta chạm trán với điều đòi hỏi cao đáng sợ được nói đến trong bài giảng Anh Cả Christofferson mới vừa đưa ra: “Thế thì các người hãy nên trọn vẹn như Cha các người ở trên trời là trọn vẹn.”¹³ Việc làm môn đồ thì dễ dàng hơn khi chúng ta mới học hỏi phúc âm, nhưng vai trò môn đồ trở nên khó khăn và đòi hỏi khắt khe hơn khi chúng ta đạt đến mức cao nhất của vai trò môn đồ chân chính. Rõ ràng là bất cứ người nào nghĩ là Chúa Giê Su đã dạy rằng con người ta không chịu trách nhiệm đối với tội lỗi của mình, thì họ đã không đọc kỹ thánh thư! Không đâu, khi nói về vai trò môn đồ, thì Giáo Hội không phải giống như một nhà hàng bán đồ ăn nhanh mà chúng ta có thể đặt mua bất cứ thứ gì mình muốn. Một ngày nào đó, *mọi* đầu gối sẽ phải quỳ xuống và *mọi* lưỡi sẽ phải thú nhận rằng Chúa Giê Su là Đấng Ky Tô và sự cứu rỗi chỉ có thể từ đường lối *của Ngài* mà đến thôi.¹⁴

Mặc dù chúng tôi muốn rao giảng một cách thích hợp về các lẽ thật phúc âm nghiêm khắc lẫn nhẹ nhàng trong đại hội trung ương, nhưng xin hãy yên tâm rằng khi nói về những đề tài khó thì chúng tôi hiểu rằng không phải là mọi người đều đang xem hình ảnh sách báo khiêu dâm, hoặc tránh

kết hôn hay có những mối quan hệ tình dục vô luân. Chúng tôi biết rằng không phải mọi người đều vi phạm ngày Sa Bát hoặc làm chứng dối hay ngược đãi người phôi ngẫu. Chúng tôi biết rằng đa số những người đang lắng nghe *không* phạm những tội như vậy nhưng chúng tôi được lệnh phải cảnh cáo những người nào phạm tội lỗi đó—cho dù họ có thể đang ở đâu trên thế giới. Vậy nên, nếu các anh chị em đang cố gắng hết sức mình—giống như, các anh chị em đôi khi vẫn cố gắng tổ chức buổi họp tối gia đình ngay cả trong cảnh hỗn loạn của căn nhà đầy trẻ con ồn ào—thì các anh chị em hãy hài lòng rằng mình đang làm đúng theo đề tài chúng tôi đang nói đến, và lắng nghe một người khác đưa ra một đề tài mà các anh chị em có lẽ cần phải cải tiến. Nếu chúng tôi giảng dạy với Thánh Linh và các anh chị em cũng lắng nghe với Thánh Linh, thì một người nói chuyện nào đó trong chúng tôi sẽ đề cập đến một điều gì đó liên quan đến hoàn cảnh của các anh chị em, gửi riêng đến các anh chị em một lá thư tiên tri.

Thưa các anh chị em, trong đại hội trung ương, chúng tôi sẽ thêm chứng ngôn của mình vào với chứng ngôn của những người khác là các chứng ngôn sẽ được nói ra, vì bằng cách này hay bằng cách khác, Thượng Đế cũng sẽ *phán* cho chúng ta nghe. Chúa đã phán cùng các vị tiên tri của Ngài: “Này, ta phái các ngươi đi làm chứng và cảnh cáo dân chúng.”¹⁵

“[Và] sau lời chứng của các ngươi sẽ có lời chứng của những trận động đất, . . . của tiếng sấm, và tiếng chớp, và tiếng bão tố cùng tiếng sóng ngoài biển dâng lên quá mức bình thường. . . .

“Và các thiên sứ sẽ . . . lớn tiếng kêu lên cùng thối vang tiếng kèn đồng của Thượng Đế.”¹⁶

Giờ đây, các thiên sứ trên trần thế này tới bục giảng này, theo cách thức riêng của họ, đã “thối vang tiếng kèn đồng của Thượng Đế.” Mỗi bài giảng đưa ra đều luôn luôn có ý nghĩa là một chứng ngôn về tình yêu thương lẫn một lời cảnh cáo, giống như thiên nhiên sẽ làm chứng với tình yêu thương lẫn lời cảnh cáo trong những ngày sau cùng.



Bucharest, Romania

Trong một vài phút nữa, Chủ Tịch Thomas S. Monson sẽ tới bục giảng này để bẻ mạch đại hội hôm nay. Tôi xin được nói một điều về người đàn ông yêu quý này, Vị Sứ Đồ trưởng và vị tiên tri của thời kỳ chúng ta hiện đang sống. Khi suy ngẫm về các trách nhiệm tôi đã kể ra và tất cả các anh chị em đã nghe trong đại hội này, thì thật hiển nhiên là cuộc sống của các vị tiên tri không phải là dễ dàng, và cuộc sống của Chủ Tịch Monson thì cũng không dễ dàng. Ông đã đặc biệt nói đến điều đó tối hôm qua trong buổi họp chức tư tế. Ông được kêu gọi làm sứ đồ vào năm 36 tuổi, con cái của ông lúc đó được 12 tuổi, 9 tuổi và 4 tuổi. Chị Monson cùng mấy đứa trẻ đó đã dâng hiến người chồng và người cha của họ cho Giáo Hội cũng như các bốn phạm trong Giáo Hội đã hơn 50 năm. Họ đã chịu đựng nhiều bệnh tật và đòi hỏi, những vấn đề lặt vặt trong cuộc sống trần thế mà mọi người đều phải trải qua, chắc chắn trong tương lai họ cũng sẽ trải qua một số vấn đề nữa. Nhưng Chủ Tịch Monson vẫn luôn luôn vui vẻ chịu đựng tất cả những điều đó. Không có điều gì làm cho ông cảm thấy thất vọng cả. Ông có một đức tin và sức chịu đựng phi thường.

Thưa Chủ Tịch, thay cho toàn thể giáo đoàn này, đang ở đây hoặc không có mặt ở đây, tôi xin nói là chúng tôi yêu mến và kính trọng chủ tịch. Lòng tận tụy của chủ tịch là một tấm gương cho tất cả chúng tôi. Chúng tôi cảm ơn

về sự lãnh đạo của chủ tịch. Mười bốn người khác đang nắm giữ chức phẩm sứ đồ cộng thêm những người khác hiện diện trên bục chủ tọa này, những người ngồi trong giáo đoàn cùng vô số những người khác đang quy tụ trên khắp thế giới, đều yêu mến, tán trợ và sát cánh với chủ tịch trong công việc này. Chúng tôi sẽ làm nhẹ bớt gánh của chủ tịch trong bất cứ phương diện nào chúng tôi có thể làm được. Chủ tịch là một trong số các thiên sứ được kêu gọi từ lúc thế gian mới tạo dựng để vấy cờ hiệu phúc âm của Chúa Giê Su Kỵ Tô cho tất cả thế gian. Chủ tịch đang làm điều này một cách tuyệt diệu. Tôi làm chứng về phúc âm đang được rao giảng và sự cứu rỗi do phúc âm đó mà có, và về Ngài là Đấng ban cho phúc âm đó, trong tôn danh đầy vinh quang của Chúa Giê Su Kỵ Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

- Ê Sai 2:2; 11:12.
- “The Morning Breaks,” *Hymns*, số 1.
- Giáo Lý và Giao Ước 68:4.
- Xin xem 1 Cô Rinh Tô 13:13.
- Xin xem 1 Cô Rinh Tô 1:23.
- Giáo Lý và Giao Ước 6:9; 11:9.
- Ê Sai 61:1.
- Ê Phê Sô 3:8.
- Xin xem Harold B. Lee, trong “The Message,” *New Era*, tháng Giêng năm 1971, 6.
- Xin xem Ma Thi Ơ 5:3–12.
- Ma Thi Ơ 5:21–22; xin xem thêm 3 Nê Phi 12:22.
- Ma Thi Ơ 5:27–28.
- Ma Thi Ơ 5:48.
- Xin xem Rô Ma 14:11; Mô Si A 27:31.
- Giáo Lý và Giao Ước 88:81.
- Giáo Lý và Giao Ước 88:89–90, 92.

Bài của Chủ Tịch Thomas S. Monson

Khi Chúng Ta Chia Tay

Không một ai trong chúng ta có thể thấu hiểu trọn vẹn tầm quan trọng về điều Đấng Kỳ Tô đã làm cho chúng ta trong Vườn Ghết Sê Ma Nê, nhưng tôi biết ơn mỗi ngày trong cuộc sống của mình về sự hy sinh chuộc tội của Ngài.

Thưa các anh chị em, lòng tôi tràn đầy xúc động khi chúng ta sắp kết thúc đại hội này. Chúng ta cảm nhận được Thánh Linh của Chúa thật dồi dào. Tôi bày tỏ lòng biết ơn của mình và của các tín hữu của Giáo Hội ở khắp nơi đối với mỗi người đã tham gia đại hội này, kể cả những người dâng lên lời cầu nguyện. Cầu xin cho chúng ta ghi nhớ thật lâu các sứ điệp mình đã nghe. Khi nhận được số báo của các tạp chí *Ensign* và *Liahona* sẽ đăng các sứ điệp này, cầu xin cho chúng ta đọc và nghiên cứu các sứ điệp đó.

Một lần nữa, âm nhạc trong tất cả các phiên họp thật là tuyệt diệu. Tôi bày tỏ lòng biết ơn riêng của mình đối với những người đã sẵn lòng chia sẻ với chúng ta tài năng của họ mà đã làm cảm động và soi dẫn chúng ta trong đại hội này.

Bằng cách giơ tay lên, chúng ta đã tán trợ Các Vị Thẩm Quyền được kêu gọi vào các chức vụ mới trong đại hội này. Chúng tôi muốn họ biết rằng chúng tôi trông đợi được làm việc với họ trong chính nghĩa của Đức Thầy.

Tôi bày tỏ tình yêu thương và lòng biết ơn đối với hai cố vấn tận tụy của tôi là Chủ Tịch Henry B. Eyring và Chủ Tịch Dieter F. Uchtdorf. Họ là

những người khôn ngoan và hiểu biết. Sự phục vụ của họ là vô giá. Tôi yêu thương và tán trợ các Anh Em của tôi trong Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ. Họ phục vụ hữu hiệu nhất và họ hoàn toàn tận tụy với công việc. Tôi cũng bày tỏ tình yêu thương của mình đối với các thành viên trong Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mười và Giám Trợ Đoàn Chủ Tọa.

Chúng ta gặp nhiều thử thách trong thế giới ngày nay, nhưng tôi quả quyết với các anh chị em rằng Cha Thiên Thượng quan tâm đến chúng ta. Ngài yêu thương mỗi người chúng ta và sẽ ban phước cho chúng ta khi chúng ta tìm kiếm Ngài qua sự cầu nguyện và cố gắng tuân giữ các giáo lệnh của Ngài.

Chúng ta là một giáo hội toàn cầu. Các tín hữu của chúng ta sống ở khắp nơi trên thế giới. Cầu xin cho chúng ta là công dân tốt của các quốc gia nơi mình đang sống, và là những người láng giềng tốt trong cộng đồng của mình, cùng tìm đến những người khác tín ngưỡng cũng như những người cùng tín ngưỡng với chúng ta. Cầu xin cho chúng ta là những tấm gương lương thiện, liêm chính bất cứ nơi nào chúng ta đi và trong bất cứ điều gì chúng ta làm.

Thưa các anh chị em, xin cảm ơn các anh chị em về những lời cầu nguyện thay cho tôi và cho tất cả Các Vị Thẩm Quyền Trung Ương của Giáo Hội. Chúng tôi vô cùng biết ơn các anh chị em và về tất cả những gì các anh chị em làm để đẩy mạnh công việc của Chúa.

Khi các anh chị em trở về nhà mình, cầu xin cho các anh chị em được an toàn. Cầu xin cho các phước lành của thiên thượng ở với các anh chị em.

Giờ đây, trước khi chúng ta ra về ngày hôm nay, tôi xin chia sẻ với các anh chị em tình yêu thương của tôi đối với Đấng Cứu Rỗi và sự hy sinh chuộc tội lớn lao của Ngài dành cho chúng ta. Trong ba tuần nữa, toàn thể thế giới Kỳ Tô giáo sẽ kỷ niệm lễ Phục Sinh. Tôi tin rằng không một ai trong chúng ta có thể thấu hiểu trọn vẹn tầm quan trọng về điều Đấng Kỳ Tô đã làm cho chúng ta trong Vườn Ghết Sê Ma Nê, nhưng tôi biết ơn mỗi ngày trong cuộc sống của mình về sự hy sinh chuộc tội của Ngài thay cho chúng ta.

Vào giờ phút cuối, Ngài đã có thể từ chối. Nhưng Ngài đã không làm như vậy. Ngài đã hạ mình xuống thấp hơn tất cả mọi vật để Ngài có thể cứu vạn vật. Khi làm như vậy, Ngài đã ban cho chúng ta sự sống ở bên kia cuộc sống trần thế. Ngài đã cứu chuộc chúng ta khỏi Sự Sa Ngã của A Đam.

Tôi biết ơn Ngài từ đáy lòng mình. Ngài đã dạy cho chúng ta cách để sống. Ngài đã dạy cho chúng ta cách để chết. Ngài đã bảo đảm sự cứu rỗi của chúng ta.

Để kết thúc, tôi xin chia sẻ với các anh chị em những lời cảm động do Emily Harris viết và mô tả rất rõ những cảm nghĩ của tôi khi đến lễ Phục Sinh:

*Tắm vải liệm từng ôm lấy thi hài Ngài
giờ trống rỗng.*

*Và nằm nơi đó,
Môi mề, trắng tinh và sạch sẽ.*

Cánh cửa mở ngõ.

*Tàng đá được lăn đi,
Và gần như tôi có thể nghe được thiên
thần hát ngợi ca Ngài.*

*Tắm vải liệm không thể ngăn giữ
Ngài.*

Tàng đá không thể cầm giữ Ngài.

Những lời vang lên trong suốt căn phòng vách đá vôi,
 “Ngài không ở đây đâu.”
 Tâm vấp liệm từng ôm lấy thi hài Ngài
 giờ trống rỗng.
 Và nằm nơi đó,
 Môi mề, trắng tinh và sạch sẽ.
 Và ôi, Ha Lê Lu Gia, trống rỗng.¹

Xin phước lành ở với các anh chị em. Trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Emily Harris, “Empty Linen,” *New Era*, tháng Tư năm 2011, 49.



Bài của Ann M. Dibb

Đệ Nhị Cố Vấn trong Chủ Tịch Đoàn Trung Ương Hội Thiếu Nữ

Tôi Tin ở Sự Lương Thiện, Chân Thành

Trung thành với niềm tin của chúng ta—ngay cả khi việc đó không phải là điều phổ biến, dễ dàng hoặc thú vị—sẽ giữ chúng ta an toàn trên con đường dẫn đến cuộc sống vĩnh cửu với Cha Thiên Thượng.

Các em thiếu nữ thân mến, đây là đặc ân và cơ hội lớn lao đối với tôi để đứng trước các em vào buổi tối hôm nay. Các em tạo nên một khung cảnh tuyệt vời và đầy cảm hứng.

Tín điều thứ mười ba là chủ đề của Hội Hỗ Tương Thanh Niên Thiếu Nữ Năm 2011. Khi tham dự các buổi họp và lễ Tiệc Thánh của giới trẻ năm nay, tôi đã nghe các thiếu niên và thiếu nữ chia sẻ tín điều thứ mười ba có ý nghĩa gì đối với họ và cách áp dụng tín điều đó vào cuộc sống của họ. Có nhiều người biết đó là tín điều cuối cùng, dài nhất, khó nhớ nhất và là tín điều mà họ hy vọng rằng vị giám trợ sẽ không bao họ đọc thuộc lòng. Tuy nhiên, nhiều người trong các em cũng hiểu được rằng tín điều thứ mười ba còn có ý nghĩa nhiều hơn nữa.

Tín điều thứ mười ba là một điều hướng dẫn cho cuộc sống Ky Tô hữu ngay chính. Hãy tưởng tượng trong

một giây lát về thế giới của chúng ta sẽ như thế nào nếu mọi người đều chọn sống theo những điều giảng dạy trong tín điều thứ mười ba: “Chúng tôi tin ở sự lương thiện, chân thành, trinh khiết, bác ái, đạo đức và làm điều thiện cho tất cả mọi người; thật vậy, chúng tôi có thể nói rằng chúng tôi theo lời khuyên răn của Phao Lô—Chúng tôi tin tất cả mọi điều, chúng tôi hy vọng tất cả mọi điều, chúng tôi đã chịu đựng được nhiều điều, và hy vọng có thể chịu đựng được tất cả mọi điều. Nếu có điều gì đạo đức, đáng yêu chuộng, hay có tiếng tốt hay đáng khen, thì chúng tôi theo đuổi những điều này.”

Trong bài nói chuyện tại đại hội trung ương vào sáng Chúa Nhật đầu tiên, với tư cách là vị tiên tri, Chủ Tịch Thomas S. Monson đã trích dẫn lời dạy của Phao Lô trong Phi Líp 4:8, mà đã gây cảm hứng cho nhiều nguyên tắc trong tín điều thứ mười ba. Chủ



Montalban, Philippine

Tịch Monson đã nhìn nhận thời điểm khó khăn mà chúng ta đang sống và đưa ra lời khuyên khích. Ông nói: “Trong cuộc hành trình đôi khi thật bấp bênh này xuyên qua cuộc sống trần thế, cầu mong chúng ta . . . tuân theo lời khuyên từ Sứ Đồ Phao Lô mà sẽ giúp giữ chúng ta được an toàn và đi đúng đường.”¹

Buổi tối hôm nay, tôi xin được tập trung vào hai nguyên tắc liên quan chặt chẽ với nhau trong tín điều thứ mười ba mà nhất định giúp “giữ chúng ta được an toàn và đi đúng đường.” Tôi có một chứng ngôn và cam kết vững mạnh về hai nguyên tắc quan trọng này về sự lương thiện và chân thành.

Trước hết, “[Tôi] tin ở sự lương thiện.” Lương thiện có nghĩa là gì? Quyển sách nhỏ *Trung Thành cùng Đức Tin* dạy: “Lương thiện có nghĩa là luôn luôn thành thật, chân thật và không gian dối.”² Thượng Đế truyền lệnh phải sống lương thiện,³ và “sự lương thiện hoàn toàn là cần thiết cho sự cứu rỗi của chúng ta.”⁴

Chủ Tịch Howard W. Hunter dạy rằng chúng ta cần phải sẵn lòng để hoàn toàn lương thiện. Ông nói:

“Cách đây vài năm, có những tấm bích chương trong phòng đợi và lối vào của giáo đường chúng tôi có ghi: ‘Hãy Lương Thiện với Bản Thân Mình.’ Đa số những tấm bích chương này nói đến những điều nhỏ nhặt bình thường của đời sống. Đây chính là nơi trau dồi các nguyên tắc lương thiện.

“Có một số người sẽ thừa nhận rằng sự bất lương trong những điều lớn lao là sai trái về mặt đạo đức, nhưng lại

tin rằng sự bất lương đó có thể tha thứ được nếu là trong những điều ít quan trọng hơn. Thật sự có gì khác biệt giữa sự bất lương dính líu đến một ngàn đô la hoặc sự bất lương chỉ liên quan đến mười xu không? . . . Thật sự có những mức độ bất lương, tùy thuộc vào vấn đề lớn hoặc nhỏ không?”

Chủ Tịch Hunter tiếp tục dạy rằng: “Nếu muốn có được sự đồng hành của Đức Thầy và Đức Thánh Linh, thì chúng ta cần phải lương thiện với bản thân mình, lương thiện với Thượng Đế và với đồng bào của mình. Điều này đưa đến niềm vui đích thực.”⁵

Khi lương thiện trong mọi điều, lớn lẫn nhỏ, chúng ta có được bình an trong tâm trí và một lương tâm trong sáng. Những mối quan hệ của chúng ta được tốt đẹp hơn vì chúng dựa vào sự tin cậy. Và phước lành lớn nhất đến từ sự lương thiện là chúng ta có thể có được sự đồng hành của Đức Thánh Linh.

Tôi xin chia sẻ một câu chuyện giản dị mà đã củng cố sự cam kết của tôi để luôn lương thiện trong mọi điều:

“Một buổi tối nọ, có một người đi ăn trộm bắp từ ruộng bắp của người láng giềng của mình. Người ấy dẫn theo đứa con trai nhỏ của mình để nó ngồi trên hàng rào và canh chừng, rồi báo động trong trường hợp có ai đi đến. Người ấy trèo qua hàng rào với một cái bao lớn quàng vào tay, và trước khi bắt đầu lấy bắp thì người ấy nhìn quanh, trước hết nhìn bên này rồi kể đến nhìn bên kia, và không thấy ai nên người ấy đang định bỏ bắp vào đầy bao. . . . [Rồi đứa con kêu lên]:

“Cha ơi, có một chỗ mà cha chưa nhìn! . . . Cha quên nhìn lên trên rồi.”⁶

Khi bị cám dỗ để bất lương, và sự cám dỗ này đến với tất cả chúng ta, thì chúng ta có thể tưởng rằng không một ai sẽ biết cả. Câu chuyện này nhắc chúng ta nhớ rằng Cha Thiên Thượng luôn luôn biết, và cuối cùng chúng ta chịu trách nhiệm với Ngài. Sự hiểu biết đó giúp tôi tiếp tục cố gắng sống theo điều cam kết này: “[Tôi] tin ở sự lương thiện.”

Nguyên tắc thứ hai dạy trong tín điều thứ mười ba là “Tôi tin ở sự chân thành.” Tự điển định nghĩa từ *chân thành* là “kiên định,” “trung thành,” “đúng đắn,” hoặc “không dời đổi.”⁷

Một trong số các quyển sách ưa thích của tôi là tác phẩm kinh điển tiếng Anh có tựa đề là *Jane Eyre*, do Charlotte Bronte viết vào năm 1847. Nhân vật chính, Jane Eyre, là một thiếu nữ mồ côi, nghèo khó tiêu biểu cho ý nghĩa của sự chân thành. Trong tiểu thuyết này, một người tên là Ông Rochester, yêu Cô Eyre nhưng không thể kết hôn với cô được. Thay vì thế, ông ta đề nghị Cô Eyre sống với ông mà không kết hôn. Cô Eyre cũng yêu Ông Rochester và trong giây phút bị cám dỗ, cô đã tự hỏi: “Có ai trên thế gian này quan tâm đến *ta* không? Hay là ai sẽ bị tổn thương bởi điều *ta* làm?”

Lương tâm của Jane nhanh chóng đáp: “*Ta* lo cho bản thân *ta*. Càng cô đơn, không bạn bè, không có ai giúp đỡ, thì *ta* càng phải tôn trọng mình.





Ta sẽ giữ luật do Thượng Đế ban cho. . . Các luật pháp và các nguyên tắc không phải dành cho những lúc không có cám dỗ mà còn cho những giây phút như bây giờ đây. . . Nếu bất cứ lúc nào thuận tiện cho ta vi phạm các lệnh truyền, thì các lệnh truyền này còn có giá trị gì không? Các lệnh truyền này đều có một giá trị—vậy nên ta đã luôn tin tưởng. . . Những quan điểm đã được nhận thức trước, những quyết tâm đã định rồi là tất cả những điều mà vào giờ phút này ta sẽ vẫn tiếp tục trung thành.”⁸

Trong một giây phút cám dỗ đầy tuyệt vọng, Jane Eyre đã trung thành với niềm tin của mình, cô ta đã tin cậy nơi luật pháp do Thượng Đế ban cho, và cô ta đã giữ vững lập trường của mình để chống lại cám dỗ.

Trung thành với niềm tin của chúng ta—ngay cả khi việc đó không phải là điều phổ biến, dễ dàng hoặc thú vị—sẽ giữ chúng ta an toàn trên con đường dẫn đến cuộc sống vĩnh cửu với Cha Thiên Thượng. Tôi yêu thích bức tranh này do một thiếu nữ



vẽ để nhắc nhở em ấy về ước muốn có được niềm vui khi sống vĩnh viễn với Cha Thiên Thượng.

Sự chân thành cũng cho phép chúng ta có được một ảnh hưởng tích cực đến cuộc sống của những người khác. Tôi mới nghe kể câu chuyện đầy cảm hứng này về một thiếu nữ, qua sự cam kết để trung thành với niềm tin của mình, đã có một ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của một thiếu nữ khác.

Cách đây vài năm, Kristi và Jenn hát chung trong một ca đoàn của lớp học trong trường trung học của họ ở Hurst, Texas. Mặc dù hai em ấy không biết rõ nhau, nhưng một ngày nọ Jenn đã nghe lỗim Kristi nói chuyện với bạn bè của bạn ấy về tôn giáo, những sự tin tưởng khác nhau của họ và những câu chuyện ưa thích trong Kinh Thánh. Mới đây, khi liên lạc lại với Kristi, Jenn chia sẻ câu chuyện này:

“Tôi cảm thấy rất buồn vì tôi không biết gì cả về điều mà bạn và bạn bè của bạn nói chuyện, vậy nên tôi đã xin cha mẹ tôi một quyển Kinh Thánh nhân lễ Giáng Sinh. Tôi nhận được quyển Kinh Thánh và tôi bắt đầu đọc. Điều này bắt đầu cho cuộc tìm kiếm tôn giáo và Giáo Hội chân chính của tôi. . . Mười hai năm trôi qua. Trong thời gian đó, tôi có đi tham quan vài giáo hội và tham dự nhà thờ thường xuyên nhưng vẫn cảm thấy có một điều gì hơn thế nữa. Một đêm nọ, tôi

quỳ xuống và cầu khẩn để biết phải làm gì. Đêm đó, tôi mơ thấy bạn, Kristi ạ. Tôi chưa gặp lại bạn kể từ khi chúng ta tốt nghiệp trung học. Tôi nghĩ rằng giấc mơ của tôi rất lạ lùng, nhưng tôi không nghĩ là nó có ý nghĩa gì cả. Tôi lại mơ thấy bạn một lần nữa trong ba đêm liền. Tôi dành thời giờ ra suy nghĩ về ý nghĩa của các giấc mơ của mình. Tôi nhớ rằng bạn là người Mặc Môn. Tôi tìm xem trang mạng Mặc Môn. Điều đầu tiên tôi bắt gặp là Lời Thông Sáng. Mẹ tôi đã qua đời vì bệnh ung thư phổi hai năm trước. Bà đã hút thuốc và việc đọc về Lời Thông Sáng thật sự có ý nghĩa lớn lao đối với tôi. Về sau, tôi đến thăm nhà cha tôi. Tôi ngồi trong phòng khách của ông và tôi bắt đầu cầu nguyện. Tôi cầu xin được biết đi đâu và phải làm gì. Vào lúc ấy, một mục quảng cáo về Giáo Hội hiện lên trên truyền hình. Tôi viết xuống số điện thoại và gọi ngay đêm ấy. Những người truyền giáo gọi điện thoại cho tôi ba ngày sau và hỏi xem họ có thể mang một quyển Sách Mặc Môn đến nhà tôi không. Tôi nói: ‘Được.’ Tôi chịu phép báp têm ba tháng rưỡi sau đó. Hai năm sau, tôi gặp chồng tôi ở nhà thờ. Chúng tôi kết hôn trong Đền Thờ Dallas. Giờ đây, chúng tôi có hai đứa con nhỏ xinh xắn.

“Kristi ơi, tôi muốn cảm ơn bạn. Bạn đã nêu lên một tấm gương tuyệt

vời trong suốt những năm trung học. Bạn rất nhân từ và đức hạnh. Hai người truyền giáo đã dạy cho tôi những bài học và mời tôi chịu phép báp têm, nhưng *bạn* chính là người truyền giáo thứ ba của tôi. Bạn đã gieo một mầm mống qua hành động của bạn và bạn thật sự đã làm cho cuộc sống của tôi tốt hơn. Giờ đây, tôi đã có một gia đình vĩnh cửu. Con cái tôi sẽ lớn lên và biết được phúc âm trọn vẹn. Đó là phước lành lớn nhất mà bất cứ ai trong chúng ta cũng có thể được ban cho. Bạn đã giúp mang phước lành đó vào cuộc sống của tôi.”

Khi tôi liên lạc với Kristi, chị chia sẻ: “Đôi khi, tôi nghĩ rằng chúng ta nghe các thuộc tính được liệt kê trong tín điều thứ mười ba, và chúng ta cảm thấy có quá nhiều điều để làm theo. Tuy nhiên, tôi biết rằng nếu chúng ta sống theo các tiêu chuẩn này và cố gắng noi theo gương của Đấng Ky Tô, thì chúng ta có thể tạo nên điều khác biệt. . . . Tôi cảm thấy rất giống như Am Môn trong An Ma 26:3 khi ông nói: ‘Và đây chính là phước lành đã được ban cho chúng ta, vì chúng ta đã được làm thành những công cụ trong tay Thượng Đế để thực hiện công việc vĩ đại này.’”

Tôi cầu nguyện rằng mỗi em sẽ không những nói rằng “tôi tin ở sự lương thiện, chân thành,” mà còn sẽ cam kết sống theo lời hứa đó mỗi một ngày. Tôi cầu nguyện rằng khi các em làm như vậy thì sức mạnh, tình yêu thương và các phước lành của Cha Thiên Thượng sẽ hỗ trợ các em khi các em làm công việc mà mình đã được gửi đến đây để làm. Tôi nói những điều này trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Thomas S. Monson, “Nhìn Lại và Tiến Bước,” *Liahona*, tháng Năm năm 2008, 90.
2. *Trung Thành cùng Đức Tin* (2004), 84.
3. Xin xem Xuất Ê Đíp Tô Ký 20:15–16.
4. *Các Nguyên Tắc Phúc Âm* (2009), 179.
5. Howard W. Hunter, “Basic Concepts of Honesty,” *New Era*, tháng Hai năm 1978, 4, 5.
6. William J. Scott, “Forgot to Look Up,” *Scott’s Monthly Magazine*, tháng Mười Hai năm 1867, 953.
7. Xin xem *Merriam-Webster’s Collegiate Dictionary*, xuất bản lần thứ 11 (2003), “true.”
8. Charlotte Brontë, *Jane Eyre* (2003), 356.



Bài của Mary N. Cook

Đệ Nhất Cố Vấn trong Chủ Tịch Đoàn Trung Ương Hội Thiếu Nữ

“Hãy Nhớ Rằng: Lòng Nhân Nên Khởi Từ Tôi”

Lòng bác ái có thể mang niềm vui và tình đoàn kết đến cho mái gia đình, lớp học, tiểu giáo khu và trường học của các em.

Cách đây vài tuần, tôi học được một bài học quan trọng từ một em thiếu nữ lớp Laurel khi em ấy nói chuyện trong tiểu giáo khu của tôi. Tôi xúc động khi nghe em ấy giảng dạy và làm chứng một cách tự tin về Chúa Giê Su Ky Tô. Em ấy kết thúc bài nói chuyện của mình với câu này: “Khi tôi đặt Chúa Giê Su Ky Tô làm trọng tâm của cuộc sống mình, thì tôi có một ngày vui hơn, tôi tử tế hơn với những người thân của mình và lòng tôi tràn đầy niềm vui.”

Tôi đã lặng lẽ quan sát em thiếu nữ này trong vài tháng qua. Em ấy chào hỏi mọi người với một nụ cười và đôi mắt long lanh. Tôi đã thấy em ấy vui mừng với thành công của những người trẻ tuổi khác. Hai em gái trong lớp Mía Maid mới vừa kể cho tôi nghe về quyết định của em thiếu nữ ấy đã bỏ vé đi xem phim của mình khi em ấy biết rằng đó sẽ không phải là một kinh nghiệm “đạo đức, đáng yêu chuộng.”¹ Em ấy rất dễ thương, tử tế và ngoan ngoãn. Em ấy sống trong một gia đình chỉ có người mẹ thôi, và cuộc sống

của em không phải là không có thử thách, vậy nên tôi tự hỏi làm thế nào em có thể duy trì tinh thần vui vẻ tử tế của em. Khi em ấy làm chứng rằng: “Tôi đặt Chúa Giê Su Ky Tô làm trọng tâm của cuộc sống mình,” thì tôi đã có được câu trả lời rồi.

“Chúng tôi tin ở sự lương thiện, chân thành, trinh khiết, bác ái, đạo đức và làm điều thiện cho tất cả mọi người.” Bản liệt kê các thuộc tính tuyệt diệu giống như Đấng Ky Tô này được thấy trong tín điều thứ mười ba, sẽ chuẩn bị cho chúng ta nhận được các phước lành của đền thờ và cuộc sống vĩnh cửu.

Tôi chỉ xin chú trọng vào một từ duy nhất trong số các từ này—*bác ái*. *Bác ái* là một từ đáng yêu mà chúng ta thường ít nghe thấy. *Bác ái* là nhân từ, có chủ ý tốt và nhân đức.² Nhiều em đã biết về ý nghĩa của lòng bác ái khi các em ở trong Hội Thiếu Nhi và thuộc lòng bài hát này:

*Lòng nhân nên ban phát đều cho mỗi người,
Này anh, cách đó rất đúng.*



Vì vậy tôi luôn tự bảo: “Hãy nhớ rằng: Lòng nhân nên khởi từ tôi.”³

Đấng Cứu Rỗi đã dạy chúng ta về việc sống một cuộc sống bác ái và Ngài đã sống một cuộc sống như vậy. Chúa Giê Su yêu thương và phục vụ tất cả mọi người. Việc đặt Chúa Giê Su Ky Tô làm trọng tâm của cuộc sống mình sẽ giúp chúng ta đạt được thuộc tính bác ái này. Để phát triển các thuộc tính giống như Đấng Ky Tô này, chúng ta cần phải học hỏi về Đấng Cứu Rỗi và “đi theo lối Ngài.”⁴

Từ câu chuyện ngụ ngôn về Người Sa Ma Ri nhân lành, chúng ta biết được rằng chúng ta phải yêu thương mọi người. Câu chuyện bắt đầu ở chương 10 sách Lu Ca, khi một thầy dạy luật hỏi Đấng Cứu Rỗi: “Thưa thầy, tôi phải làm gì để được hưởng sự sống đời đời?”

Câu trả lời là: “Người phải hết lòng, hết linh hồn, hết sức, hết trí mà kính mến Chúa là Đức Chúa Trời người; và

yêu người lân cận như mình.”

Thầy dạy luật bèn hỏi: “Ai là người lân cận tôi?” Đối với thầy dạy luật, đó là một câu hỏi rất thú vị để đặt ra, vì dân Do Thái có những người lân cận ở phía bắc, là người Sa Ma Ri, là những người mà họ ghét nhiều đến nỗi khi họ đi từ thành Giê Ru Sa Lem đến Ga Li Lê, họ thường lấy con đường dài hơn ngang qua Thung Lũng Giô Đanh thay vì đi ngang qua Sa Ma Ri.

Chúa Giê Su trả lời câu hỏi của thầy dạy luật bằng cách kể câu chuyện ngụ ngôn về Người Sa Ma Ri nhân lành.

Theo như câu chuyện ngụ ngôn,

“Có một người từ thành Giê Ru Sa Lem xuống thành Giê Ri Cô, lâm vào kẻ cướp, nó giết lột hết, đánh cho mình mẩy bị thương rồi đi, để người đó nửa sống nửa chết. . . .

“Song có một người Sa Ma Ri đi đường, đến gần người đó, ngó thấy thị động lòng thương;

“bèn áp lại, lấy dầu và rượu xức chỗ bị thương, rồi rịt lại; đoạn, cho cỡi

con vật mình đem đến nhà quán, mà săn sóc cho.

“Đến bữa sau, lấy hai đơ ni ê đưa cho chủ quán, dặn rằng: Hãy săn sóc người này, nếu tốn hơn nữa, khi tôi trở về sẽ trả.”⁵

Khác với thầy tế lễ người Do Thái và người Lê Vi đi ngang qua người bị thương cũng là dân của họ, người Sa Ma Ri thì lại nhân từ bất chấp sự khác biệt. Người Sa Ma Ri này đã cho thấy thuộc tính bác ái giống như Đấng Ky Tô. Chúa Giê Su đã dạy chúng ta qua câu chuyện này rằng mọi người đều là người lân cận của mình.

Một cổ vấn trong một giám trợ đoàn mới vừa chia sẻ một kinh nghiệm giảng dạy về việc mỗi người lân cận thì quan trọng như thế nào. Trong khi nhìn xuống giáo đoàn, vị ấy thấy một đứa trẻ có một hộp bút chì màu với rất nhiều màu sắc khác nhau. Khi nhìn vào nhiều tín hữu trong tiểu giáo khu của mình, vị ấy nhớ rằng giống như các cây bút chì màu, họ cũng rất giống nhau nhưng mỗi người thì cũng độc nhất vô nhị.

Vị ấy nhận xét: “Những màu sắc mà họ mang đến cho tiểu giáo khu và thế giới là độc nhất vô nhị. . . . Họ có ưu điểm và khuyết điểm riêng, khát khao riêng, ước mơ riêng của họ. Nhưng họ hòa lẫn với nhau thành một sự thuần nhất thuộc linh đầy màu sắc.” . . .

“Sự thuần nhất là một đức tính thuộc linh. Đó là những cảm nghĩ bình an tuyệt vời và mục đích có được từ việc thuộc vào một gia đình. . . . Sự thuần nhất này là mong muốn điều tốt đẹp nhất cho những người khác giống như các anh chị em muốn điều tốt đẹp nhất cho bản thân mình. . . . Đó là việc biết được rằng không một ai sẽ làm hại mình. [Điều đó có nghĩa là các em sẽ không bao giờ cô đơn một mình.]”⁶

Chúng ta xây đắp sự thuần nhất đó và chia sẻ những màu sắc riêng của mình qua lòng bác ái: hành động nhân từ của cá nhân.

Có bao giờ các em cảm thấy cô đơn không? Các em có bao giờ thấy những người cô đơn sống trong một thế giới u buồn ảm đạm không? Các em thiếu nữ thân mến, tôi đã thấy các em mang đến màu sắc riêng của mình vào cuộc sống của những người khác



với nụ cười, lời nói tử tế hoặc một lá thư ngắn đầy khích lệ.

Chủ Tịch Thomas S. Monson dạy chúng ta cách giao tiếp với bạn bè của mình và mọi người chúng ta gặp gỡ khi ông nói với các thiếu nữ của Giáo Hội: “Các em thiếu nữ quý báu, tôi van nài các em hãy có lòng can đảm để không phê phán và chỉ trích những người chung quanh mình, cũng như lòng can đảm để chắc chắn rằng mọi người đều được mời tham gia và cảm thấy được thương yêu và quý trọng.”⁷

Chúng ta có thể noi theo gương của Người Sa Ma Ri nhân lành và “thay đổi thế giới” của chỉ một người qua lòng bác ái.⁸ Tôi xin mời mỗi em hãy làm ít nhất một hành động giống như người Sa Ma Ri trong tuần tới. Điều đó có thể đòi hỏi các em phải tìm đến những người khác hơn là những người bạn thường ngày của mình, hoặc khắc phục tính nhút nhát của mình. Các em có thể can đảm chọn phục vụ một người nào đó không đối xử tốt với mình. Tôi hứa rằng nếu các em chịu tự mình vượt lên trên những điều dễ làm, thì các em sẽ cảm thấy vui trong lòng đến nỗi lòng nhân từ đó sẽ trở thành một phần cuộc sống hằng ngày của các em. Các em sẽ thấy rằng lòng bác ái có thể mang niềm vui và tình đoàn kết đến cho mái gia đình, lớp học, tiểu giáo khu và trường học của các em. “Hãy nhớ rằng: lòng nhân nên khởi từ tôi.”

Đấng Cứu Rỗi không những yêu thương tất cả mọi người mà Ngài còn

phục vụ tất cả mọi người. Hãy ban phát lòng nhân từ của các em cho nhiều người. Những người già cả và trẻ tuổi đều có thể được ban phước nhờ sự phục vụ nhân từ của các em. Từ khi còn trẻ, Chủ Tịch Monson đã luôn luôn dành ra một chỗ đặc biệt trong tim ông cho những người già cả. Ông nhận biết giá trị của một cuộc viếng thăm ngắn, một nụ cười luôn nở trên môi hoặc một cái xiết nhẹ bàn tay gầy gò, nhăn nheo. Những cử chỉ bác ái giản dị như vậy mang màu sắc vào một cuộc sống mà đôi khi chỉ có những ngày dài cô đơn ảm đạm. Tôi xin mời mỗi em hãy quan tâm đến ông bà của mình và những người già cả. Hãy nhìn quanh nhà thờ ngày mai và nhận ra một người nào đó già cả mà có thể dùng màu sắc của em để thêm vào cuộc sống của họ. Các em không cần phải làm gì nhiều: chỉ cần chào hỏi họ bằng tên của họ, hỏi han họ vài câu, sẵn sàng phụ giúp họ. Các em có thể mở cửa cho họ hoặc đề nghị giúp dọn dẹp nhà cửa hay làm vườn cho họ không? Chỉ một công việc giản dị đối với các em đang ở độ tuổi tuổi thanh xuân có thể là một dự án nặng nhọc đối với một người lớn tuổi hơn. “Hãy nhớ rằng: lòng nhân nên khởi từ tôi.”

Đôi khi, việc sống bác ái là điều khó khăn nhất trong gia đình của chúng ta. Cần phải có nỗ lực để có một gia đình vững mạnh. “Hãy vui vẻ, giúp ích và ân cần đối với những người khác. Nhiều vấn đề trong gia đình xảy ra vì những

người trong gia đình nói và hành động một cách ích kỷ hay không tử tế. Hãy biết quan tâm đến các nhu cầu của những người khác trong gia đình. Hãy cố gắng làm một người hòa giải hơn là chọc gheo, gây gỗ và cãi lộn.”⁹ “Hãy nhớ rằng: lòng nhân nên khởi từ tôi.”

Chúa Giê Su yêu thương trẻ em, ôm chúng vào lòng Ngài và ban phước cho chúng.¹⁰ Giống như Đấng Cứu Rỗi, các em cũng có thể ban phước cho tất cả mọi trẻ em với lòng nhân từ của mình, chứ không chỉ đối với các trẻ em trong nhà mình mà thôi.

Các em có thể không biết cuộc sống và tấm gương của mình có thể có ảnh hưởng như thế nào đối với một trẻ nhỏ. Tôi mới vừa nhận được một lá thư ngắn từ một người bạn đang trông coi một trung tâm giữ trẻ trong một trường trung học địa phương. Một số thanh niên và thiếu nữ tín hữu của Giáo Hội theo học ở đó. Chị chia sẻ với tôi kinh nghiệm này: “Khi tôi cùng các em nhỏ đi ngang qua hành lang thì thật là dễ chịu khi thấy bên trong các cánh cửa tủ riêng đựng đồ của học sinh có dán hình của Chúa Giê Su hoặc hình đèn thờ. Một trong số những đứa trẻ đó thấy hình Chúa Giê Su ở bên trong cánh cửa đang mở của tủ đựng đồ học sinh của một [thiếu nữ] và nói: ‘Kìa, Chúa Giê Su ở trường học của chúng ta!’ Em học sinh đó đã cảm động rơi nước mắt khi em ấy cúi xuống và ôm hôn đứa trẻ đó. Tôi cảm ơn em thiếu nữ đó về tấm gương tốt của em đối với những người xung quanh. Thật là nâng cao tinh thần khi biết được rằng có rất nhiều người trẻ tuổi đang cố gắng đứng lên bênh vực cho lẽ thật và sự ngay chính cũng như làm phần vụ của họ trong việc mời gọi Thánh Linh vào cuộc sống của họ, mặc dù đôi khi rất khó để làm với tất cả những tiếng ồn ào và điều thô bỉ trong thế giới quanh họ. Chúng ta có một số thanh thiếu niên tuyệt diệu trong Giáo Hội.”

Tôi hoàn toàn đồng ý! Các em thiếu nữ thân mến, các em đang thay đổi thế giới bằng cách đặt Chúa Giê Su Ky Tô làm trọng tâm của cuộc sống mình và các em đang “trở thành con người mà Ngài muốn các em trở thành.”¹¹

Cám ơn các em về cuộc sống bác ái của các em; vì đã mời gọi những người có thể khác biệt với mình cùng tham gia với các em; vì lòng nhân từ của các em đối với bạn bè, người già cả, gia đình các em, và các trẻ nhỏ; vì đã làm người lân cận với những người cô đơn, những người gặp thử thách và đau khổ. Qua lòng bác ái của mình, các em đang “chỉ đường [cho những người khác] đến cùng ánh sáng của Đấng Cứu Rỗi.”¹² Cám ơn các em đã nhớ rằng “lòng nhân nên khởi từ tôi.”

Tôi biết rằng Chủ Tịch Thomas S. Monson là vị tiên tri của Thượng Đế với cuộc sống của ông là mẫu mực về lòng bác ái mà chúng ta có thể học hỏi. Hãy tuân theo vị tiên tri. Hãy học từ tấm gương của ông và lắng nghe lời ông. Tôi tin nơi phúc âm của Chúa Giê Su Kỵ Tô, và tôi biết rằng chức tư tế đã được phục hồi cho thế gian qua Joseph Smith.

Tôi biết rằng Đấng Cứu Rỗi của chúng ta hằng sống và yêu thương mỗi người chúng ta. Ngài đã phó mạng sống Ngài cho tất cả mọi người. Tôi cầu nguyện rằng chúng ta sẽ đặt Chúa Giê Su Kỵ Tô làm trọng tâm cuộc sống của mình và “đi theo lối Ngài” bằng cách yêu thương và phục vụ lẫn nhau.¹³ Khi làm như vậy, tôi biết rằng chúng ta có thể làm cho thế giới thành một nơi tốt hơn, vì “chúng [ta] tin ở sự bác ái.”¹⁴ Tôi làm chứng như vậy, trong tôn danh của Chúa Giê Su Kỵ Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Xin xem Những Tín Điều 1:13.
2. Xin xem *Oxford English Dictionary Online*, xuất bản lần thứ nhì (1989), “benevolent,” oed.com.
3. “Lòng Nhân Nên Khởi từ Tôi,” *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiếu Nhi*, trang 145.
4. “Guardians of Virtue,” *Strength of Youth Media 2011: We Believe* (DVD, 2010); cũng có sẵn tại lds.org/youth/video/youth-theme-2011-we-believe.
5. Lu Ca 10:25, 27, 29, 30, 33–35.
6. Jerry Earl Johnston, “The Unity in a Ward’s Uniqueness,” *Mormon Times*, tháng Hai 9, 2011, M1, M12.
7. Thomas S. Monson, “Cầu Xin cho Các Em Có Can Đảm,” *Liahona*, tháng Năm năm 2009, 125.
8. “Những Người Bảo Vệ Đức Hạnh.”
9. *Cho Sức Mạnh của Giới Trẻ* (quyển sách nhỏ, 2001), 10.
10. Xin xem Mác 10:16.
11. “Những Người Bảo Vệ Đức Hạnh.”
12. “Những Người Bảo Vệ Đức Hạnh.”
13. “Những Người Bảo Vệ Đức Hạnh.”
14. Những Tín Điều 1:13.



Bài của Elaine S. Dalton
Chủ Tịch Hội Thiếu Nữ Trung Ương

Những Người Bảo Vệ Đức Hạnh

Hãy chuẩn bị từ bây giờ để các em có thể hội đủ điều kiện nhằm nhận được tất cả các phước lành đang chờ đợi mình trong đền thờ thánh của Chúa.

Có những lúc mà lời nói không thể diễn tả hết được cảm nghĩ của chúng ta. Tôi cầu nguyện rằng Thánh Linh sẽ làm chứng với tâm hồn các em về nguồn gốc thiêng liêng và trách nhiệm vĩnh cửu của các em. Các em là niềm hy vọng của Y Sơ Ra Ên. Các em là các con gái chọn lọc và hoàng gia của Cha Thiên Thượng nhân từ.

Tháng trước, tôi có cơ hội tham dự hôn lễ trong đền thờ của một thiếu nữ mà tôi biết từ khi em ấy mới chào đời. Khi ngồi trong căn phòng làm lễ gần bố, nhìn vào cái đèn chùm xinh đẹp lấp lánh trong ánh sáng của đèn thờ, tôi đã nhớ đến cái ngày tôi bế em ấy lần đầu tiên. Mẹ của em đã mặc cho em một cái áo đầm nhỏ màu trắng, và tôi nghĩ rằng em ấy là một trong số những đứa bé sơ sinh xinh xắn nhất mà tôi từng gặp. Rồi người thiếu nữ này bước qua ngưỡng cửa, một lần nữa mặc đồ màu trắng. Em ấy trông rạng rỡ và vui vẻ. Khi em ấy bước vào phòng, tôi đã vô cùng mong muốn mỗi thiếu nữ đều có thể hình dung ra giây phút đó và cố gắng luôn luôn xứng đáng để lập cùng tuân giữ các giao ước thiêng liêng cùng như tiếp nhận các giáo lễ

của đền thờ nhằm chuẩn bị vui hưởng các phước lành của sự tôn cao.

Khi cặp trai gái này quỳ xuống tại bàn thờ thánh, họ đã nhận được lời hứa vượt quá sự hiểu biết của người trần thế mà sẽ ban phước, củng cố và giúp đỡ họ trong cuộc sống hữu diệt của họ. Chính là một trong những giây phút đó mà thế gian ngừng lại và cả thiên thượng hân hoan. Khi cặp vợ chồng mới cưới nhìn vào các tấm gương lớn trong phòng, thì chú rể được hỏi là anh ta nhìn thấy điều gì. Anh ta đáp: “Tất cả tổ tiên của tôi đã qua đời.” Rồi cặp vợ chồng đó nhìn vào tấm gương lớn trên bức tường đối diện, và cô dâu nói với đôi mắt nhòa lệ: “Tôi thấy tất cả con cháu của tôi sẽ được sinh ra.” Em ấy đã thấy gia đình tương lai của mình—hậu duệ của mình. Tôi biết rằng trong giây phút đó em ấy một lần nữa hiểu được sự tin tưởng vào việc sống trinh khiết và đức hạnh thì quan trọng biết bao. Không có cảnh nào đẹp hơn cảnh một cặp vợ chồng đã được chuẩn bị một cách thích hợp cùng nhau quỳ xuống tại bàn thờ trong đền thờ.

Những năm của các em trong Hội Thiếu Nữ sẽ chuẩn bị cho các em



đi đền thờ. Nơi đó, các em sẽ nhận được các phước lành mà các em được quyền có với tư cách là con gái yêu quý của Thượng Đế. Cha Thiên Thượng yêu thương các em và muốn các em được hạnh phúc. Muốn được như vậy, thì các em phải “bước đi trên những con đường đức hạnh”¹ và “trung tín tuân giữ những giao ước [của mình].”²

Các em thiếu nữ thân mến, trong một thế giới càng ngày càng có nhiều vấn đề đạo đức bị suy đồi, khoan dung điều ác, lợi dụng phụ nữ và bóp méo các vai trò, thì các em cần phải đề phòng cho mình, cho gia đình và tất cả những người mà các em kết giao. Các em phải là những người bảo vệ đức hạnh.

Đức hạnh là gì và người bảo vệ là gì? “Đức hạnh là mẫu mực về ý nghĩ và hành vi dựa trên các tiêu chuẩn đạo đức cao, gồm có sự trinh khiết và thanh sạch [về mặt đạo đức].”³ Và một người bảo vệ là gì? Một người bảo vệ là một người che chở, giữ gìn và bênh vực.⁴ Như vậy, với tư cách là một người bảo vệ đức hạnh, các em sẽ che chở, giữ gìn cùng bênh vực cho sự thanh sạch về mặt đạo đức vì khả năng tạo ra sự sống hữu diệp là một quyền năng thiêng liêng và tôn cao cũng như cần phải được giữ gìn cho đến khi các em kết hôn. Đức hạnh là một điều kiện cần thiết để có được sự đồng hành và hướng dẫn của Đức Thánh Linh. Các em sẽ cần sự hướng dẫn đó để lựa chọn thành công trong thế gian nơi mình đang sống. Cuộc sống đức hạnh là điều kiện cần thiết

để bước vào đền thờ. Và đó cũng là điều kiện cần thiết để được xứng đáng đứng nơi hiện diện của Đấng Cứu Rỗi. Các em đang chuẩn bị từ bây giờ cho thời gian đó. Sách Sự Tiến Triển Cá Nhân và các tiêu chuẩn ghi trong sách *Cho Sức Mạnh của Giới Trẻ* đều rất quan trọng. Việc sống theo các nguyên tắc ghi trong mỗi quyển sách nhỏ đó sẽ củng cố và giúp các em trở nên “xứng đáng hơn với vương quốc.”⁵

Mùa hè năm ngoái, một nhóm thiếu nữ từ Alpine, Utah quyết định rằng họ sẽ trở nên “xứng đáng hơn với vương quốc.” Họ quyết tâm tập trung vào đền thờ bằng cách đi bộ từ Đền Thờ Draper Utah đến Đền Thờ Salt Lake, một quãng đường dài tổng cộng là 35 kilômét cũng giống như một người tiên phong là John Roe Moyle đã làm. Anh Moyle là người thợ nề được Brigham Young kêu gọi làm việc xây cất Đền Thờ Salt Lake. Mỗi tuần, ông đi 35 kilômét từ nhà đến đền thờ. Một trong những công việc của ông là khắc câu “Thánh cho Chúa” bên hông phía đông của Đền Thờ Salt Lake. Việc đó không phải là dễ và ông phải khắc phục rất nhiều trở ngại. Một ngày nọ, ông bị một con bò của mình đá vào chân. Vì chân ông không lành, nên ông đã phải để cho chân mình bị cưa cụt. Nhưng điều đó đã không ngăn cản ông tiếp tục cam kết với vị tiên tri để làm việc cho đền thờ. Ông đã làm một cái chân gỗ và sau nhiều tuần ông đã đi bộ trở lại quãng đường dài 35 kilômét để đến đền thờ làm công việc mà ông đã cam kết để làm.⁶

Các em thiếu nữ ở Tiểu Giáo Khu Cedar Hills Sixth đã quyết định cũng đi bộ quãng đường đó cho một vị tiên và cũng cho một người mà đã soi dẫn họ để luôn xứng đáng bước vào đền thờ. Mỗi tuần, họ được huấn luyện ở Hội Hồ Tương Thiếu Niên và Thiếu Nữ, rồi trong khi đi bộ, họ đã chia sẻ điều họ học hỏi và cảm nhận về đền thờ.

Họ bắt đầu chuyến đi bộ đến đền thờ từ sáng sớm với một lời cầu nguyện. Khi họ bắt đầu đi, tôi cảm kích trước sự tự tin của họ. Họ đã chuẩn bị kỹ và họ biết rằng mình đã sẵn sàng. Mắt của họ hướng đến mục tiêu của họ. Mỗi bước đi của họ tiêu biểu cho mỗi người trong các em bởi vì các em cũng đang chuẩn bị từ bây giờ để vào đền thờ. Sự huấn luyện cá nhân của các em đã bắt đầu với những lời cầu nguyện riêng hằng ngày, việc đọc Sách Mặc Môn hằng ngày và xúc tiến chương trình Sự Tiến Triển Cá Nhân của các em.

Khi các em thiếu nữ này tiếp tục đi, thì có những điều làm xao lãng dọc trên đường đi, nhưng họ vẫn tập trung vào mục tiêu của mình. Một số em bắt đầu cảm thấy da bắt đầu phồng dộp, và các em khác thì cảm thấy đầu gối bắt đầu đau, nhưng các em vẫn tiếp tục đi. Đối với mỗi em, có nhiều điều làm xao lãng, đau đớn và những trở ngại dọc theo con đường của mình đến đền thờ, nhưng các em ấy cũng vẫn quyết tâm tiếp tục đi. Lộ trình của các em thiếu nữ này được vạch ra bởi các vị lãnh đạo của họ là những người đã đi, hướng dẫn lộ trình và xác định đó là con đường an toàn và thẳng nhất để đi. Một lần nữa, lộ trình của họ được đánh dấu và họ có thể chắc chắn rằng Đấng Cứu Rỗi đã không những bước theo lộ trình này mà còn sẽ đi cùng với họ nữa—mỗi bước đi trên con đường.

Dọc theo chuyến đi đến đền thờ này còn có cha, mẹ, những người trong gia đình và các vị lãnh đạo chức tư tế với tư cách là những người bảo vệ. Công việc của họ là chắc chắn rằng mọi người được an toàn và được bảo vệ khỏi điều nguy hiểm. Họ chắc chắn rằng mỗi thiếu nữ có đầy đủ nước và thực phẩm để duy trì sức chịu

đựng của em ấy. Có những trạm cấp cứu do các vị lãnh đạo chức tư tế của họ lập ra với những chỗ để nghỉ ngơi và uống nước. Các em thiếu nữ thân mến, cha mẹ, các giám trợ của các em cùng rất nhiều người khác nữa sẽ là những người bảo vệ của các em khi các em đi trên con đường của mình dẫn đến đền thờ. Họ sẽ nhắc nhở các em phải thận trọng cũng như hướng dẫn lộ trình của các em và nếu các em có bị thương tích hay đi ra ngoài lộ trình thì họ sẽ giúp đỡ các em.

Tôi rất cảm kích rằng trong những chặng đường đi cuối cùng của họ, thì anh em của họ cũng như các thiếu niên khác cùng bạn bè đã đến hỗ trợ và cổ vũ các thiếu nữ đầy quyết tâm này. Một người anh đã bế đưa em gái chân đang bị phỏng dập nặng, và công em mình lên lưng trong chặng đường cuối cùng đến đền thờ. Khi các thiếu nữ phi thường này tới mục tiêu của mình, mắt mỗi em đầm lệ khi các em chạm tay vào đền thờ và âm thầm cam kết luôn luôn xứng đáng để vào nơi đó.

Chuyến đi bộ đến đền thờ là một ẩn dụ về cuộc sống của các em. Các bậc cha mẹ và các vị lãnh đạo chức tư tế đứng canh giữ dọc theo con đường. Họ mang đến sự hỗ trợ và giúp đỡ. Các em thiếu nữ bảo vệ và khuyến khích lẫn nhau. Các thiếu niên thán phục sức mạnh, lòng cam kết và sức chịu đựng của các thiếu



nữ. Mấy người anh công mấy người em gái bị thương. Gia đình vui mừng với con gái của họ khi các em thiếu nữ này kết thúc chuyến đi bộ của mình tại đền thờ và mang các em này về nhà an toàn.

Để luôn ở trên con đường dẫn đến đền thờ, các em cần phải bảo vệ đức hạnh của cá nhân mình và đức hạnh của những người mà các em giao tiếp. Tại sao? Mặc Môn đã dạy trong Sách Mặc Môn rằng đức hạnh và sự trinh khiết là “những gì yêu quý và quý giá nhất.”⁷

Mỗi em có thể làm gì để là người bảo vệ đức hạnh? Điều này bắt đầu với việc tin rằng em có thể tạo ra sự khác biệt. Điều này bắt đầu với việc lập cam kết. Khi còn là thiếu nữ, tôi đã học được rằng một số quyết định chỉ cần chọn một lần mà thôi. Tôi liệt kê những điều tôi sẽ *luôn luôn* làm và những điều tôi sẽ *không bao giờ* làm trong một quyển sổ tay nhỏ. Bản liệt kê này gồm có những điều như sau: tuân theo Lời Thông Sáng, cầu nguyện hằng ngày, đóng tiền thập phân và cam kết không bao giờ nghỉ đi nhà thờ. Tôi đã đưa ra những quyết định đó một lần rồi, và đến giây phút quyết định, tôi biết chính xác điều gì phải làm vì tôi đã quyết định trước rồi. Khi các bạn học cùng trung học của tôi nói: “Chỉ uống một ly rượu thì không có hại gì đâu,” thì tôi cười và nói: “Tôi đã quyết định là không làm điều đó từ

khi tôi 12 tuổi rồi.” Việc đưa ra quyết định trước sẽ giúp các em trở thành người bảo vệ đức hạnh. Tôi hy vọng rằng mỗi em sẽ liệt kê những điều các em sẽ *luôn luôn* làm và những điều các em sẽ *không bao giờ* làm. Rồi hãy sống theo bản liệt kê đó.

Việc làm người bảo vệ đức hạnh có nghĩa là các em sẽ luôn luôn trang nhã không những trong cách ăn mặc, mà còn trong lời nói, hành động và việc sử dụng phương tiện truyền thông giao tiếp. Việc làm người bảo vệ đức hạnh có nghĩa là các em sẽ không bao giờ gửi lời nhắn hoặc hình ảnh trên điện thoại cho các thiếu niên mà có thể làm cho họ mất Thánh Linh, mất quyền năng chức tư tế của họ hoặc mất đức hạnh của họ. Việc làm người bảo vệ đức hạnh có nghĩa là các em hiểu tầm quan trọng của sự trinh khiết vì các em cũng hiểu rằng thân thể của mình là đền thờ và không được vi phạm khả năng sinh sản thiêng liêng trước khi kết hôn. Các em hiểu rằng các em có được một quyền năng thiêng liêng gồm có trách nhiệm thiêng liêng để mang các linh hồn khác đến thế gian nhằm nhận được một thể xác làm nơi trú ngụ cho linh hồn vĩnh cửu của họ. Quyền năng này có liên quan đến một linh hồn thiêng liêng khác. Các em là người bảo vệ của điều “quí báu hơn châu ngọc.”⁸ Hãy trung tín. Hãy biết vâng lời. Hãy chuẩn bị từ bây giờ để các em có thể

hội đủ điều kiện nhằm nhận được tất cả các phước lành đang chờ đợi mình trong đền thờ thánh của Chúa.

Đối với những người mẹ đang lắng nghe buổi tối hôm nay, các chị là tấm gương quan trọng nhất về sự trang nhã và đức hạnh cho con gái mình—xin cảm ơn các chị. Đừng bao giờ ngần ngại giảng dạy rằng chúng là con gái hoàng gia của Thượng Đế và giá trị của chúng không dựa trên sức lôi cuốn nhục dục của chúng. Và hãy để cho chúng thấy niềm tin của các chị được nêu gương một cách chính xác và kiên định trong thái độ và diện mạo riêng của mình.⁹ Các chị cũng là người bảo vệ đức hạnh.

Tuần này, một lần nữa, tôi đã trèo lên Đỉnh Ensign. Đó là vào một buổi sáng sớm và khi tôi nhìn từ đỉnh núi đó xuống núi của nhà Chúa—Đền Thờ Salt Lake—một lần nữa tầm quan trọng của đền thờ thật rõ rệt. Những người tiên phong đã hy sinh mọi thứ họ có để đến đỉnh núi này ngõ hầu các em và tôi có thể có được các phước lành của đền thờ và được làm lễ gắn bó vĩnh viễn chung với gia đình. Bốn mươi năm hy sinh, cần cù làm việc và đi bộ từ Alpine đến đền thờ—tại sao? Tại vì, giống như các em, họ đã tin! Họ tin nơi một vị tiên tri. Họ tin rằng vị ấy đã trông thấy và nói chuyện với Thượng Đế và Vị Nam Tử yêu dấu của Ngài. Họ tin nơi Đấng Cứu Rỗi. Họ tin nơi Sách Mặc Môn. Chính vì vậy mà họ có thể nói: “Chúng tôi tin tất cả mọi điều, chúng tôi hy vọng tất cả mọi điều, chúng tôi đã chịu đựng được nhiều điều, và hy vọng có thể chịu đựng được tất cả mọi điều.”¹⁰ Họ đã chịu đựng nhiều điều và chúng ta cũng có thể làm như vậy. Tín Điều thứ mười ba là điều chúng ta tin vì chính những điều đó làm cho chúng ta hội đủ điều kiện để xứng đáng vào đền thờ và một ngày nào đó để đứng nơi hiện diện của Cha Thiên Thượng—được chứng tỏ, thanh khiết và được làm lễ gắn bó. Điều này đòi hỏi các em phải “xứng đáng hơn với vương quốc” và các em chuẩn bị từ bây giờ cùng tin tưởng rằng các em có thể làm những điều khó khăn.



Các em thiếu nữ thân mến, các em đang tham gia vào một công việc vĩ đại! Và các em không cô đơn một mình! Khi bảo vệ đức hạnh và sự thanh sạch của mình, các em sẽ được ban cho sức mạnh. Khi các em tuân giữ các giao ước mình đã lập, thì Đức Thánh Linh sẽ hướng dẫn và bảo vệ các em. Các em sẽ được các thiên quân bao quanh. Chủ Tịch Monson nhắc nhở chúng ta: “Hãy nhớ rằng chúng ta không chạy một mình trong cuộc đua này của cuộc đời; chúng ta được quyền có sự giúp đỡ của Chúa.”¹¹ Hãy chuẩn bị cho cái ngày mà các em sẽ được xứng đáng đến đền thờ của Chúa và sẵn sàng lập các giao ước thiêng liêng. Là người bảo vệ đức hạnh, các em sẽ muốn *tìm kiếm* Đấng Cứu Rỗi trong ngôi nhà thánh của Ngài.

São Paulo, Brazil



Tôi làm chứng rằng Thượng Đế hằng sống và Vị Nam Tử yêu dấu của Ngài, Đấng Cứu Chuộc của chúng ta, Chúa Giê Su Kỵ Tô, hằng sống, và nhờ vào quyền năng cứu chuộc và khả dụng của Sự Chuộc Tội vô hạn của Ngài mà mỗi em sẽ được hướng dẫn và bảo vệ trên con đường dẫn đến đền thờ và trở lại nơi hiện diện của hai Ngài. Tôi cầu nguyện rằng mỗi em sẽ được củng cố cho công việc đó mà sẽ là giây phút tuyệt vời nhất của mình. Hãy sống cho cái ngày tuyệt vời đã được nói đến trong Sách Khải Huyền khi các em sẽ “mặc áo trắng mà đi . . . [các em] xứng đáng như vậy.”¹² Trong tôn danh của Chúa Giê Su Kỵ Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Giáo Lý và Giao Ước 25:2.
2. Giáo Lý và Giao Ước 25:13.
3. *Sự Tiến Triển Cá Nhân của Hội Thiếu Nữ* (quyển sách nhỏ, 2009), 70.
4. Xin xem thefreedictionary.com/guardian.
5. “More Holiness Give Me,” *Hymns*, số 131.
6. Xin xem Dieter F. Uchtdorf, “Hãy Nâng Đờ Ngay Tại Chỗ Các Anh Em Đang Đứng,” *Liahona*, tháng Mười Một năm 2008, 55.
7. Mô Rô Ni 9:9.
8. Châm Ngôn 3:15.
9. Xin xem M. Russell Ballard, “Những Người Mẹ và Con Gái,” *Liahona*, tháng Năm năm 2010, 18–21.
10. Những Tín Điều 1:13.
11. Thomas S. Monson, “Những Kỳ Vọng Cao” (Church Educational System Buổi họp đặc biệt fireside của Hệ Thống Giáo Dục của Giáo Hội dành cho các thành niên trẻ tuổi, ngày 11 tháng Giêng năm 2009), <http://lds.org/library/display/0,4945,538-1-4773-1,00.html>.
12. Khải Huyền 3:4.



Bài của Chủ Tịch Henry B. Eyring
Đệ Nhất Cố Vấn trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn

Một Chứng Ngôn Sống Động

Chứng ngôn đòi hỏi được nuôi dưỡng bằng lời cầu nguyện với đức tin, nỗi khát khao về lời của Thượng Đế trong thánh thư và việc tuân theo lẽ thật.

Các em thiếu nữ thân mến, các em là niềm hy vọng sáng lạn của Giáo Hội của Chúa. Mục đích của tôi buổi tối hôm nay là giúp các em tin điều đó là có thật. Nếu sự tin tưởng đó có thể trở thành một chứng ngôn sâu đậm từ Thượng Đế thì nó sẽ định hướng những lựa chọn hàng ngày và hàng giờ của các em. Và rồi từ những sự lựa chọn dường như có thể là nhỏ nhất đối với các em, Chúa sẽ hướng dẫn các em đến niềm hạnh phúc mà mình mong muốn. Qua những sự lựa chọn của các em, Ngài sẽ có thể ban phước cho vô số những người khác.

Sự lựa chọn của các em để đến đây với chúng tôi trong buổi tối hôm nay là một ví dụ về sự lựa chọn quan trọng. Hơn một triệu thiếu nữ, những người mẹ và lãnh đạo được mời tham dự. Trong số tất cả những điều khác mà các em đã có thể lựa chọn để làm, thì các em đã chọn để đến đây với chúng tôi. Các em làm điều đó vì sự tin tưởng của mình.

Các em là những người tin nơi phúc âm của Chúa Giê Su Kỵ Tô. Các em có đủ niềm tin để đến đây nghe các lời dạy của Ngài và có đủ đức tin

để hy vọng rằng một điều gì mà các em nghe hoặc cảm nhận sẽ đưa các em đến một cuộc sống tốt lành hơn. Các em cảm nhận trong lòng mình rằng việc noi theo Chúa Giê Su Kỵ Tô là con đường dẫn đến hạnh phúc lớn lao hơn.

Giờ đây, các em có thể không nhận ra đó là một sự lựa chọn có ý thức và rất quan trọng. Các em có thể đã cảm thấy muốn ở gần bạn bè hoặc gia đình. Các em có thể chỉ đáp lại lòng tử tế của một người nào đó đã mời các em đến tham dự. Nhưng dù không thấy điều đó, nhưng các em ít nhất đã cảm thấy lời mời lặp theo Đấng Cứu Rỗi: “Hãy đến mà theo ta.”¹

Trong giờ phút mà chúng ta cùng nhau nhóm họp, Chúa đã làm cho các em tin tưởng hơn vào Ngài và củng cố chứng ngôn của các em. Các em đã nghe nhiều hơn là những lời nói và âm nhạc. Các em đã cảm nhận sự làm chứng của Thánh Linh với tâm hồn của mình rằng có các vị tiên tri tại thế trong Giáo Hội chân chính của Chúa, và rằng con đường dẫn đến hạnh phúc nằm ở bên trong vương quốc của Ngài. Chứng ngôn của các em đã tăng trưởng rằng đây là Giáo

Hội chân chính và duy nhất trên thế gian ngày nay.

Giờ đây, chúng ta không cảm thấy những sự việc giống hệt như nhau. Đối với một số người, đó là sự làm chứng của Thánh Linh rằng Thomas S. Monson là vị tiên tri của Thượng Đế. Đối với những người khác, thì chính sự lương thiện, đức hạnh và làm việc thiện với tất cả mọi người thật sự là các thuộc tính của Đấng Cứu Rỗi. Rồi những điều đó dẫn đến một ước muốn lớn lao hơn để được giống như Ngài.

Tất cả các em đều mong muốn được củng cố chứng ngôn của mình về phúc âm của Chúa Giê Su Kỵ Tô. Chủ Tịch Brigham Young đã có thể thấy được nhu cầu của các em cách đây nhiều năm. Ông là vị tiên tri của Thượng Đế, và cách đây 142 năm, với khả năng thấy trước của một vị tiên tri, ông đã có thể thấy được các em và các nhu cầu của các em. Ông là một người cha nhân từ và một vị tiên tri tại thế.

Ông đã có thể thấy ảnh hưởng của thế gian tác động trên các con gái của ông. Ông đã thấy ảnh hưởng của thế gian đang kéo họ xa khỏi con đường của Chúa dẫn đến hạnh phúc. Trong thời kỳ của ông, một phần của ảnh hưởng đó được mang đến bởi con đường sắt mới liên lục địa kết nối thế giới với Các Thánh Hữu sống cô lập và được bảo vệ.

Ông có thể chưa thấy được những kỹ thuật tân tiến kỳ diệu của thời nay khi mà với một thiết bị các em có thể cầm trong tay mình, các em có thể chọn kết nối với vô số ý tưởng và với vô số người trên thế giới. Nhưng ông đã thấy được giá trị cho các con gái của ông—và cho các em—khi sự lựa chọn của họ dựa theo một chứng ngôn mạnh mẽ về một Thượng Đế hằng sống và nhân từ cùng kế hoạch hạnh phúc của Ngài.

Đây luôn luôn là lời dạy đầy soi dẫn của một vị tiên tri cho các con gái của ông và cho các em.

Đây là trọng tâm của sứ điệp của tôi buổi tối hôm nay. Ông đã nói trong một căn phòng của nhà ông ở cách chưa đến một dặm đường với nơi mà sứ điệp này giờ đây được đưa



ra cho các con gái của Thượng Đế trong các quốc gia trên khắp thế giới: “Các con gái nhỏ của Y Sơ Ra Ên cần phải có một chứng ngôn sống động về lẽ thật.”²

Rồi ông thành lập một hội gồm các thiếu nữ mà bây giờ chúng ta gọi trong Giáo Hội của Chúa, là “Hội Thiếu Nữ.” Buổi tối hôm nay, các em đã cảm thấy được một số kết quả tuyệt diệu về sự lựa chọn của ông vào buổi tối Chúa Nhật đó trong phòng khách nhà ông.

Hơn 100 năm sau, các con gái của Y Sơ Ra Ên trên khắp thế giới tự mình mong muốn có một chứng ngôn sống động về lẽ thật. Giờ đây và cho đến hết cuộc sống còn lại của mình, các em sẽ cần chứng ngôn sống động và luôn tăng trưởng đó để củng cố các em và đưa dẫn các em đến cuộc sống vĩnh cửu. Và với chứng ngôn đó, các em sẽ trở thành những người giao truyền Ánh Sáng của Đấng Ky Tô cho các anh chị em của mình trên khắp thế giới và suốt các thế hệ.

Từ kinh nghiệm của mình, các em biết chứng ngôn là gì. Chủ Tịch Joseph Fielding Smith đã dạy rằng một chứng ngôn “là một sự hiểu biết có sức thuyết phục được ban cho [một người] khiêm nhường tìm kiếm lẽ thật.” Ông nói về chứng ngôn và Đức Thánh Linh, là Đấng mang đến sự mặc khải đó: “Quyền năng có sức thuyết phục của Đức Thánh Linh vĩ đại đến nỗi khi Thánh Linh đã phán thì không thể có chút nghi ngờ nào còn ở trong tâm trí. Đó là con đường

duy nhất mà một người có thể thật sự biết rằng Chúa Giê Su là Đấng Ky Tô và phúc âm của Ngài là chân chính.”³

Các em đã cảm nhận được sự soi dẫn đó dành cho mình. Sự soi dẫn đó có thể là xác nhận một phần phúc âm cũng như đối với tôi buổi tối hôm nay. Khi tôi nghe những lời từ tín điều thứ mười ba về việc sống “lương thiện, chân thành, trinh khiết, và bác ái” thì đối với tôi, thể như Chúa đã phán những lời đó. Một lần nữa, tôi cảm thấy rằng đó là các thuộc tính của Ngài. Tôi cảm thấy rằng Joseph Smith là vị tiên tri của Ngài. Vậy nên, đối với tôi, đó không phải chỉ là những lời nói không mà thôi.

Trong tâm trí mình, tôi đã thấy những con đường bụi bặm ở Giu Đê và vườn Ghết Sê Ma Nê. Trong tâm hồn mình, tôi đã cảm nhận một điều mà có thể như quỳ xuống giống như Joseph đã làm trước Đức Chúa Cha và Vị Nam Tử trong khu rừng ở New York. Tôi không thể thấy trong tâm trí mình một luồng ánh sáng rực rỡ hơn cả ánh sáng mặt trời ban trưa như ông đã thấy, nhưng quả thật tôi đã cảm thấy một cảm giác ấm áp và kỳ diệu của một chứng ngôn.

Chứng ngôn sẽ đến với các em từng chút một khi những phần lẽ thật trọn vẹn của phúc âm của Chúa Giê Su Ky Tô được xác nhận. Ví dụ, khi các em đọc và suy ngẫm về Sách Mặc Môn, các câu mà các em đã đọc trước đó sẽ hiện ra như mới đối với các em và mang đến các ý tưởng mới mẻ. Chứng ngôn của các em sẽ tăng

trưởng theo chiều rộng và chiều sâu khi Đức Thánh Linh xác nhận rằng các ý tưởng đó là chân chính. Chứng ngôn sống động của các em sẽ gia tăng khi các em học, cầu nguyện và suy ngẫm về thánh thư.

Phần mô tả hay nhất đối với tôi về cách đạt được và gìn giữ chứng ngôn sống động này thì đã được nói đến rồi. Đó là trong An Ma chương 32 của Sách Mặc Môn. Các em có thể đã đọc chương này nhiều lần rồi. Mỗi lần đọc chương này, tôi đều tìm ra ánh sáng mới trong đó. Buổi tối hôm nay, chúng ta hãy ôn lại bài học được dạy trong chương này một lần nữa nhé.

Chúng ta được giảng dạy trong các sứ điệp đầy soi dẫn đó để chúng ta bắt đầu tìm kiếm chứng ngôn với một “chút ít đức tin” và mong muốn chứng ngôn này được tăng trưởng.⁴ Buổi tối hôm nay, tôi đã cảm thấy đức tin và ước muốn đó khi các em lắng nghe những bài nói chuyện đầy soi dẫn về lòng nhân từ của Đấng Cứu Rỗi, tính lương thiện và về sự thanh khiết mà các lệnh truyền và Sự Chuộc Tội của Ngài có thể được thực hiện cho chúng ta.

Do đó, một hạt giống đức tin đã được gieo vào lòng các em. Các em còn có thể cảm thấy lòng mình được nẩy nở phần nào như đã được hứa trong An Ma. Tôi đã cảm thấy như vậy.

Nhưng, giống như một cái cây đang mọc lên, nó cần phải được chăm sóc nếu không nó sẽ tàn úa. Những lời cầu nguyện thường xuyên và chân thành với đức tin chính là những chất nuôi dưỡng cốt yếu và cần thiết. Việc tuân theo lẽ thật mà các em đã nhận được sẽ giữ cho chứng ngôn được sống động và củng cố. Việc tuân theo các lệnh truyền là một phần chất nuôi dưỡng mà các em cần phải cung ứng cho chứng ngôn của mình.

Các em còn nhớ lời hứa của Đấng Cứu Rỗi: “Nếu ai khứng làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời, thì sẽ biết đạo lý ta có phải là bởi Đức Chúa Trời, hay là ta nói theo ý ta.”⁵

Điều đó đã hữu hiệu đối với tôi, như nó sẽ hữu hiệu đối với các em. Một trong các giáo lý của phúc âm mà tôi đã được giảng dạy khi còn nhỏ là cuộc sống vĩnh cửu là một ân

tứ lớn hơn hết trong tất cả mọi ân tứ của Thượng Đế.⁶ Tôi học được rằng một phần cuộc sống vĩnh cửu là cùng sống chung vĩnh viễn với gia đình trong tình yêu thương.

Từ khi tôi nghe được các lẽ thật đó lần đầu tiên và chúng đã được xác nhận cho lòng tôi, thì tôi cảm thấy bắt buộc phải có mọi sự lựa chọn mà tránh cảnh bất hòa và tìm kiếm bình an trong gia đình và trong nhà của tôi.

Giờ đây, chỉ sau cuộc sống này thì tôi mới có thể vui hưởng trọn vẹn phúc lành lớn hơn hết trong tất cả các phúc lành, đó là cuộc sống vĩnh cửu. Nhưng ở giữa những thử thách của cuộc sống này, tôi đã được ban cho ít nhất là những cái nhìn thoáng qua về gia đình tôi ở trên thiên thượng thì như thế nào. Từ những kinh nghiệm đó, chứng ngôn của tôi về sự xác thật của quyền năng gắn bó được thực hành trong đền thờ đã gia tăng và được củng cố.

Việc nhìn hai đứa con gái của tôi chịu phép báp têm trong đền thờ thay cho tổ tiên của chúng đã mang lòng tôi lại gần chúng và lại gần các tổ tiên mà chúng tôi đã tìm ra được tên của họ. Lời hứa của Ê Li rằng lòng của những người trong gia đình sẽ trở lại với nhau đã được ban cho chúng tôi.⁷ Do đó, đức tin đối với tôi đã trở thành một sự hiểu biết chắc chắn, như chúng ta đã được hứa ban cho trong Sách An Ma.

Tôi đã trải qua ít nhất một số niềm vui mà các tổ tiên của tôi đã cảm nhận được khi Đấng Cứu Rỗi đến thế giới linh hồn sau khi giáo vụ trên trần thế của Ngài. Đây là phần mô tả trong sách Giáo Lý và Giao Ước:

“Và các thánh hữu vui mừng về sự cứu chuộc của họ, và quỳ xuống và xưng Vị Nam Tử của Thượng Đế là Đấng Cứu Chuộc và Đấng Giải Cứu họ thoát khỏi sự chết và các xiềng xích của ngục giới.

“Gương mặt của họ sáng lòa, và hào quang từ nơi hiện diện của Chúa tỏa ra trên họ, và họ hát ngợi khen thánh danh Ngài.”⁸

Cảm nghĩ của tôi về niềm vui của họ đến từ việc hành động theo chứng ngôn của tôi rằng lời hứa của Chúa về cuộc sống vĩnh cửu là có thật. Chứng

ngôn đó được củng cố bằng việc tôi chọn hành động theo chứng ngôn đó như Đấng Cứu Rỗi đã hứa như vậy.

Ngài cũng đã giảng dạy chúng ta rằng ngoài việc chọn vâng theo, chúng ta còn phải cầu xin khi cầu nguyện để có được chứng ngôn về lẽ thật. Chúa dạy điều đó cho chúng ta trong lệnh truyền của Ngài là phải cầu nguyện về Sách Mặc Môn. Ngài đã phán qua tiên tri Mô Rô Ni của Ngài:

“Này, tôi muốn khuyên nhủ các người rằng, khi các người đọc được những điều này, nếu vì sự thông sáng của Thượng Đế mà các người được đọc những điều này, thì các người hãy nhớ Chúa đã thương xót con cái loài người biết bao, kể từ lúc sáng tạo ra A Đam cho đến khi các người nhận được những điều này và suy ngẫm trong lòng.

“Và khi nào các người nhận được những điều này, tôi khuyên nhủ các người hãy cầu vấn Thượng Đế, Đức Chúa Cha Vinh Cửu, trong danh Đấng Kỵ Tô, để xem những điều này có thật không; và nếu các người cầu vấn với một tấm lòng chân thành, với chủ ý thật sự cùng có đức tin nơi Đấng Kỵ Tô, thì Ngài sẽ biểu lộ lẽ thật của điều này cho các người biết, bởi quyền năng của Đức Thánh Linh.

“Và bởi quyền năng của Đức Thánh Linh, các người sẽ có thể biết được lẽ thật của tất cả mọi điều.”⁹

Tôi hy vọng rằng các em đều đã tự mình thử lời hứa đó hoặc các em sẽ sớm làm điều đó. Câu trả lời có thể không đến bằng một kinh nghiệm thuộc linh đơn giản và mạnh mẽ. Đối với tôi, thoạt tiên câu trả lời đến một cách lặng lẽ. Nhưng câu trả lời đó đến càng mạnh mẽ hơn mỗi lần tôi đọc và cầu nguyện về Sách Mặc Môn.

Tôi không phụ thuộc vào điều đã xảy ra trong quá khứ. Để giữ cho chứng ngôn sống động của tôi về Sách Mặc Môn được vững chắc, tôi thường xuyên nhận được lời hứa của Mô Rô Ni. Tôi không xem phúc lành đó của một chứng ngôn là điều tôi sẽ luôn luôn đương nhiên có.

Chứng ngôn đòi hỏi được nuôi dưỡng bằng lời cầu nguyện với đức tin, nỗi khát khao về lời của Thượng Đế trong thánh thư, và việc tuân theo

lẽ thật mà chúng ta đã nhận được. Việc xao lãng cầu nguyện thì thật nguy hiểm. Việc học và đọc thánh thư một cách thất thường thì thật nguy hiểm cho chứng ngôn của chúng ta. Đó là những chất nuôi dưỡng cần thiết cho chứng ngôn của chúng ta.

Các em còn nhớ lời cảnh cáo từ An Ma:

“Nhưng nếu các người xao lãng và không chăm lo nuôi dưỡng cây, này nó sẽ chẳng mọc được rễ; và khi ánh nắng mặt trời chiếu xuống và thiêu đốt nó, thì nó sẽ héo khô đi vì không có rễ, và các người sẽ nhổ nó lên mà liệng đi.

“Này, như vậy không phải là tại hạt giống không tốt, và cũng không phải là tại trái cây không ngon; nhưng tại vì đất trồng cây của các người quá cằn cỗi, và các người không chịu nuôi dưỡng cây, vậy nên các người không thể có được trái của cây ấy.”¹⁰

Việc nuôi dưỡng lời của Thượng Đế, cầu nguyện chân thành, và tuân theo các lệnh truyền của Chúa cần phải được áp dụng một cách đều đặn và liên tục để chứng ngôn của các em tăng trưởng và phát triển. Đôi khi tất cả chúng ta gặp phải hoàn cảnh vượt quá tầm kiểm soát của mình mà



làm gián đoạn thói quen học thánh thư của mình. Có thể có những lúc mà vì một lý do nào đó chúng ta chọn không cầu nguyện. Có thể có những lệnh truyền mà chúng ta có lần chọn làm ngơ.

Nhưng các em sẽ không mong muốn được ban cho một chứng ngôn sống động nếu các em quên đi lời cảnh cáo và lời hứa trong An Ma:

“Và như vậy, nếu các người không chịu nuôi dưỡng lời của Thượng Đế, không trông đợi với con mắt của đức tin về những thành quả của nó, thì các người sẽ chẳng bao giờ hái được quả của cây sự sống.

“Nhưng nếu các người biết nuôi dưỡng lời của Thượng Đế, phải, biết nuôi dưỡng cây từ lúc nó vừa mới bắt đầu mọc lên, với đức tin của mình, với sự chuyên tâm lớn lao, và sự kiên nhẫn trong niềm hy vọng trông chờ thành quả của nó, thì nó sẽ mọc rễ; và này nó sẽ trở thành một cây lớn mạnh cho tới cuộc sống vĩnh viễn.

“Và cũng nhờ sự chuyên tâm, đức tin, và lòng kiên nhẫn của các người trong việc nuôi dưỡng lời của Thượng Đế để nó có thể mọc rễ trong các người, nên này, chẳng bao lâu các người sẽ gặt hái được trái của nó là trái quý giá nhất, là trái ngon ngọt khác, và trắng trẻo hơn tất cả những gì tinh khiết; và rồi các người sẽ thưởng thức trái ấy cho đến no nê, để các người không còn khát nữa.

St. Catherine, Jamaica



“Thế rồi, . . . các người sẽ gặt hái được phần thưởng của đức tin, sự nhịn nhục, trong khi chờ đợi cây ấy sinh ra trái cho mình.”¹¹

Những lời trong câu thánh thư đó, “trông chờ thành quả của nó,” hướng dẫn lời giảng dạy khôn ngoan mà các em đã nhận được buổi tối hôm nay. Đó là lý do tại sao mắt của các em đều hướng về một ngày tương lai tại một căn phòng làm lễ gắn bó trong đền thờ. Đó là lý do tại sao các em được giúp để buổi tối hôm nay thấy được chuỗi ánh sáng dường như vô tận được phản chiếu khi nhìn vào các tấm kính trên tường của một căn phòng làm lễ gắn bó, là nơi các em có thể được kết hôn trong đền thờ của Thượng Đế.

Nếu các em có thể trông chờ một ngày như vậy với đủ ước muốn có được từ chứng ngôn, thì các em sẽ được củng cố để chống lại những cám dỗ của thế gian. Mỗi lần các em chọn cố gắng sống giống như Đấng Cứu Rỗi, thì chứng ngôn của các em sẽ được củng cố. Sớm hay muộn, các em sẽ dần dần tự biết được rằng Ngài là Sự Sáng của Thế Gian.

Các em sẽ dần dần cảm nhận được ánh sáng càng ngày càng gia tăng trong cuộc sống của mình. Ánh sáng đó sẽ không đến nếu không có nỗ lực. Nhưng nó sẽ đến khi chứng ngôn của các em tăng trưởng và các em chọn nuôi dưỡng ánh sáng đó. Đây là

lời hứa chắc chắn từ sách Giáo Lý và Giao Ước: “Những gì của Thượng Đế đều là ánh sáng; và kẻ nào nhận được ánh sáng, và bền lòng nơi Thượng Đế, thì sẽ nhận được thêm ánh sáng; và ánh sáng đó càng lúc càng sáng tỏ cho đến ngày hoàn toàn.”¹²

Các em sẽ là ánh sáng cho thế gian khi các em chia sẻ chứng ngôn của mình với những người khác. Các em sẽ mang cho những người khác Ánh Sáng của Đấng Ky Tô trong cuộc sống của mình. Chúa sẽ tìm ra những cách để ánh sáng đó ảnh hưởng đến những người các em yêu thương. Và qua đức tin và chứng ngôn kết hợp của các con gái của Ngài, Thượng Đế sẽ tác động đến cuộc sống của hàng triệu người trong vương quốc của Ngài và trên khắp thế gian với ánh sáng của Ngài.

Trong chứng ngôn và những sự lựa chọn của các em là niềm hy vọng của Giáo Hội cũng như của các thế hệ sẽ noi theo gương của các em để nghe và chấp nhận lời mời gọi của Chúa: “Hãy đến mà theo ta.” Chúa biết và yêu thương các em.

Tôi để lại cho các em tình yêu thương và chứng ngôn của tôi. Các em là các con gái của Cha Thiên Thượng nhân từ và hằng sống. Tôi biết rằng Vị Nam Tử phục sinh của Ngài, Chúa Giê Su Ky Tô, là Đấng Cứu Rỗi và Ánh Sáng của thế gian. Tôi làm chứng rằng Đức Thánh Linh đã gửi những sứ điệp đến cho các em buổi tối hôm nay để xác nhận lễ thật với tâm hồn của các em. Chủ Tịch Thomas S. Monson là vị tiên tri tại thế của Thượng Đế. Tôi làm chứng như vậy, trong thánh danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Lu Ca 18:22.
2. Brigham Young, trong *A Century of Sisterhood: Chronological Collage, 1869–1969* (1969), 8.
3. Joseph Fielding Smith, *Answers to Gospel Questions*, do Joseph Fielding Smith Jr. biên soạn, 5 quyển. (1957–66), 3:31.
4. Xin xem An Ma 32:27.
5. Giảng 7:17.
6. Xin xem Giáo Lý và Giao Ước 14:7.
7. Xin xem Ma La Chi 4:5–6; Joseph Smith—Lịch Sử 1:38–39.
8. Giáo Lý và Giao Ước 138:23–24.
9. Mô Rô Ni 10:3–5.
10. An Ma 32:38–39.
11. An Ma 32:40–43.
12. Giáo Lý và Giao Ước 50:24.

Bảng Chú Dẫn Các Câu Chuyện Kể Tại Đại Hội

Sau đây là một bản liệt kê những kinh nghiệm được chọn ra từ các bài nói chuyện tại đại hội trung ương để sử dụng trong việc học tập riêng cá nhân, buổi họp tối gia đình và những việc giảng dạy khác. Con số ở trên trang cho biết trang đầu của bài nói chuyện.

NGƯỜI NÓI CHUYỆN	CÂU CHUYỆN
Jean A. Stevens	(10) Trẻ em nêu gương đóng tiền thập phân. Liam lắng nghe tiếng nói của cha nó trong lúc điều trị bệnh.
Anh Cả Walter F. González	(13) Phóng viên nhà báo muốn biết cách đối xử tốt của những người phối ngẫu là thật hay là giả.
Anh Cả Kent F. Richards	(15) Một thiếu nữ thấy thiên sứ ở xung quanh các trẻ em trong bệnh viện.
Anh Cả Quentin L. Cook	(18) Những đồ trong cái ví tay của một thiếu nữ phản ánh cuộc sống theo phúc âm của em ấy. Chị phụ nữ ở Tonga đề nghị một cách giúp đỡ các thành niên trẻ.
Chủ Tịch Henry B. Eyring	(22) Cộng đồng phục vụ sau khi cái Đập Teton bị vỡ.
Chủ Tịch Boyd K. Packer	(30) Chủ tịch giáo khu khuyên người đàn ông nên “bỏ qua đi” sau khi vợ của người này chết.
Anh Cả Dallin H. Oaks	(42) Đại úy Ray Cox hy sinh giấc ngủ để giữ cho những người lính được an toàn. Aron Ralston thu hết can đảm để cứu mạng sống của mình.
Anh Cả M. Russell Ballard	(46) Người thăm dò quặng vàng học cách quý trọng các hạt phần vàng.
Anh Cả Neil L. Andersen	(49) Sidney Going chọn đi truyền giáo hơn là chơi môn bóng rugby.
Larry M. Gibson	(55) Chủ tịch nhóm túc số thầy trợ tế học hỏi các trách nhiệm của mình.
Chủ Tịch Dieter F. Uchtdorf	(58) Người đàn ông không nhận biết là các đặc ân đã được gồm vào trong chuyến đi du thuyền.
Chủ Tịch Henry B. Eyring	(62) Nhóm túc số tìm kiếm người tín hữu bị thất lạc trong rừng. Henry B. Eyring đi thăm thầy tư tế thượng phẩm trung tín.
Chủ Tịch Thomas S. Monson	(66) Thomas S. Monson mời một cặp vợ chồng đến chứng kiến lễ gắn bó.
Anh Cả Paul V. Johnson	(78) Người thiếu nữ được cải đạo trong khi bệnh hoạn lâu.
Giám Trợ H. David Burton	(81) Robert Taylor Burton giúp giải cứu một đoàn xe kéo tay.
Silvia H. Allred	(84) Người mẹ trẻ được người thăm viếng giảng dạy của mình phục vụ.
Chủ Tịch Thomas S. Monson	(90) Các Thánh Hữu Brazil hành trình rất xa từ Manaus đến đền thờ. Gia đình Mou Tham hy sinh để đi đền thờ. Thomas S. Monson tham gia lễ động thổ cho một đền thờ ở thành phố Rome, Ý.
Anh Cả Richard G. Scott	(94) Richard G. Scott được vợ khuyên nên chơi với con cái thay vì sửa máy giặt. Jeanene Scott để dành các bức thư tình ngắn. Richard G. Scott chăm sóc cho đứa con trai nhỏ bị bệnh tim.
Anh Cả D. Todd Christofferson	(97) Hugh B. Brown tĩa xén một bụi nho và rồi sau đó ông tự sửa mình.
Anh Cả Carl B. Pratt	(101) Gia đình Whetten đóng tiền thập phân và nhận được phước lành.
Anh Cả C. Scott Grow	(108) Người em của C. Scott Grow chọn làm điều sai trái nhưng rồi sau đó hối cải.
Ann M. Dibb	(115) Kristi nêu lên tấm gương mà Jenn nhớ đến khi chị tìm kiếm lẽ thật.
Mary N. Cook	(118) Trẻ em thấy hình của Chúa Giê Su trong một cái tủ đựng đồ ở trường học. Người thiếu nữ chọn không đi xem bộ phim em cho rằng có thể không lành mạnh.
Elaine S. Dalton	(121) Hội Thiếu Nữ đi bộ từ Draper, Utah, đến Đền Thờ Salt Lake.

Làm Cho Đại Hội Thành Một Phần Cuộc Sống của Chúng Ta

Hãy cân nhắc việc sử dụng một số sinh hoạt và câu hỏi này làm điểm bắt đầu cho phần thảo luận của gia đình hoặc sự suy ngẫm riêng cá nhân khi các anh chị em áp dụng những điều giảng dạy trong đại hội trung ương thành một phần cuộc sống của mình.

Các anh chị em có thể tìm ra tất cả các bài nói chuyện trong đại hội trung ương tại conference.lds.org.

Xin lưu ý: Sổ trang liệt kê dưới đây chỉ trang đầu tiên của bài nói chuyện đã được đề cập đến.

Dành cho Thiếu Nhi

• Chủ Tịch Thomas S. Monson thông báo rằng Giáo

Hội sẽ xây cất ba ngôi đền thờ mới, mang tổng số đền thờ đang hoạt động, xây cất, hoặc đã được thông báo sẽ xây cất lên đến 160. Hãy nhìn vào bản đồ để tìm ra Meridian, Idaho, Hoa Kỳ; Fort Collins, Colorado, Hoa Kỳ; Winnipeg, Manitoba, Canada; và

Ljubljana, Slovenia

đền thờ gần nhà mình nhất. Đọc hoặc kể lại một số câu chuyện do Chủ Tịch Monson kể về các tín hữu trung thành đã hy sinh rất nhiều để tham dự đền thờ (trang 90). Đặt ra các mục tiêu để tham dự đền thờ ngay khi các anh chị em có thể làm được, hoặc thảo luận những cách để luôn sống xứng đáng bước vào đền thờ.

• Khi A Đam và Ê Va sống trên thế gian, một trong những cách họ thờ phượng Cha Thiên Thượng là bằng cách hy sinh các con vật. Anh Cả L. Tom Perry dạy rằng Đấng Cứu Rỗi giới thiệu Tiệc Thánh cho các môn đồ của Ngài vào ngày Sa Bát với tính cách là một hình thức thờ phượng mới. Chúng ta tiếp tục thờ phượng bằng cách dự phần Tiệc Thánh vào ngày Sa Bát. Xem lại bài nói chuyện của Anh Cả Perry (trang 6) chung với gia đình để học về cách ăn mặc thích hợp vào ngày Chúa Nhật cũng như những cách khác để tôn trọng Tiệc Thánh và ngày Sa Bát.

• Anh Cả D. Todd Christofferson dạy rằng Chúa Giê Su Ky Tô đã chỉ thị cho chúng ta phải cố gắng giống như Ngài và Cha Thiên Thượng (trang 97). Đôi khi, Cha Thiên Thượng “sửa phạt” con cái của Ngài





để giúp chúng ta trở nên giống như Ngài. Thảo luận ý nghĩa của việc sửa phạt. Đọc hoặc kể lại câu chuyện về bụi nho mọc um tùm. Nói về việc bị giảm sút hoặc thất bại có thể thật sự giúp chúng ta phát triển mạnh mẽ và thành công hơn như thế nào.

- Anh Cả Richard J. Maynes dạy rằng gia đình có thể giống như sợi dây thừng (trang 37). Sợi dây thừng có nhiều sợi tạo, nếu chỉ riêng một sợi thì rất yếu, nhưng rất chắc khi được bện lại với nhau. Tương tự như thế, khi tất cả những người trong gia đình làm điều đúng và giúp đỡ lẫn nhau, thì mỗi người trong gia đình sẽ được củng cố và có thể làm được nhiều hơn là chỉ làm một mình. Đưa cho mỗi người trong gia đình của các em một sợi dây hay một sợi chỉ len. Nói về những cách mỗi người trong gia đình phục vụ và củng cố những người khác trong gia đình. Rồi sau đó xem những khúc dây hoặc sợi chỉ len chắc như thế nào khi được cột chung lại với nhau.

Dành cho Giới Trẻ

- Lớp hoặc nhóm túc số của các em có đoàn kết như được mong muốn không? Sau khi xem lại bài nói chuyện của Chủ Tịch Henry B. Eyring về tình đoàn kết (trang 62), hãy lập ra một bản liệt kê điều các em có thể làm để mang nhóm của mình đến gần nhau hơn.

- Anh Cả Russell M. Nelson nói về sự vâng lời “một cách tùy thích” (trang 34). Thảo luận với gia đình, lớp học, hoặc nhóm túc số của mình về ý nghĩa và lý do tại sao sự vâng lời như vậy là không hữu hiệu.

- Anh Cả M. Russell Ballard mô tả tình yêu thương thanh khiết của Đấng Ky Tô là tình yêu thương tích cực (trang 46) được biểu lộ qua các hành động giản dị như cư xử tử tế và phục vụ. Hãy hoạch định một cách để lớp học hoặc nhóm túc số của các em có thể cho thấy tình yêu thương đối với một người nào đó trong tiểu giáo khu, chi nhánh, hoặc cộng đồng của mình và rồi thực hiện kế hoạch đó.

- Anh Cả Quentin L. Cook kể câu chuyện về một cái ví tay được tìm thấy sau một buổi khiêu vũ của giới trẻ (trang 18). Những người lãnh đạo tìm thấy những thứ ở bên trong cái ví tay cho thấy về con người của người thiếu nữ chủ nhân của cái ví tay đó. Những món đồ đựng trong ví tay, ví tiền hoặc cặp đi học cho biết điều gì về các em, và các em có thể muốn thay đổi điều gì trong những thứ các em giữ gần mình?

- Anh Cả Lynn G. Robbins nói về việc trở nên giống như Đấng Cứu Rỗi hơn (trang 103). Hãy nghĩ về ý nghĩa của việc *sống* giống như Chúa Giê Su Ky Tô thay vì chỉ *làm* theo điều Ngài phán bảo. Rồi sau đó nghĩ về điều gì các em có thể thay đổi trong cuộc sống của mình để trở nên giống như Đấng Cứu Rỗi hơn.

Dành cho Người Lớn

- Chủ Tịch Dieter F. Uchtdorf (trang 58) chia sẻ câu chuyện về một người đã không sống theo các đặc ân mình có khi anh ta không tham dự nhiều sinh hoạt và không ăn thức ăn



Coatzacoalcos, Mexico

ngon ở trên chiếc du thuyền vì anh ta không biết rằng tất cả những thứ này đều đã được gồm vào trong giá vé của mình. Thảo luận với những người trong gia đình có nắm giữ chức tư tế về những cách họ có thể sống theo “các đặc ân của mình khi nói đến vấn đề quyền năng thiêng liêng, các ân tứ và phước lành là cơ hội và quyền của [họ] với tư cách là những người mang chức tư tế của Thượng Đế.”

- Chủ Tịch Boyd K. Packer dạy về quyền năng của sự tha thứ (trang 30). Có những người mà các anh chị em cần phải tha thứ, hoặc có những kinh nghiệm phiền toái mà các anh chị em cần phải “bỏ qua” không? Hãy tìm đến để được Chúa giúp đỡ trong việc tìm kiếm bình an và quyền năng để tha thứ.

- Anh Cả Richard G. Scott kể về việc ông và vợ ông là Jeanene bày tỏ tình yêu bằng cách viết những bức thư ngắn cho nhau (trang 94). Hãy cân nhắc việc viết một bức thư ngắn để nói các anh chị em yêu và biết ơn người phối ngẫu của mình biết bao. Để bức thư đó ở nơi nào người phối ngẫu của mình dễ thấy.

- Anh Cả David A. Bednar trích dẫn kinh nghiệm của Chủ Tịch Joseph F. Smith về việc nhận được một chứng ngôn (trang 87). Xem lại câu chuyện này và nghĩ về những kinh nghiệm nào đã ảnh hưởng đến chứng ngôn của các anh chị em. ■

Chủ Tịch Đoàn Các Tổ Chức Bỏ Trợ Trung Ương

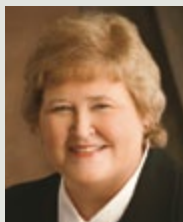
HỘI PHỤ NỮ



Silvia H. Allred
Đệ Nhất Cô Văn



Julie B. Beck
Chủ Tịch



Barbara Thompson
Đệ Nhị Cô Văn

HỘI THIẾU NỮ



Mary N. Cook
Đệ Nhất Cô Văn

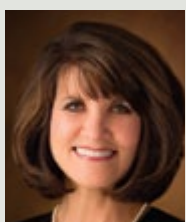


Elaine S. Dalton
Chủ Tịch

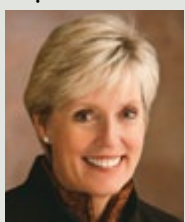


Ann M. Dibb
Đệ Nhị Cô Văn

HỘI THIẾU NHI



Jean A. Stevens
Đệ Nhất Cô Văn



Rosemary M. Wixom
Chủ Tịch



Cheryl A. Espin
Đệ Nhị Cô Văn

HỘI THIẾU NIÊN



Larry M. Gibson
Đệ Nhất Cô Văn



David L. Beck
Chủ Tịch



Adrián Ochoa
Đệ Nhị Cô Văn

TRƯỜNG CHÚA NHẬT



David M. McConkie
Đệ Nhất Cô Văn



Russell T. Osguthorpe
Chủ Tịch



Matthew O. Richardson
Đệ Nhị Cô Văn

Sự Giảng Dạy cho Thời Chúng Ta

Các bài học của Chức Tư Tế Mên Chi Xê Đéc và Hội Phụ Nữ vào ngày Chúa Nhật thứ tư của mỗi tháng sẽ được dành cho “Sự Giảng Dạy cho Thời Chúng Ta.” Mỗi bài học có thể được chuẩn bị từ một hoặc nhiều bài nói chuyện tại đại hội trung ương gần đây nhất. Các vị chủ tịch giáo khu và giáo hạt có thể chọn bài nói chuyện nào nên được sử dụng, hoặc họ có thể chỉ định trách nhiệm này cho các vị giám trợ và chủ tịch chi nhánh. Các vị lãnh đạo này cần phải nhấn mạnh đến giá trị của việc các anh em Chức Tư Tế Mên Chi Xê Đéc và các chị em trong Hội Phụ Nữ học cùng một bài học vào các ngày Chúa Nhật đó.

Những người tham dự vào các bài học trong ngày Chúa Nhật thứ tư của tháng được khuyến khích học hỏi và mang đến lớp học số báo đại hội trung ương gần đây nhất.

Những Đề Nghị để Chuẩn Bị một Bài Học từ Các Bài Nói Chuyện

Cầu nguyện rằng Đức Thánh Linh sẽ ở với các anh chị em khi các anh chị em học hỏi và giảng dạy (các) bài nói chuyện. Các anh chị em có thể bị cám dỗ để

chuẩn bị bài học bằng cách sử dụng các tài liệu khác, nhưng các bài nói chuyện tại đại hội là chương trình giảng dạy đã được chấp thuận. Nhiệm vụ của các anh chị em là giúp những người khác học hỏi và sống theo phúc âm như đã được giảng dạy trong đại hội trung ương gần đây nhất của Giáo Hội.

Hãy ôn lại (các) bài nói chuyện, tìm kiếm các nguyên tắc và giáo lý nhằm đáp ứng nhu cầu của các học viên. Cũng nên tìm kiếm các câu chuyện, đoạn tham khảo thánh thư và lời phát biểu từ (các) bài nói chuyện mà sẽ giúp các anh chị em giảng dạy các lễ thật này.

Lập ra một đại cương về cách giảng dạy các nguyên tắc và giáo lý đó. Đại cương của các anh chị em nên gồm có những câu hỏi nhằm giúp các học viên:

- Tìm kiếm các nguyên tắc và giáo lý trong (các) bài nói chuyện.
- Suy nghĩ về ý nghĩa của các nguyên tắc và giáo lý này.
- Chia sẻ sự hiểu biết, ý kiến, kinh nghiệm và chứng ngôn.
- Áp dụng các nguyên tắc và giáo lý này trong cuộc sống của mình. ■

CÁC THÁNG

CÁC TÀI LIỆU HỌC VÀO NGÀY CHÚA NHẬT THỨ TƯ TRONG THÁNG

Tháng Năm 2011–
Tháng Mười 2011

Các bài nói chuyện được đăng trong *Liahona** số tháng Năm năm 2011

Tháng Mười Một
năm 2011–Tháng
Tư năm 2012

Các bài nói chuyện được đăng trong *Liahona** số tháng Mười Một năm 2011

* Các bài nói chuyện này có sẵn (bằng nhiều ngôn ngữ) tại conference.lds.org.

Các Vị Lãnh Đạo Kỷ Niệm Chương Trình An Sinh, Thông Báo về Đền Thờ Sắp Xây Cát

Hơn 100.000 người tham dự năm phiên họp của Đại Hội Trung Ương kỳ thứ 181 của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô trong Trung Tâm Đại Hội ở Salt Lake City, Utah, Hoa Kỳ, trong khi hàng triệu người xem hoặc nghe qua các đài truyền hình, truyền thanh, hệ thống vệ tinh và mạng Internet.

Các tín hữu trên khắp thế giới tham dự đại hội bằng 93 ngôn ngữ. Băng ghi âm, thu hình và bài nói chuyện của phần phát thanh và truyền hình đã có trên trực tuyến bằng nhiều ngôn ngữ tại conference.lds.org và sẽ có sẵn trên đĩa DVD và CD.

Chủ Tịch Thomas S. Monson đã khai mạc đại hội với thông báo về địa điểm của ba ngôi đền thờ mới—Fort Collins, Colorado, Hoa Kỳ; Meridian, Idaho, Hoa Kỳ; và Winnipeg, Manitoba, Canada—các đền thờ này sẽ mang con số đền thờ được thông báo sắp xây cất hoặc đang xây cất lên đến 26. Hiện có 134 đền thờ đang hoạt động.

Chủ Tịch Monson cũng nhấn mạnh đến tầm quan trọng của công việc



Trên: Một thanh niên đang hái nho tại vườn nho Madera, California, Hoa Kỳ, do Giáo Hội sở hữu. Vườn nho này sản xuất nho khô cho hệ thống an sinh của Giáo Hội. Dưới bên trái: Một gia đình tham dự đại hội trung ương ở Coimbra, Portugal, được truyền hình qua hệ thống vệ tinh.

truyền giáo khi nói rằng “Công việc truyền giáo là thiết yếu cho sự phát triển của vương quốc.” Khoảng 52.000 người truyền giáo hiện phục vụ tại 340 phái bộ truyền giáo ở khắp thế giới.

Vào trưa thứ Bảy, có 10 Vị Thẩm Quyền Trung Ương mới và 41 Thầy Bảy Mươi Có Thẩm Quyền Giáo Vùng được tán trợ, trong khi có 34 Thầy Bảy Mươi Có Thẩm Quyền Giáo Vùng được giải nhiệm. Ngoài ra, Anh Cả Don R. Clarke thuộc Đệ Nhị Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi được kêu gọi phục vụ trong Đệ Nhất Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi. Bản Báo Cáo Thống Kê năm 2010 cho thấy con số tín hữu của Giáo Hội hiện nay đang vượt quá 14 triệu người.

Một số bài nói chuyện đưa ra trong hai ngày đại hội được tập trung vào đề tài an sinh của Giáo Hội và chương trình an sinh độc đáo của Giáo Hội—2011 là năm kỷ niệm 75 năm thành lập chương trình này.

Vào ngày thứ Bảy, Chủ Tịch Henry B. Eyring, Đệ Nhất Cố Vấn trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn, thông báo rằng để kỷ niệm 75 năm ngày thành lập chương trình an sinh, các tín hữu trên toàn cầu được mời tham gia một ngày sinh hoạt phục vụ. Ngày phục vụ nên được tổ chức trong cấp tiểu giáo khu hay giáo khu một thời gian nào đó trong năm. Các vị lãnh đạo địa phương cần quyết định chi tiết của mỗi dự án, và các tín hữu được khuyến khích mời những người khác tham gia nếu thích hợp.

Chủ Tịch Monson bế mạc đại hội với chứng ngôn của ông về Đấng Ky Tô trong ngày Phục Sinh: “Vào giờ phút cuối, [Chúa Giê Su Ky Tô] đã có thể từ chối. Nhưng Ngài đã không làm như vậy. Ngài đã hạ mình xuống thấp hơn tất cả mọi vật để Ngài có thể cứu vạt vạt. Khi làm như vậy, Ngài đã ban cho chúng ta sự sống ở bên kia cuộc sống trần thế.” ■





Anh Cả José L. Alonso

*Thuộc Nhóm Túc Số
Thầy Bảy Mươi*

Ngay cả trước khi gia nhập Giáo Hội, José Luis Alonso Trejo đã có chứng ngôn về quyền năng của sự cầu nguyện. Ông nói: “Khi tôi 11 tuổi, tôi gần chết. Các bác sĩ đã bó tay rồi—Tôi nghe lỏm họ nói như thế. Vậy nên tôi cầu nguyện lên Chúa và Ngài đã chữa lành tôi.

“Về sau, khi tôi nghe câu chuyện về Joseph Smith và biết được việc một thiếu niên chỉ 14 tuổi nói chuyện với Thượng Đế như thế nào, thì tôi biết rằng câu chuyện đó có thật. Tôi biết rằng Thượng Đế có thể đáp ứng những lời cầu nguyện của chúng ta, rằng Ngài biết rõ chúng ta.”

Cũng cái cảm giác an ủi đó đã hướng dẫn Anh Cả Alonso khi ông nghiên cứu Sách Mặc Môn. Ông nói: “Nhờ vào lời cầu nguyện và quyển sách này nên tôi biết một cách chắc chắn rằng Chúa Giê Su là Đấng Ky Tô.”

Anh Cả Alonso sinh ở Mexico City, Mexico, vào tháng Mười Một năm 1958, con của Ông Luis và Bà Luz Alonso. Khi còn niên thiếu, ông đã dọn đến thành phố Cuautla, Mexico, nơi đó ông đã gia nhập Giáo Hội. Việc tham dự Hội Hổ Tương giúp ông tiếp xúc với các thanh thiếu niên vững mạnh, là những người đã kết bạn với ông và mang cho ông một mái gia đình thứ hai. Cũng chính trong lúc tham dự Hội Hổ Tương ông đã gặp Rebecca Salazar, người phụ nữ về sau trở thành vợ ông.

Khi Anh Cả Alonso Mexico tròn 19 tuổi, ông phục vụ truyền giáo toàn thời gian ở Phái Bộ Truyền Giáo Hermosillo. Tiếp theo công việc truyền giáo của mình, Anh Cả Alonso và Rebecca kết hôn vào ngày 24 tháng Hai năm 1981 ở Đền Thờ Mesa Arizona. Họ có hai người con.

Ngoài việc phục vụ với tư cách là giám đốc viện giáo lý thuộc Hệ Thống Giáo Dục của Giáo Hội, Anh Cả Alonso còn có bằng bác sĩ chuyên khoa nhi và làm việc với tư cách là bác sĩ phẫu thuật và chữa bệnh bằng phương pháp vi lượng đồng căn (Homeopathy). Nghề nghiệp của ông cho thấy một ước muốn từ lâu là phục vụ và ban phước cho những người khác—giống như Chúa đã ban phước cho ông khi ông bị bệnh lúc còn nhỏ. Ông nói: “Sự phục vụ những người khác xây đắp tình đoàn kết và tình anh em, cùng mời gọi quyền năng của Chúa vào cuộc sống của chúng ta.”

Trước khi được kêu gọi vào Đệ Nhất Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi, Anh Cả Alonso phục vụ với tư cách là giám trợ, chủ tịch công việc truyền giáo của giáo khu, chủ tịch giáo khu, cố vấn của chủ tịch phái bộ truyền giáo, chủ tịch Phái Bộ Truyền Giáo Mexico Tijuana và Thầy Bảy Mươi Có Thảm Quyền Giáo Vùng. ■



Anh Cả Ian S. Ardern

*Thuộc Nhóm Túc Số
Thầy Bảy Mươi*

Bất cứ lúc nào có một tiếng chuông điện thoại reo hoặc có ai gõ cửa nhà, thì câu đầu tiên thốt ra từ miệng của Anh Cả Ian Sidney Ardern thường là: “Cần tôi giúp đỡ gì không?”

Anh Cả Ardern sinh tháng Hai năm 1954, con của Ông Harry và Bà Gwladys McVicar Wiltshire ở Te Aroha, New Zealand. Ông nhớ lại rằng thường các hành động phục vụ dường như nhỏ nhặt lại tạo ra sự khác biệt lớn lao trong cuộc sống của cả người cho lẫn người nhận. Anh Cả Ardern nói: “Sự phục vụ không phải lúc nào cũng thuận tiện nhưng nó luôn luôn ban phước cho cuộc sống của mình.”

Anh Cả và Chị Ardern gặp nhau trong khi theo học trường Church College of New Zealand và kết hôn ở Đền Thờ Hamilton New Zealand vào ngày 17 tháng Giêng năm 1976. Bốn người con của họ lớn lên trong một mái ấm gia đình nơi mà tình yêu thương, mối quan tâm lẫn nhau, nhu cầu hiểu biết và sống theo các nguyên tắc phúc âm được đặt lên hàng đầu. Anh Cả Ardern: “Thật là một phước lành khi thấy những ưu tiên đó trong nhà của con cái đã lập gia đình của chúng tôi”

Chúa kỳ vọng nhiều nơi con cái của Ngài, và Ngài cung ứng một đường lối để những kỳ vọng đó được đáp ứng. Anh Cả Ardern nói: “Tôi biết ơn nhiều nhất đối với tất cả những người đã giúp gia đình chúng tôi noi theo Chúa.”

Việc noi theo những lời giảng dạy của các vị tiên tri trong nhà là một ưu tiên đối với gia đình Ardern. Việc học thánh thư hằng ngày đã trở thành thói quen vì mấy đứa con nhỏ thay phiên nhau dán nhãn hình màu đỏ lên trên tấm lịch để đánh dấu việc đọc thánh thư trong ngày đó chắc chắn đã hoàn tất. Chị Ardern nói: “Qua những điều nhỏ nhặt và tầm thường mà các thói quen tốt có thể được thiết lập.”

Trước khi được kêu gọi vào Đệ Nhất Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi, Anh Cả Ardern đã phục vụ với tư cách là người truyền giáo ở Pháp và Bỉ, chủ tịch Hội Thiếu Niên giáo khu, ủy viên hội đồng thượng phẩm, cố vấn giám trợ, giám trợ, cố vấn chủ tịch giáo khu, chủ tịch Phái Bộ Truyền Giáo Fiji Suva và Thầy Bảy Mươi Có Thảm Quyền Giáo Vùng.

Anh Cả Ardern nhận được bằng cử nhân và cao học ngành sư phạm từ trường University of Waikato ở New Zealand. Nghề nghiệp của ông gồm có nhiều chức vụ trong Hệ Thống Giáo Dục của Giáo Hội, kể cả giảng viên, giám đốc, điều phối viên lớp giáo lý ở New Zealand, hiệu trưởng trường Church College of New Zealand và Giám Đốc Khu Vực Thái Bình Dương. ■



Anh Cả Carl B. Cook

*Thuộc Nhóm Túc Số
Thầy Bảy Mươi*

Khi còn là người truyền giáo trẻ tuổi trong trung tâm Huấn Luyện Ngôn Ngữ (tiền thân của Trung Tâm Huấn Luyện Truyền Giáo) chuẩn bị đi Hamburg, Đức, Carl Bert Cook cố gắng vất vả học tiếng Đức. Trong khi ông cố gắng hiểu các từ vựng căn bản thì các thành viên trong chi bộ truyền giáo của ông đã chuyển sang học những khái niệm phức tạp hơn.

Nản lòng vì không tiến bộ nhiều, nên Anh Cả Cook trẻ tuổi tìm kiếm sự giúp đỡ thiêng liêng thông qua phước lành của chức tư tế và cầu nguyện. Sau một lần cầu nguyện chân thành đặc biệt, Anh Cả Cook nhớ đã nhận được một câu trả lời cụ thể: Chúa đã không kêu gọi ông phải tinh thông tiếng Đức mà là phải hết tâm trí, hết sức phục vụ.

Anh Cả Cook, mới vừa được kêu gọi với tư cách là thành viên trong Đệ Nhất Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi, nói: “Tôi lập tức nghĩ rằng: ‘Tôi có thể làm được điều đó.’” “Tôi có thể hết lòng, hết tâm trí và hết sức phục vụ.’ Tôi đứng lên và cảm thấy nhẹ nhõm cả người. Đột nhiên, thước đo thành công của tôi thay đổi từ việc người bạn đồng hành và các thành viên trong chi bộ truyền giáo của tôi đang làm việc như thế nào đến việc Chúa cảm thấy tôi nên làm việc như thế nào.”

Mặc dù Anh Cả Cook nói rằng ông không nhất thiết phải học ngôn ngữ nhanh hơn sau kinh nghiệm đó, nhưng ông không còn cảm thấy lo âu như trước nữa vì biết mình đang làm điều Chúa muốn ông phải làm. Ông nói rằng bài học đó rất quan trọng trong tất cả những sự kêu gọi của ông kể từ lúc đó, kể cả giám trợ, cố vấn trong chủ tịch đoàn giáo khu, chủ tịch giáo khu, chủ tịch Phái Bộ Truyền Giáo New Zealand Auckland, Thầy Bảy Mươi Có Thẩm Quyền Giáo Vùng và bây giờ trong sự kêu gọi hiện tại của ông.

Anh Cả Cook nhận được bằng cử nhân ngành tiếp thị thương mại từ trường Weber State College và bằng cao học ngành quản trị kinh doanh từ trường Utah State University. Ông làm nghề phát triển bất động sản.

Anh Cả Cook sinh ở Ogden, Utah, Hoa Kỳ, vào tháng Mười năm 1957, con của Bà Ramona Cook Barker và Ông Bert E. Cook đã quá cố. Ông kết hôn với Lynette Hansen vào ngày 14 tháng Mười Hai năm 1979, ở Đền Thờ Ogden Utah. Họ có năm người con. ■



Anh Cả LeGrand R. Curtis Jr.

*Thuộc Nhóm Túc Số
Thầy Bảy Mươi*

Anh Cả LeGrand R. Curtis Jr. biết rằng “Chúa đòi hỏi tấm lòng thành và tâm hồn đầy thiện chí” (GLGƯ 64:34).

Vợ ông, Jane Cowan Curtis, là người kết hôn với ông trong Đền Thờ Salt Lake vào ngày 4 tháng Giêng năm 1974, nói: “Anh ấy yêu thích phục vụ trong Giáo Hội, và anh ấy làm điều đó một cách siêng năng với một thái độ đầy thiện chí.” “Sự phục vụ là lòng mong mỏi và ước muốn lớn nhất của anh ấy.”

Anh Cả Curtis sinh vào tháng Tám năm 1952, ở Ogden, Utah, Hoa Kỳ, con của Ông LeGrand R. và Bà Patricia Glade Curtis. Về sau cha của ông trở thành một thành viên trong Đệ Nhị Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi (từ 1990–95).

Trước khi được kêu gọi vào Đệ Nhất Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi, Anh Cả Curtis Jr. phục vụ trong Phái Bộ Truyền Giáo Italy North và với tư cách là giám trợ, ủy viên hội đồng thượng phẩm, chủ tịch giáo khu, chủ tịch Phái Bộ Truyền Giáo Italy Padova, và Thầy Bảy Mươi Có Thẩm Quyền Giáo Vùng. Ông đang phục vụ với tư cách là thành viên trong Đệ Ngũ Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi ở Giáo Vùng Utah Salt Lake City vào lúc được kêu gọi vào Đệ Nhất Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi.

Anh Cả Curtis tốt nghiệp từ trường Brigham Young University với bằng kinh tế và nhận bằng tiến sĩ luật từ trường University of Michigan. Vào lúc nhận được sự kêu gọi này, ông đang làm việc với tư cách là luật sư và người chung phần tại một công ty luật. Ngoài việc đi học và làm việc, Anh Cả Curtis và vợ ông còn nuôi dạy năm người con.

Sau khi phục vụ với tư cách là Thầy Bảy Mươi Có Thẩm Quyền Giáo Vùng từ năm 2004 đến 2011, Anh Cả Curtis nói ông biết ơn về cơ hội được làm việc với Các Vị Thẩm Quyền Trung Ương. Ông nói: “Tôi đã được ban phước để làm việc với một số vị lãnh đạo phi thường trong Giáo Hội.” “Việc nhìn họ và học hỏi từ họ là một đặc ân lớn.”

Chị Curtis nói rằng Anh Cả Curtis luôn luôn có bàn tay sẵn sàng giúp đỡ và tâm hồn đầy thiện chí. Bà nói: “Thái độ của anh ấy luôn luôn là: ‘Tôi sẽ làm.’”

Giáo Lý và Giao Ước 64:34 kết thúc với những lời này: “Những kẻ có thiện chí và biết tuân lời sẽ hưởng sự tốt lành của đất Si ôn vào những ngày sau cùng này.” Anh Chị Curtis nói rằng họ và con cháu của họ đã được ban phước một cách đặc biệt vì việc phục vụ Chúa. ■



Anh Cả W. Christopher Waddell

*Thuộc Nhóm Túc Số
Thầy Bảy Mươi*

Một nguyên tắc hướng dẫn bất thành văn trong gia đình của Anh Cả W. Christopher Waddell luôn luôn là: “Tin cậy nơi Chúa.”

Anh Cả Waddell nói về những khúc quanh bất ngờ của cuộc đời “Khi tin cậy nơi Chúa, ta không cần phải lo lắng về những điều thay đổi nghiêm trọng.” “Chúng ta biết rằng Ngài luôn quan tâm đến chúng ta và chúng ta sẽ được ban phước.”

Anh Cả Waddell sinh vào tháng Sáu năm 1959 ở Manhattan Beach, California, Hoa Kỳ, và là con của Ông Wayne và Bà Joann Waddell. Ông nhận được bằng cử nhân ngành lịch sử từ trường San Diego State University nơi đó ông cũng chơi môn bóng chày. Ông đã làm việc trong nhiều chức vụ trong một công ty dịch vụ dầu tư toàn cầu.

Anh Cả Waddell kết hôn với Carol Stansel vào ngày 7 tháng Sáu năm 1984, ở Đền Thờ Los Angeles California. Họ có bốn người con. Tình đoàn kết có ý nghĩa to lớn trong gia đình Waddell. Họ cho rằng sự đoàn kết đó là do việc cố gắng tuân theo phúc âm của Đấng Cứu Rỗi trong nhà họ. Những sinh hoạt gia đình cũng rất quan trọng—dành thời giờ với nhau trên bãi biển gần nhà họ và tham dự các trận đấu thể thao chung với gia đình.

Trước khi được kêu gọi vào Đệ Nhất Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi, Anh Cả Waddell đã phục vụ với tư cách là người truyền giáo toàn thời gian ở Tây Ban Nha, giám trợ, ủy viên hội đồng thượng phẩm, cố vấn chủ tịch phái bộ truyền giáo, chủ tịch giáo khu, chủ tịch Phái Bộ Truyền Giáo Barcelona Spain và Thầy Bảy Mươi Có Thẩm Quyền Giáo Vùng.

Anh Cả Waddell nói rằng kinh nghiệm này thêm vào với kinh nghiệm khác và mỗi kinh nghiệm tiếp tục thêm vào “kho báu của chứng ngôn”, và ông dựa vào kho báu đó để đối phó với những thử thách trong cuộc sống.

Khi nói về việc chuẩn bị cho sự kêu gọi mới của mình, Anh Cả Waddell nói về đền thờ.

“Điều gì đã chuẩn bị chúng ta cho điều này? Ông nói: “Khi đi đền thờ lần đầu tiên và lập các giao ước, chúng ta cam kết sẵn lòng làm bất cứ điều gì Chúa đòi hỏi chúng ta làm mặc dù điều đó không tiện lợi. “Việc đi đền thờ, phục vụ truyền giáo, lập các giao ước, và rồi thấy bàn tay của Ngài và cách Ngài hướng dẫn công việc—đó là tất cả những gì ta cần. Chúng ta không làm điều gì độc đáo cả; chúng ta tuân giữ các giao ước mình đã lập, cũng giống như mọi người khác.” ■



Anh Cả Kazuhiko Yamashita

*Thuộc Nhóm Túc Số
Thầy Bảy Mươi*

Kể từ khi trở thành một giám trợ trẻ tuổi ở Fukuoka, Nhật Bản, cách đây nhiều năm, Anh Cả Kazuhiko Yamashita đã học được từ các tấm gương và thái độ tốt của các vị lãnh đạo cấp trên của mình.

Chẳng bao lâu sau, Anh Cả Yamashita kết hôn với Tazuko Tashiro, họ dọn nhà đi từ Tokyo đến Fukuoka, nơi đó Anh Cả Yamashita được kêu gọi với tư cách là giám trợ khi ông chưa đầy 30 tuổi.

Anh Cả Yamashita nói: “Điều đó rất khó đối với tôi và gia đình tôi.” “Vào lúc đó chúng tôi có ba đứa con nhỏ và chúng tôi còn mới trong khu vực đó—nhưng đó cũng là là kinh nghiệm giảng dạy và học hỏi rất tốt cho tôi, và chứng ngôn cùng đức tin của tôi trở nên vững mạnh hơn.”

Chị Yamashita nói rằng bà đã thấy chồng mình nhận được nhiều sự kêu gọi và trở thành một người cha và người lãnh đạo tinh thần tốt nhờ trải qua những thử thách từ những sự kêu gọi đó. Với thời gian, bà đã thấy ông thay đổi và trở thành một người cha và người chồng tử tế, nhân từ hơn. Gia đình vui hưởng thời gian bên nhau kể cả những chuyến đi chơi xa mỗi năm.

Anh Cả Yamashita sinh vào tháng Chín năm 1953, là con của Ông Kiyoshi và Bà Sadae Yamashita. Ông lớn lên ở Tokyo, Nhật Bản, nơi ông tìm được Giáo Hội vào năm 1971 qua Cuộc Triển Lãm 70, Hội Chợ Quốc Tế.

Anh Cả Yamashita nhận được bằng cử nhân sư phạm từ trường Saitama University và bằng cao học về khoa học thể thao từ trường Tsukuba University. Ông cũng học ngành khoa học thể dục thể thao tại trường Brigham Young University. Anh Cả Yamashita từng là giảng viên và giáo sư tại nhiều trường đại học khác nhau và phục vụ trong nhiều tổ chức khoa học, cộng đồng và thể thao.

Anh Cả Yamashita và vợ của ông kết hôn vào ngày 29 tháng Ba năm 1980, và được làm lễ gắn bó vào tháng Mười Hai năm 1980, sau khi Đền Thờ Tokyo Japan được hoàn tất. Họ có sáu người con.

Trước khi được kêu gọi vào Đệ Nhất Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi, Anh Cả Yamashita đã phục vụ với tư cách là giám trợ, ủy viên hội đồng thượng phẩm, chủ tịch phái bộ truyền giáo, chủ tịch giáo khu và Thầy Bảy Mươi Có Thẩm Quyền Giáo Vùng. ■



Anh Cả Randall K. Bennett

*Thuộc Nhóm Túc Số
Thầy Bảy Mươi*

C hính là vào lúc thành công nhất trong nghề nghiệp của ông với tư cách là nha sĩ chính rằng mà Randall K. Bennett và vợ ông là Shelley cảm thấy “một ấn tượng rõ rệt” phải chuẩn bị đi phục vụ truyền giáo. Điều này có nghĩa là họ sẽ cần phải bán nhà của họ ngay lập tức.

Lý do mà sự thúc giục không trở nên rõ rệt ngay lập tức—là vì phải mất ba năm để bán căn nhà, một tiến trình “đòi hỏi nhiều kiên nhẫn” và đòi hỏi họ “cho Chúa thấy rằng chúng tôi thật sự cam kết,” Anh Cả Bennett nói như vậy. “Chúng tôi tiếp tục tin cậy nơi Chúa và cố gắng luôn gần gũi với Ngài qua việc thường xuyên tham dự đền thờ, học thánh thư hằng ngày, cầu nguyện, nhịn ăn, và phục vụ những người khác.”

Cuối cùng, ngay sau khi nhà họ đã bán xong, Anh Cả Bennett được kêu gọi phục vụ tại Trung Tâm Huấn Luyện Truyền Giáo và rồi với tư cách là chủ tịch Phái Bộ Truyền Giáo Russia Samara.

Anh Cả Bennett nói: “Thật là điều kỳ diệu—và đây khiêm nhường—để biết rằng Chúa đã rất quan tâm đến chúng tôi và chuẩn bị cho chúng tôi.” “Chúng tôi đã dần dần biết rằng Chúa biết những ý nghĩ trong tâm trí và những cảm nghĩ trong tâm hồn chúng tôi. Chúng tôi đã học cách tin cậy rằng Ngài biết rõ hơn chúng tôi biết, rằng Ngài biết nhiều hơn chúng tôi biết và rằng Ngài yêu thương chúng tôi.”

Ngoài những sự kêu gọi của ông với tư cách là thành viên trong Đệ Nhị Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi và chủ tịch phái bộ truyền giáo, Anh Cả Bennett còn phục vụ với tư cách là chủ tịch và cố vấn trong chi nhánh của Trung Tâm Huấn Luyện Truyền Giáo Provo, thành viên trong hội đồng thượng phẩm giáo khu, cố vấn trong giám trợ đoàn, chủ tịch Hội Thiếu Niên tiểu giáo khu, nhiều sự kêu gọi khác, và với tư cách là người truyền giáo trong Phái Bộ Truyền Giáo France Paris và France Toulouse.

Anh Cả Bennett nhận được bằng bác sĩ phẫu thuật răng từ trường University of Alberta (Canada) và bằng cao học về ngành chính răng từ trường Loma Linda University ở miền Nam California, Hoa Kỳ.

Anh Cả Bennett sinh vào tháng Sáu năm 1955 ở Magrath, Alberta, Canada. Cha mẹ của ông là Ông Donald Kay Bennett và Bà Anne Darlene Long. Ông kết hôn với Shelley Dianne Watchman vào ngày 23 tháng Tư năm 1977, trong Đền Thờ Cardston Alberta. Họ có bốn người con. ■



Anh Cả J. Devn Cornish

*Thuộc Nhóm Túc Số
Thầy Bảy Mươi*

A nh Cả John Devn Cornish biết rằng mỗi tín hữu và mỗi sự kêu gọi trong Giáo Hội đều quan trọng. Ông nói: “Thật là quan trọng để nhớ rằng khi suy nghĩ về những sự kêu gọi trong Giáo Hội thì việc chúng ta ngồi ở đâu trên máy bay đều không quan trọng—việc chúng ta ở trên máy bay mới là quan trọng.” “Làm một phần tử của công việc của Chúa là quan trọng vĩnh viễn.” “Chức vụ nào chúng ta nhận được thì không quan trọng lắm.”

Từ sự kêu gọi của ông để phục vụ trong Phái Bộ Truyền Giáo Guatemala–El Salvador đến sự kêu gọi mới đây nhất của ông vào Đệ Nhị Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi, Anh Cả Cornish đã cam kết làm tròn sự kêu gọi của mình trong Giáo Hội, kể cả chủ tịch Hội Thiếu Niên tiểu giáo khu, chủ tịch nhóm túc số các anh cả, thư ký chấp hành tiểu giáo khu, người lãnh đạo nhóm thầy tư tế thượng phẩm, ủy viên hội đồng thượng phẩm, giám trợ, chủ tịch giáo khu, chủ tịch Phái Bộ Truyền Giáo Dominican Republic Santiago và Thầy Bảy Mươi Có Thẩm Quyền Giáo Vùng.

Anh Cả Cornish sinh vào tháng Tư năm 1951 ở Salt Lake City, Utah, Hoa Kỳ, con của Ông George và Bà Naomi Cornish. Ông lớn lên ở Utah, Georgia, và Virginia, Hoa Kỳ, trước khi trở về Utah để theo học đại học.

Trong khi sống ở Provo, ông đã gặp Elaine Simmons tại một buổi sinh hoạt của những người thành niên trẻ tuổi độc thân. Họ kết hôn trong Đền Thờ Manti Utah vào tháng Tám năm 1973.

Trong khi cùng vợ mình nuôi dạy sáu người con, Anh Cả Cornish đã phục vụ trong United States Air Force Medical Corp (Đoàn Quân Y trong Không Lực Hoa Kỳ), nhận được bằng cử nhân và bằng bác sĩ từ trường Johns Hopkins University, và thực tập nội trú chuyên khoa nhi tại trường Harvard Medical School—Boston Children’s Hospital.

Vì học vấn và việc làm nên gia đình Anh Cả Cornish dọn nhà rất nhiều lần đến các tiểu bang Idaho, Texas, California và Georgia, Hoa Kỳ, nhưng dù ở bất cứ nơi đâu, Anh Cả và Chị Cornish đều nói rằng họ yêu thích phục vụ trong Giáo Hội.

Anh Cả Cornish nói: “Công việc của Chúa tăng trưởng trên khắp thế giới, và đó là một phước lành lớn lao để có thể giúp phục vụ con cái của Chúa dù họ sống ở bất cứ nơi nào.” ■



Anh Cả O. Vincent Haleck

*Thuộc Nhóm Túc Số
Thầy Bảy Mươi*

Từ khi còn nhỏ, Anh Cả Otto Vincent Haleck đã đóng tiền thập phân, nhịn ăn và học thánh thư—rồi sau đó ông gặp những người truyền giáo và chịu phép báp têm.

Mẹ của Anh Cả Haleck là tín hữu của Giáo Hội nhưng không đi nhà thờ trong nhiều năm. Cha của ông không phải là tín hữu của Giáo Hội. Tuy nhiên, gia đình họ đã đóng tiền thập phân, nhịn ăn hằng tuần, đọc Kinh Thánh hằng ngày, và hiến tặng những gì họ có cho những người gặp hoạn nạn. Anh Cả Haleck sinh ra từ một di sản đức tin.

Anh Cả Haleck sinh vào tháng Giêng năm 1949 ở American Samoa. Cha mẹ của ông, Otto và Dorothy Haleck, gửi ông đi học ở California, Hoa Kỳ. Vào lúc 17 tuổi, ông thấy rằng một số bạn bè trong ban đại diện sinh viên rất khác biệt với các sinh viên khác. Anh Cả Haleck nói: “Họ mời tôi đến Hội Hổ Tương và chuyện bắt đầu từ đó.”

Anh Cả Haleck nhận được bằng cử nhân về ngành quảng cáo và tiếp thị từ trường Brigham Young University. Ông làm chủ một số cơ sở thương mại ở American Samoa và tham gia việc làm từ thiện. Anh Cả Haleck và vợ của ông, Peggy Ann Cameron, kết hôn vào ngày 29 tháng Sáu năm 1972, ở Đền Thờ Provo Utah. Họ có ba người con.

Cuối cùng, toàn thể gia đình của Anh Cả Haleck đều tìm ra phúc âm. Anh Cả Haleck có đặc ân làm phép báp têm cho người cha 80 tuổi của mình và thấy được mẹ của ông trở lại tích cực trong Giáo Hội sau 50 năm kết hôn.

Trước khi được kêu gọi vào Đệ Nhị Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi, Anh Cả Haleck phục vụ với tư cách là người truyền giáo toàn thời gian ở Phái Bộ Truyền Giáo Samoa Apia, giám trợ, ủy viên hội đồng thượng phẩm giáo khu, tộc trưởng, chủ tịch giáo khu, và mới gần đây nhất là chủ tịch Phái Bộ Truyền Giáo Samoa Apia.

Anh Cả Haleck tin rằng tất cả những kinh nghiệm sống của ông đã dẫn đến vị thế hiện tại của ông. Anh Cả Haleck nói: “Tôi nhìn lại cuộc sống của mình và tôi có thể nói rằng tôi có thể thấy được bàn tay của Chúa.” “Tôi biết ơn và được vinh dự có được sự tin tưởng mà Chúa đã đặt nơi chúng tôi. Tôi yêu mến Chúa và hy vọng sẽ là công cụ tốt trong tay Ngài. Tôi biết rằng Chúa sẽ giúp đỡ tôi.” ■



Anh Cả Larry Y. Wilson

*Thuộc Nhóm Túc Số
Thầy Bảy Mươi*

Mặc dù việc cân bằng những đòi hỏi của sự làm việc, Giáo Hội và các trách nhiệm gia đình là một thử thách đối với Anh Cả Larry Young Wilson, nhưng ông đã chắc chắn rằng những người trong gia đình biết là họ rất quan trọng đối với ông.

Anh Cả Wilson nói: “Kinh nghiệm có tác động mạnh mẽ nhất mà tôi đã có là làm một người chồng và người cha.” “Tôi ít khi nào bỏ lỡ buổi trình diễn thể thao, âm nhạc hoặc buổi trình diễn khác của một đứa con. Tôi đọc chuyện cho chúng trước khi đi ngủ và cầu nguyện với chúng trước khi mang chúng vào giường buổi tối. Thật là quan trọng để có mặt ở đó.”

Anh Cả Wilson biết rõ những đòi hỏi đặt trên một người có vai trò lãnh đạo trong mọi khía cạnh của cuộc sống. Ông sinh vào tháng Mười Hai năm 1949 ở Salt Lake City, Utah, Hoa Kỳ, con của Ông George và Bà Ida Wilson và lớn lên ở Pocatello, Idaho, Hoa Kỳ. Ông nhận được bằng cử nhân về văn chương Anh và Mỹ từ trường Harvard University, rồi sau đó là bằng cao học về quản trị kinh doanh từ trường Stanford Graduate School of Business.

Anh Cả Wilson hành nghề tư vấn và quản trị viên trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Mặc dù nghề nghiệp của ông đòi hỏi nhiều cố gắng, nhưng Anh Cả Wilson chắc chắn không bao giờ để nó chiếm hết cuộc sống của ông.

Ông nói: “Ta cần phải lập ra những giới hạn xung quanh cuộc sống làm việc của mình.” “Nếu không, nó sẽ nuốt hết mọi thứ khác. Thực ra, những lãnh vực về thời giờ làm việc, cho giáo hội và gia đình phải được luân phiên để qua một bên. Hãy cầu nguyện để được hướng dẫn và ta sẽ biết được điều nào là ưu tiên trong một ngày đặc biệt nào đó.”

Anh Cả Wilson đã siêng năng phục vụ với tư cách là một người truyền giáo ở Phái Bộ Truyền Giáo Brazil Central và với tư cách là giám trợ, chủ tịch giáo khu, và Thầy Bảy Mươi Có Thẩm Quyền Giáo Vùng trước khi được kêu gọi vào Đệ Nhị Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi.

Vợ của ông, Lynda Mackey Wilson, kết hôn với ông vào ngày 10 tháng Bảy năm 1974, trong Đền Thờ Logan Utah, và là người đã giúp Anh Cả Wilson tìm ra sự cân bằng quan trọng đó trong tất cả sự phục vụ của ông. Gia đình Wilson nuôi dạy bốn người con.’ ■



Các Chủ Tịch David O. McKay, Heber J. Grant và J. Reuben Clark Jr. (từ trái qua phải) thuộc Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn tham quan Khuôn Viên An Sinh vào năm 1940.

Kỷ Niệm 75 Năm Thành Lập Chương Trình An Sinh

Bài của Heather Wrigley

Các Tạp Chí Giáo Hội

Vài bài nói chuyện trong Đại Hội Trung Ương Thường Niên kỳ thứ 181 của Giáo Hội được dành ra để nói về dịp kỷ niệm chương trình an sinh của Giáo Hội giờ đây đã được 75 năm kể từ ngày thành lập.

Trong ngày khai mạc chương trình vào năm 1936, Chủ Tịch David O. McKay, lúc bấy giờ là cố vấn trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn, đã khẳng định nguồn gốc được Chúa soi dẫn về chương trình an sinh của Giáo Hội: “[Chương trình an sinh] được thiết lập bởi sự mặc khải thiêng liêng, và không có điều gì khác trên toàn thế giới mà có thể chăm sóc các thành viên của mình hữu hiệu như vậy.”¹

Bảy mươi lăm năm đã đến và đi. Các chu kỳ kinh tế thế giới đã xảy ra và rồi bắt đầu trở lại. Thế giới đã thấy những thay đổi lớn về xã hội và văn hóa, cũng như Giáo Hội đã chứng kiến sự phát triển lạ thường.

Nhưng những lời nói về chương trình an sinh được Chúa soi dẫn của

Giáo Hội vào ngày đó trong năm 1936 vẫn đúng trong thời này như trong thời đó.

Các Chương Trình An Sinh

Vào năm 1929 Hoa Kỳ đã trải qua những mất mát tài chính lớn lao khi thị trường chứng khoán sụp đổ. Đến 1932 nạn thất nghiệp ở Utah đã lên đến 35.8 phần trăm.

Mặc dù Giáo Hội vốn đã có sẵn các nguyên tắc an sinh, kể cả một hệ thống nhà kho và các chương trình để giúp các tín hữu tìm việc làm, nhưng nhiều tín hữu đã tìm đến chính phủ để được trợ giúp.

Chủ Tịch Heber J. Grant (1856–1945) đã nói trong lúc này: “Tôi tin rằng có một khuynh hướng càng ngày càng gia tăng ở giữa những người cố gắng nhận được một thứ gì từ chính quyền Hoa Kỳ với một chút hy vọng là không phải trả lại.”²

Các vị lãnh đạo Giáo Hội muốn giúp các tín hữu đang gặp khó khăn

mà không khuyến khích tính biếng nhác và cảm tưởng là được quyền hưởng nhận. Mục tiêu là để giúp người ta tự giúp bản thân mình trở nên không lệ thuộc.

Vào năm 1933, Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn thông báo: “Các tín hữu khỏe mạnh của chúng ta không được đặt vào tình thế bị ngưng ngừng vì nhận một thứ gì đó cho không, ngoại trừ đó là phương sách cuối cùng. . . . Các chức sắc Giáo Hội phụ trách việc trợ giúp cần phải nghĩ ra những cách thức và phương tiện để qua đó tất cả các tín hữu Giáo Hội khỏe mạnh đang gặp hoạn nạn, có thể đền bù lại những gì trợ giúp cho họ bằng sự phục vụ nào đó.”³

Với các nguyên tắc đã sẵn sàng và đức tin của Các Thánh Hữu hoạt động tích cực, thì các đơn vị riêng rẽ của Giáo Hội cũng như Giáo Hội nói chung cố gắng tổ chức những lớp học may vá và đóng hộp thức ăn, phổ biến hợp các dự án làm việc, tìm mua nông trại, và nhấn mạnh đến lối sống ngay chính, tằn tiện và không lệ thuộc.

Chương Trình An Sinh của Giáo Hội

Với tổ chức của Chương Trình An Toàn của Giáo Hội (được đặt tên lại là Chương Trình An Sinh của Giáo Hội vào năm 1938), các tín hữu nhận được cơ hội để làm việc, theo khả năng của họ, khi nhận được sự phục vụ. Chương trình này dạy các tín hữu phải tự giúp đỡ mình thay vì ngửa tay xin xỏ.

Chủ Tịch Grant nói trong đại hội trung ương tháng Mười năm 1936: “Mục đích chính yếu của chúng ta là đề ra . . . một hệ thống mà sẽ không còn tính biếng nhác, loại bỏ những xấu xa của sự bố thí, và việc không lệ thuộc, tính siêng năng, cần kiệm và lòng tự trọng một lần nữa được thiết lập giữa các tín hữu của chúng ta.” “Sự làm việc phải được đề cao lại một lần nữa như là nguyên tắc chi phối cuộc sống của các tín hữu Giáo Hội.”⁴

Qua nhiều năm tháng, hệ thống an sinh của Giáo Hội đã gồm có nhiều chương trình: Dịch Vụ Xã Hội (giờ đây là Dịch Vụ Gia Đình Thánh Hữu Ngày Sau), Tổ Chức Từ Thiện Thánh Hữu Ngày Sau, Phục Vụ Nhân Đạo, và



Cho dù làm bánh mì (ở trên trái), trồng nho (ở trên phải), hoặc giúp đỡ trong một cách nào khác, chương trình An Sinh của Giáo Hội cũng nhằm vào việc phát triển khả năng tự túc qua đức tin nơi Chúa Giê Su Ky Tô.

Sự Đáp Ứng Trường Hợp Khẩn Cấp. Các chương trình này và chương trình khác đã ban phước cho cuộc sống của hàng trăm ngàn người trong và ngoài Giáo Hội.

Làm Thành Chương Trình Quốc Tế

Ngay cả sau khi Thời Kỳ Kinh Tế Trì Trệ chấm dứt vào lúc Đệ Nhị Thế Chiến bùng nổ, Chủ Tịch J. Reuben Clark Jr., Đệ Nhị Cố Vấn trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn, theo thánh ý của Thượng Đế, chủ trương tiếp tục chương trình an sinh. Vào tháng Mười năm 1945, Tổng Thống Hoa Kỳ Harry S. Truman yêu cầu Chủ Tịch Giáo Hội George Albert Smith (1870–1951) xác định cách thức và khi nào các đồ tiếp liệu có thể được phân phối cho các khu vực ở Châu Âu bị chiến tranh tàn phá. Chủ Tịch Truman kinh ngạc khi các vị lãnh đạo Giáo Hội đáp rằng thực phẩm và quần áo cùng những đồ tiếp liệu cứu trợ đã được thu góp và sẵn sàng gửi đi.

Với thời gian, Giáo Hội phát triển những chương trình và tiện nghi an sinh để giúp đỡ nhiều khu vực hoạn nạn hơn, kể cả có thêm nhiều khu vực địa lý hơn. Vào thập niên 1970, Giáo Hội phát triển các dự án an sinh và sản xuất cho Mexico, Anh, và Các Quần Đảo Thái Bình Dương. Trong thập niên tiếp theo, Argentina, Chile, Paraguay, và Uruguay là những nước đầu tiên ở bên

ngoài Hoa Kỳ nhận được các trung tâm tìm việc làm của Giáo Hội.

Với sự thành hình của tổ chức Phục Vụ Nhân Đạo của Giáo Hội vào năm 1985, các nỗ lực an sinh quốc tế của Giáo Hội phát triển rất mạnh khi quần áo và những đồ đạc khác được lựa ra để gửi đi khắp thế giới nhằm đáp ứng cảnh nghèo khó và tai họa.

Ngày nay, sự phát triển của con số tín hữu Giáo Hội ở ngoại quốc, nhất là trong các quốc gia đang phát triển, đặt ra những thử thách mới mà chương trình an sinh cần được thích nghi để đáp ứng.

Một Kế Hoạch Đầy Soi Dẫn cho Ngày Nay

Các nguyên tắc an sinh cơ bản—sự tự túc và siêng năng—vẫn giống như vậy ở thời nay như khi Chúa truyền lệnh cho A Đam: “Người sẽ làm đồ mồ hôi trán mới có mà ăn” (Sáng Thế Ký 3:19).

Vào những ngày sau, Chúa đã phán: “Và nhà kho phải được duy trì nhờ những của dâng hiến của giáo dân; và quả phụ cùng cô nhi phải được chu cấp, cũng như những người nghèo khó” (GLGU 83:6). Rồi Ngài nhắc nhở chúng ta rằng “Nhưng việc đó cần phải được thực hiện theo cách thức riêng của ta” (GLGU 104:16).

Các nguyên tắc an sinh hữu hiệu trong cuộc sống của các tín hữu trên khắp thế giới như là một nguyên tắc

thường ngày trong mỗi mái ấm gia đình.

Anh Cả Robert D. Hales thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ đã nói: “Sức mạnh của Giáo Hội và nhà kho thực sự của Chúa là ở trong nhà và trong lòng của dân Ngài.”⁵

Như đã được Chủ Tịch Clark định rõ, khi các cá nhân phát triển tính tự túc của mình qua đức tin nơi Chúa Giê Su Ky Tô, thì mục tiêu dài hạn của chương trình này tiếp tục được làm tròn: “việc xây đắp đặc tính nơi các tín hữu của Giáo Hội, cả người cho lẫn người nhận, mang ra tất cả điều tốt lành tiềm tàng ở trong lòng họ, và giúp họ phát triển đặc tính và khả năng trọn vẹn của mình để cảm nhận được Thánh Linh là toàn bộ sứ mệnh, mục đích và lý do để thuộc vào Giáo Hội này.”⁶ ■

GHI CHÚ

1. David O. McKay, trong Henry D. Taylor, *The Church Welfare Plan*, bản thảo chưa được xuất bản, Salt Lake City (1984), 26–27.
2. Heber J. Grant, trong Conference Report, tháng Mười năm 1933, 5.
3. Trong James R. Clark, biên soạn, *Messages of the First Presidency of The Church of Jesus Christ of Latter-day Saints*, 6 tập, (1965–75) 5:332–34.
4. Heber J. Grant, trong Conference Report, tháng Mười năm 1936, 3.
5. Robert D. Hales, “Welfare Principles to Guide Our Lives: An Eternal Plan for the Welfare of Men’s Souls,” *Ensign*, tháng Năm năm 1986, 28.
6. J. Reuben Clark Jr., trong buổi họp đặc biệt của các chủ tịch giáo khu, ngày 2 tháng Mười năm 1936.

Những Lời Được Cảm Ứng về một Công Việc Đầy Soi Dẫn: Những Người Nói Chuyện Đã Nói Gì về Chương Trình An Sinh

Vài bài nói chuyện trong Đại Hội Trung Ương Thường Niên kỳ thứ 181 của Giáo Hội được dành ra để nói về dịp kỷ niệm chương trình an sinh của Giáo Hội giờ đây đã được 75 năm kể từ ngày thành lập.

Dưới đây là đoạn trích từ các bài nói chuyện tập trung vào chương trình an sinh và các nguyên tắc an sinh do Chúa đề ra để giúp con cái của Ngài tự giúp họ.

Chủ Tịch Thomas S. Monson

“Tôi xin nói rằng chương trình An Sinh của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Kỵ Tô được Thượng Đế Toàn Năng soi dẫn.” (Xin xem “Đền Thờ Thánh—Ngon Hảی Đấng cho Thế Gian,” trang 90.)

Chủ Tịch Henry B. Eyring, Đệ Nhất Cố Vấn trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn

“Con cái của Cha Thiên Thượng đều có nhiều nhu cầu vật chất vào ngày nay cũng giống như trước đây và sau này cũng vậy. Các nguyên tắc nằm trong nền tảng của chương trình an sinh của

Giáo Hội không phải chỉ cho một thời gian hoặc một địa điểm, mà còn cho bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu.”

“[Chúa] đã mời gọi và truyền lệnh chúng ta phải tham gia vào công việc của Ngài để nâng đỡ những người hoạn nạn. Chúng ta lập giao ước để làm điều đó trong dòng nước báp têm và trong đền thờ thánh của Thượng Đế. Chúng ta tái lập giao ước đó vào ngày Chúa Nhật khi dự phần Tiệc Thánh.” (Xin xem “Cơ Hội Làm Điều Thiện,” trang 22.)

Giám Trợ H. David Burton, Giám Trợ Chủ Tọa

“Kế hoạch an sinh của vị tiên tri không phải chỉ là một câu chuyện thứ yếu trong lịch sử của Giáo Hội. Các nguyên tắc dựa trên kế hoạch đó xác định đặc tính của chúng ta với tư cách là một dân tộc. Kế hoạch an sinh là một đặc điểm cơ bản của vai trò chúng ta với tư cách là môn đồ của Đấng Cứu Rỗi và Đấng gương mẫu, Chúa Giê Su Kỵ Tô.”

“Công việc thiêng liêng này không

chỉ giúp ích và ban phước cho những người đau khổ hoặc hoạn nạn mà thôi. Là các con trai và con gái của Thượng Đế, chúng ta không thể thừa hưởng trọn vẹn cuộc sống thượng thiên mà không dẫn thân hoàn toàn vào việc chăm sóc lẫn nhau trong khi chúng ta còn sống nơi đây trên thế gian. Chính là trong việc hy sinh và phục vụ người khác một cách nhân từ mà chúng ta học được các nguyên tắc thượng thiên của sự hy sinh và dâng hiến.”

“Đây là công việc thiêng liêng mà Đấng Cứu Rỗi kỳ vọng nơi các môn đồ của Ngài. Đây là công việc Ngài yêu thích khi còn sống trên thế gian. Đây là công việc mà tôi biết chúng ta sẽ thấy Ngài làm nếu Ngài ở giữa chúng ta ngày nay.” (Xin xem “Công Việc An Sinh Thiêng Liêng,” trang 81.)

Silvia H. Allred, Đệ Nhất Cố Vấn trong Chủ Tịch Đoàn Trung Ương Hội Phụ Nữ

“Ngày nay, những người nam và người nữ của Giáo Hội cùng tham gia trong việc trợ giúp những người gặp hoạn nạn. . . . Khi tình yêu thương trở thành nguyên tắc hướng dẫn trong mối quan tâm của chúng ta đối với những người khác, thì sự phục vụ của chúng ta đối với họ trở thành một tấm gương sống theo phúc âm. Đó là phúc âm trong giây phút tốt lành nhất. Đó là tôn giáo thanh khiết.” (Xin xem “Thực Chất của Vai Trò Môn Đồ,” trang 84.) ■

Quỹ Giáo Dục Luân Lưu Làm Tròn Lời Hứa của Vị Tiên Tri

Bài của Natasia Garrett

Các Tạp Chí Giáo Hội

Cách đây mười năm, Chủ Tịch Gordon B. Hinckley (1910–2008) trình bày một vấn đề—việc thiếu khả năng của nhiều người truyền giáo được giải nhiệm trở về nhà và các thanh thiếu niên xứng đáng khác trong các khu vực đang phát triển để thoát khỏi cảnh nghèo khó—và đưa ra một giải pháp: Quỹ Giáo Dục Luân Lưu

(QGDL). Một ngân quỹ tuần hoàn sẽ được thiết lập bằng cách sử dụng tiền tặng dư từ các tín hữu và bạn bè của Giáo Hội, QGDL sẽ trợ cấp tiền vay nợ đi học cho các tín hữu trẻ tuổi với kỳ vọng rằng họ sẽ chuẩn bị cho việc kiếm được công ăn việc làm có lợi trong cộng đồng của họ và trả lại số tiền vay nợ để những người khác có thể có được cơ hội tương tự. Ông nói Giáo Hội sẽ trông cậy vào những người tình nguyện

và các phương tiện có sẵn của Giáo Hội để thành công.

Phép Lạ Xây Ra

Khi Chủ Tịch Hinckley đi đến bục giảng vào ngày 31 tháng Ba năm 2001 và trình bày một viễn cảnh về Quỹ Giáo Dục Luân Lưu trước những người nắm giữ chức tư tế của Giáo Hội, thì hiển nhiên đối với nhiều người vị tiên tri của Chúa đã được chỉ dẫn.

Khi các vị lãnh đạo mới được chỉ định của QGDL vội vã bắt đầu cho vay vào khoảng mùa thu năm 2001 như Chủ Tịch Hinckley chỉ dẫn, thì dường như điều đó có khả năng thất bại. Không có một kế hoạch kinh



HÌNH ẢNH DO BRIAN WILCOX CHỤP

Quý Giáo Dục Luân Lưu đã giúp đỡ hơn 47.000 tham dự viên, kể từ khi bắt đầu cách đây 10 năm.

doanh, cũng như đề xuất chi tiết nào, ngoài đại cương đầy soi dẫn của vị tiên tri ra. Bài nói chuyện của Chủ Tịch Hinckley tại đại hội được sử dụng làm hiến chương của chương trình này. Hàng trăm lá đơn vay tiền tới tấp bay đến trụ sở Giáo Hội trong khi các giám đốc đang được kêu gọi và cấu trúc cơ bản của chương trình đang được thành hình.

Nhưng phép lạ đã xảy ra. Trong vòng năm đầu tiên, hàng triệu đô la đã được hiến tặng cho chương trình đó. Đã có ngay một số cá nhân có đủ trình độ làm cho họ đặc biệt hội đủ điều kiện cho công việc của QGDLL để phục vụ với tư cách là các giám đốc tình nguyện. Cơ sở hạ tầng cần thiết để hỗ trợ QGDLL toàn cầu đã được thiết lập dưới hình thức các chương trình viện giáo lý của Hệ Thống Giáo Dục của Giáo Hội và Trung Tâm Tim Việc Làm của Giáo Hội. Bất cứ điều gì cần thiết đều

đạt được dễ dàng và nhanh chóng, mang đến cho chương trình này điều mà Chủ tịch Hinckley báo cáo vào tháng Tư năm 2002 là một “nền tảng vững chắc.”¹

“Lời mời của Chủ tịch Hinckley giúp những người đóng góp cho QGDLL cũng như cho những người [sử dụng quỹ đó] tự cải tiến để đến gần Đấng Cứu Rỗi hơn.”

—Anh Cả John K. Carmack

Rex Allen, hiện phục vụ với tư cách là giám đốc tình nguyện phụ trách việc huấn luyện và truyền thông của QGDLL, nói: “Cách đây rất lâu, Môi Se đã gĩa cây quyền trượng của mình lên Biển Đỏ và nước rẽ ra.

Chủ Tịch Hinckley cũng cho thấy cùng một đức tin đó khi ông dùng vai trò tiên tri của mình để đương đầu với cảnh nghèo khó và đề xướng QGDLL.”

Chủ Tịch Hinckley đã nhiều lần xác nhận rằng: “Đó là một phép lạ.”

Tuy nhiên, sau 10 năm, phép lạ nhiệm mầu nhất có lẽ chỉ mới bắt đầu.

Lời Hứa Đã Được Làm Tròn

Trong lời thông báo của ông về QGDLL và trong những bài nói chuyện về sau, Chủ tịch Hinckley đã hứa là sẽ có một số phước lành bắt nguồn từ QGDLL. Mỗi phước lành được ứng nghiệm với động lực gia tăng mỗi khi có thêm nhiều tham dự viên tốt nghiệp nhờ vào QGDLL và trả lại tiền vay đi học.

Cơ Hội và Việc Làm

Chủ tịch Hinckley nói: “Các tham dự viên sẽ có khả năng được học

hành tốt và như thế sẽ nhắc họ ra khỏi cảnh nghèo khó.”²

Tính đến tháng Hai năm 2011, gần 90 phần trăm những người tìm kiếm việc làm sau khi học xong đã tìm được việc làm. Khoảng 78 phần trăm những người hiện đang làm việc nói rằng công việc làm hiện tại của họ là cải tiến hơn rất nhiều so với công việc của họ trước khi được học tập. Thu nhập trung bình sau khi học xong đối với những người tham gia vào chương trình QGDLL là gấp ba bốn lần thu nhập trước khi đi học. Điều này cho thấy tình trạng kinh tế được cải tiến rõ rệt.

Gia Đình và Cộng Đồng

Chủ tịch Hinckley nói: “Họ sẽ kết hôn và tiến bước với kỹ năng mà sẽ làm cho họ hội đủ điều kiện để kiếm được số tiền khá và chiếm được vị thế của mình trong xã hội, là nơi họ có thể đóng góp một cách đáng kể.”³ Chỉ hơn một phần ba những người tham dự vào chương trình QGDLL hiện nay đã kết hôn.

Anh Cả John K. Carmack, giám đốc quản lý chương trình QGDLL, nói: “Một trong các kết quả đáng khích lệ nhất của chương trình QGDLL cho đến bây giờ là chúng tôi đang thấy những người trẻ tuổi của mình có được nhiều hy vọng hơn. Hy vọng này mang đến cho họ lòng can đảm để kết hôn và tiến bước trong cuộc sống của họ.”

Khi làm như vậy, những gia đình càng ngày càng phát triển của họ mong đợi tương lai sáng lạn hơn.

Giáo Hội và Giới Lãnh Đạo

Chủ tịch Hinckley nói: “Là các tín hữu trung thành của Giáo Hội, họ sẽ đóng tiền thập phân và các của lễ dâng và Giáo Hội sẽ vững mạnh hơn nhiều vì họ hiện diện trong những khu vực họ sinh sống.”⁴

Trong một số khu vực mà QGDLL đã đưa vào hoạt động được vài năm, có 10 đến 15 phần trăm giới lãnh đạo Giáo Hội hiện nay là những người đã tham dự vào chương trình QGDLL.

Rex Allen nói: “Những người tham dự chương trình này đã khuyến khích những người trẻ tuổi khác sử

dụng tiền cho vay từ QGDLL và thoát khỏi cảnh nghèo khó.” “Sau 10 năm, chúng tôi đang thấy vòng hy vọng nở rộng khi những người được ban phước chia sẻ những phước lành với những người khác.”

Ảnh Hưởng đến Cuộc Sống của Nhiều Người

Chủ tịch Hinckley hứa: “[QGDLL] sẽ trở thành một phước lành đối với tất cả những người nhận được ảnh hưởng của chương trình này trong cuộc sống của họ—đối với các thanh niên, thiếu nữ, gia đình tương lai của họ, đối với Giáo Hội mà sẽ được ban phước với giới lãnh đạo địa phương vững mạnh.”⁵

Hơn 47.000 người đã tham dự vào chương trình QGDLL kể từ mùa thu năm 2001. Đó là không kể các thân quyến họ hàng đã được hỗ trợ và soi dẫn bởi những người trong gia đình tham gia vào chương trình QGDLL, các tiểu giáo khu và chi nhánh đã nhận được lợi ích nhờ vào các tín hữu có được khả năng lớn lao hơn để phục vụ và đóng góp, cũng như nền kinh tế địa phương cần công nhân lành nghề để phát triển.

Anh Allen nói: “Hãy tưởng tượng tác động đó khi các anh chị em suy nghĩ về tất cả những người được ảnh hưởng.” “Điều này nói rộng đến những người biếu tặng cho quỹ QGDLL—những người hiến tặng, gia đình, tiểu giáo khu và chi nhánh của họ—tất cả mọi người đều được ban phước nhờ những điều họ đóng góp.”

Anh Cả Carmack nói: “Hầu hết tất cả Các Thánh Hữu Ngày Sau đều có khả năng hiến tặng thường xuyên cho quỹ này và cho các nỗ lực xứng đáng khác.” “Lời mời của Chủ tịch Hinckley giúp những người đóng góp cho QGDLL cũng như cho những người [sử dụng quỹ đó] được tự cải tiến để đến gần Đấng Cứu Rỗi hơn.”

Tiếp Tục Tăng Trưởng

Tầm nhìn xa của Tiên Tri và Chủ tịch Hinckley về Quỹ Giáo Dục Luân Lưu đã được ứng nghiệm khi ảnh hưởng của chương trình đầy soi dẫn này tiếp tục lan tràn khắp thế giới, và sẽ càng ngày càng tiếp tục được ứng nghiệm nhiều hơn khi tiếp

tục nhận được những số tiền tặng đỡ và số tiền cho vay được trả lại, cho phép một thể hệ mới của những các tham dự viên nâng cao bản thân và hoàn cảnh của họ.

Để biết thêm về Quỹ Giáo Dục Luân Lưu, xin vào xem pef.lds.org. ■

GHI CHÚ

1. Gordon B. Hinckley, “Giáo Hội Tiến Bước,” *Liahona*, tháng Bảy năm 2002, 4; *Ensign*, tháng Năm năm 2002, 6.
2. Gordon B. Hinckley, *Liahona*, tháng Bảy năm 2002, 4; *Ensign*, tháng Năm năm 2002, 6.
3. Gordon B. Hinckley, *Liahona*, tháng Bảy năm 2002, 4; *Ensign*, tháng Năm năm 2002, 6.
4. Gordon B. Hinckley, *Liahona*, tháng Bảy năm 2002, 4; *Ensign*, tháng Năm năm 2002, 6.
5. Gordon B. Hinckley, “Quỹ Giáo Dục Luân Lưu,” *Liahona*, tháng Bảy năm 2001, 60; *Ensign*, tháng Năm năm 2001, 52.

Cần Người Tham Dự Cuộc Thăm Dò Ý Kiến

Đây là cơ hội cho các anh chị em nếu các anh chị em muốn có ảnh hưởng đối với tạp chí *Liahona* hoặc *Ensign* và hàng triệu độc giả của những sứ điệp đăng trong hai tạp chí này. Hai tạp chí này đang tìm kiếm các tín hữu trên khắp thế giới là những người sẵn lòng cho biết ý kiến phản hồi và tham gia vào một ít cuộc thăm dò ý kiến trực tuyến giản dị mỗi năm. Nếu các anh chị em muốn tham dự, xin gửi email đến liahona@ldschurch.org hoặc ensign@ldschurch.org và ghi xuống “Magazine Evaluation” trong phần đề mục của email. Những người tình nguyện cần phải có Internet để truy cập và có khả năng viết bằng tiếng Anh, Bồ Đào Nha hay Tây Ban Nha. Ý kiến phản hồi của các anh chị em sẽ giúp hai tạp chí này đáp ứng nhu cầu của các độc giả trên khắp thế giới một cách hữu hiệu hơn. ■



Bản dịch Kinh Thánh của King James có từ 400 năm tiếp tục ảnh hưởng đến các tín hữu của Giáo Hội ngày nay.

Các Sứ Đồ Đề Nghị: Cách Tốt Nhất Để Kỷ Niệm 400 Năm của Kinh Thánh là Học Tập Nhiều Hơn.

Anh Cả M. Russell Ballard thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ nói: “Không phải là điều tình cờ hay trùng hợp ngẫu nhiên mà chúng ta có được Kinh Thánh ngày nay.”¹ Ông giải thích rằng Kinh Thánh tồn tại là nhờ những người ngay chính vâng lời tuân theo những thúc giục để ghi lại những kinh nghiệm và lời giảng dạy thiêng liêng, cũng như đức tin và lòng can đảm của những người khác, kể cả những người phiên dịch về sau đã hy sinh nhiều để “che chở và bảo tồn” Kinh Thánh.

Ngày 2 tháng Năm năm 2011 đánh dấu kỷ niệm 400 năm ấn bản đầu tiên của Bản Dịch Kinh Thánh của King James. Trên khắp thế giới, người ta đã kỷ niệm sự xuất bản Kinh Thánh với những buổi hội nghị, lễ kỷ niệm, hòa nhạc, tranh tài nói chuyện, và còn nhiều điều khác nữa. Các thành viên của Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ đề nghị một cách khác để đánh dấu dịp đặc biệt này: bằng cách phát triển một niềm yêu thích đối với Kinh Thánh khi chúng ta học về cuộc sống và giáo vụ của Đấng Cứu Rỗi cũng như những lời của các vị tiên tri và sứ đồ thời xưa.

Anh Cả Ballard nói: “Chúng ta biết ơn Kinh Thánh biết bao.” “Tôi yêu thích những lời giảng dạy, các bài học

và tinh thần của Kinh Thánh. . . . Tôi yêu thích viễn cảnh và sự bình an có được từ việc đọc Kinh Thánh.”²

Anh Cả Jeffrey R. Holland thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ đồng ý. Ông nói: “Chúng ta yêu mến và kính trọng Kinh Thánh.” “Kinh Thánh luôn luôn được nhận ra trước nhất trong bộ kinh sách của chúng ta ‘các tác phẩm tiêu chuẩn của chúng ta.’”³ Ông nhắc chúng ta nhớ rằng Sự Phục Hồi đã xảy ra nhờ Joseph Smith đã nghiên cứu Kinh Thánh và sử dụng đức tin nơi lời hứa đã được đưa ra trong Gia Cơ 1:5 rằng Thượng Đế sẽ đáp ứng những lời cầu nguyện của chúng ta.

Khi nhắc đến các sự kiện mở đường cho Sự Phục Hồi, Anh Cả Robert D. Hales thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ đã nói với lòng biết ơn về tất cả những người đã làm cho việc phiên dịch và xuất bản Kinh Thánh có thể thực hiện được. Nhờ vào công việc của họ nên Bản Dịch Kinh Thánh của King James có sẵn cho bất cứ người nào đọc—và vì bản dịch này có sẵn cho Joseph Smith đọc nên Giáo Hội chân chính đã được phục hồi trên thế gian. “Có ngạc nhiên khi thấy rằng Bản Dịch King James là quyển Kinh Thánh được chấp thuận ngày nay trong Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày

Sau của Chúa Giê Su Ky Tô không?” Anh Cả Hales hỏi.⁴

Anh Cả Ballard nói: “Chúng ta phải luôn luôn nhớ đến vô số những người tuân đạo là những người đã biết quyền năng của [Kinh Thánh] và hy sinh mạng sống của họ để chúng ta có thể tìm được trong những dòng chữ của quyển kinh đó hạnh phúc vĩnh cửu và sự bình an trong vương quốc của Cha Thiên Thượng.”⁵

Chủ Tịch Boyd K. Packer, Chủ Tịch Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ đã chia sẻ một câu chuyện khi ông xem lại một quyển Kinh Thánh có từ nhiều thế kỷ của gia đình và bất gặp một lời trích dẫn ở trên trang tựa ghi rằng: “Bản In đẹp nhất của Kinh Thánh là bản được in sâu vào lòng của Người Đọc.”⁶ Ông tiếp theo với câu thánh thư này: “Ấy chính anh em là thơ gởi gắm của chúng tôi, viết trong lòng chúng tôi, mọi người đều biết và đều đọc” (2 Cô Rinh Tô 3:2).

Qua việc biết và yêu mến Kinh Thánh cùng những bài nói về thánh thư kèm theo Kinh Thánh, chúng ta có thể bày tỏ lòng biết ơn của mình và vui hưởng các phước lành của Sự Phục Hồi phúc âm.

Anh Cả D. Todd Christofferson nói: “Hãy nghĩ về tầm quan trọng của phước lành chúng ta để có được Kinh Thánh và thêm khoảng 900 trang thánh thư nữa.” “Cầu xin cho chúng ta tiếp tục nuôi dưỡng lời nói của Đấng Ky Tô, là những lời sẽ cho chúng ta biết tất cả những điều chúng ta cần phải làm.”⁷ ■

GHI CHÚ

1. M. Russell Ballard, “Phép Lạ của Kinh Thánh,” *Liahona* và *Ensign*, tháng Năm năm 2007, 80.
2. M. Russell Ballard, *Liahona* và *Ensign*, tháng Năm năm 2007, 81.
3. Jeffrey R. Holland, “Lời của Ta. . . Không Bao Giờ Chấm Dứt,” *Liahona* và *Ensign*, tháng Năm năm 2008, 92.
4. Robert D. Hales, “Những Chuẩn Bị cho Sự Phục Hồi và Ngày Tái Lâm: Tay Ta Sẽ Ở Trên Người,” *Liahona* và *Ensign*, tháng Mười Một năm 2005, 90.
5. M. Russell Ballard, *Liahona* và *Ensign*, tháng Năm năm 2007, 80.
6. Boyd K. Packer, “Sách Mặc Môn: Một Chứng Thư Khác về Chúa Giê Su Ky Tô,” *Liahona*, tháng Giêng năm 2002, 73; *Ensign*, tháng Mười Một năm 2001, 63.
7. D. Todd Christofferson, “Phước Lành của Thánh Thư,” *Liahona* và *Ensign*, tháng Năm năm 2010, 35.



Bản Vẽ Phối Cảnh Kiến Trúc của Đền Thờ Rome Italy

Chủ Tịch Thomas S. Monson nói trong phiên họp Sáng Chúa Nhật: “Mỗi đền thờ là nhà của Thượng Đế, có đầy đủ chức năng, các phước lành và giáo lễ giống nhau.” “Đền Thờ Rome Italy, độc nhất vô nhị, sẽ được xây cất ở một trong số các địa điểm có tính chất lịch sử nhất trên thế giới, một thành phố nơi Các Sứ Đồ thời xưa là Phi E Rơ và Phao Lô đã rao giảng phúc âm của Đấng Ky Tô. . . . Vào một ngày sắp tới, những người trung tín trong Thành Phố Vĩnh Cửu này sẽ nhận được các giáo lễ có tính chất vĩnh cửu trong ngôi nhà thánh của Thượng Đế.”



Tôi xin chia sẻ với các anh chị em tình yêu thương của tôi đối với Đấng Cứu Rỗi và sự hy sinh chuộc tội lớn lao của Ngài dành cho chúng ta.”
Chủ Tịch Thomas S. Monson nói vào lúc bế mạc Đại Hội Trung Ương Thường Niên kỳ thứ 181: “. . . Tôi tin rằng không một ai trong chúng ta có thể thấu hiểu trọn vẹn tầm quan trọng về điều Đấng Ky Tô đã làm cho chúng ta trong Vườn Ghết Sê Ma Nê, nhưng tôi biết ơn mỗi ngày trong cuộc sống của mình về sự hy sinh chuộc tội của Ngài thay cho chúng ta.” “. . . Ngài đã hạ mình xuống thấp hơn tất cả mọi vật để Ngài có thể cứu vạn vật. Khi làm như vậy, Ngài đã ban cho chúng ta sự sống ở bên kia cuộc sống trần thế. Ngài đã cứu chuộc chúng ta khỏi Sự Sa Ngã của A Đam. Tôi biết ơn Ngài từ đáy lòng mình. Ngài đã dạy cho chúng ta cách để sống. Ngài đã dạy cho chúng ta cách để chết. Ngài đã bảo đảm sự cứu rỗi của chúng ta.”